

ĐINH KHANG HOẠT

Tự Duy Khang
Sinh quán: Ninh Bình, VN.

* Nguyên giảng-viên:

- Chính Trị tại Trung Tâm Biệt Chính/XDNT (1964-1967, Vũng Tàu)
- Ban Cao Đẳng Sư Phạm Nông - Lâm - Súc (1971-1973)
- Thanh Tra Nha Học Vụ Nông Lâm Súc, Sài Gòn, (1971-1973).
- Chương trình GED thuộc Đại Học Cộng Đồng Portland (PCC - 1994)

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

- Việt Sử Trường Ca (1994).
- Vấn Đề Văn Hóa Việt (Viết chung với Hoài Nguyên, 1994).
- Tiếng Việt , (1997).
- Tinh Hoa Sử Việt, (1999).
- Điểm Sách “Phật Giáo & Quốc Đạo Việt Nam, 2002.
- Con Đường Cách Mạng Việt - I, (2003).
- Bàn về Thiên Chúa Giáo và Tam Giáo, (2004).
- Con Đường Cách Mạng Việt - II, 2006 (Viết chung trong Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt).
- Những Tính Tốt & Xấu của Người Việt (viết với Ts. VõQuí Hân, (2005).
- Tìm Hiểu Kinh Dịch, (2007).
- Hiểm Họa Xâm Lăng & Đồng Hóa của Trung Quốc, (2008)
- Hai Dòng Văn Chương Việt: Bác Học & Bình Dân, (viết chung với Ts. VõQuí Hân, (2009)
- Tết (viết chung với Đinh K. Thanh Hà, (2009).
- Bản Sắc Việt Nam, (2010)
- Thời Cuộc ViệtNam & Thế Giới (Viết chung trong Nhóm Nghiên-Cứu Văn Hóa Việt), 2010.
- Đạo Sống Việt (Minh Triết Việt , (2011)
- Vấn Đề Văn-Học Dân Gian (Viết chung với Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt), 2011.
- Vấn Đề Việt Ngữ, viết chung trong nhóm Quan Tâm Việt Ngữ, (2013).
- Nền Triết Học ViệtNam, (2013).
- Tương Quan Chung Tộc với Ngôn Ngữ (Viết chung với nhóm quan tâm Việt Ngữ, (1916).

BÁO CHÍ:

* Chủ Nhiệm:

- Nguyệt San LUỐNG CÀY (1963)
- Nguyệt San CHÍNH KHÍ (1984)

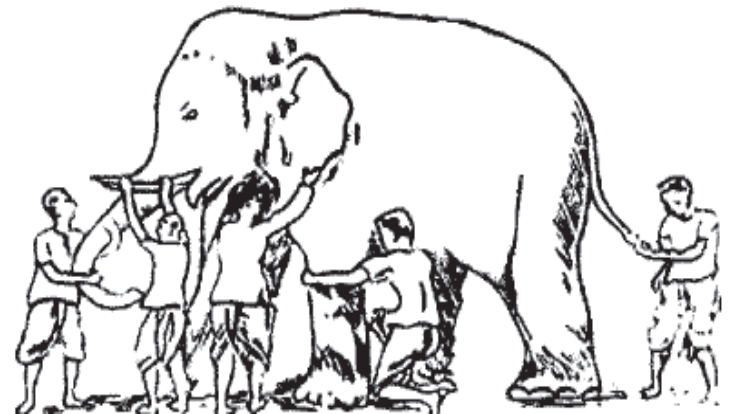
* Chủ Bút: Nguyệt San DÂN Ý (1995)

Triết Học Việt Nam

2017 * Nền TRIẾT HỌC ViệtNam * Thái Việt DK

NỀN TRIẾT HỌC VIỆT NAM

Thái Việt, Đinh Khang-Hoạt

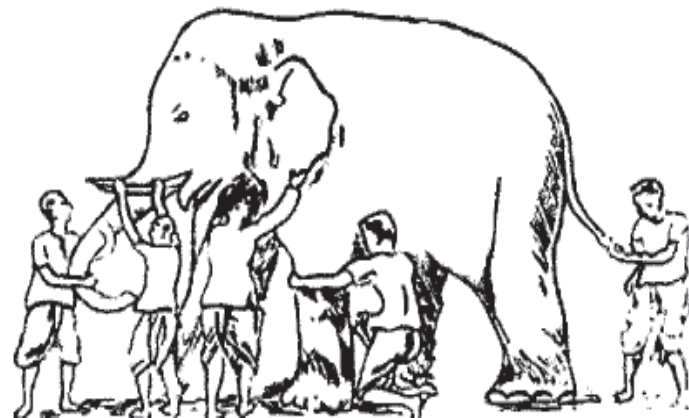


Tái bản lần I, có tu-chỉnh & bổ-túc.

Thái Việt DK.

NỀN TRIẾT HỌC VIỆTNAM

*(Triết Học Lý Đông A,
Triết Học Tổng Thể)*



Tranh họa Hoàng Trọng Thanh

*Kính Dâng Tổ Quốc Việt Nam.
Kính ghi ơn các vị Anh Hùng Dân Tộc
đã Cứu Nước, Tồn Chúng.
Kính ghi ơn sinh thành của Cha Mẹ.*

CHƯƠNG IV:	265
1/ Xuất lộ cho Đại Việt	267
2/ Sự khác-biệt giữa hai nền văn-hóa Việt - Hoa	271
3/ Tại sao phải thoát Tàu /	281
4/ Làm thế nào để dứt Tàu?	293
5/ Giải-thích các từ-ngữ dùng trong sách	309
Sách trích-dẫn và tham-khảo	327
Tham-khảo sách ngoại quốc	329



M.ục L.ục

CHƯƠNG I : Triết Học

A/ Vai-trò tư-tưởng	1
Những nét đặc thù của văn-nóa Việt.	1
* Hiện tại với siêu-nhiên là một.	5
* Nguyên-lý âm dương sihh-sinh hóa hóa.	6
* Vũ-trụ đại-đồng.	7
* Tính không cố chấp.	10
* Lạc quan về đời sống.	11
* Lý tương-đối.	12
* Tình nam - nữ gia đình.	14
* Tinh-thần bao-dung, nhân ái	15
* Tính thẳng-hoa	16
* Tình non nước	17
* Tinh-thần tích-cực đấu-tranh.	18
B/ Nhu-cầu của Triết Học:	22
* Biết về nguyên-thủy.	23
* Biết về cứu-cánh	23
* Biết về chân-tướng.	24
C/ Định nghĩa của Triết Học	24
D/ Biện-chứng pháp	27
Đ/Tiến trình hình thành tư-tưởng, học-thuật - Học thuyết.	30
E/ Cấu-trúc của triết-học	31
F/ Một số vấn-đề trong triết-học.	32
G/ Đồ-biểu cấu-trúc của triết-học	33
H/ Các học thuyết triết-học.	34
I/ Vũ-trụ-quan (Hình nhi thượng)	41
- Vũ-trụ quan của Phật giááo	41
- Vũ-trụ quan của pñi Duy Tâm	42

* Vũ-trụ quan của phái Duy Vật.....	44
* Duy Sinh phái	45
CHƯƠNG II : Nền Triết Học Việt Nam	49
A/ Nhân Bản Thắng Nghĩa	50
B/ Thiên - nhân tương dữ. Tam Tài (<i>Thiên - Địa - Nhân</i>) , Thơ ‘Vịnh Tam Tài ’.....	55
C/ Đấu-tranh cho lẽ sống còn.	56.
D/ Sống lạc quan (Chết không có nghĩa là hết (<i>sinh sinh chi vị dịch</i>)).	65
Đ/ Nhân tính	69
E/ Bảng tóm-tắt tính người trong các tư-tưởng, triết học & tông-giáo.	83
F/ Bảng tổng-lược nền triết-học Việt.Nam	89
G/ Bảng tổng-lược Vũ-trụ-quan Nhân-sinh quan, xã-hội quan trong nền triết-học Việt Nam.	93
CHƯƠNG III: Triết học Lý Đông A	97
A/ 9 quan-điểm chính-thống trong triết-học..	97
B/ Bối cảnh phát-sinh.	103
C/ Chủ trương	103
D/Tổng cương	104
Đ/ Tài-liệu tham khảo.	104
E/ Ứng-dụng triết học Lý Đông A vào vũ-trụ-quan.	107.
F/Giản đồ tóm lược (Vũ-trụ-quan)	111
G/ Biện-chứng Duy Nhiên.....	112
Bài đọc thêm Đạo Trường Ngâm	133
H/ -ng-dụng triết học Lý Đông-A vào ‘nhân-sinh quan’	142

* Nhân bản.	147
* Nhân chủ	149
* Nhân tính	150
I/ -ng dụng triết học Lý Đông A vào xã-hội quan	157
K/ Biện-chứng Duy Dân	160
L Kiến-thiết của Duy Dân.....	164
M/ Duy Dân học-thuật	167
* Bình sản kinh tế	171
* Bản vị học thuyết	175
* Tuyên-ngôn của đảng Cách-mạng Duy Dân	183
* Thanh minh cùng các anh, chị, em đồng sống, Trăm Việt trong cõi	197
* Gió Đáy	214
N/ Những chủ-nghĩa hiện đại	217
1/ Phái Duy Tâm	217
2/ Phái Duy Vật Karl Max	217
3/ Phái Duy Sinh	219
4/ Luận về triết học sử	222
5/ Các nền triết học đã vi-phạm	223
6/ Sự hình thành và cấu-trúc của động-lực học Lý Đông A	224
7/ Vấn đề nhân-loại	224
8/ Tính chất và mục tiêu của ý thức hệ.	225
9/ Vấn đề chân-lý	226
10/ -ng-dụng của thuyết toàn-diện	227
11/ Nguyên-lý hưởng thụ	232
12/ Nguyên lý căn bản về các trục tọa-độ ...	235
O/ Những thể chế cực quyền xâm-lược	237
- Truyền thống xâm-lăng	237
P/ Những mạo-hóa và xuyên-tạc.	249
Q/ Lốp sơn của các tông-giáo ngoại nhập. ...	255

Thay Lời Tựa

Hơn bất-cứ lúc nào, hiện nay nhân-loại sống trong sự đe-dọa, có thể bị tiêu-diệt vì những phát-mình vũ khí tân-kỳ!

** Khoa-học và kỹ-thuật tiến-bộ một cách mau lẹ, trong khi đó tiến-trình dân-chủ và nhân-chủ lại ì-ạch như chiếc xe bò lăn trên đường giốc đá gồ-gề!*

** Những tranh-chấp quốc-tế về quyền-lực và quyền-lợi vẫn tiếp-diễn dưới nhiều hình-thức!*

** Con người vẫn còn lầm-than, thống khổ vì sự tiến-hóa nhân-loại chưa đi đôi với sự tự-giác trước thời-đại, chưa phản-tỉnh về quá-khứ, chưa phản quang đối với vũ-trụ, và một tiến-hóa về tương-lai!*

** Người dân vẫn chưa có cơ-hội đồng đều để ý thức được quyền-lợi và nghĩa-vụ!*

** Nền kinh-tế vẫn còn bị lũng-đoạn trong tay một cá-nhân hay bè nhóm!*

** Đời sống tinh-thần của con người vẫn còn bị hoang-mang trong những **lông chụp** vũ-trụ-quan siêu-hình, và bị lợi-dụng bởi các tay “phù thủy” tâm linh hoàn-vũ!*

** Trong khi đó, thấm tháy: Nhân quyền”, “Dân quyền”, “Nhân đạo”, “Bác ái” “Hòa bình”, “Thương thuyết”, và biết bao danh-từ hoa-mỹ khác lại được cố-động, hô-hào âm-ĩ, trên thực-tế chỉ là những **tiếng vang vọng từ đáy vực!***

Đã đến lúc:

*- Vứt bỏ đi những ủy-mị, ảo-hóa vong thân để khôi-phục bản-vị “**Người**” sánh cùng **Trời - Đất** (Tam Tài).*

*- Tự tu, tự tạo nhìn thẳng vào thời-đại với suốt mặt và **tập-đại-thành các tư-tưởng để tháo gỡ những nút biến, khai-thông cho thế-hệ tương-lai.***

*- **Giải-phóng con người khỏi thân nô-lệ**, không những trong lối sống, mà ngay trong lối cảm nghĩ, lẽ ra phải thiết-lập được nền nhân chủ ngay trong đợt cảm nghĩ - “**Đạo giả, phi thiên chi đạo, phi địa chi đạo - Nhân chủ sở đạo dã.**” (Tuân Tử), hoặc như Granet: “**Ni Dieu, ni loi**”, không thần-linh, không luật-pháp, vì hễ theo “nhân chủ” thì đạo sống lấy tiêu-chuẩn nơi con **NGƯỜI**.*

- Giác-ngộ triệt-để về “nhân chủ”; mọi kiến thiết cần đặt trên “nhân bản” mới có thể đem lại an bình cho nhân loại.

*- Lấy loài người làm gốc, lấy xã-hội người trên tự tính làm gốc thì **mọi hiện-tượng sống tạo ra bởi người, vì người và cho người.***

*- Trở về với “**Đạo Sống Việt**” để phục-hồi và ứng-dụng điều “**thương người như thể thương thân**”, không điều-kiện, không giáo-điều, không lý-thuyết xuông, thì cuộc sống mới thực-sự an lành, và thực-sự thanh-bình.*

Dân Việt đã trải quá nhiều đau thương của các thời-đại!

Hết “Du Mục Xâm Lấn” , tiếp “ Đại Hán Thiên Triều Chủ Nghĩa”, đến “Xâm Lược Đồng Hóa”, rồi “Thực Dân Đế Quốc”, đến “Xã Hội Chủ Nghĩa”, “Dân Chủ Tự Do”

Tất cả chỉ là những lớp sơn của thời-đại. Chúng đã làm mờ đi những nét son đáng giá và đích-thực trong nếp sống nhân bản, tràn đầy tình người của dân Việt.

Khởi Hạ, Canh Dần, 2016.

*Cẩn đề,
Đinh Khang Hoạt*

*Bình Trọng nhơn-nhơn giữ một mực
Tựa Lê Lai ngân-ngật xung chín lần...
(Luối Gươm Viêt)*

Sống không những sống cho mình mà còn cho gia-đình, quốc-gia và dân-tộc. Sống không chỉ cho hiện tại, mà cũng vì dĩ-vãng, và tương-lai.

Luật-tắc khoa học đã quy-định xã-hội chi-phối từng người, ngược lại ý-chí từng người có thể chuyển biến được xã-hội, (*nhân định thắng thiên*) là thế.

Có biết được đạo học mới hiểu thế nào là nô-tài, nhân-tài và thiên-tài,...

Sống chỉ có nghĩa khi chính mình ý-thức rõ về mình, làm chủ được chính mình, cái ‘**ta**’ phải tự thắng, tự mình làm chủ chính mình.

Cái ‘*Ta*’ được tồn tại và thăng-hoa la nhờ ở xã-hội, nhân-loại. Nhân-loại coi như là một bản-vị lớn, mà các cơ-năng là ‘Dân Tộc’.

Ở ‘Dân Tộc’ là cả những gì gọi là ‘quốc hồn’, ‘quốc túy, là hình-ảnh những ngày cuối năm, con dân lũ lượt về quê ăn tết,...Nhà giáo Lý Chánh Trung đã ví: ‘*Dân tộc ví như biển cả im lặng, con dân chỉ là những đợt sóng nối tiếp nhau rì-rào trong khoảnh-khắc để rơi vào yên lặng. Nhưng đó không phải là yên lặng của sự chết, mà chính là sự sống đang lặng-lẽ vươn lên xuyên qua lòng vũ-trụ. Sự yên lặng của dân-tộc tạo nên lời nói của chúng ta, và nếu có những người trong chúng ta không tin nơi vĩnh-cửu, thì dân-tộc sẽ là nguồn an-ủi quý báu nhất đối với họ, vì họ biết rằng khi họ trở về với im-lặng, những đợt sóng khác sẽ nối tiếp họ thì-thầm những lời nói của con người, con người Viêt Nam và khi họ trở thành một quá-khứ không phải là hư-vô, mà sẽ được giữ lại trong cái thực-tại siêu-việt của dân tộc cho đến tận cùng lịch-sử...*’

Với con người, ngoài hai quy luật sinh-lý và vật lý, còn có quy luật tâm-lý. Đây là tính-chất đặc-thù của

Chương I

Triết Học

A/Vai Trò tư tưởng.

Danh từ “*chúng sinh*” của Phật giáo gọi chung cho tất cả “*động vật*”, *gồm cả con người*.

Riêng “*con người*”, ta phải nói thêm là “*Động vật có tư tưởng*”. Có tư tưởng là có suy nghĩ, nhưng nếu suy nghĩ chỉ vụn-vặt thì chỉ tạo nên những hành-động rời-rạc, nói cách khác chỉ là những động tác, cử chỉ “*không đầu*”!

Suy nghĩ cần rõ-ràng, kết-hợp thành một chương-trình. Chương-trình càng cao rộng, mức-độ phổ-quát càng liên-hệ đến nhiều lãnh-vực trong cuộc sống.

Thực-tại cho ta thấy hiện-tượng sống bao giờ cũng được sản sinh ra bởi ba phạm-trù: *Tự-nhiên, xã-hội và tư tưởng. thường-xuyên vận-động và kết-hợp.*

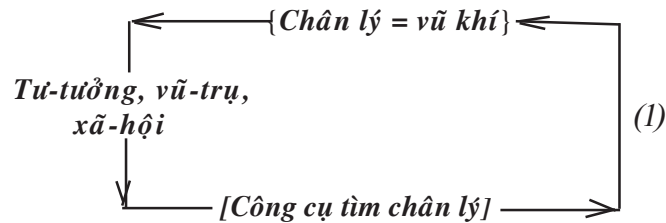
Do đó, luật tắc của ba phạm-trù “tự nhiên”, “xã-hội” và “tư tưởng” cộng thông với nhau là một sự vận-động kết-hợp và thống-nhất.

Từ nguyên-lý này, rút ra hai nguyên-tắc:

* Tư-tưởng - thiên-nhiên và xã-hội tác-dụng hỗ-tương.

* Không thể tách rời 3 phạm-trù đó, để chỉ nghiên-cứu độc nhất một phạm-trù.

Tư-tưởng, vũ-trụ và xã-hội thống nhất, là **nguyên-lý thứ nhất của sự học hiểu**. Nó là một bổ đề của “*nguyên lý tổng thể*”, một trong những nguyên-lý tổng-quát của khoa-học trí-thức áp-dụng vào việc học, hiểu.



Tư-tưởng:

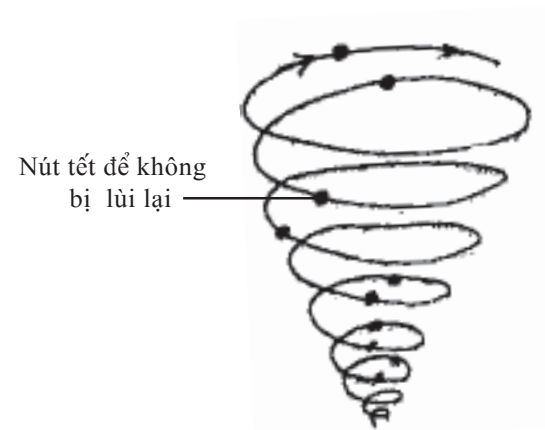
- Vừa là phản-ảnh của vũ-trụ và xã-hội;
- Vừa là công cụ và vũ-khí tinh-thần;
- Cấp-dưỡng năng-lực cho loài người trong quá trình sinh-hoạt đấu-tranh.
- Tuyệt đích công-tác của tư-tưởng là tìm-tòi chân lý, mà nhu dụng là chìa-khóa để:
- Khai hóa,
- Khám-phá những luật-tắc căn-bản mà ta cần nắm giữ và vận-dụng cho mục-đích sinh-tồn.

Quy-luật về tự-nhiên, ta thấy chúng cung-cấp công-cụ tác-dụng vào vật-chất;

Cuối lộ-trình của tư-tưởng là tổng thể. Tư-tưởng tác-dụng vào tổng thể, nâng từ trạng-thái thấp lên trạng-thái cao hơn. Do đó chu-trình của tư-tưởng là một vòng

1- Vô Ngã Phạm Khắc Hàm, Bản thảo “*Triết Lý Lý-Đông A*”, năm 1997.

tròn xoáy tròn ốc có nút tết (Nút tết là nút chặn, để bước tiến hóa không bị tuột hậu).



Vòng tròn xoáy tròn ốc có nút tết.

Cho nên đứng trước cửa ngõ thời-đại mới, cần đi đến một phán-đoán tối hậu:

- Đem trí thức loài người đối chiếu với sự thực bộc lộ;
- Để xác-định cái giới-hạn của chân-lý.

Chính nhờ có tư-tưởng mà con người khác với mọi động-vật khác. Chỉ có loài người mới tạo nên lịch-sử, văn-hóa. Chính ở điểm này, mà coi con người đồng hạng với mọi sinh-vật, hay coi con người là tôi mọi của một thần tượng không tưởng, thì đó là điều hạ nhục vai-trò người nếu không muốn nói là ‘*phi nhân*’.

Con người khác với các động vật ở nơi con người có *sáng-tạo tính, xã-hội tính* và ý-thức việc mình làm.

Có biết thế nào là đáng chết, mới hiểu thế nào là đáng sống. Sự sống thật là quý, nhưng biết chết nhiều khi còn cao quý hơn. Trong lịch-sử có nhiều anh-hùng, dũng tướng chọn cái chết nhất thời lấy cái sống muôn thuở, như

Ao-ước bấy lâu nay.

*Kìa non non, nước nước, mây mây,
Đệ nhất động, hỏi rằng đây có phải?
Thỏ-thẻ rừng mai chim cúng trái,
Lũng-lơ dưới nước, cá nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh
Khách tang hải giạt mình trong giấc mộng.
Này suốt giải oan, này chùa Cửa Vồng
Này am Phật Tích, này động Cửu Quỳnh
Nhác trông lên, ai khéo vẽ hình
Đá ngũ sắc long-lanh như gấm dệt.
Thăm-thẳm một hàng lồng bóng nguyệt
Gập ghềnh mây lối uốn thang mây...*

(Chu Mạnh Trinh)

Theo nhận-định của triết-gia kiêm toán lý-hóa Bertrand Russell: “Ba điều mâu-thuẫn căn-bản của nhân-loại từ xưa đến nay là sự mâu-thuẫn giữa con người với thiên-nhiên, giữa con người với con người, và con người đối với chính mình.”

Thực ra, phải nói là ba mối tương-quan giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với xã-hội và với chính mình. Tuy ba là một.

Lâu nay, Âu Tây đã đặt nặng vấn-đề thiên-nhiên, Á Châu đã chủ về xã hội, và Ấn Độ đã chuyên về vấn đề tâm lý. Thật ra, nếu nhìn theo từng diện thì có 3 mặt, nhưng nhìn tổng-thể thì chỉ là một vấn đề toàn diện của con người.

Nói theo Việt: “Vu~trụ - xã-hội - Tư-tưởng thống nhất”, hay “Tam tài giả, Thiên - Địa - Nhân”. Nhà chí sĩ Trần Cao Vân đã tóm ý này trong bài thơ “Vịnh Tam Tài”:

*Trời, Đất sinh ta có ý không?
Chưa sinh trời, đất có ta trong.*

con người.

Từ nguyên lý vũ-trụ - xã-hội - tư-tưởng thống nhất được thực chứng trong xã-hội ***nông nghiệp trồng lúa nước***, nên ta thấy những nét đặc-thù của văn-hóa Việt:

*** Hiện tại với siêu-nhiên là một.**

Người Việt nhìn thiên-nhiên không lấy gì làm xa lạ. Thiên-nhiên nhiều khi còn được nhân-cách-hóa. Tục-ngữ Việt thường nói: Ông Xanh, bà Nguyệt, chú Cuội, chị Hằng,...

*Bác thang lên hỏi ông Trời,
Bắt bà Nguyệt Lão đánh mười cẳng tay.*

(Ca Dao)

hay : *Của trời, trời lại lấy đi,
Dương hai mắt ếch làm chi được trời.*

(Ca Dao)

Trời trong trường-hợp được nhân-cách-hóa, tượng-trưng cho thiên lý đại đồng, bảo-vệ, nuôi-dưỡng vạn vật. Đạo Trời không biệt-lập, mà đồng-nhất với bản tính tiên-thiên của chúng sinh.

Ý-tưởng này đã ỉn sâu vào tâm-hồn người dân Việt, “Cha mẹ sinh con, Trời sinh tính”,

Lý tự-nhiên gọi là tính. Y theo tính mà không trái với lẽ tự-nhiên gọi là “đạo”. Lấy sữa sang, vun trồng chấn-hưng cho đạo, tức là “giáo”.

Chúng ta thường nghe nói: Thổ thần, Đất thiêng, địa linh nhân kiệt, trời chu đất diệt, trời không chịu đất, đất chẳng chịu trời,...

*Đất Bụt đem ném chim trời
Chim trời bay mất, đất rơi xuống đầu.* (Ca Dao)

hay: *Em về ngoài Huế
Mượn ông thợ mộc
Đủ đục, đủ tròng
Mần một cái thang*

Ba mươi sáu nấc
Bác tự dưới đất
Lên tới trên trời
Hỏi thăm duyên nợ đời về đâu ?
(Ca Dao)

hoặc:

Lâm râm khấn vái Phật - Trời.
Xin cho cha mẹ ở đời với con.
(Ca Dao)

Thái-độ này là một quá-trình thực-hiện, tiến-hóa sống động, chứ không phải một hệ-thống suy-luận đóng khung. Bởi thế, từ vật-chất đến tinh-thần, từ thực-tế đến lý-tưởng, là cả một quá-trình vận-động tiến tới uyển-chuyển của sự sống hiện sinh, phải thích-ứng với hoàn-cảnh chứ không phải một khái-niệm hợp lý của trí-thức. Bởi thế, giáo-sĩ L. Cardière cho rằng: “Người Việt sống không Thượng đế, nghĩa là quan-niệm về một đấng tối cao không được họ để ý” (*la motion d'un Être suprême lui échappe*) mà rất tín-ngưỡng.

Chính cũng bởi thái-độ phản trí-thức ấy mà họ tiếp-thu, cùng tiêu-hóa một cách tự-nhiên, cởi-mở tất cả giáo-lý đã du-nhập vào đất họ. Đạo Lão, đạo Nho, đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Tổ Tiên, đạo Chư Vị, tất cả sống chung bên cạnh nhau thân-mật và cùng nhau hòa-hợp hỗ-tương nơi tâm-hồn dân Việt một cách dễ-dàng, ít khi xung-đột...

* **Nguyên-lý âm dương sinh-sinh hóa-hóa**, biểu-hiện ra muôn hình vạn trạng. Cho nên, tinh-thần tìm nổi hiện-thực với siêu-nhiên còn thể-hiện qua *Hang*, *Động*.

Hang động vốn âm-u, được coi là nơi vãng lai của thần tiên bất tử, một thế-giới “*tàng ư mật*”. Hang động không những được nhân-dân đến hành hương, sùng-bái, mà còn là đề-tài bất tận cho văn, thi-sĩ. Cảnh thiên-nhiên của hang động hướng tới một thế-giới siêu-nhiên.

Sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh.
(Núi nổi tiếng là nhờ có tiên, chứ không phải ở cao).

Núi và nước là hai yếu-tố tạo nên hồn khí trong thơ văn.

Theo giáo-sư Nguyễn Đăng Thục viết trong “*Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam*”:

“Người phương Đông đem cái vô hình xuống cuộc đời hàng ngày của họ, họ sống với thế-giới thần-bí ấy. Nhờ có những cái gì họ tưởng đã thấy được. Trái lại, người Âu Tây sống bên lề cái vô hình và không thân-mật với nó, phủ-nhận nó, vì không biết có nó.

“Ý thức thần-thoại thuộc vào cơ-cấu của sự nhận-định vị-trí giữa người với vũ-trụ. Sự nhận-định ấy quyết-định cho cuộc sinh tồn của nhân-loại trong hoàn-cảnh của nó. Ngay từ buổi đầu, sau khi nhận định vị-trí với hoàn cảnh, nhân loại, **ly khai cảnh hỗn nhất, mất cảnh thiên đường, thiên thai lạc lối** (*le paradis est perdu*). Và chỉ muốn nhớ lại, muốn trở lại cái thiên-đàng nguyên lai để lại thấy được quân bình cho tâm hồn mà có thần-thoại xuất-hiện ở tất cả các xã-hội bình-dân”.

“Tinh thần tìm nổi hiện-thực với siêu-nhiên qua hang động núi non. Hang động đã làm nguồn cảm-hứng cho nghệ-thuật cho văn-sĩ Việt Nam dùng mỹ cảm kinh-nghiệm để thăng-hoa tình cảm cá nhân vào thế-giới siêu-hình Bồng Lai, tiên cảnh, bất tử trường sinh. Từ Thức với Giáng Tiên mà sân khấu bắt đầu từ hạt Tiên Du, Bắc Ninh, nơi có nhiều cổ mộ. Động thiên, sơn thủy ảnh-hưởng thâm sâu vào tư tưởng Việt Nam, tư tưởng bình dân ở dòng Đạo Nội là một thứ Đạo giáo dân-tộc, vì nó đã nổi tục sùng-bái anh-hùng dân tộc với sùng-bái thần tiên.”

* **Vũ-trụ đại đồng:**

Xưa nay, thi nhân Việt thường du-ngoạn những nơi có phong cảnh đẹp, để dễ dâng trào ý thơ.

Thú Hương Sơn
Bầu trời cảnh bụi, thú Hương Sơn,

tin-tưởng vào vòng tròn xoáy tròn ốc ngu ý thâm-trầm về triết-lý nhân sinh của văn-hóa đồng ruộng, văn-hóa thảo mộc, là thế-giới biến-hóa về lượng tính mà bất biến về phẩm tính.

Sự tin-tưởng này đã mang vào tinh-thần dân tộc một niềm lạc-quan yêu đời, dù trải bao thử-thách. Nhờ tin-tưởng truyền-thống của dân-tộc có *lai sinh* nên qua các thời-đại, gặp các cảnh-ngộ éo-le, các nhà tư tưởng Việt vẫn tràn đầy hy-vọng. Hoàng Quang, một danh sĩ thời lê Mạt, thời tối-tăm của lịch-sử dân-tộc, trong bài “*Hoài Nam khúc*” đã cao ngâm:

Đại hàn chi hậu, tất hữu dương xuân”, (Sau giá rét, ắt xuân sang).

Sự tuần-hoàn của thời tiết, “*xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn*” (*Xuân sinh-sôi nảy-nở, hạ trưởng thành, thu héo, đông tàn*), ngay sau mùa đông là xuân sang, nên mới nói “*Xuân bất tận, trời cho có mãi.*” hay “*Xuân khứ, xuân lai xuân bất tận.*” Đó là lý-do tin tưởng vào nguồn sống trường cửu.

* **Lý tương-đối** (Tư duy đối-ứng) :

Âm - Dương tuy đối-lập, nhưng thống-nhất trên một trục, như hai cực Bắc - Nam trên địa-bàn, như cha với mẹ trong gia-đình, là lý “*Thái hòa*” trong trời đất,...

Sự sống bắt nguồn từ nước. Nước cần-thiết cho sự sống của con người, nhưng nước cũng là mối hiểm-họa đe-dọa con người, nào là chết đuối, đắm thuyền, sóng thần, mưa bão, lũ lụt. Nước là một tai họa lớn mà dân Việt xưa đã phải lo chống đỡ vất-vả. Nạn lũ-lụt ở đồng-bằng sông Hồng đã phản-ảnh trong câu chuyện Sơn Tinh và Thủy Tinh...

Từ kinh-nghiệm sống cụ-thể cho thấy nước

*Ta cùng trời, đất, ba ngôi sánh
Trời đất cùng ta một chữ đồng
Đất nứt ta ra, trời chuyển động,
Ta thay trời mở đất mênh mông.
Trời che, đất chở, ta thông-thả,
Trời, đất, ta đây đủ hóa công.*

Nền-tảng của đạo sống Việt phát-xuất từ kinh-nghiệm sống hòa-hài qua nghề trồng lúa nước, qua cái nhìn liên-tưởng và tương-dung đối-ứng, nó hóa-giải, điều-hợp các mâu-thuẫn giữa hai đầu cực-đoan của cái biết phân-biệt.

Cái biết phân-biệt hai đầu cực-đoan - *có không, tốt xấu, thiện ác*, v.v... là nguyên-nhân phát-sinh các tư-tưởng “*duy*” (*duy tâm, duy vật, duy sinh, duy lý, duy thần*,...) đối-ngịch nhau, tranh-chấp một mất một còn, gây ra chiến-tranh triền-miên khắp nơi. Nó cũng là nguyên-nhân phát-sinh đối nghịch, hỗn-loạn, khủng-hoảng, bế-tắc, làm khổ-lụy con người trong đời sống vật-chất và tinh-thần...

Xã-hội Việt vốn là xã-hội nông-nghiệp. Qua chế-độ quân điền (*chia đều ruộng đất*), nông dân nào cũng có ruộng để cày cấy, sinh nhai, trong khi đó nhiều quốc gia, ngay cả ở Á Châu, vì không có chế-độ quân điền, hay bỏ chế-độ đó mà nông dân biến thành nông-nô. Nghề nông gắn liền với môi-trường thiên-nhiên và xã-hội, nên tư tưởng của nông-dân là hài-hòa,

*Rủ nhau đi cấy đi cày.
Bây giờ khó nhọc, có ngày phong lưu.
Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa”
(Ca Dao)*

Trên thực-tế cho thấy đời sống con người có tương-quan chặt-chẽ với vũ-trụ (tự nhiên), đồng thời

thường hằng tiếp-xúc với tha nhân trong xã-hội ở mọi sinh-hoạt, và luôn-luôn nhờ tư-tưởng dẫn dắt trong mọi hoạt-động. Vì thế, thời Lý, Trần đã hòa-hợp đạo lý cổ truyền (*đạo Nội*) với tam giáo (*Phật, Khổng, Lão*) làm một. Nhờ vậy đã đem lại gần 400 năm thịnh-đạt.

*** Tính không cố chấp (linh-động)**

Nước không cố-chấp ở một hình-thức nào, thích-nghĩ với mọi hoàn-cảnh, ở bầu thì tròn, ở ống thì dài, ở ao thì ngưng, ở sông thì chảy. Thời-tiết lạnh ở 32°F thì đọng lại thành nước đá. Trời bình-thường ở thể lỏng, khi nóng bức thì bốc hơi. Muối hay đường bỏ vào trong nước đều bị hòa tan (*dễ-dàng dung hóa*). Nước dung-nạp tất-cả, nhưng vẫn giữ được bản chất nước của mình.

Chính đức tính “*vô chấp*” đã cho thấy bản-chất *bất định hình, và bất định thể* của nước; ảnh-hưởng đến tính ***không chấp-nhật vào một hệ-thống tư-tưởng, một tín-ngưỡng hay một chủ-nghĩa nào***. Chính vì thế mà Nho - Lão - Phật tổng-hợp, hòa-hài dưới thời Lý - Trần (*Tam giáo đồng quy*).

Đạo của Lão Tử tuy xa vời thực-tế, nhưng lý-tưởng thanh-thoát tuyệt vời của Lão học đã rọi rõ tính-chất “*trần tục*”, thô-kệch của tổ-chức xã-hội với cương-thường trật-tự theo Khổng học.

Cùng một chiều hướng và còn mạnh hơn Lão học là Phật học. Đặc-tính của Phật học là không lưu ý đến vấn-đề tổ-chức và điều-hành xã-hội.

Từ đó, ông cha cũng ý thức được rằng mọi hành-động muốn đạt kết-quả tốt phải biết *tùy thời, tùy chỗ, tùy việc, tùy người, (tùy thời chi nghĩa đại tại)*.

Cuộc đời là sự biến-chuyển không ngừng. Với tâm sự này, Khổng Tử khi đứng trên cầu, trông nước chảy vội than-thở: “*Thệ giả như tư phù, bất xa trú dạ = Trên cầu, dưới sông, ngày đêm nước chảy không ngừng!*”

Nên chăng:

Vắt-vắt vợ-vợ cũng nực cười!
Cắm-cắm, cúi-cúi có hơn ai ?
Nay còn chị chị, anh anh đó,
Mai đã ông ông, mụ mụ rồi.
Có có, không không lo hết kiếp
Khôn khôn, dại dại, chết xong đời.
Chi bằng lão-lão, lơ-lơ vậy
Ngủ ngủ, ăn ăn, nói chuyện chơi.

(Vô Danh)

*** Lạc quan về đời sống :**

Kinh-nghiệm đời sống qua thời-gian lao tác với đất-đai, và thời-tiết, người nông-dân nhận thấy mùa đông không bao giờ vĩnh-viễn, mà được kế tiếp bằng sự hồi-sinh của thiên-nhiên, *một biểu-hiện các trạng-thái mới, và vô-hạn của sự sống*. Không có gì chết vĩnh-viễn, tất-cả đều quy vào điểm khởi-thủy để mở đầu cho một mùa xuân tươi đẹp.

Kinh-nghiệm này gây nên tinh-thần lạc-quan và yêu đời, liên-quan đến nguồn sống trường-cửu (*sinh sinh, hóa hóa*), nhân loại xoay theo ***hình tròn ốc có nút tét*** (*có nút tét nghĩa là có tiến bộ, mà không bị tụt lại tình trạng cũ, sinh sinh chỉ vị dịch*) và sự tuần-hoàn qua thời tiết (*xuân, hạ, thu, đông*).

“*Everything has sprung from immortal life and is vibrating with life, for life is immense*” (*Mọi vật đều từ nguồn sống trường-cửu xuất-hiện và rung động với nguồn sống thì vô hạn, vô biên.*) R. Tagore.

Sự tuần-hoàn nguyên-thủy phản chung (*bước đầu lại quay về chỗ cuối*) tương-tự như vòng tròn, đầu cũng là khởi điểm, và cũng là chung điểm. Đó là vòng tròn nói về phương-diện toàn-thể tuyệt-đối, còn ở phương-diện phần bộ tương-đối, hiện -sinh thì luôn-luôn có sự đổi mới. Nói cách khác, thì đây là một vòng tròn xoay tròn ốc (*vòng tròn từ tâm điểm xoay rộng dần lên*). Niềm

Chúa Giáo, và “Từ Bi” trong Phật Giáo ở chỗ **chú trọng về nhân sinh, sống động, sống thực, không bị đóng khung** trong một hệ-thống suy luận; không buộc theo một điều-kiện nào.

Nhân trong Khổng giáo đi đôi với lý trí; bác-ái trong Thiên Chúa giáo đi đôi với làm đẹp lòng Chúa, hay muốn được ban ơn phước, giáo dân phải thờ lạy Thượng đế, và con người chỉ là những tôi tớ hèn mọn của Thượng đế! Từ bi trong Phật giáo đi rộng đến chúng sinh (vạn vật)...

* **Tính thẳng hoa** (bốc hơi) :

Ngoài tính bất định hình, bất định thể, dung nạp, hòa-tan, thích-nghĩ, tự-do, bình-đẳng, v.v... nước còn có tính *bốc hơi* (thoát xác), dứt-bỏ tất-cả . Cho nên. ngoài óc thực-tế, tâm hồn người Việt còn có khuynh-hướng dứt-bỏ danh lợi (như thánh Tản Viên, thánh Gióng), dứt-bỏ dục-vọng thấp hèn, hướng tới chân - thiện - mỹ, vươn tới những giá-trị tinh-thần siêu-việt vĩnh-cửu.

Tự lắng trong, tự thanh-lọc, tự bốc hơi, vượt-thoát thể lỏng trở thành thể khí, gọi lên hình-ảnh tự lực, tự thắng những yếu hèn, thú tính, ích-kỷ, đố-ky,... còn ẩn-tàng trong tâm trí. Nói cách khác, tự thắng là làm chủ những cảm thụ, những xúc-động, những tư-tưởng hẹp-hòi, cố-chấp. Tự thắng là tiến-trình dẫn tới nhân chủ . Đó là điều-kiện cần và đủ để nhân tính làm chủ tư duy và hành-động.

Bàn tới tinh thần “*thăng hoa*” (tự lắng, tự thanh lọc) tức là nói đến “*thanh danh*”, hay tinh thần tự trọng. Nói đến “*thanh danh*” (Danh thơm, Tiếng tốt), khác với “*có tiếng tăm, có uy quyền bắt người khác suy tôn*”.

Sự sống thật là quý, nhưng biết chết nhiều khi

có thể chở thuyền nhưng cũng có thể làm cho đắm thuyền. Triết-lý sống đó được huyền-thoại-hóa và bác-học hóa qua biểu-tượng tổ kép Tiên Rồng với óc tưởng-tượng vô cùng phong-phú, đầy sáng-tạo trên nền-tảng tư duy của đối-ứng với cái nhìn liên tưởng : Tượng và dụng của Rồng là dương, nhưng thể của Rồng là âm (ở dưới nước, tiềm phục); tượng và dụng của Tiên là âm, nhưng thể lại là dương (ở trên núi, tươi sáng).

Bao-quát trong vũ-trụ, không một chốn nào, phút nào không có âm dương. Trong “âm có dương, trong dương có âm”. Diễn rộng ra: non - nước, dương nóng - âm lạnh, cứng - mềm, động - tĩnh, ... tuy hai mặt nhưng một thể. Bất-cứ vật gì cũng có “âm và dương”, cả hai là một, không thể tách rời nhau. Không có khí (dương) thì không có cái sinh, không có âm thì không có hình. Khi âm cực thì dương bắt đầu manh nha; ngược lại dương cực thì âm nảy nguồn (Âm - dương tiêu trưởng, phản phục tuần hoàn”, đó là lý vận hành của trời đất.)

Có lẽ thấm-nhuần sâu xa quy-luật này, nên cao dao, tục-ngữ Việt có những câu như :

“Cùng tắc biến”, “Cực lạc sinh bi ” là trong tuyệt-đối đã có tương-đối vậy.

Lối tư duy đối ứng là tụ điểm hóa-giải đối-lập, vượt-thoát mâu-thuẫn, đưa đến tổng-hợp hòa-hài (đối lập thống nhất). Thần tổ kép Tiên Rồng là biểu-tượng đối ứng, diễn-đạt **quan-niệm đối-lập thống-nhất trong tư duy người Việt** .

Đây là cơ - sở ảnh-hưởng sự hình thành tinh-thần tổng-hợp và dung-hóa của dân-tộc Việt.

Bàn đến “*lẽ tương đối*” ở đời, ta thường nhớ đến truyện - “**Năm anh mù sờ voi**” . Ở điểm này, ta thấy

tâm tư người Tây phương thích-hợp với luận-lý đơn thuần, hay là hay, dở là dở, không có cái hay dở cùng chung trong một thể duy nhất. Họ khó tưởng-tượng được có cái bao gồm được cả vuông tròn, đầy vơi vào một thể...

Chính theo lẽ “*tương đối*” ở đời, mà ca-dao Việt mới có câu: *Phải người mà cũng phải ta*”. Đời sống Việt, nếp sống Việt hầu-như gắn liền với những nguyên-lý tương-đối, cân-bằng, trung chính:

Tương-đối đối-lập giữa các vật thể, tư kỷ liên-hệ tương-đối với nhau mà vận-động cùng đi đến thế quân-bình. Ở đời có dị-biệt nên có mâu-thuẫn. Song có dị-biệt mới có kết-hợp hòa-hài như hai cực từ trường của một thỏi nam-châm. Áp-dụng vào xã-hội, chính-trị, có *chấp-nhận dị-biệt mới có tự-do dân-chủ*.

* **Tình nam nữ và gia đình:** Tinh thần phóng-khoáng và bình-đẳng :

Ảnh-hưởng nghề nông, nghề chân lấm tay bùn, gần-gũi thiên-nhiên, nên nông dân Việt giàu tình-cảm, bình-dị và phóng-khoáng.

Còn bức tranh nào hòa-đồng giữa con người với thiên-nhiên hơn:

Gió vào ve-vuốt má đào;

Má đào quện gió, lối nào gió ra?

(Ca Dao)

Thiên-nhiên mang tình người, lòng người trải rộng vào thiên-nhiên

Vì sương cho núi bạc đầu,

Vì chưng gió thổi cho râu-rĩ hoa!

(Ca Dao)

Thiên-nhiên, cây-cỏ cũng lây nét lãng-mạn, tình-tử của con người:

Vì mây cho núi lên trời,

Vì cơn gió thoảng, hoa cười với trăng.

hay *Non xanh bao tuổi non già?*

Vì chưng sương tuyết hóa ra bạc đầu!

(Ca Dao)

Đến vật vô-tri cũng đượm nét nhân sinh:

Khăn thương nhớ ai, khăn rơi xuống đất?

Khăn thương nhớ ai, khăn vắt trên vai?

Khăn thương nhớ ai, khăn chùi nước mắt?

Khăn thương nhớ ai mà đèn không tắt?

Khăn thương nhớ ai, mắt ngủ không yên?

(Ca Dao)

Sự hòa-hài giữa con người với thiên-nhiên được thể-hiện trong những ngày “Tết”, hội xuân.

Các trò vui xuân như “*đánh gòn*”, “*bắt chạch trong chum*”,... đủ chứng-tỏ văn hóa Việt khác với văn hóa Hán. Ở Tàu cho đến ngày nay, vì cốt-lõi tinh-thần gốc du-mục, nên “*trọng nam khinh nữ*”.

Khi chưa có tập-quán Hán Nho do bọn quan lại Tàu du-nhập, áp-đặt thì trên dưới xã-hội Việt đều trọng tự-do luyến ái (*truyện Tiên Dung và Chử Đồng Tử*). . .

Như vậy, Việt học là một sự-kiện có thực, nội dung khác-biệt với mọi học-thuật đã du-nhập và thống trị xã-hội Việt. Từ những học- thuật cũ như Nho học, Phật học,... đến những học thuật mới như Christo-grec-Latin, và Mác-Xít - Lê-Nin.

* **Tình thân bao-dung, nhân ái:**

Nước là vật có thể thu nhận tất cả, bất cứ thứ gì ném vào nước, dơ hay sạch, mùi vị hay màu sắc nào cũng mặc, đều chấp-nhận cả.

Tình thương yêu của dân Việt khác với lòng “*nhân*” trong Khổng giáo, hay “*bác ái*” trong Thiên

phía bên trái tôi, anh Gấu nằm ở phía bên phải tôi, còn anh Cọp chịu khó nằm đằng sau tôi. Các anh có nghe lệnh của tôi thì mới mạng được trời.

Tất cả đều nghe lệnh của Cóc. Sắp đặt xong đâu đấy, Cóc mới nhảy lên mặt trống đánh ba hồi ầm vang như sấm động.

Ngọc Hoàng đang ngủ trưa một cách lười biếng, bị tiếng trống lôi đình đánh thức dậy nên bực-tức, bắt thiên lôi ra xem có chuyện gì? Thiên Lôi lười biếng vội phủi bụi và mạng nhện giăng dây trên lưỡi búa tầm sét, cầm cổ chạy ra. Thiên Lôi ngạc nhiên vì ở ngoài cửa thiên đình chẳng thấy có một người nào cả, chỉ thấy một con cóc xù-xì xấu-xí đang ngồi chễm-chệ trên mặt trống của nhà trời. Thiên Lôi hết nhìn con Cóc lại nhìn lưỡi búa tầm sét khổng lồ của mình, và thở dài vì cái búa to quá mà Cóc nhỏ quá, đánh chưa chắc đã trúng được.

Thiên Lôi bèn cầm cổ vào tàu Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng nghe xong, bực lắm, bèn sai con Gà trời bay ra mổ chết chú Cóc hỗn xược kia.

Gà Trời vừa hung-hăng bay ra thì Cóc đã nghiêng răng ra hiệu, lập tức chàng Cáo nhảy ra cắn cổ gà tha đi mất. Cóc lại đánh trống lôi đình. Ngọc Hoàng càng giận-dữ, sai chó nhà trời xổ ra cắn Cáo. Chó vừa xông-xộc chạy ra thì Cóc lại nghiêng răng ra hiệu. Lập tức anh Gấu lừng-lững xổ ra đón đường tát cho Chó một đòn trời giáng. Chó chết tươi.

Cóc lại thúc trống lôi-đình, đánh thức Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng bèn sai ThiênLôi ra trị tội gấu.

Thiên Lôi là vị thần trời có lưỡi tầm sét, mỗi lần vung lên thì thành sét đánh ngang trời, thành sấm động bốn cõi. Sức mạnh của Thiên Lôi không ai bì được. Ngọc Hoàng yên trí lần này cử đến ông Thiên Lôi ra quân thì cái đám Cóc, Cáo ắt hẳn là tan xác. Vì thế khi ông Thiên Lôi vác lưỡi tầm sét đi là Ngọc Hoàng lại co chân nằm trên ngai vàng mà ngủ tiếp.

còn cao quý hơn. Trong lịch-sử đã có nhiều anh-hùng, dũng tướng chọn cái chết nhất thời lấy cái sống muôn thuở.

Sống không những sống cho mình, mà còn cho gia-đình, quốc-gia và dân-tộc; sống không chỉ cho hiện tại, mà cũng vì dĩ-vãng, và tương-lai.

Cho nên, vì danh thơm (danh-dự), người ta có thể hy-sinh tính mạng để bảo-toàn.

Con cò mà đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao

Ông ơi! Ông vớt tôi nao

Tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng

Có xáo thì xáo nước trong

Chớ xáo nước đục đau lòng cò con.

(Ca Dao)

*** Tình Non Nước :**

Nói đến tình “non nước”, chúng ta lại nhớ đến bài thơ “Quốc kêu cảm hứng” của nhà thơ Tam Nguyên Yên Đỗ:

Khắc-khoải sầu đưa giọng lừng-lơ,

Đấy hồn Thục Đế thác bao giờ?

Năm canh máu chảy đêm hè vắng,

Sáu khắc hồn tan, bóng nguyệt mờ.

Có phải tiếc xuân mà đứng gọi,

Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ?

Ban đêm rờn-rã kêu ai đó?

Giục khách giang hồ, dạ ngẩn-ngơ.

Đến đây cũng tạm đủ để chúng ta suy ngẫm những nét đẹp của dân tộc Việt.

*“Cây có gốc mới xanh cành tươi ngọn,
Nước có nguồn mới biển cả sông sâu.”.*

Một thực thể nhân-loại thống-nhất ngày nay đang manh-nha cần phải vượt qua nhiều vận-động khó-khăn

mới có thể trưởng-thành đến sinh-hoạt hòa-đồng, đồng tiến. Ngay cả khi đạt được đến tuổi trưởng-thành ấy, thì sinh-hoạt hòa-đồng cũng là một vườn hoa trăm sắc, muôn hương chứ không phải một sắc, một hương nào.

Lịch-sử nhân-loại xưa nay đã có biết bao nhiêu tư-tưởng. Nhiều tư-tưởng đã làm căn-cứ cho tông-giáo, làm nền-tảng cho cương-thường đạo-lý, làm khuôn thước cho các tổ-chức, đoàn-thể; làm căn-bản, đường-lối cho giao-tế, vận-động, truyền-truyền...

Diễn hình các hệ tư-tưởng lớn như: Duy Tâm (Duy Thần), Duy Vật, Duy Sinh, Duy Thức, v.v.... đã gây nên những biến-cổ vĩ-dại trong lịch-sử nhân-loại, nhưng chỉ vì hiểu sai hay chưa rõ về '**nhân tính**', và '**nhân bản**' nên con đường xây-dựng cho nhân sinh còn gặp nhiều trắc-trở.

*** Tinh-thần tích-cực đấu-tranh:**

Tinh-thần tích-cực đấu-tranh đã tạo nên sức sống kỳ-diệu của dân-tộc. Nếu người ta kinh sợ khả năng đồng hóa của nòi Hoa (Tàu), thì người ta càng bội phục khả-năng "đề kháng" của dân-tộc Việt. Tinh thần đấu tranh để sinh tồn, để bảo vệ đất nước, trong truyện "Cổ Tích Nước Nam" còn để lại câu chuyện ngộ-ngĩnh, và vui nhộn là truyện "**Cóc lên kiệu ông Trời**":

"Ngày xưa ngày xưa, cóc vẫn sần-sùi, xấu-xí, nhưng cóc nổi tiếng giữa muôn loài là một con vật tuy bé nhỏ, nhưng rất gan dạ. **Gan cóc tí** mà lại. Vào một năm, không rõ năm nào, trời làm hạn hán khủng-khiếp! Nắng lửa hết tháng này đến tháng khác, thiêu cháy cây cối, hút cạn nước sông ngòi, đầm hồ. Muôn loài không còn một giọt nước để uống. Các con vật to lớn hùng mạnh xưa nay, tác oai tác quái trong rừng đều nằm lè lười mà thở để chờ chết, không ai nghĩ được

kế gì để cứu mình, cứu muôn loài. Sức mạnh của chúng chỉ để bắt nạt nhau, chứ đâu có thể làm gì nổi ông trời. Duy có anh chàng Cóc Tía bé nhỏ, xấu xí kia mà có gan to. Anh tính chuyện lên thiên đình kiện trời để làm mưa cứu muôn loài. . . .

Khởi đầu, chỉ có một mình, nhưng anh đâu có nản. Đi qua một vùng đầm khô, Cóc Tía gặp Cua Càng. Cua hỏi Cóc đi đâu? Cóc bèn kể rõ sự tình và rủ Cua cùng đi kiện trời. Ban đầu Cua định bàn ngang. Thà chết ở đây còn hơn, chứ Trời xa thế, đi sao tới mà kiện với tưng. Nhưng những con vật ở quanh Cua nghe Cóc nói lại tranh nhau mà bàn ngang bàn lùi, làm cho Cua nổi giận. Nói ngang bàn ngang là chuyện của Cua, thế mà họ lại dám tranh mất cái quyền ấy, cái quyền được phép "ngang như Cua" cơ mà. Thế là Cua làm ngược lại. Cua tình nguyện cùng đi với Cóc.

Đi được một đoạn nữa, Cóc gặp cọp đang nằm phơi bụng thở thoi-thóp. Gấu đang chảy mỡ rờn-rờn và khát cháy họng. Cóc rủ gấu và cọp đi kiện trời. Cọp còn lưỡng-lự thì gấu đã gạt đi mà rằng:

- Anh Cóc nói có lý, chẳng có lẽ chúng mình cứ nằm ở đây đợi chết khát cả ư . . . Ta theo anh Cóc thôi. Đến ngang như anh Cua còn theo anh Cóc được thì tại sao chính mình không theo.

Cả bọn nhập lại thành đoàn Đi thêm một chặng nữa gặp đàn ong đang khô mật, và con Cáo bị lửa nướng cháy xém lông. Cả hai con vật này cũng hăng-hái nhập vào đoàn loài vật đi kiện trời do Cóc cầm đầu.

Cóc dẫn các bạn đi mãi, đi mãi đến tận cửa thiên đình. Khi đi trên đường, cả bọn đều hăng-hái, nhưng đến trước cửa Trời oai nghiêm, bọn cọp, gấu, cáo, ong, cua đều sợ, duy chỉ có Cóc là gan liên, dong-dạc ra lệnh:

- Bây giờ các anh phải nghe lời tôi. Kia là chum nước của Trời, anh Cua vào nắp trong ấy. Anh Cáo nắp ở

3- **Biết về chân tướng:**

* Chân tướng của tự mình. *Chủ ngã ở nơi đâu? Lấy gương nào mà soi tỏ?* * Chân tướng của sự vật: Xã-hội với tự nhiên, thật là *hỗn-mang, phức-tạp!*

* Chân tướng của chân-lý: Ôi thôi! *Thật là mịt-mù, lấy đâu làm tuyệt-đối?...*

Đông, Tây, Kim, Cổ:

Nho thì bàn đến “*tính*”, “*mệnh*”;

Phật thì cần “*minh tâm huấn tính*”, “*đại giác*”, “*tự giác*”.

Lão thì cần học “*tu tiên*”, “*trường thọ*”, “*tồn chân*”.

Gia Tô cần “*thánh linh mặc-khải*”, thể nghiệm Chúa Trời.

- ...

Rồi ra, cái biết của loài người đi từ *tuyệt-đối luận* (dogmatisme) đến *vô-tri luận* (agnosticisme) cho đến *kinh-nghiệm luận* (pragmatisme), hoặc giả *vô thần* (athéisme), *hữu thần* (théisme), *phàm thần* (panthéisme), hoặc *duy tâm sử quan*, *duy vật sử quan*, *duy sinh sử quan*,... ba -bè- bảy-mối! Thật là khốn-khó khi muốn tìm cái biết, cái sống nơi mình...

C/ **Định-nghĩa của Triết-học:**

Nói đến “*triết học*”, thực-sự ở Phương Đông, hai chữ triết-học chỉ mới xuất-hiện từ khi có phong-trào văn-hóa Âu Tây du nhập. Trước đó, người ta thường chỉ bàn đến: *Đạo học*, *Tâm học* hay *Lý học*. . . Tuy nhiên, nếu nghiên-cứu kỹ về lịch-sử tư-tưởng với mục-đích hoạt-động của tinh-

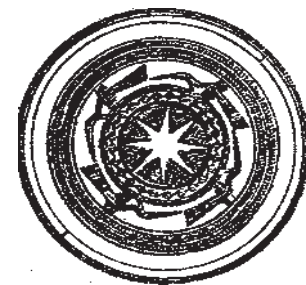
Thiên Lôi vừa hùng-hổ vác búa tầm sét ra đến cửa thiên đình, thì Cóc đã nghiêng rặng ra lệnh, lập tức chàng Ong nấp trên cánh cửa bay vù ra, và cứ nhè vào mũi Thiên Lôi mà đốt. Nọc Ong đốt đau lắm, mũi Thiên Lôi rất như phải bỏng. Nhớ là ở cửa trời có chum nước. Thiên Lôi vội-vàng vớt cả búa tầm sét, nhảy ùm vào chum nước chạy trốn. Nào ngờ vừa nhảy ùm vào chum nước, thì anh Cua Càng nấp trong đó từ bao giờ, đã chờ sẵn để giương đôi càng như đôi gọng kìm, cặp chặt lấy cổ. Thiên Lôi đau quá, gào thét, gào thét vùng-vẫy vỡ cả chum nước nhà trời. Thiên Lôi tìm đường chạy trốn thì Cóc Tía lại nghiêng rặng ra lệnh. Lập tức Cọc nấp sau Cóc Tía nhảy bổ ra gầm lên một tiếng vang động xé tan xác Thiên Lôi.

Ngọc Hoàng thấy thế sợ quá bèn xin giảng hòa với Cóc. Từ đó, hễ Cóc nghiêng rặng là trời lập-tức đổ mưa, nên đồng dao có câu hát rằng:

Con cóc là cậu ông Trời,

Ai mà đánh nó thì Trời đánh cho.

(Ca Dao)



B/ Nhu-cầu của triết-học;

Ngay từ xa xưa, biết bao nhiêu vấn-đề đã nêu lên, nào là *ông trời, bà đất* (vũ trụ), nào là *thế sự*, nào là *than phận con người*. ... Cùng một câu hỏi, nhưng tùy theo lập-trường, chính-kiến, quan-điểm,... mà có câu đáp khác nhau.

Khi con người gặp cơn khốn-khó, ngẩng nhìn lên trời, dậm chân trên đất, tự hỏi phải chăng trời, đất kia đã gây nên?

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân-chuyên.
Xanh kia thăm-thẳm tầng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này!...*

(Chinh Phụ Ngâm)

Không thoát khỏi số phận ai-oán, chỉ đành thốn-thức trong chốn phòng không hiu-quạnh:

*Cái quay búng sẵn trên trời,
Mờ-mờ nhân ảnh như người đi đêm....*

(Cung Oán Ngâm Khúc)

Coi cuộc đời như mộng ảo, thúc-thủ trước sự an bài của Tạo-hóa:

*Kìa thế cục như in giấc mộng
Máy huyền vi mở đóng khôn lường,
Vẻ chi ăn uống sự thường
Cũng còn tiền định khá thương lạ là.
Đòi những kẻ thiên ma bách chiết
Hình thì còn, bụng chết đòi nẫu
Thảo nào khi mới chôn đau
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra.*

(Cung Oán Ngâm Khúc)

Sâu-rộng, bao-quát hơn:

*Một vòng không đáy, đáy sinh người
Ngảnh lại trông đi mấy vết khơi*

*Thường vậy vô danh vắng-vắng
Mà hay hữu thực bồi-bồi...*

(Thái Dịch)

Tất cả những lời vấn, than trên đều là những vấn-đề của Triết Học lưu tâm tới.

Trang Tử nói: “*Đường sống có bờ, đường biết thì không bến*”. Cho nên tìm biết là tìm chết. Nhưng từ xưa tới nay, có biết mới sống được, biết là điều cần-thiết của sống. Sống đi đôi với biết...

Biết là cái trục của sống, *Descartes* nói: “*Je pense donc je suis = Tôi sống vì tôi biết*”. Biết là công-cụ của đời sống, đồng-thời là nền-tảng và yểm-trợ của sống.

Sự biết của loài người có thể chia làm ba phương-diện:

1- Biết về nguyên-thủy:

* Cái căn-cơ của trời đất, từ đâu mà sinh ra, cái “*tối thái sơ*”, cái *tư kỷ nguyên-nhân* (la cause en soi), cái *lý-tắc hoàn-thành vũ-trụ*. Biết đến đâu, vũ-trụ có tên đến đó. Biết thẳm-thấu từ cái cực nhỏ đến cái cực lớn, cho đến cả vô cực.

* Căn-nguyên của sự vật, ở đâu mà đến (là lý? là tâm? là lực?)

2- Sự biết về cứu-cánh:

* Cứu-cánh ý-nghĩa của nhân sinh - *Sống để làm gì?*

* Cứu-cánh giá-trị của nhân sinh - *Sống có ý-vị gì?*

* Cứu-cánh y-quy của nhân sinh - *Sống gửi thác về, biết đâu là quê ở?*

tự nó trở thành một “hiện đề” mới, rồi mâu-thuẫn với chính nó để phát-hiện ra “phản đề” mới. Hai bên dung-hòa với nhau để tạo thành “hợp đề”. Cứ như thế, biện-chứng pháp lập đi lập lại.

Áp-dụng trong đời sống tinh-thần, văn-học, kinh-tế, chính-trị, biện-chứng pháp tạo ra sự tiến-bộ, tinh-thần dân-chủ của Âu Mỹ. Lòng cầu tiến, luôn đổi mới, nhờ phê-bình, đối-lập, tranh-luận, để tìm cách dung-hòa các lập-trường khác-biệt, mà tiến dần đến sự hoàn thiện, hoàn-hảo, chứ **không khư-khư cho mình là đúng, trong khi chưa nhìn được toàn diện của vấn-đề**.

Bàn đến sự “**phiến-diện, hay nhìn một mặt**”, (thiếu tính-cách “toàn diện”), truyện “Năm anh mù sờ voi” kể lại: “Một hôm có một đoàn xiệc đến một thành-phố. Vì là đoàn xiệc nổi tiếng, và có nhiều thú vật biểu-diễn những trò ngoạn-mục. Khi đoàn xiệc vào thành-phố, các trẻ-em chạy coi rất đông, nhất là khi thấy đàn voi, con biết đưa vòi quăn người lên lưng voi, con biết quỳ hai gối trước, con biết đưa một chân trước để vẫy,...các em hoan-hô rầm trời, làm mấy chú xẩm ngồi các hẻm phố cũng náo-nức muốn biết voi hình thu `ra sao, là giống vật như thế nào mà tinh-khôn đến thế.

Năm ông thầy bói mù (xẩm) liền rủ nhau đến rạp xiếc để coi voi (thực sự là đi sờ voi). Sau khi được chủ đoàn “xiếc” đồng ý, anh nài coi voi dẫn 5 ông thầy bói mù lại lều voi. Năm ông thầy bói mù, mỗi ông sờ một bộ phận của voi. Ông sờ vòi voi thì nói “nó thun như con đĩa vĩ-dại”, ông sờ vào chân voi nói “nó giống như cái cột nhà”, ông sờ vào tai voi thì nói “nó giống như cái quạt to”, ông sờ vào đuôi voi nói “nó giống như cái chổi”, ông sờ vào ngà voi thì hô nó giống như cái đòn xóc gánh lúa”.

Thế là năm ông cãi nhau, ông nào cũng cho chỉ mình là đúng, vì chính tay mình sờ thấy, kết

thần, thì có thể nói: không những Tây, mà Đông Phương đều đã có triết-học từ lâu.

Triết, nghĩa đơn-giản, là phép lý-luận, tư duy giúp ta hệ-thống-hóa những gì ta thấy, biết.

- Triết là câu trả lời về những vấn-đề căn-bản, như “**Sống**” và “**chết**”? Bản-thể sự vật (nhân-sinh-quan, xã-hội-quan, đạo-đức-quan, thế-giới-quan,...). ¹

- Triết, theo Hồ Thích trong “*Triết-Học Sử Thực Dụng*” là môn nghiên-cứu những vấn-đề thiết-yếu, từ nguồn-gốc của nhân-sinh để tìm ra một giải-quyết căn-bản.

-Triết là câu trả lời về những vấn-đề như vấn-đề con người - từ đâu? Vũ-trụ? Bản-thể học? Huyền-học?, Đạo học? Lý học?, Siêu-hình? Lý hóa sinh?, v.v...

-Câu trả lời của triết nằm ở đâu?

- Thừa, nằm ở mọi nơi, toàn bộ đời sống loài người.

Theo triết-gia Emile Bréhier (1876-1952):

“*Triết-học là một hoạt-động của tinh-thần có hệ-thống. Triết-học không thể cắt hẳn liên-hệ của nó với toàn thể đời sống tinh-thần. Đời sống tinh-thần còn diễn-tả bằng các khoa-học, tôn-giáo, nghệ-thuật, cuộc đời xã-hội và luân-ly*”.

- Triết-gia để ý đến tất-cả giá-trị tinh-thần của thời-đại mình để phán-đoán, bình-phẩm hay cải-biến chúng. Không có nơi nào mà không có một cố-gắng để tổ-chức xếp-đặt các giá-trị cho có thứ-tự.

1- Lý Đông A, “*Tâm Lý Thần Linh Học/ Đường Sống và Đường Biết*”, Gió Đáy xb. năm, 1967.

- Triết-học, theo Tây phương, “*philosophia*” = yêu-thích sự thông-thái, sự hiểu biết căn-kế của con người về vũ-trụ, xã-hội mà con người sống, còn, tiến, nối, hóa.

Theo chiều-hướng này, bất-cứ một triết-gia của một dân-tộc nào, không thể xa-rời căn-bản thực-nghiệm, mà phải giới-hạn vào trong biên-giới của quốc-gia. Trong văn-hóa, bất-cứ một tác-giả vĩ-đại nào, đều đã thâm-nhập vào trong ảnh-hưởng của dân-tộc ấy ...

Cho nên Jame Dewey đại-diện cho cá tính dân-tộc Mỹ; Bacon, Descartes, Bergson đại-diện cho cá tính dân-tộc Pháp; Hegel, Schopenhauer đại-diện cho cá tính dân-tộc Đức. Tinh-thần văn-hóa của ba khối dân-tộc ấy đều có điểm khác nhau, như Anh, Mỹ thì sùng-thượng thực-nghiệm, Pháp thì sùng-thượng lý-tưởng, Đức sùng-thượng ý-chí.¹

- Triết-học theo Đông Phương là khoa-học về các quy-luật chung, mà cả *sự tồn-tại (tức giới tự nhiên và xã-hội) lẫn tư-duy của con người, quá-trình nhận-thức, đều phải phục-tùng.*”

Nếu phân-tách theo cách “*hội ý*” của chữ Nho, chữ “*triết*” hợp bởi bộ “*thủ* = tay” 扌 chữ “*cân*” (cân) 𠂔 bên phải, chữ “*khẩu*” ở dưới. Nghĩa là khôn-ngoan, sáng-suốt, hiểu rõ sự lý. Gom lại, lấy lời lẽ phân-tích, mổ-xẻ gọi là “*triết*”.

Đây là **phương-pháp biện-luận có chứng-minh** (*dialectic*), là **biện-chứng pháp**, một danh-từ dùng trong luận-lý-học Tây phương.

Cũng theo “*The American Heritage Dictio*

ary of the English Language”, New College 1980, Published by Houghton Mufflin Company,

Đ/ “**Biện-chứng-pháp** là một phương-pháp diễn-tả bằng cách cho thấy những mâu-thuẫn trong một cuộc đối luận, để đi đến một sự thật (*Dialectic is the art of arriving at the truth by disclosing the contradictions in an opponent’s argument and overcoming them.*) ”.

Những điều nêu trên, ta có thể tóm gọn rõ-ràng, và khúc-chiết. Về triết-học hay đạo học, trong đời sống con người có liên-hệ chặt-chẽ với thiên-nhiên và xã-hội, nên ba mặt: **Vũ-trụ - Xã-hội và tư-tưởng thống-nhất.**

Thật vậy, con người không thể sống ngoài thiên-nhiên, cũng như ngoài xã-hội, và cũng có tư-tưởng mà loài người mới có lịch-sử và văn-hóa.

Trong **biện-chứng pháp** thường có ba mệnh-đề được đặt ra: hiện đề (*thésis*), phản đề (*anti-thésis*), và hợp đề (*synthésis*).

Hiện đề là một hiện-trạng của một thực-tại... Trong mỗi hiện-đề đã chứa-chất mầm-mống mâu-thuẫn, đối-chọi với chính nó. Nhờ sự đối-kháng này mới phát-sinh tiến-bộ. Sức đối-kháng này được gọi là “**phản đề**”. Có thể nói bất-cứ một “hiện đề” nào, tự nó đều có thiếu-sót, bất toàn. Do đó, cần có một “**phản đề**” để bổ-túc cho nó. Chính “**phản đề**”, tự nó cũng không hoàn-toàn đúng. Bởi vậy, cần liên-kết “**hiện đề**” và “**phản đề**” lại với nhau, làm thành một “**hợp đề**”. Hợp đề chính là kết-quả của sự thanh-lọc những cái dở, và chỉ giữ lại những điều đúng trong “**hiện đề**” và “**phản đề**”. Trong quá trình tiến-triển của tư-tưởng để tìm ra chân-lý, trí khôn con người luôn áp-dụng phương-pháp biện-chứng. Do đó, “**hợp đề**”

1- Nguyễn Đăng Thục, “*Lịch Sử Triết Học Đông Phương*”, nhà xuất bản T/P HCM, tái bản lần 3, 2001.

Tìm-tòi những quan-hệ giữa tư-tưởng và hiện-tượng (*tâm và xác, tinh-thần với vật chất, chủ-quan với khách-quan, . . .*). Đó là **Nhận-thức luận**.

Nhận-thức luận tìm hiểu tương-quan giữa chất và lượng của hiện-tượng, sự vận-hành của hiện-tượng và những liên-hệ của hiện-tượng đó với các hiện-tượng khác trong vũ-trụ.

- *Phương-pháp luận*: Tìm-tòi những đường lối, cách-thức dẫn-dắt tư-tưởng, kiến-lập tư-tưởng, truyền thông tư-tưởng để biến tư-tưởng thành hành-động cụ-thể bám sát thực-tại.

Bản-thể luận, nhận-thức luận và phương-pháp luận thống-nhất, ta gọi là **Căn-bản luận**.

Vì tư-tưởng của mỗi triết phái đặt trên nền-tảng khác nhau. Duy tâm cho rằng duy có tinh-thần (*yếu tố vô hình*) là sản sinh ra mọi hiện-tượng sống. Phái Duy Vật quan niệm hiện-tượng sống do vật chất (*yếu tố hữu hình*), Phái Duy Sinh tìm cách dung hòa Tâm và Vật, chủ-trương hiện-tượng sống khởi từ sinh nguyên (*tế Bào*). Tạm thời ba phái này đại diện cho mọi phái. Thực sự đời sống loài người do sự vận-động và kết-hợp của ba phạm-trù: Sinh - Vật - Tâm. Sinh - Vật - Tâm thống-nhất. Đó là **Căn Bản Quan**.¹

Bốn điều : **Căn Bản Nghĩa, Căn Bản Học, Căn Bản Luận và Căn Bản Quan** là bốn điều căn-bản hay là **bốn chìa-khóa** để mở cửa vào triết-học.

F/ Một số vấn-đề trong triết-học:

- Đối-tượng để suy-tư (*thiên-nhiên huyền-bí; sống chết vô thường,...*)

- Yếu-tố suy-tư (*óc phê-phán tìm-tòi, khả năng trí-tuệ,...*)

1- Thái Phụng, *Tìm hiểu Chủ nghĩa Duy Dân, tài liệu đánh máy, 1985.*

-quả cuối cùng năm ông dùng gậy dò đường đánh nhau! Quả là một ngụ ngôn lý-thú! Mỗi ông thầy bói đều nói đúng sự thực, *đúng theo hiểu biết riêng mình*, nhưng trở-trêu là mỗi ông chỉ sờ được một bộ-phận của voi!

Tìm kiếm chân-lý là nhu-yếu của tri-thức. Trong sinh-hoạt xã-hội người có nhiều khuynh-hướng. Chính nhờ vậy mà có tiến-bộ. Năm thầy bói chỉ vì muốn cho mình là đúng, tương-tự trong lịch-sử tôn-giáo thế-giới đã nói lên những tàn hại về sự độc tôn, độc quyền tư-tưởng!

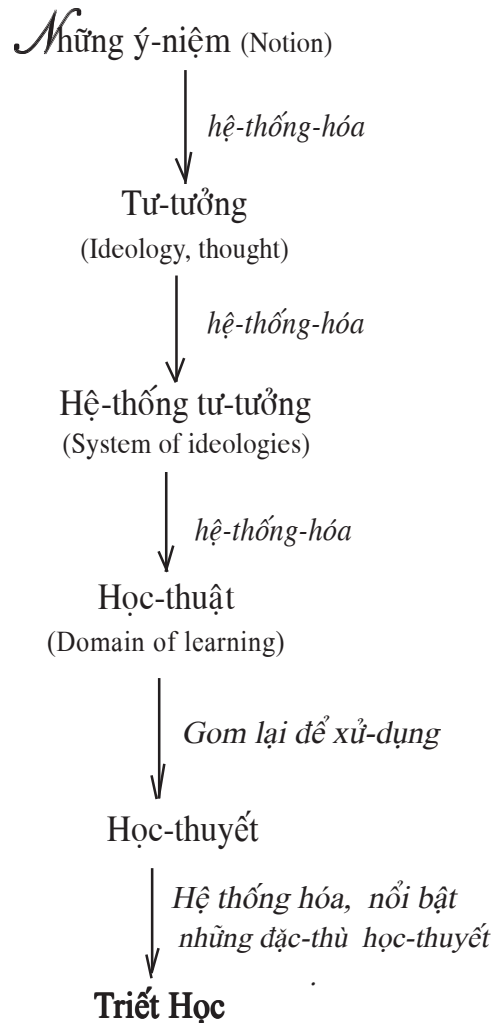
Nói đến chân-lý của vấn-đề, xưa nay thường bị lẫn-lộn giữa *chân-lý tuyệt-đối* và *chân-lý tương-đối*, hay chân-lý khách-quan của vũ-trụ và chân-lý chủ-quan của con người.

Câu truyện “*Năm anh mù sờ voi*”, cổ nhân Việt cốt tránh cho chúng ta rơi vào vòng cố-chấp.



*Sờ voi, năm xăm luận hình,
Anh nào cũng nhận chỉ mình đúng thôi !*

Đ/ Tiến Trình Hình Thành *Tư Tưởng - Học Thuật - Học Thuyết*



E/ Cấu-trúc của triết-học.

Từ lâu, các triết-gia hằng băn-khoăn, cố-gắng tìm hiểu ý-nghĩa của hiện-tượng sống, đặc-biệt đời sống của con người.

Loài người đã khám-phá ra rằng: Hiện-tượng sống không phải do yếu-tố “*vô hình*” như Duy Tâm chủ-trương, hoặc do vật-chất như Duy vật giải-thích. Một sự thực không thể chối-cãi “*Loài người được sống đến ngày nay, và còn được sống đến ngày mai*”. Thực-tại cho thấy: hiện-tượng sống bao-giờ cũng được sản-sinh ra bởi ba phạm-trù: **TỰ NHIÊN - XÃ HỘI và TƯ TƯỞNG, luôn-luôn vận-động và kết-hợp.**

Tất-cả những hiện-tượng nào không do con người chủ-động thuộc phạm-trù TỰ NHIÊN. Con người sống trong xã-hội, những vận-động nào do sự vận-động và kết-hợp giữa người với người thuộc phạm-trù XÃ HỘI. Những hiện-tượng nào liên-quan đến tinh-thần của con người thuộc phạm-trù TƯ TƯỞNG.

Như vậy, ba phạm-trù: *TỰ NHIÊN - XÃ HỘI - TƯ TƯỞNG* cộng-thông với nhau, và là một. Nói cách khác, sự vận-động, kết-hợp, lưu-hành và diễn-tiến của ba phạm-trù trên thống-nhất. Đó là “**Căn bản nghĩa**”...

Trên căn bản nghĩa, “Tự-nhiên - Xã-hội và tư tưởng” thống nhất, cho nên không thể tách rời ba môn học “*Sử học - Khoa học và Đạo học*”. mà phải thống nhất thành môn học duy nhất, Đó là “**Căn bản học**”.

- Suy-cứu những nguyên-lý về bản-chất và cứu-cánh của sự thực. Nghiên-cứu một hiện-tượng là tìm hiểu hiện-tượng đó. Hiện-tượng đó từ đâu đến và kết-thúc ra sao? Đó là **Bản-thể luận**:

chuyển động Newton, và định-luật hấp-dẫn, James Clerk Maxwell thống-nhất hai ngành điện-học và từ-học, Wilhem Conrad Rontgen khám-phá ra tia X quang, Albert Einstein xây-dựng thuyết tương-đối đặc-biệt, kết-hợp không-gian và thời-gian vào một khái-niệm chung...

* **Thiên-văn học:** Ngành nghiên-cứu vật thể vũ-trụ (sao, hành tinh, tinh vân, quần tinh, thiên hà,...), và các hiện-tượng bên ngoài khí-quyển trái đất.

Thiên-văn học có nhiều lãnh-vực, như Thiên văn học mặt trời, Khoa-học hành tinh, Thiên-văn học sao, Thiên-văn học thiên hà, Thiên-văn học ngoài thiên hà, Vũ-trụ học.

* **Khí-tượng học :** Khoa nghiên-cứu về khí quyển nhằm dự báo thời-tiết.

* **Chủ nghĩa Hiện Thực:** “*Là trào-lưu nghệ-thuật lấy hiện thực xã hội và những vấn-đề có thực làm đối tượng sáng-tác. Chủ-nghĩa Hiện-thực chia làm ba nhánh: Văn-học hiện-thực, Hội-họa hiện-thực và Triết học hiện-thực.*”

* **Chủ nghĩa Duy Danh :** Cho rằng những danh từ trừu-tượng chỉ là từ-ngữ biểu-thị cho những trạng thái của trí não, như ý-tưởng, niềm tin hay dự định. William xứ Ockham nổi tiếng là người bảo-vệ cho chủ nghĩa Duy Danh.

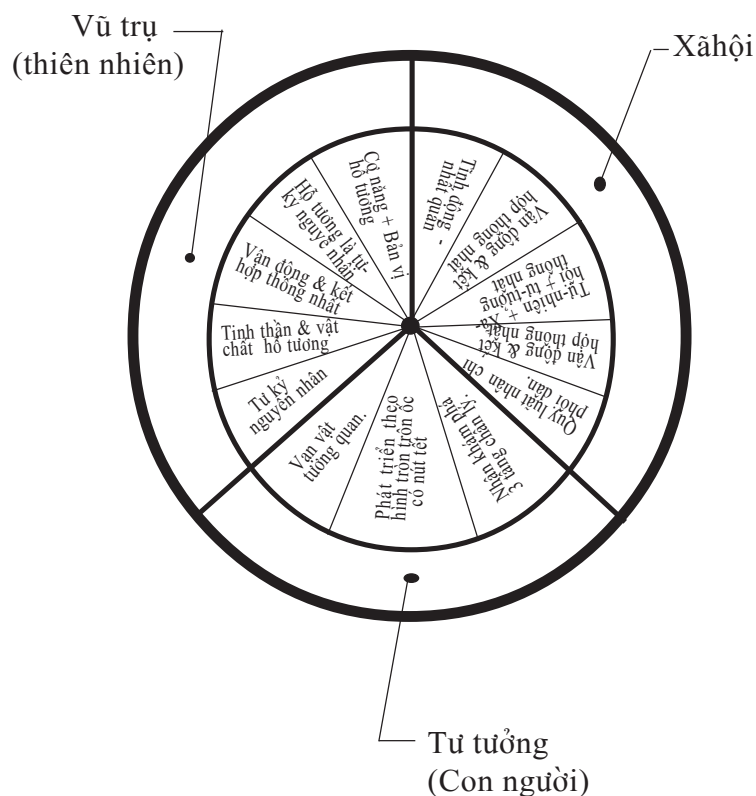
* **Chủ nghĩa Duy Lý:** Chủ-trương gắn hết tất-cả kiến-thức con người vào lý-trí. Những nhà triết-học nổi tiếng của chủ nghĩa Duy Lý như: Parmedines (510 trc. CN), , Zeno (489 trc. CN), Plato (427 trc. CN), Chủ-nghĩa Duy Lý hiện-đại bắt-đầu từ René Descarted (1596-1690).

* **Chủ-nghĩa Hoài Nghi :** Quan-điểm triết-học nghi-vấn khả-năng đạt được ở bất-kỳ một loại kiến thức nào. Sextus Empirius (thế-kỷ I) coi chủ-nghĩa

- Yếu-tố suy-tư (óc phđ6-phán, tìm tòi, khả năng trí-tuệ,...).
- Điều kiện suy-tư (thời gian và sự tĩnh-mặc).
- Kỹ thuật sáng tác, (tác phẩm mang dấu ấn xã-hội, và thời đại (cá nhân, xã-hội, tập thể).

G/ ĐỒ BIỂU CẤU TRÚC TRIẾT HỌC

(Theo nhà tư-tưởng Việt, Lý Đông A)



H/ Các Học Thuyết Triết Học.

* Theo lịch-sử triết-học, thời cổ Hy Lạp phát-sinh ra nhiều vấn-đề, vì thế, sinh ra nhiều học-thuyết như *siêu-hình học*, *nhận-thức luận*, *luân-lý học*, *chính-trị học*, *địa-chất học*, *vật-lý học*, *thiên-văn học*, *khí-tượng học*, *hiện-thực*, *duy danh*, *duy lý*, *duy nghiệm*, *nhị nguyên*, *nhất nguyên*, *hoài-nghi*, *lý-tưởng*, *thực-dụng*, *hiện-sinh*, *duy tâm* (*duy thần*), *duy vật*, *duy lý*, *duy thức*, *duy nhân*,.

* **Siêu-hình học** (Métaphysics): Là nhánh triết học nghiên-cứu về bản-chất của sự thật, bản-chất của vật thể, sự-kiện?

Ngày nay, “*siêu-hình học*” được dùng trong những đề-tài ngoài thế-giới vật-chất. như tâm-linh, thần-bí,...

Trong nhánh này, nhiều nhà siêu-hình nổi tiếng như: Aristote, Thomas Aquinas, George Berkeley, Patricia Churchland, Gilles Deleuze, Rene Descarte, George W. F. Hegel, Immanuel Kant, David Lewis, Sir Isaac Newton, Plato, Arthur Schopenhauer, . . .

* **Nhận-thức luận** hay Tri-thức luận (epistemology) là ngành nghiên-cứu về bản-chất, nguồn-gốc và phạm-vi của trí-thức. Phần lớn công việc là phân-tích bản chất, và các dạng của tri-thức cùng sự quan-hệ về niềm tin và chân-lý.

* **Luân-lý học** hay **Đạo đức học** (*Ethic*, tiếng Hy Lạp) hay *éthica* (tiếng La Tinh). Theo từ nguyên học có nghĩa là nơi ở, phong-tục, luân-lý. Sang thế kỷ 3 trc. CN, danh-tù “*éthica*” được triết-gia Aristotle dùng “*Đạo-đức học*” thay thế Luân-lý học cho đến ngày nay.

Đạo-đức học có nhiều nhánh kèm theo như tâm-lý học, xã-hội học, dân-tộc học, giáo-dục học, Thật vậy, Đạo-đức học chính là triết-học của đời sống, mà đạo-đức là lợi-ích cho đời sống.

Đạo-đức học còn được coi là học-thuyết về phẩm-hạnh, nếu đối-chiếu với Đông phương “Đạo” chính là con đường phải theo (con đường sống hướng-dẫn con người), Đức là biểu-hiệu của “Đạo” = *Nhất tâm hành chính đạo vị chi đức*. Cho nên Đạo đức đi liền nhau, chỉ những yêu-cầu, những nguyên-tắc của cuộc sống mà mọi người phải tuân theo.

* **Chính-trị học**: Bao gồm các lý-thuyết và triết-học chính-trị, cách phát-triển, quan-hệ quốc-tế, cách quản-lý hành-chánh, các chính-sách xã-hội, v.v... Chính trị học còn nghiên-cứu các hệ-phái chính đảng trong một quốc-gia, các thể-chế chính-phủ, các phương-sách chính-trị (*Chính-sách ôn-hòa*, *chính-sách xâm-lược*, *công cuộc cai-trị*, *cách cai-trị*; (*công nghiệp cai trị*); quyền-lực trong quan-hệ quốc-tế.. .

* **Địa-chất học** (Géologie): Khoa-học về chất đất. Một môn khoa-học nghiên-cứu về các vật-chất rắn và lỏng cấu-tạo nên trái đất. Địa-chất-học cũng nghiên-cứu cách cấu-trúc, đặc-điểm vật-lý, động-lực, quá trình hình-thành, vận-chuyển và biến-đổi của các vật-liệu.. .

* **Vật-lý học**: Môn học chuyên về vật-chất và sự tương tác, nghiên-cứu các quy-luật vận-động của tự-nhiên như hóa học, sinh học,...

Trong ngành này, có nhiều nhà tư-tưởng nổi tiếng như: Archimèdes đưa ra nhiều định lượng về cơ học và thủy-tĩnh học, Galileo Galilei tiên-phong trong lãnh-vực thực-nghiệm để kiểm-tra lý-thuyết, Isaac Newton hoàn thiện hai thuyết vật-lý: Định-luật

Những trung-tâm của Nho sĩ luôn tranh luận về trật-tự xã-hội. Lịch-sử gọi thời-kỳ này ở Trung Hoa là thời “*Bách gia chư tử*” (*Trăm nhà trăm thầy*) hay “*Bách gia minh tranh*” (*trăm nhà đua tiếng*). Chính nhờ vậy mà nhiều trường-phái triết-học được ra đời.

Có ba đặc-điểm các tư-tưởng của thời-đại này:

* Những vấn-đề liên-quan đến con người như triết-học nhân sinh, triết-học chính-trị, triết-học lịch-sử được phát-triển.

* Nhấn mạnh sự hài-hòa và thống-nhất giữa thiên-nhiên và xã-hội.

* Tư duy trực-giác (*Sự cảm nhận hay thể nghiệm*). Phương-thức này đặc-biệt coi trọng về tâm. Tâm là gốc rễ của nhận-thức, lấy tâm để bao-quát sự vật. Đặc-tính này thấy rõ trong các ca-dao, truyện vui dân gian, các huyền thoại Việt, như huyền thoại “*Cốc đi kiện Trời*”, “*Tấm Cám*”, “*Thánh Tản Viên*”, “*Chủ Đồng Tử và Tiên Dung*”, “*Sơn Tinh và Thủy Tinh*”, v.v...

Ở điểm này, xưa nay trong lịch-sử triết-học đã không hề đề-cập - Đó chính là trường phái “*triết học bình dân*”.

* **Trường phái “*Triết-học Bình-dân*”**.

Nói đến cảm nhận hay trực-giác, Việt Nam đã có triết-học từ lâu đời. Qua văn-học bình-dân, ta có thể chứng-minh được điều này. Chính là nền “*triết học bình dân hay triết học chính-thống*”, nền triết-học phản-ảnh toàn-thể nếp sống của dân-tộc Việt:

*

hoài-nghi như một khả-năng đưa ra phản-đề trong bất kỳ cách-thức nào để đến một trạng-thái không còn đánh giá nữa, và sau đó là sự bình-an của tinh-thần.

* **Chủ-nghĩa lý-tưởng** : Một học-thuyết cho rằng hiện-thực hoàn-toàn bị giới-hạn bởi đầu óc chúng ta.. Chủ-nghĩa này bắt-đầu chính-thức bởi George Berkeley, Ông cho rằng không có những khác-biệt về bản chất giữa các trạng-thái tinh-thần, như là cảm thấy đau-đớn, và những gợi ý từ các giác-quan. Immanuel Kant còn ủng-hộ chủ-nghĩa lý-tưởng siêu-việt (Transcendental Idealism), Kant cho rằng có những giới-hạn về những điều có thể hiểu được, nếu như nó không được đem ra đánh giá trong điều-kiện khách-quan.

* **Chủ-nghĩa thực-dụng** : Vào cuối thế-kỷ 19, hai triết-gia Hoa Kỳ Charles Peirce và William James đồng sáng-lập ra học-thuyết “*Chủ nghĩa Thực dụng*” (pragmatism). Chủ-thuyết này cho rằng chân-lý của đức tin không nằm trong sự tương-hợp của học với thực-tại, mà nằm ở sự hiệu-quả và hữu-ích. Bởi sự hữu-ích của đức tin trong bất-kỳ thời-điểm nào, có thể phụ-thuộc vào hoàn-cảnh.

* **Chủ-nghĩa hiện-sinh** : Soren Kierkegaard và Friedrich Nietzsche được coi là cha đẻ của thuyết hiện sinh. Theo Kierkegaard “*Điều quan-trọng nhất đối với một người, thực-sự là những câu-hỏi liên-quan đến những mối quan-hệ cá-nhân bên trong của người đó với sự tồn-tại.*”

* **Chủ-nghĩa Duy Vật** :

Để trả lời cho vấn-đề “*ý-thức và vật-chất - Cái nào có trước?*” Tùy theo cách giải-quyết mà sinh ra hai trào-lưu chủ-nghĩa Duy vật và chủ-nghĩa Duy Tâm.

Phái Milet do 3 nhà triết-học Thalès, Anaximène, và Anaximandes lập nên. Phái này khẳng định “*Thế-giới hiện-hữu từ một thời nguyên vật-chất.*”

- Phái Héraclite coi bản-nguyên của thế-giới là “lửa”. Lửa bùng cháy và tàn-lụi theo “logos” (quy-luật) nội tại chính mình. Thế-giới vừa đa dạng vừa thống-nhất, vừa hài-hòa, vừa xung-đột.

- Phái “*nguyên-tử-luận*”. Leucippe (500 - 440 BC) là người sáng-lập, và Démocrite (460-370 BC) thừa-kế và phát-triển. Theo phái này, vũ-trụ được cấu thành bởi hai thực-thể nguyên-tử và chân không.

Chủ-nghĩa Duy Vật khẳng-định vật-chất có trước, ý-thức có sau, và vật-chất tồn-tại khách-quan, độc-lập với ý-thức, và quyết-định ý-thức. Ý-thức là phản-ảnh thế-giới khách-quan vào bộ óc con người.

Trong chủ nghĩa Duy vật có ba hình-thức: *Duy vật cổ-diễn*, triết-học *Duy vật siêu-hình* (Chủ-nghĩa Duy vật phục-hưng và cận đại), và triết-học *Duy vật biện* của Mác vào thế-kỷ XIX, được phát-triển bởi Lênin nên còn gọi là Mác-Lênin.

* **Chủ-nghĩa Duy Tâm.** (Duy Thần):

Trái ngược với chủ-nghĩa Duy-vật, chủ-nghĩa Duy-tâm cho rằng mọi thứ đều tồn-tại bên trong tâm thức và thuộc về tâm-thức.

Chủ-nghĩa Duy-tâm có hai khuynh-hướng:

+ Chủ-nghĩa *Duy Tâm chủ-quan*:

Khuynh-hướng này phủ-nhận sự tồn-tại của thế giới khách-quan.

. Phái Pythagore (571 - 497 BC) thừa-nhận sự bất-tử và luân-hồi của linh-hồn. Đối-lập vốn có của một sự vật hiện-tượng, như chẵn - lẻ, ít - nhiều, phải - trái, nam - nữ, sáng - tối,...

+ Chủ-nghĩa *Duy Tâm khách-quan* thừa-nhận ý-thức và tinh-thần có trước, vật-chất có sau.

Socrate (469 - 399 BC) dành phần lớn nghiên-cứu về con người. “*Con người hãy nhận-thức về chính mình.*”

Tiếp, Platon (427-347 BC) xây-dựng học thuyết “*Duy Tâm Khách-quan*” qua nội-dung thuyết “*Ý-niệm*”.

Đối-chiếu với thời-đại Âu Châu, bên Đông phương có thời: Tam Đại [Hạ (thế kỷ XVI tr. CN) - Thương (thế kỷ XVII - XIV tr. CN) - Chu (XI -) và Xuân Thu (770 - 475 Tr. CN) - Chiến quốc (475 - 221 tr. CN)].

* Về kinh-tế, xã-hội, khối Bách Việt đã biết chế-tạo, sử-dụng những nông cụ, vũ-khí bằng đồng (*trống đồng, tên đồng ở Loa Thành*), *truyện Phù Đổng cỡi ngựa sắt dẹp giặc Ân (Thương)*,...

* Vào thế-kỷ XI tr. CN, Chu Vũ Vương (con của Chu Văn Vương) đánh đổ nhà Thương, lập ra nhà Chu, đóng đô ở Thiểm Tây nên gọi là Tây Chu. Nhà Chu thực-hiện chế-độ “***Đế chế độc quyền***” (*Mọi tài-sản đất nước như ruộng đất, kể cả con người đều thuộc nhà vua!*).

“*Bậc thiên chi hạ, mặc phi vương thổ, xuất thổ chi tân, mặc vi vương thần.*” (*Tiểu Nhã*), nghĩa là “*Khắp cả dưới trời, đâu không là đất vua? Đi suốt cả bốn đất, ai không là tôi vua?*”.

Về tư-tưởng có sự gắn chặt thần quyền với thế quyền (*Vua tức là thiên tử, thay trời trị dân nên vua có toàn quyền sinh sát*).

- Thời Xuân Thu (770 - 475 tr. CN) - Chiến quốc (475 - 221 tr. CN).

Không những nông-nghiệp phát-triển mạnh, mà công-nghệ cũng phát-đạt. Đồ sắt cũng phát-triển khá phổ-biến. Về chính-trị đã biến chuyển sôi-động ở Trung Hoa.

Về hiệu quả lịch sử và văn minh lý luận đưa đến “*định mệnh*” chủ nghĩa. Văn minh luận chủ trọng sự biểu hiện đức tính hơn hưởng thụ.

*** Vũ trụ quan của Duy vật:**

Tối cao căn cứ là vật chất (matière). Nhưng thế nào là vật chất? Kiểm thảo bằng tiến hóa khoa học, ta khám phá ra nguyên tử, điện tử, lượng tử, năng tử... Từ chỗ cực vi đến vũ trụ, hai cái thái cực để đối chiếu lẫn nhau làm ta không quyết định được tính chất tuyệt đối của vật chất làm tối cao căn cứ.

Trong lịch sử nhân loại, khi con người tiến từ thời kỳ thần tặc sang đế tặc, danh tặc, lý tặc, sự khám phá luật tặc nghiêm ngặt khách quan của vũ trụ là điều kiện chủ yếu nắm giữ chân lý. Sự sùng bái lý tặc làm nảy nở ra chủ nghĩa “duy vật”. Dem phạm trù “vật” đặt định vào công thức nghiên cứu, vật chất hoạt động phải bình quân giải quyết với tinh thần và chủng tộc. Nếu nắm giữ thiên lệch vật chất sẽ được siêu hình hóa và kết thành “*duy vật chủ nghĩa*”.

Tiền đề tối định của duy vật chủ nghĩa là vật chất vạn năng. Phát xuất tối sơ và cứu cánh vũ trụ đều do vật chất kiến lập.

Sang công cụ lý luận, duy vật phái thiên về động mà thành lập “*duy vật biện chứng pháp*”. Nhận thức luận chỉ biết có khách quan mà không cần đến chủ quan.

Sang diễn dịch về thuần túy lý luận, duy vật phái mang tự nhiên khoa học (science de la nature) áp dụng một cách không tiến hóa vào đời sống xã hội. Vì tin tưởng tuyệt đối vào vật chất, nên chỉ đề xướng có thể lực và quyền lợi (force et droit). Xã hội lý tưởng rập mẫu theo nguyên thủy cộng sản và theo tự nhiên kinh tế. Thực ra, thời đại cộng sản nguyên thủy còn theo mẫu hệ,

I/ Vũ-Trụ quan (Hình nhi thượng):

Mỗi hệ-thống triết học thường có ba lãnh vực chính yếu: Vũ-trụ quan, nhân sinh quan và xã-hội quan.

Vũ-trụ quan là phần “*hình nhi thượng*” của chủ nghĩa, nhằm giải đáp về cứu cánh nguyên-thủy của vũ trụ (vũ trụ luận). Trong phần này, các luật tắc chi phối thiên nhiên được đem ra nghiên cứu.

*** * Vũ trụ quan Phật giáo:**

Theo Phật học, vũ-trụ vạn hữu hình-thành và biến chuyển la do cộng sinh, cộng hữu theo công-thức:

“Cái này có thì cái kia có
Cái này không thì cái kia không
Cái này sinh thì cái kia sinh
Cái này diệt thì cái kia diệt.”

(Mijhlmani Nikaya III (63))

Đây là nguyên-lý **duyên khởi**, là chủ-thuyết trong Hoa Nghiêm tông. Thuyết này cho rằng vũ-trụ là biểu-lộ ‘**động**’ của nguyên lý ‘**tĩnh**’. Vạn hữu *hỗ-tương, phụ thuộc, hỗ-tương giao-thiếp, không trở ngại lẫn nhau, cùng thời và đồng-thời có mặt, do đó tạo ra một bản đại hòa-tấu vũ-trụ của toàn-thể diệu*. Nếu thiếu một, vũ-trụ sẽ không toàn-vẹn. Nếu không có **cái tất-cả** thì **cái một** cũng không. - “**Một là tất cả, tất cả là một.**”

*** Theo triết học của Lão Tử**, tất cả sự vật trong thế giới hiện-tượng đều do hai lực đối kháng điều động, nhưng đối kháng mà bổ-túc chứ không tiêu trừ nhau. Động - tĩnh hỗ tương.

“Lão Tử chủ trương các thiên sai vận thù, thiên hình vạn tượng của thực hữu đều phải trở về cái thực thể đồng nhất vĩnh cửu là ‘**Vô**’ của bản thể không giới hạn.

*** Vu-trụ quan theo Nho giao.**

Bàn về vấn đề trời đất, Khổng Tử có nhận định: “Trời có nói gì đâu, bốn mùa luân chuyển, muôn vật sinh sống. Trời nói gì đâu.” (Thiên hà ngôn tai. Tứ thời hành yên, vạn vật sinh yên. Thiên hà ngôn tai). (Luận Ngữ)

Như Hệ Từ đã định nghĩa: ‘Sinh sinh chín vị Dịch’ (Nảy nở luôn luôn gọi là Dịch . hay ‘Thiên địa chi đại đức viết ainh (Cái đức lớn của trời đất là nguồn sống). Như vậy vũ-trụ quan của Nho gia là một hòa điệu, một vận động có định hướng.

Trời đất đây chỉ là nguồn sống ý thức. Nó biểu hiện ra muôn hình vạn tượng. Dòng sống ý thức đã thuần nhất thì không có mâu thuẫn, ở trời là phạm-vi hiện-tượng, có đạt biến-hiện âm dương ví như sáng tối, Ở phạm-vi mặt đất là phạm-vi vật-thể tự-nhiên thì có vật mềm, cứng tượng-trưng cho hình thể vật-chất. Hiện-tượng và hình-thể, hai thế-giới của rhời-gian và không- gian. Nguồn sống là nguồn sống bất tuyệt, là ý-thức trường cửu, liên-tục bất phân.

Ở nhân loại cũng như vũ -trụ đều có một cái gì tồn tại để duy trì cái điều lý đại-đồng của thiên hình vạn tượng biến dịch không ngừng.

*** Vũ-trụ quan của Duy Tâm:**

Theo tư-tưởng gia Lý Đông A: Gọi là “duy tâm phái” không đúng lắm, mà nên gọi bằng “duy thần phái”, vì bản lai của muôn sự, muôn vật là “thần”. Cho nên “thần” là tối cao căn cứ của chủ nghĩa. Nghiên cứu lại chữ “thần” là một phạm trù siêu hình học (metaphysics) không thể lấy khoa học gì mà nắm chắc được. Trên bản thể lý luận về “thần” ta có thể lấy câu chuyện ông Saint Thomas D’Aquain dạo chơi trên bờ biển gặp chú bé múc nước đổ vào cát trên bãi biển, đổ ngần nào cát ngấm ngần ấy. Ông Thomas hỏi chú bé tại sao làm

công việc đồ-dại như vậy. Chú bé trả lời: Cũng không đồ đại bằng công việc của ông lúc nào cũng cố công mất sức tìm tòi cái bản thể của trời đất, vì bản thể kia là bất khả tri luận vậy.

Nay nhận xét trong lịch sử, phạm trù “thần” phát sinh trong xã hội vào hai thời kỳ “thần tặc” và “đế tặc”. Thời kỳ “thần tặc” còn phảng-phất nhiều di tích về nguyên lai động vật, do đó ta thấy tập tục hèm (tôtem) áp dụng vào một tập thể. Dần dần quan niệm ấy biến đổi và đặt định duyên khởi vũ-trụ trong tay một vị thần tối cao. Quan niệm thống nhất này đã bước sang thời kỳ “đế tặc”.

Đem phạm trù “thần” ra nghiên cứu, ta thấy hoạt động tinh thần chỉ được đặt ngang hàng với chủng tộc và vật chất, vì vốn liếng tinh thần cũng là do sự tích-lũy đời-dời của kinh nghiệm, hành động và trí thức của loài người...

Căn cứ tối cao đã là “thần” thì tiền đề tối định là tuyệt đối tinh thần, nó chi phối cả vũ trụ, và tối sơ xuất phát là sự phát sinh và cứu cánh của “thần”.

Công cụ lý luận của Duy Tâm vì thế trọng về tĩnh hơn là về động. Chủ trương diễn dịch hơn là quy nạp, nhất là thời kỳ đế tặc chuyển sang thời kỳ danh tặc (nominologie). Phương pháp lý luận thường dùng là “tam đoạn luận”. Đợi mãi đến thế kỷ thứ XVIII, Hégel mới tu chỉnh lại mà đặt ra “duy tâm biện chứng pháp”. Song đặc-điểm vẫn là ở chỗ cho rằng mọi sự biến đổi đều tùy theo tinh thần tuyệt đối.

Sang đến diễn dịch phần xã-hội xuất-phát là y cứ vào nền trật tự sẵn có. Phái “duy tâm” cho đó là sự biểu hiện tối cao mà mọi người đều phải phục tùng. Luận về tính thì cho rằng tính con người vốn thiện, và sang thực tiễn lý luận thường thiên về giáo dục lấy trật tự để thực hiện, cải tạo và duy trì lấy cương thường.



di tích của nguyên lai xã hội và chưa có mô hình tổ chức xã hội của loài người. Còn bốn chữ tự nhiên kinh tế tự mâu thuẫn. Kinh tế bao giờ cũng bao hàm một thủ đoạn nhân-vì, trái ngược với hai chữ tự nhiên.

Triết học duy vật cứ vào lý-tưởng mô-hình đó là điều nhầm lẫn. Quan-niệm quyền lực và quyền lợi mang đến sự phân chia giai-cấp mà duy vật biện chứng lấy làm công-cụ đấu tranh. Trung tâm luật-tắc lịch-sử là sự tiếp tục đấu tranh giai-cấp không ngừng. Luận về tính con người, tính vốn ác. Trên thực-tế lý luận, chính-trị là mặt nạ bóc lột giai-cấp, quốc-gia là công-cụ đấu tranh giai-cấp. Cách mạng luận đưa ra mấy điều:

- Giai-cấp lao động cách mạng đưa đến độc tài vô sản.

- Chủ-lực cách-mạng thuần-túy vô sản.

Theo Marx thì xã-hội sẽ đi đến cao độ cộng sản, mà con người vô sản trần-trưởng sẽ nắm giữ chính quyền.

Về lịch sử luận, lịch sử chỉ là một sự tiến hóa cơ giới của các điều kiện vật chất của thời đại. Về vận mệnh luận, tất nhiên duy vật đi tới xã hội và vũ trụ định mệnh chủ nghĩa bằng viễn ảnh đẹp để một xã-hội vô giai cấp để đoàn kết chặt chẽ đấu tranh với trở ngại tự nhiên.

* **Duy sinh phái:** Nguyên lai phái này chưa thành hẳn hệ thống, cho nên muốn phân tích cần phải phát quật trong các sách có những bộ phận thiếu sót để bồi bổ thêm vào. Trong sách “Chu Lễ”, thiên “Đại Đồng Lễ Vận” có câu “*thiên đạo duy sinh, hay thiên đức hiếu sinh*” có thể lấy làm danh tắc được Tôn Văn thành lập “Tam Dân” chủ nghĩa. Trong bộ “Kiến Quốc Phương Lược”, thiên “Tâm Lý Kiến Thiết” có đặt để một cách

bất tri giác” là cái nhúm đầu của “duy sinh chủ nghĩa” là cái sinh nguyên (cellule) làm căn cứ tối cao. Thực ra nó chỉ là cái “tế bào”, song muốn biểu hiện hết ý nghĩa triết học của nó, Tôn Văn cho sinh nguyên là cái thể thành tựu vũ trụ, xã hội.

Trong triết học sử, phạm trù “sinh” này thường lẫn lộn trong hai thời-kỳ “danh tắc” và “lý tắc”. Trong sự đấu tranh của hai trận doanh của “duy tâm” và “duy vật” đã bật ra thứ triết trung-bình-diện “duy sinh”.

Nếu đem phạm trù “sinh” để nghiên-cứu, ta thấy “duy sinh” chỉ chú-trọng về những hiện-tượng vật-chất sinh hoạt trong vũ-trụ, điều kiện nhân chủng hoạt-động trong xã-hội bị siêu-hình-hóa đi thành ra vu- trụ-quan. Cho nên tiền đề tối định là sinh tồn, vận-động và xuất phát tối sơ là sinh thể (être et vitalité).

Sang công-cụ lý luận, ta có thể phát quật trong kinh Dịch một công cụ biện chứng cho duy sinh phái:

* Về vũ trụ luật tắc, có thể lấy câu: “âm dương tương ma, bát quái tương thành....” (khí âm, khí dương cọ sát mà thành ra tám quẻ, tám quẻ biến hóa mà thành ra vạn vật.)

* Vào xã-hội, lấy câu “hữu thiên địa nhiên hậu hữu vạn vật, nhi nhiên hậu hữu phu phụ...” (có trời đất mới có vạn vật, và sau đó có vợ chồng).

Sang phần diễn dịch, phái “duy sinh” phải mang luật tắc âm dương của vũ trụ áp dụng vào xã hội để thành lập một thứ Freudisme (*Kiền giả, dương vật dã, khôn giả âm vật dã...*). Còn trung tâm luật tắc là cầu sống còn. Luận về tính người cho rằng loài người là tinh thần phối hợp với vật chất.

Về thực tiễn lý luận, bàn về chính trị, “duy sinh phái” chủ trương chủng- tộc và giáo-dục .

Về kiến-thiết luận, theo thực-dụng chủ-nghĩa, chủ trương kiến thiết giai đoạn luận: quân chính, hiến chính.

Về quan niệm lịch sử, theo lý luận nhà Nho cũ Bản thể là chủng tộc, song sự xấu tốt một phần lớn do người lãnh đạo quyết định.

Về vận mệnh luận, theo lối số học lý tắc (Logistique) phân chia âm dương như trong kinh Dịch.

Về văn minh luận, văn minh là sự phát hiện năng-lực tối cao sinh tồn của chủng-tộc.

Sau khi đã kiểm-điểm ba chủ-nghĩa trên, ta thấy:

- Mỗi chủ-nghĩa đều xây đắp một nền-tảng triết-học trên một quan-niệm về vũ-trụ.

- Phạm-trù vũ-trụ-quan thường thiên về siêu hình mà thiếu mất khoa-học thực-tiến.

- Mỗi triết-học chỉ nghiên-cứu một điều-kiện hoạt-động của xã-hội, như thế chỉ nắm giữ được một mặt mà không tung-hợp được toàn-thể sự thực, Cho nên một chủ-nghĩa mới để được xứng-đáng làm tiêu chuẩn cho nhân sinh vạn cổ phải chú-trọng vào tổng thể của sự vật.



Ở vùng này có một cây cổ thụ gọi là cây chiêm-đàn, cành lá sum-xuê xhe kín cả một khoảng đất rộng. Sau bỗng khô héo, biến thành yêu tinh, người ta gọi là Mộc Tinh. Con yêu này hung-ác, quỷ--quyệt lạ thường. Chỗ ở của nó không nhất-định, khi ở rừng này, khi ở rừng khác. Nó còn luôn-luôn thay hình đổi dạng ẩn-nấp khắp nơi, bắt người để ăn thịt. Lạc Long quân quyết ra tay cứu dân, diệt trừ loài yêu quái.

Qua nhiều ngày gian-khổ mới tìm thấy chỗ ở của con yêu quái. Lạc Long Quân chiến với nó trăm ngày đêm, cuối cùng Lạc Long Quân phải dùng đến chiêng trống làm cho nó khiếp sợ và chạy về phía Tây Nam, sống quanh-quất ở vùng đó, người ta gọi là quỷ Xương Cuồng.

Diệt xong nạn yêu quái, Lạc Long Quân còn dạy cho dân biết cách trồng lúa nếp, lấy ống tre thổi cơm, đốn gỗ làm nhà sàn. Dân cảm ân đức, xây cho Lạc Long Quân một tòa cung điện nguy-nga trên ngọn núi cao, nhưng Lạc Long Quân không ở, thường về thủy phủ và dặn rằng: ‘Hễ có tai biến gì thì gọi ta, ta về ngay.’

Lúc bấy giờ, Đế Lai từ phương Bắc đem quân tràn xuống. Đế Lai có người con gái yêu là Âu Cơ. Âu Cơ gặp Lạc Long Quân thấy chàng tuấn-tú uy-nghi đem lòng yêu mến, và tình-nguyện theo chàng.

Ít lâu sau, Âu Cơ có mang, sinh ra một bọc trăm trứng, mỗi trứng nở ra một con trai. Tầm người con đó khỏe-mạnh và thông-minh tuyệt-vời.

Thời-gian trôi qua, Lạc Long Quân sống bên cạnh đàn con, nhưng lòng thường nhớ về thủy phủ.

Một hôm, Lạc Long Quân từ-giã Âu Cơ và nói rằng: “Ta thuộc loài Rồng, nàng là giống Tiên, khó ở với nhau lâu dài. Nay ta đem 50 con về miền

Chương II

Nền Triết Học Việt Nam

Nói đến “*Triết Học Việt Nam*”, ta có thể gọi là *Nền Triết Học Đại Chúng, Triết Học Bình Dân, Kinh Vô Tự, Triết Học Chính-Thống*, hay *Triết Học Truyền-Thống*.

Triết học truyền-thống là *nền triết-học gói trọn tất-cả triết-lý của thời-dại*, hay nói rõ-ràng hơn, là triết-học dân-gian (*triết-học thời-dại = triết-học sống = triết-học chính-thống*). Chẳng hạn, Lão Trang là triết-học truyền-thống bác-học (*triết học thời-dại + thành văn*) - Còn Khổng Mạnh là **chủ-thuyết công truyền** (có bộ-phận được giới cầm quyền công-nhận, vì có lợi cho họ).

Trong khi Âu Châu cũng như Ấn Độ hay Trung Hoa có những vấn nạn, như giai-cấp chia-rẽ (*Giai-cấp Bà La Môn, chủ nhân ông và nô lệ; giống như ở Âu Châu và Trung quốc*); đế-chế cực quyền (*Vua bảo chết thì phải chết*), trái lại ở Việt Nam đã thực-hành dân-chủ (*Phép vua thua lệ làng*), và nhân chủ (*Cóc Tía đi kiện Trời*). **Đó là một trong những đặc-thái của triết học Việt Nam:**

A/ Nhân Bản Thắng Nghĩa:

Theo truyền-thuyết xưa “Ở Lĩnh Nam có một thủ-lãnh tên là Lộc Tục, hiệu Kinh Dương vương, sức khỏe tuyệt-luân, lại có tài đi lại dưới nước, như đi trên cạn. Một hôm, Kinh Dương vương đi chơi hồ Động Đình, gặp Long nữ là con gái Long vương, hai người kết-thành vợ chồng, và ít lâu sau sinh được một trai, đặt tên là Sùng Lãm. Lớn lên, Sùng Lãm rất khỏe, một tay có thể nhấc bổng lên cao tảng đá hai người ôm. Cũng như cha, Sùng Lãm có tài đi lại dưới nước như đi trên cạn. Khi nối nghiệp cha, chàng lấy hiệu là Lạc Long Quân.

Lúc bấy giờ, đất Lĩnh Nam còn hoang-vu, Một hôm, Lạc Long Quân đi đến vùng bờ biển Đông Nam, Lạc Long Quân gặp một con cá rất lớn, Con cá này đã sống từ lâu đời, mình dài hơn năm mươi trượng, đuôi như cánh bướm, miệng có thể nuốt chửng mười người một lúc. Khi nó bơi, sóng nổi ngất trời, thuyền bè qua lại dễ bị nó nhận chìm, người trên thuyền đều bị nó nuốt sống. Dân chài rất sợ con quái vật ấy. Họ gọi nó là Ngư Tinh. Chỗ ở của Ngư Tinh là một cái hang lớn ẩn sâu dưới đáy biển, trên hang có một dãy núi đá cao ngăn miền duyên-hải ra làm hai vùng.

Lạc Long Quân quyết tâm giết loài yêu-quái, trừ hại cho dân, Lạc Long Quân đóng một chiếc thuyền thật chắc và thật lớn, rèn một thỏi sắt có nhiều cạnh sắc, nung cho thật đỏ, rồi đem thỏi sắt xuống thuyền chèo thẳng tới Ngư Tinh. Lạc Long Quân đưa cao thỏi sắt lên, giả cách như cầm một người ném vào miệng cho nó ăn. Ngư Tinh há miệng đón mồi. Lạc Long Quân lao thẳng khối sắt nóng bỏng vào miệng nó. Ngư Tinh bị cháy họng, vùng

lên chống-cự, quật đuôi vào thuyền của Lạc Long Quân. Lạc Long Quân liền rút gươm chém Ngư Tinh làm ba khúc. Khúc đầu hóa thành con chó biển, . Lạc Long Quân lấy đá ngăn biển chặn đường giết chết chó biển, vứt đầu lên một hòn núi, nay gọi hòn núi ấy là Cầu Đầu sơn, khúc mình của Ngư Tinh trôi ra xứ Mạn Cầu, nay còn gọi là Cầu Đầu Thủy, còn khúc đuôi của Ngư Tinh thì Lạc Long Quân lột lấy da đem phủ lên hòn đảo giữa biển, đảo này, nay còn mang tên là Bạch Long Vĩ.

Trừ xong nạn Ngư Tinh, Lạc Long Quân đến Long Biên. Ở đây có con cáo chín đuôi, sống đến hơn nghìn năm, đã thành tinh. Nó trú trong một hang sâu, dưới chân một hòn núi đá ở phía Tây Long Biên. Con yêu này thường hóa thành người, trà-trộn trong nhân -dân dụ bắt con gái đem về hang hãm hại. Một vùng từ Long Biên đến núi Tản Viên đâu-đâu cũng bị Hồ Tinh hãm hại. Nhân dân hai miền rất lo sợ.

Lạc Long Quân thương dân, một mình một gươm đến sào huyệt Hồ Tinh, tìm cách diệt trừ. Khi Lạc Long Quân đến cửa hang, yêu tinh thấy bóng người, liền xông ra, Lạc Long Quân liền hóa phép, làm mưa gió, sấm sét vây chặt lấy con yêu. Giao chiến luôn ba ngày ba đêm, con yêu dần-dần yếu sức, tìm đường tháo chạy, Lạc Long quân đuổi theo, chém đứt đầu nó. Nó hiện nguyên hình là một con cáo khổng-lồ chín đuôi, Lạc Long quân vào hang cứu những người còn sống sót, rồi sai các loài thủy tộc, dâng nước sông cái, xoáy hang cáo thành một vực sâu, người đương thời gọi là đầm Xác Cáo, đời sau mới gọi là Tây Hồ.

Đẹp yên nạn Hồ Tinh, Lạc Long quân đi ngược lên vùng rừng núi đến đất Phong Châu,

*Trời che, đất chở, ta thông-thả,
Trời, đất, ta đây đủ hóa công.*

C/Tinh thần Nhân Bản (Đấu tranh cho lẽ sống, còn).

Tinh-thần đấu-tranh để sinh-tồn, để bảo-vệ sự sống còn, trong truyện “*Cổ Tích Nước Nam*” còn để lại câu truyện ngộ-nghĩnh, và vui-nhộn, là truyện “*Cóc tí kiện ông Trời*”:

-“Ngày xưa ngày xưa, cóc vẫn sần-sùi, xấu-xí, nhưng cóc nổi tiếng giữa muôn loài là một con vật tuy bé nhỏ, nhưng rất gan-dạ. **Gan cóc tí** mà lại. Vào một năm, không rõ năm nào, trời làm hạn hán khủng-khiếp! Nắng lửa hết tháng này đến tháng khác, thiêu cháy cây-cối, hút cạn nước sông ngòi, đầm hồ. Muôn loài không còn một giọt nước để uống. Các con vật to lớn hùng mạnh xưa nay, tác oai tác quái trong rừng đều nằm lè lười mà thở để chờ chết, không ai nghĩ được kế gì để cứu mình, cứu muôn loài. Sức mạnh của chúng chỉ để bắt nạt nhau, chứ đâu có thể làm gì nổi ông trời. Duy có anh chàng Cóc Tía bé nhỏ, xấu-xí kia mà có gan to.

Anh tính chuyện lên thiên-đình kiện trời để làm mưa cứu muôn loài. . . .

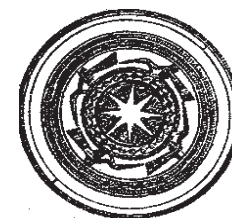
Khởi đầu, chỉ có một mình, nhưng anh đâu có nản. Đi qua một vùng đầm khô, Cóc Tía gặp Cua Càng. Cua hỏi Cóc đi đâu? Cóc bèn kể rõ sự tình và rủ Cua cùng đi kiện trời. Ban đầu Cua định bàn ngang. Thà chết ở đây còn hơn, chứ Trời xa thế, đi sao tới mà kiện với tưng. Nhưng những con vật ở quanh Cua nghe Cóc nói lại tranh nhau mà bàn ngang

biển, còn nàng đem năm mươi con về miền núi, chia nhau trị-vì các nơi, kẻ lên núi, người xuống biển, nếu gặp sự nguy-nạn thì báo cho nhau biết, cứu-giúp lẫn nhau, đừng có quên.”

Người con trưởng ở lại Phong Châu, được tôn làm vua nước Văn Lang, lấy hiệu là Hùng Vương. Vua Hùng chia nước mười lăm bộ, đặt tướng văn gọi là lạc hầu, tướng võ là Lạc tướng. Con trai vua là Quan Lang, con gái vua là Mỵ Nương. Ngôi vua đời-dời gọi chung danh hiệu là Hùng vương.

Do sự tích này nên dân tộc Việt kể mình là dòng giống Rồng Tiên.

(Trích phỏng theo “*Truyện Thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ*” trong truyencotich/truyenthuyet/2006/11.html).



Qua huyền-thoại trên, ta thấy:

Ý-thức “*Âm-dương hòa-a-hợp - Có hòa hợp mới tương sinh*”.

-Tiên (Âu Cơ), biểu-tượng cho tinh-thần trong sáng, đôn-hậu, phóng-khoáng, bao-dung (Người ta thường ví: *Đẹp như tiên, lòng-lấy như thần tiên, xướng như tiên*,...).

- Rồng, biểu-tượng cho, đại dũng, đại trí.

- Núi là nơi tiên ngự, biển là chốn rồng ẩn.

- Mẹ Âu Cơ đem 50 con lên núi, Long quân dẫn 50 con xuôi biển. Vì vậy mà núi sông là “*Đất*

Mẹ, quê Cha”. Nói đến đất nước là nói đến núi sông, ta nghĩ đến Tiên Rồng.

Truyền-thuyết Rồng Tiên với bọc 100 trứng chính là thông-diệp về hòa-hợp và tình đoàn-kết, nghĩa yêu thương giữa các dân-tộc anh em, đồng bào, mà còn chứa đựng một thông-tin về di-sản tinh thần vô giá của dân-tộc Việt đã được tổ tiên chúng ta bí-mật cất giữ.

Chính truyền-thuyết *Lạc Long - Âu Cơ, truyện Hồ Tinh, Mộc Tinh, Ngự Tinh*, mà nhà nghiên-cứu Dịch Lý Việt Nam, Nguyễn Thiều Dũng đã hoàn-thành sứ-mạng thiết-lập được “**Trung Thiên Đồ**” hay “**Nhân Đồ**” mà xưa nay, Dịch Lý dù trải qua mấy nghìn năm chỉ có “*Tiên Thiên Đồ*” (Hà Đồ) và “*Hậu Thiên Đồ*” (Lạc Thư), mà không có “*Trung Thiên Đồ*” (Nhân Đồ) để nêu rõ “*Tam Tài*” (Thiên - Địa - Nhân).

“Âm” và “Dương”, cứ theo “*Hệ Từ Thượng Truyện*”, tiết thứ nhất, chương thứ năm: “*Nhất âm, nhất dương chi vị đạo*”, nghĩa là sự lưu-hành trong vũ-trụ chỉ có âm dương.”

Bàn về “âm”, “dương”, theo sử sách, dân Hoa Hạ trước khi tiến chiếm miền Nam, họ chưa có ý-niệm rõ-ràng về lý vận hành âm - dương, nên họ không có từ *âm* và *dương*.

Theo các nhà ngôn-ngữ học, hai từ *Yin* (âm) và *Yang* (dương) bắt nguồn từ hai tiếng **Ina** và **Yang** trong ngôn-ngữ Đông Nam Á cổ Đại (Bách Việt), với nghĩa gốc là “*mẹ*” và “*cha*”.

“Triết-lý âm dương, tư-tưởng về **bản-chất của vũ-trụ** có tương-quan chặt-chẽ với sinh-hoạt nông nghiệp. Trong nghề nông, sự sinh-sôi nảy-nở của hoa mầu cũng như của con người là mối quan-tâm

hàng đầu (Được mùa và gia-đình đông-đức).

“*Sự sinh-sản của con người do hai yếu-tố: cha và mẹ, nữ và nam; còn sự sinh-sản hoa mầu thì do đất với trời (trời sinh đất dưỡng). Việc hợp nhất của hai cặp “mẹ, cha” và “đất, trời” chính là những khái-quát hóa trên con đường đi đến triết-lý âm - dương.*”

“*Sống trong hoàn-cảnh nghề trồng lúa nước, người nông-dân thường tiếp-xúc với những hình-thái đối-lập như “ứng - hạn”, “nắng - mưa”, đầm mình trong nước lạnh, và phơi mình dưới nắng lửa. Bản thân cây lúa cũng là loài thực-vật, gốc ngâm trong nước (âm), ngọn tắm trong nắng nóng (dương). Đến dịp nảy bông, thì hoa lúa chỉ phơi mầu vào giờ Ngọ (giữa trưa lúc dương khí thịnh), và giờ Tý nửa đêm lúc âm khí thịnh, để hấp-thụ đủ khí âm dương của trời đất mà biến thành hạt lúa...”*”

B/ Tam Tài giả = Thiên - Địa - Nhân.

Nếu chỉ có âm (**Đất**) và dương (**Trời**) thì dù có vũ-trụ thì chỉ là vũ-trụ không hồn. Vai-trò thứ ba là **con người**, tuy hình-thành sau vũ-trụ, nhưng lại rất quan-trọng. **Vũ-trụ vốn không tên, sức biết con người đến đâu, vũ-trụ có tên đến đó.**

Con người là cái tâm của trời đất, sánh ngang với trời đất, vì có thể “*Tán thiên địa chi hóa dục*” (tựa vào trời đất để tiến-hóa cho cuộc sống). Bởi vậy, nhà cách-mạng Trần Cao Vân để lại bài thơ:

“*Vịnh Tam Tài*”

*Trời, Đất sinh ta có ý không?
Chưa sinh trời, đất có ta trong.
Ta cùng trời, đất, ba ngôi sánh
Trời đất cùng ta một chữ đồng
Đất nứt ta ra, trời chuyển-động,
Ta thay trời, mở đất mệnh-mông.*

Muôn tâu Ngọc Hoàng, trần-gian được một trận mưa cứu khát, thật là đội ơn Ngọc Hoàng. Nhưng nếu ở hạ giới mà hề bị hạn hán thì anh em chúng tôi lại lên đây kêu với Ngọc Hoàng.

Nghe thế, Ngọc Hoàng hốt-hoảng xua tay:

- Thôi khỏi, thôi khỏi phải bận như thế. Cóc không phải lên thiên-đình nữa. Khi nào có hạn hán, cậu muốn ta làm mưa, chỉ cần nghĩn rằng là ta nghe thấy liền. Từ đó, hề Cóc nghĩn rằng là trời lập-tức đổ mưa, nên đồng-dao có câu hát rằng: Con cóc là cậu ông Trời, Ai mà đánh nó thì Trời đánh cho.

Qua cốt truyện, ta thấy: Trần thế với thiên đình là một, hay **“hiện-thực với siêu-nhiên cùng một thể”**

Cảnh thiên đình không khác gì nơi trần thế, Ngọc Hoàng mang tính-chất “người”, cũng lười-biếng, cũng ngủ trưa, cũng nóng giận; các quần thần cũng biết run sợ, tránh-né khi gặp khó-khăn, . . .

Trời, trong trường-hợp được nhân-cách-hóa, tượng-trưng cho **thiên lý đại đồng, bảo-vệ, nuôi-duỡng vạn vật**. Đạo Trời không biệt-lập, mà đồng-nhất với bản tính tiên-thiên của chúng sinh. Ý-tưởng này đã ăn sâu vào tâm-hồn người dân Việt, “Cha mẹ sinh con, Trời sinh tính”. Lý tự-nhiên gọi là *tính*. Ý theo tính mà không trái với lẽ tự-nhiên gọi là “đạo”. Lấy sửa sang, vun trồng chấn-hưng cho đạo, tức là “giáo”. Chúng ta thường nghe nói: *Thổ thần, Đất thiêng, địa linh nhân kiệt*,...

Theo giáo sư Nguyễn Đăng Thục viết trong “*Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam*”:

“Người phương Đông đem cái vô hình xuống cuộc đời hàng ngày của họ, họ sống với thế-giới thần bí ấy nhờ có những cái gì họ tưởng đã thấy được. Trái lại, người Âu Tây sống bên lề cái vô hình và không thân mật với nó, phủ nhận nó, vì không biết có nó.

Ý thức thần thoại thuộc vào cơ cấu của sự nhận

bàn lùi, làm cho Cua nổi giận. Nói ngang, bàn ngang là chuyện của Cua, thế mà họ lại dám tranh mất cái quyền ấy, cái quyền được phép “ngang như Cua” cơ mà. Thế là Cua làm ngược lại. Cua tình-nguyện cùng đi với Cóc.

Đi thêm một đoạn nữa, Cóc gặp cạp đang nằm phơi bụng thở thoi-thóp. Gấu đang chảy mỡ rờn-rờn và khát cháy họng. Cóc rủ gấu và cạp đi kiện trời. Cạp còn lưỡng-lự thì gấu đã gạt đi mà rằng:

- Anh Cóc nói có lý, chẳng lẽ chúng mình cứ nằm ở đây đợi chết khát cả ư . . . Ta theo anh Cóc thôi. Đến ngang như anh Cua còn theo anh Cóc được thì tại sao chúng mình không theo.

Cả bọn nhập lại thành đoàn. Đi thêm một chặng nữa gặp đàn ong đang khô mật, và con Cáo bị lửa nướng cháy xém lông. Cả hai con vật này cũng hăng-hái nhập đoàn loài vật đi kiện trời do Cóc cầm đầu.

Cóc dẫn các bạn đi mãi, đi mãi đến tận cửa thiên đình. Khi đi trên đường, cả bọn đều hăng-hái, nhưng đến trước cửa Trời oai nghiêm, bọn cạp, gấu, cáo, ong, cua đều sợ, duy chỉ có Cóc là gan liền, dong-dạc ra lệnh:

- Bây giờ các anh phải nghe lời tôi. Kia là chum nước của Trời, anh Cua vào nấp trong ấy. Anh Cáo nấp ở phía bên trái tôi, anh Gấu nằm ở phía bên phải tôi, còn anh Cạp chịu khó nằm đằng sau tôi. Các anh có nghe lệnh của tôi thì mới mạng được trời.

Tất-cả đều nghe lệnh của Cóc. Sắp đặt xong đâu đấy, Cóc mới nhảy lên mặt trống đánh ba hồi âm vang như sấm động.

Ngọc Hoàng đang ngủ trưa một cách lười biếng, bị tiếng trống lôi-đình đánh thức dậy nên bực-tức, bắt thiên-lôi ra xem có chuyện gì? Thiên Lôi lười biếng vội phủi bụi và mạng nhện giăng dây trên lưng búa tâm-sét, cắm cổ chạy ra. Thiên Lôi ngạc-nhiên, vì ở ngoài cửa

thiên-đình chẳng thấy có một người nào cả, chỉ thấy mỗi một con cóc xù-xì xấu-xí đang ngồi chễm-chệ trên mặt trống của nhà trời. Thiên Lôi hết nhìn con Cóc lại nhìn lưỡi búa tầm-sét khổng-lồ của mình, và thờ-dài vì cái búa to quá mà Cóc nhỏ quá, đánh chưa-chắc đã trúng được. Thiên Lôi bèn cầm cổ vào râu Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng nghe xong, bức lắm, bèn sai con Gà trời bay ra mổ chết chú Cóc hỗn-xược kia.

Gà Trời vừa hung-hăng bay ra, Cóc đã nghiêng rằng ra hiệu, lập-tức chàng Cáo nhảy ra cắn cổ gà tha đi mất. Cóc lại đánh trống lôi đình. Ngọc Hoàng càng giận-dữ, sai chó nhà trời xổ ra cắn Cáo. Chó vừa xông-xộc chạy ra thì Cóc lại nghiêng rằng ra hiệu. Lập tức anh Gấu lừng-lững xổ ra đón đường tát cho Chó một đòn trời giáng. Chó chết tươi.

Cóc lại thúc trống lôi-đình, đánh thức Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng bèn sai Thiên Lôi ra trị tội gấu. Thiên Lôi là vị thần trời có lưỡi tầm sét, mỗi lần vung lên thì thành sét đánh ngang trời, thành sấm động bốn cõi. Sức mạnh của Thiên Lôi không ai bì được. Ngọc Hoàng yên trí lần này cử đến ông Thiên Lôi ra quân thì cái đám Cóc, Cáo ắt hẳn là tan xác. Vì thế khi ông Thiên Lôi vác lưỡi tầm sét đi, Ngọc Hoàng lại co chân nằm trên ngai vàng mà ngủ tiếp. Thiên Lôi vừa hùng-hổ vác búa tầm sét ra đến cửa thiên đình, thì Cóc đã nghiêng rằng ra lệnh, lập-tức chàng Ong nấp trên cánh cửa bay vù ra, và cứ nhè vào mũi Thiên Lôi mà đốt. Nọc ong đốt đau lắm, mũi Thiên Lôi rát như phải bỏng. Nhớ là ở cửa trời có chum nước. Thiên Lôi vội-vàng vớt cả búa tầm sét, nhảy ùm vào chum nước trốn. Nào ngờ, vừa nhảy ùm vào chum nước, thì anh Cua Càng nấp trong đó từ bao giờ, đã chờ sẵn để giương đôi càng như đôi gọng kìm, cặp chặt lấy cổ. Thiên Lôi đau quá, gào thét, vùng-vẫy vỡ cả chum nước nhà trời. Thiên Lôi tìm đường

chạy trốn thì Cóc Tía lại nghiêng rằng ra lệnh. Lập tức Cọp nấp sau Cóc Tía nhảy bổ ra gầm lên một tiếng vang động, xé tan xác Thiên Lôi. Ngọc Hoàng thấy thế sợ quá, bèn xin giảng hòa với Cóc, và xin Cóc cho nhận lại xác Thiên Lôi để cứu chữa. Cóc bằng lòng ngay. Theo lệnh nghiêng rằng của Cóc, Cọp và Gấu vác xác Thiên Lôi xếp ở giữa sân điện triều-đình. Ngọc Hoàng ra tay làm phép, tưới nước Cam-lồ. Nhờ phép của Ngọc Hoàng, Thiên Lôi mới được sống lại. Ngọc Hoàng nghĩ mình đường-đường là một ông Trời mà lại chịu thua Cóc thì thật là điều sỉ-nhục, định lại sai Thiên Lôi phục hận. Cóc biết thế nào Ngọc Hoàng cũng lật-lọng. Cóc lại nghiêng rằng. Lập-tức các bạn của Cóc dàn trận. Ong giương nọc, Cáo giương nanh, Cọp giương vuốt, Cua giương càng, Gấu giương cánh tay đầy sức mạnh ..Thiên Lôi vừa thoát chết hoảng quá, lùi lại không dám tiến lên, thụt-lùi nấp sau chiếc ngai của Ngọc Hoàng. Các tướng nhà trời oai-phong lẫm-liệt thấy đến ông Thiên Lôi còn sợ-sệt thì hoảng quá, tìm kế thoái lui. Thấy tướng nhà trời của mình như vậy, Ngọc Hoàng biết không thể thắng nổi Cóc, bây giờ Ngọc Hoàng mới thực bụng giảng hòa, và hỏi Cóc lên tận thiên-đình có việc gì. Cóc oai-phong, đông-dặc thưa:

- Đã bốn năm nay, dưới trần-gian hạn hán, muôn cây khô héo, vạn-vật chết khát....Tướng Ngọc Hoàng bận gì hoặc là giận gì trần-gian mà ra phúc họa. Ai ngờ lên đây mới biết Ngọc Hoàng và các tướng nhà trời ngủ quên, không nhớ đến việc làm mưa, cứu muôn vật, muôn loài dưới trần thế... Chúng tôi phải lên tận đây đánh thức Ngọc Hoàng, xin Ngọc Hoàng làm mưa ngay cho trần-gian được nhờ.

Ngọc Hoàng vội an-ủ: - Cóc với ta là chỗ thân tình, ta sẽ sai thần mưa, thần gió xuống hạ giới làm mưa ngay bây-giờ.....

Cóc lạy tạ, và thưa:

Trên thực-tế cho thấy đời sống con người có tương-quan chặt-chẽ với vũ-trụ (*tự nhiên*), đồng-thời thường hằng tiếp-xúc với tha nhân trong xã-hội ở mọi sinh-hoạt, và luôn-luôn nhờ tư-tưởng dẫn dắt trong mọi hoạt-động. Vì thế cả ba phương-diện: **Vũ trụ - tư tưởng và xã-hội thống-nhất**.

Thời Lý, Trần đã hòa-hợp đạo lý cổ truyền (*đạo Nội*) với tam giáo (*Phật, Khổng, Lão*) làm một. Nhờ vậy đã đem lại gần 400 năm thịnh-đạt. Thời-kỳ này, ngoài căn-bản tư-tưởng của dân-tộc tiềm-ẩn trong sinh-hoạt đại-chúng, thâm lắng đai-lạc, thâm-nhận, ba hệ tư-tưởng Nho - Phật - Lão, không một hệ tư-tưởng nào chiếm địa-vị độc tôn, mà chế-hóa, bổ-túc cho nhau.

Cũng nhờ ảnh-hưởng của Lão học, cộng hàng-ngũ Nho sĩ thời Lý Trần chưa đủ bề-thế, nên vua chúa dưới thời Lý, Trần không lò-a-quáng với danh-hiệu “*thiên tử*” như ở bên Tàu, tránh được nạn đồng-hóa thần quyền với thế quyền.

Trong thời-kỳ Lý Trần, những độc tố của thuyết “*thiên mệnh*” được hai giáo-ly Phật và Lão hóa giải. Lão học tuy công-nhận về chính-trị, nhưng thuyết này quá lý-tưởng, không sát thực-tế. Lão Tử chủ-trương không dùng uy-lực, luật-pháp để cưỡng-ép, không dùng lễ-nghi, âm-nhạc để vỗ-về, ... mà giáo-hóa bằng thái-độ ung-dung, điềm-nhiên tự tại để mỗi người theo đó mà phát-huy cái lương-tri, ăn-ở hòa-hợp với nhau, trên dưới ai nấy tự biết nghĩa-vụ của mình. Chủ trương này gọi là “*vô vi*”, có nghĩa là tránh mọi khuôn-khổ, công-thức gò-bó để lương-tri tự sáng tỏ và hướng-dẫn mọi sinh-hoạt riêng, chung. Thậm chí cả đến danh-từ, Lão Tử cũng ngại dùng đến, “*Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh..*” (*Đạo Đức Kinh*).

*

định vị-trí giữa người với vũ-trụ. Sự nhận-định ấy quyết-định cho cuộc sinh tồn của nhân-loại trong hoàn-cảnh của nó. Ngay từ buổi đầu, sau khi nhận-định vị-trí với hoàn-cảnh, nhân-loại ly khai khỏi cảnh hỗn nhất, mất cảnh thiên-đường, thiên thai lạc lối (le paradis est perdu). Và chỉ muốn nhớ lại, muốn trở lại cái thiên-đàng nguyên lai để lại thấy được quân bình cho tâm-hồn mà có thần thoải xuất-hiện ở tất cả các xã-hội bình-dân”. “Tinh-thần tìm nổi hiện-thực với siêu-nhiên qua hang động núi non. Hang động đã làm nguồn cảm hứng cho nghệ-thuật, cho văn-sĩ Việt Nam dùng mỹ cảm kinh-nghiệm để thăng-hoa tình-cảm cá-nhân vào thế-giới siêu-hình bóng Lai, tiên cảnh, bất tử trường sinh. Từ Thức với Giáng Tiên mà sân khấu bắt đầu từ hạt Tiên Du, Bắc Ninh nơi có nhiều cổ mộ. “Động thiên, sơn thủy ảnh-hưởng thâm sâu vào tư-tưởng Việt Nam, tư-tưởng bình-dân ở dòng Đạo Nội là một thứ Đạo giáo dân-tộc vì nó đã nổi tục sùng-bái anh-hùng dân-tộc với sùng-bái thần tiên kiểu Lão giáo.”

Tóm lại, thần tiên trong con mắt nhân-dân Việt Nam tự xưa đến nay, tượng-trưng cho sự sống lâu, (*trường thọ*) vĩnh-cửu.

Hoặc:

Lâm râm khẩn vái Phật - Trời.

Xin cho cha mẹ ở đời với con.

(Ca Dao)

Thái-độ này là một quá-trình thực-hiện, tiến-hóa sống động, chứ không phải một hệ-thống suy-luận đóng khung. Bởi thế, từ vật-chất đến tinh-thần, từ thực-tế đến lý-tưởng, là cả một quá-trình vận-động tiến tới uyển-chuyển của sự sống hiện sinh, phải thích-ứng với hoàn-cảnh chứ không phải một khái-niệm hợp lý của trí-thức. Bởi thế, giáo-sĩ L. Cardière cho rằng: “*Người Việt sống không Thượng đế, nghĩa là quan-niệm về một đấng tối-cao không được họ để ý*” (*la notion d'un Être suprême lui échappe*) mà rất tín-ngưỡng.

Chính cũng bởi thái-độ phản trí-thức ấy mà họ tiếp-thu, cùng tiêu-hóa một cách tự-nhiên, cởi-mở tất cả giáo-lý đã du-nhập vào đất họ. Đạo Lão, đạo Nho, đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Tổ Tiên, đạo Chư Vị, tất-cả sống chung bên cạnh nhau thân-mật và cùng nhau hòa-hợp, hỗ-tương nơi tâm-hồn dân Việt một cách dễ-dàng, ít khi xung-đột...

- Đối với xã-hội nông-nghiệp, thiên-nhiên ảnh hưởng quan-trọng đến đời sống, cho nên mối liên-hệ giữa **vũ-trụ với nhân sinh cần có sự hòa-đồng, hỗ tương chứ không đối-ngịch.**

Ở đây, trời hạn hán, đem đồ-thần cho sinh-linh! Điều này trái với lẽ trong Dịch lý, “*Thiên Địa chi đại đức viết sinh = cái đức lớn của Trời đất là nguồn sống*”. Nói cách khác, Thiên - Nhân hợp nhất. Trong sách “*Trung Dung*” của Nho học cũng đã bàn: “*Năng tận nhân chi tính, tắc tận vật chi tính. Năng tận vật chi tính, tắc khả dĩ dữ tán thiên địa chi hóa dục. Khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hỹ.*” = Nếu có thể đến cùng cái tính của người, thì có thể đến cùng cái tính của vật. Có thể đến cùng cái tính của vật thì có thể giúp sức vào công cuộc nuôi-nấng, sinh hóa của Trời Đất.

Nhân-sinh và vũ-trụ, thực-tế với lý-tưởng, vật với tâm tưởng xung-đột, mâu-thuẫn, nhưng vì điều-kiện sống còn đã chứng-minh sự đồng-nhất trong sự sống biến-hóa vô cùng, sống một cách toàn-diện và hiệu-nghiem. Nền-tảng của đạo sống Việt phát-xuất từ kinh-nghiem sống hòa-hài qua nghề trồng lúa nước, qua cái nhìn liên-tưởng và tương-dung đối-ứng. Nó hóa-giải, điều-hợp các mâu-thuẫn giữa hai đầu cực-đoan của cai biết phân-biệt.

Cái biết phân-biệt hai đầu cực-đoan - *có không, tốt xấu, thiện ác, v.v...* là nguyên-nhân phát-

sinh các tư-tưởng “duy” (*duy tâm, duy vật, duy sinh, duy lý, duy thần...*) đối-ngịch nhau, tranh-chấp một mất một còn, gây ra chiến-tranh triền-miên khắp nơi. Nó cũng là nguyên-nhân phát-sinh đối nghịch, hỗn-loạn, khủng-hoảng, bế-tắc trong xã-hội, làm khổ-lụy con người trong đời sống vật-chất và tinh-thần.. Xã-hội Việt vốn là xã-hội nông-nghiệp. Qua chế-độ quân điền (*chia đều ruộng đất*), nông dân nào cũng có ruộng để cày cấy, sinh nhai, trong khi đó nhiều quốc-gia, ngay cả ở Á Châu, vì không có chế-độ quân. điền, hay bỏ chế-độ đó mà nông dân biến thành nông-nô. Nghề nông gắn liền với môi-trường thiên-nhiên và xã-hội, nên tư-tưởng của nông-dân Việt là hài-hòa, *thống-nhất vũ-trụ - con người - và xã-hội*:

*Người ta đi cấy lấy công,
Tôi đây đi cấy còn trông nhiều bề:
Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm,
Trông cho chân cứng, đá mềm
Trời an, biển lặng mới yên tấm lòng.*

(Ca Dao)

Bức tranh lý-tưởng của nông dân là bức tranh “*thái hòa*”, “*an lạc*”:

*Làng ta phong cảnh hữu tình
Dân cư an khúch như hình con long
Nhờ trời hạ kế sang đông
Làm nghề cày cấy vun trồng tốt-tươi.
Vụ năm cho đến vụ mười
Trong làng kẻ gái, người trai đua nghề
Trời ra găng, trời lặn về*

*Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề truân- chuyên.
Dưới dân họ, trên quan viên,
Công-bình giữ mực, cầm quyền cho hay.*

(Ca Dao)

trong triết Việt.

Mừng bảy hội Khâm, mừng tám hội Dâu
Mừng chín dâu dâu trở về hội Gióng.

(Ca Dao)

Trả xong nợ nước, rũ sạch nợ trần, một tay khử
bạo trừ hung, cứu dân nước mà lộc vua không màng,
một ngựa lên tiên. Thật là “Sắc mà không, không mà
sắc, thiên mà động, động mà thiên, quả là một vi hiệp
Phật, nhập thế được, xuất thế cũng được, cứu người
được, giết người cũng được. Ngày nay đền Gióng tế
chay, đền Sóc tế mặn, có lẽ là bậc thái thượng, không
lấy pháp mầu tầm-thường mà luận chằng? Cho nên
lấy công đánh giặc mà nói, nên gọi là cứu quốc anh
hùng. Lấy sự ngộ đạo mà nói, nên gọi là “Vô Ngôn Bồ
Tát.”¹

(Hà Nội 1944, Việt Sử Đại Toàn, Trúc Sơn, Mai Đăng Đệ)

Đây là triết lý “Chí công vô tư, công thành thân
thoái” trong tinh-thần truyền-thống của dân tộc. Nó
là triết-lý tự-nhiên như hệ-thống Lão -Trang, nhưng
có điểm khác-biệt là công nhận tinh thần quốc-gia dân-
tộc, cho nên Đồng Thiên vương đã hưởng-ứng tiếng gọi
thiên-liêng của Tổ quốc mà bước vào hành-động nhập-
thế hiện-sinh, cũng chém, cũng giết. Đây là triết-lý
hành động vô cầu mà cận đại Nguyễn Công Trứ đã
nhắc lại:

Chữ vô cầu là chữ thiên tiên,
Đem bắm Trời, Trời cũng phải khuyên,
Khuyên, khuyên chữ anh hùng yên sở ngộ.- . .

*

1- Nguyễn Đăng Thục, “Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam”, Tập I, tr.
182, in lần thứ II, nhà xb. T/P HCM, năm 1991

D/ Sống Lạc Quan - Chết không có nghĩa là hết:

Kinh-nghiệm đời sống qua thời-gian lao-tác với
đất-đai, và thời-tiết, người nông-dân nhận thấy mùa
đông không bao giờ vĩnh-viễn, mà được kế-tiếp bằng
sự hồi sinh của thiên-nhiên, một biểu-hiện các trạng-
thái mới, và vô hạn của sự sống. Không có gì chết
vĩnh-viễn, tất cả đều quy vào điểm khởi-thủy để mở
đầu cho một mùa xuân tươi đẹp.

Kinh-nghiệm này gây nên tinh-thần lạc-quan
và yêu đời, liên-quan đến nguồn sống trường-cửu (*sinh
sinh chi vị dịch*), và sự tuần-hoàn qua thời-tiết (*xuân,
hạ, thu, đông*). “Everything has sprung from immortal
life and is vibrating with life, for life is immense” (Mọi
vật đều từ nguồn sống trường cửu xuất-hiện và rung-
động với nguồn sống thì vô hạn, vô biên) R. Tagore.

Sự tuần-hoàn nguyên-thủy phản chung (*bước
đầu lại quay về chỗ cuối*) tương-tự như vòng tròn dâu
cũng là khởi-điểm, và cũng là chung-điểm. Đó là vòng
tròn nói về phương-diện toàn-thể tuyệt-đối, còn ở
phương-diện phần bộ tương-đối, hiện-sinh thì luôn-
luôn có sự đổi mới. Nói cách khác, thì đây là một
vòng tròn xoay tròn ốc (vòng tròn từ tâm điểm xoay
rộng dần lên). **Niềm tin-tưởng vào vòng tròn xoay tròn
ốc ngụ ý thâm-trầm về triết-lý nhân sinh của văn-
hóa đồng ruộng, văn-hóa thảo-mộc, là thế-giới biến-
hóa về lượng tính mà bất biến về phẩm tính.**

Sự tin-tưởng này đã mang vào tinh-thần dân-
tộc một niềm lạc-quan yêu đời, dù trải bao thử-thách.
Nhờ tin-tưởng truyền-thống của dân-tộc có lai sinh (*lại
sống trở lại*) nên qua các thời-đại, gặp các cảnh-ngộ
éo-le, các nhà tư-tưởng Việt vẫn tràn đầy hy-vọng.
Hoàng Quang, một danh-sĩ thời Lê Mạt, thời tối-tăm
của lịch-sử dân-tộc, trong bài “Hoài Nam khúc” đã cao
ngâm: **Đại hàn chi hậu, tất hữu dương xuân**,

(Sau giá rét, ắt xuân sang). Sự tuần-hoàn của thời tiết, “*xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn*” (Xuân sinh-sôi nảy-nở, hạ trưởng thành, thu héo-hon, đông tàn), ngay sau mùa đông là xuân sang, nên mới nói “*Xuân bất tận, trời cho có mãi.*” hay “*Xuân khứ, xuân lai xuân bất tận.*” Đó là lý-do tin-tưởng vào nguồn sống trường-cửu. Ngày nay tiếp cho ngày qua, ngày nay phải khắc-phục và dự-liệu cho ngày mai. Người Việt không quan-ngại đến sự “chết”. ***Chết không có nghĩa là hết***, việc gì đến phải đến, (*Tận kỳ lực nhi tri thiên mệnh*). Thật là thái-độ khôn-ngoan mà người Tây phương khó mà hiểu nổi. Đối với người Việt rất thư-thái và dễ-dàng :

*Hát cho lở đất long trời,
Cho đời biết mặt, cho người biết tên.
Hát từ chợ Phú hát lên,
Hát suốt tỉnh Bắc qua miền tỉnh Đông.
Hát sao cho cạn dòng sông,
Cho non phải lở, cho lòng phải say.*
(Ca Dao)

Bức tranh xã-hội hài-hòa. Bờm có nắm xôi no bụng. Phú ông hiểu thế nào để có hạnh-phúc (*Quạt mo phe-phẩy*), không có cảnh người bóc-lột người, không có cảnh gian tham, lừa-lọc, chỉ có sự tử-tế, biết điều, tôn-trọng công-bằng xã-hội.

Lẽ bình-dị, thanh-thản trong cuộc sống còn được gói-ghém qua bài “*Thằng Bờm có cái quạt mo*”:

*Thằng Bờm
Thằng Bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy trâu,
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè,*

*Phú ông xin đổi một bè gỗ lim.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy lim.
Phú ông xin đổi con chim đồi-mồi,
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mồi,
Phú ông xin đổi nắm xôi, Bờm mừng.*
(Ca dao)

Bờm được coi như bất-kỳ một em nhỏ nào miền quê, tóc còn để chỏm, nói lên tính-cách hồn-nhiên, ngây-thơ, và thật-thà.

Bài ca-dao này được phổ-biến rộng-rãi trong mọi giới, khắp từ Bắc vào Nam.

E/ **Triết lý tự nhiên** (vi nhi vô vi) :

Tục-ngữ Việt có câu: “*Nhất nước, nhì phân, tam cần (cần cù), tứ giống*”, nói lên “*nước*” giữ vai trò quan-trọng trong nghề nông. Trên thực-tế - Về tư tưởng, “*nước*” đã đưa ra 16 nguyên-lý ảnh-hưởng đến tư-tưởng, văn-học, như “*Hiện thực với siêu nhiên là một*”, tính “*không chấp*”, “*Lạc quan về đời sống*”, “*Tinh thần thăng hoa*”, v.v...Ta thấy, nước chảy theo cách tự-nhiên, có thể ví như tính-cách “*vi nhi vô vi*” (*chảy mà không cố ý chảy*) trong Lão học. Nước nuôi-dưỡng muôn loài, muôn vật đều cần có nước, nhưng nước không bao giờ ỷ công, như tinh-thần người mẹ nuôi con. Nước xuôi chảy theo bản tánh tự-nhiên, thâm-nạp, thích-nghi, dung-hóa bốc hơi, ... âm-thầm gặp chỗ sâu, nằm yên đó; có dịp bốc hơi thành mây, gặp điều-kiện thích-hợp, mây trở thành mưa, nước mưa thấm vào đất. Sự hiểu nghiệm này được thần-thoại hóa qua truyện “*Thánh Gióng*” (*Phù Đổng Thiên vương*), với tinh-thần “*Có việc thì đến, hết việc thì đi, không kể già -trẻ. Trẻ thì vươn vai thành lớn, nhảy lên ngựa sắt, phóng vào trận giặc. Phá tan thế giặc, cỡi ngựa bay lên trời - không cần ở lại trần thế để hưởng-thụ công-đức*”. Đây chính là ý-nghĩa sâu-xa

chính là những luật-tắc khoa học khách-quan. Sang con người khai-thác quy luật khách-quan thiên-nhiên để phục-vụ cho con người, con người nắm được các luật-tắc thiên-nhiên tức là con người đóng vai-trò làm chủ vũ-trụ vật-chất.

Có một sự thực không thể chối cãi được là tự nhiên (thiên-nhiên) có trước loài người. Vũ-trụ đối với loài người là cực chất, là vật chất *vô hạn lượng tính, là vô hạn duyên khởi, vô hạn cứu cánh*. Tự nhiên thấm-thấu vào con người, nên con người có tính “bẩm sinh” tức là tự-nhiên tính. Con người lại không thể sống đơn độc, con người phải sống trong đoàn-thể, trong xã-hội nên có thêm một tính khác (*thành tựu tính, xã-hội tính*). Con người lại vượt lên trên mọi động vật, mọi thú vật, nhờ có tư-tưởng dẫn dắt để luôn-luôn có vận-động hướng thượng, sao cho đời sống mỗi ngày một tươi đẹp. Nói cách khác, con người không những có *tư kỷ tính, vị tha và hướng thượng tính*.

Ta có thể nói: Người là mẫu-mực thống-nhất cả ba phạm-trù: *tự-nhiên, xã-hội và tư-tưởng*.

Người là nguyên-nhân tạo ra sự thống-nhất của ba phạm-trù: “tự-nhiên”, “xã-hội” và “tư-tưởng” trong mọi hiện-tượng sống.

Ta cũng thấy rằng: không có người thì không có hiện-tượng sống. Do đó, *người chính là tiền đề đích-thực của triết-học*, chứ không phải là “**thần**”, là “**vật**” hay là “**sinh nguyên**”.

Người khác động vật là vì có nhân tính. Xã hội người chính là một tổ-chức có nhân tính. Nhờ nhân tính mà con người hình-thành xã-hội. Nhân tính nguyên khởi để cấu-tạo xã-hội là “**nhu-yếu tính, sắc tính, tự-vệ tính, và xã-hội tính**.” Đó là bốn đặc tính căn-bản của con người khi thành-lập xã-hội.

E/ Nhân tính (Tính con người)

Bàn về nhân bản, mà không luận đến nhân tính là chỉ bàn đến cốt lõi vị trí của con người, mà chưa nói đến nội-dung, bản tính ra sao? Chính ở điểm không hiểu rõ ‘Tính Người’ mà nhiều học-thuyết về xã-hội đã thất-bại trên đường xây-dựng nhân sinh.!

* Bàn về tính người, , Khổng Học cho rằng:

“*Khắc kỷ phục lễ vi nhân*” (nghiêm-trì tư dục nơi mình là khắc kỷ, hồi-phục được chân lý của trời là phục lễ, thế là nhân.) dù đã được diễn rộng ra,

“*Những cơ thể nơi thân mình như: con mắt, cái miệng, lỗ tai, thân xác, đó là kỷ, muốn khắc kỷ, trước phải lưu ý ở bản thân, hễ điều gì không đúng với lễ trời tức là phi lễ, đã phi lễ tức là tư dục, nếu chiều theo, tức là không khắc được kỷ, không phục được lễ, nên phải thường hỏi trong lòng hễ có cái gì phi lễ ở trước mắt thời chớ dờm, biết được cái gì phi lễ ở bên tai thời chớ nghe, những lời lẽ gì mà phi lễ thời miệng chớ nói ra, những công việc gì biết phi lễ thời thân chớ làm. Những cái phi lễ đã đoạn-tuyệt được rồi tức khắc phục lễ (**phục được thiên lý**). Bỏ hết được cái trái, thời cái phải hiện ra, làm nhân đâu có khó gì?*”

- Trung Dung có câu: “*Nhân giả, nhân dã*”. Gọi bằng đức nhân chỉ là cái lòng tốt của người.

- “*Đương nhân bất nhượng ư sư*” = thấy việc nhân thì dù thầy mình cũng không nhường cho thầy.

Đều là những lý-luận vu-vơ, ngoại trừ một đôi điều có thể chấp-nhận, vì khi nói đến ‘*tính người*’ không đời xa con người, như:

- “*Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*” = Những điều mình không muốn thì chớ đem đối-đãi với người.

Nhân theo Khổng học là **tâm đức**; Nhân là bác thí, lòng “**nhân**” nơi con người được ví như *thiên lý*?

“*Năng chi sở bất học nhi năng giả, kỳ lương năng giả, sở bất lự nhi tri giả, kỳ lương tri giả. Hài đề chi đồng vô bất tri ái kỳ thân giả; cập kỳ trưởng giả, vô bất tri kính kỳ huynh giả. Thân thân nhân giả, kính trưởng nghĩa dã. 6 tha, đạt chi thiên hạ giả. (Người ta có những điều chẳng cần học tập với ai mà tự mình hay được là cái **lương năng**. Có cái điều không cần suy-nghĩ mà tự-nhiên biết được là cái **lương-tri** vậy. Đứa bé con, miệng vừa biết cười, tay vừa biết nắm (hài đề nhi đồng) không đứa nào là không yêu cha mẹ nó; đến khi 9, 10 tuổi) không đứa nào không biết kính trọng anh nó. Cái biết như thế tức là lương-tri, lương tri này ra lương năng.*

Nói cách khác, lương tri và lương năng tức là lương tâm, nên Mạnh Tử cho tâm người **tính thiện**.

Ngược lại, Cáo Tử lại cho rằng: “*Tính do soạn thủy giả, quyết chư Đông phương tắc Đông lưu, quyết chư Tây phương tắc Tây lưu.*” Nhân tính chi vi vô phân ư thiện, bất thiện giả, diệc do thủy chi, vô phân ư đông, tây giả. (Tính người ta như dòng nước chảy, trở sang Đông thì nó chảy sang Đông, trở sang Tây thì nó chảy sang Tây. **Tính người không phân biệt thiện với bất thiện, cũng như dòng nước không phân biệt Đông với Tây vậy.**)

Ông cho rằng **tính là do sinh-hoạt**, “*Sinh chi vị tính. Thực sắc tính dã.*” = Sinh-hoạt mà sinh ra tính. Ăn uống và sắc thái là tính (Cáo Tử, thượng).

Chú đến siuh-hoạt là chú trọng đến kinh-nghiệm. Nói cách khác, đó là quan-niệm thực-nghiệm về tính, khác với chủ-trương chú-trọng vào bản năng con người như Mạnh Tử. Mạnh Tử bác ý này: “*Thủy tính vô phân ư Đông Tây, vô phân ư thượng hạ hồ?*”

Tính của nước không phân Đông - Tây nhưng há không phân cao thấp sao? Người ta có lúc bắt phải làm điều bất thiện cũng như nước, có lúc bắt buộc phải lên cao đó vậy.

Theo Mạnh Tử, trong tính thiện có 4 mối:

1/ Lòng bất nhẫn hay trắc ẩn.

2/ Tâm tu ố: Biết cái việc đáng làm xấu thẹn chê ghét mà sinh ra lòng xấu thẹn, chê ghét, đó là lòng tu ố.

3/ Lòng từ nhượng: Đụng lấy việc, không thừa nhận, không cạnh-tranh mà sinh ra lòng từ-chối nhân nhượng.

4/ Lòng thị phi: Thấy được chuyện phải mà trong lòng cho là phải; thấy chuyện trái mà trong lòng cho là trái.

Ở đây, ta thấy nếu căn-cứ vào *thiên lý hay thiên mệnh* (“*Thiên mệnh chi vị tính*” hay “*Nhân chi sơ tính bản thiện*”), hoặc Mạnh Tử đã lý luận : “*nước bao giờ cũng chảy xuống thấp*” mà cho tính người là thiện. Đó là một điều lầm lẫn (**lấy điều-kiện ở thể chất hay thiên-nhiên mà suy luận vào con người**) !

Tính người lúc sơ sinh, chính là tính bẩm sinh (**vô kỷ tính**), và nước bao giờ cũng chảy xuống thấp do ảnh-hưởng sức hút của trái đất, nên không thể cho tính bẩm sinh hay nước chảy xuống thấp, mà cho tính người là “*vốn thiện*”!

Mỗi sự vật trong vũ-trụ được quan-niệm có hai mục-đích khách-quan và chủ-quan. Mục đích chủ-quan là căn-cứ trên các công-hiệu thực-dụng cho con người. Thí dụ cách người xử-dụng mưa tùy theo mục-đích; mục-đích khách-quan thường mang tính-chất đương nhiên của sự vật, như mưa là mưa. Nhưng tùy theo hoàn-cảnh mà khác nhau. Mưa đối với người đang phơi lúa là xấu, đối với người đang gieo mạ thì lại là tốt.

Vũ trụ thiên-nhiên trong mục-đích khách quan là sự hiện hữu vô tình hay luật-tắc tự-nhiên. Đó

Trời sinh người ta có thứ dục vọng bởi tai mắt, thích nghe cái hay, nhìn cái đẹp, do đó mới sinh ra vấn đề dâm loạn, mà mất đi lễ nghĩa, đạo lý văn hóa. Vậy thì, nếu cứ chiều theo tình của con người thì sẽ diễn ra cảnh tranh giành, phạm tội loạn ly, rồi quy hết về bạo lực...

Cứ theo đó, thì quá rõ, tính người là ác vậy....”

Trong Nho Hiệu, Tuân Tử nói:

“Tính dã giả, ngô sở bất vi năng dã, nhiên nhi khả hóa dã. Chú thố tập tục, sở dĩ hóa tính dã. Tích nhất nhị bất nhị sở dĩ thành tích dã. Tập tục di chí, an cử di chất... Đồ chi nhân bách tính tích thiện nhi toàn tận vị nhi thánh nhân., Bĩ cầu chi nhị hậu đắc, vi chi nhị hậu thành, tích chi nhị hậu cao, tận chi nhị hậu thánh. Cổ thánh nhân dã giả, nhân chi sở tích dã. Nhân tích nhục canh nhi vi nông phu, tích tạc tước nhi vi công tướng, tích phản hóa nhi vi thương cổ, tích lễ nghĩa nhi vi quân tử công tướng chi tử, mạc bất kế sự, nhi đô quốc chi dân an tập kỳ phục. Cư Sở nhi Sở cư Việt nhi Việt, cư Hạ nhi Hạ. Thị phi thiên tích dã, tích mỹ sử nhiên dã.” = Tính là cái ta không làm ra được, nhưng có thể hóa đi được. Tính là cái không phải tự-nhiên ta có, nhưng có thể làm cho ta có được. Chú-ý làm-lụng tạo thành thói quen, để hóa thành cái tính, gồm cả làm một mà không hai để thành ra cái tích chứa. Tập trung ý chí, yên lâu đổi cái khí chất. Người thường bình-dân tích điều thiện mà toàn vẹn được thì gọi là bậc thánh nhân. Ai có cầu thì mới có được.

“Có làm thì rồi mới có nên. Có tích mãi thì mới lên cao. Có cái thiện thì rồi mới là cái thánh, cho nên thánh nhân là người tích nhiều đức hạnh. Người tích việc cày cấy mà làm nông phu; người tích việc đục đẽo mà làm thợ; tích các hàng hóa mà làm lái buôn; tích lễ nghĩa mà làm quân tử. Người làm thợ không ai la

Nhu-yếu tính của con người phải lấy “*bình*” làm chuẩn. nghĩa là không có người nào bị chèn ép trong sự thỏa-mãn những nhu-yếu tinh-thần cũng như vật-chất. Sắc tính của người phải lấy “*trinh*” làm chuẩn, nghĩa là lòng trung thành song phương giữa nam và nữ.

Tự-vệ tính và xã-hội tính của người phải lấy “*hòa*” làm chuẩn. Liên-hệ giữa người và người là liên-hệ hòa-hài. Sống trong một xã-hội hòa-bình, đó là liên-hệ ***cơ-năng bản-vị hổ-tương nguyên-nhân***.

Nhờ tư-tưởng quan-sát về vũ-trụ, tìm tòi các quy-luật trong vũ-trụ, áp-dụng định-luật khoa-học để giúp ích cho đời sống (*tán thiên địa chi hóa dục*), xã hội biểu-hiện các thành quả khách-quan, kinh-nghiệm tích-lũy qua các thời-đại, các sáng-tạo thấu nhận trong tập thể, xã-hội là phản-ảnh của tư-tưởng. Do đó, như trên đã tóm: *tư-tưởng - xã-hội - và vũ trụ thống-nhất và thường-xuyên vận-động*.

Vũ-trụ tự-nhiên là vũ-trụ vật-chất hiện hữu chung quanh con người. Bản thể của vũ-trụ vật-chất là ***vô cùng nguyên-nhân, vô cùng duyên khởi, vô cùng cứu cánh, vô hạn lượng tính, vô hạn phương trình***. Quy-luật của vũ-trụ là các quy-luật khoa-học của vật-chất, trong đó các khoa-học-gia đã khám-phá được một phần chân-lý.

Trong nhận thức người, vũ-trụ vật-chất là thuần-tùy khách-quan, là lý tính thuần-túy. Các quy luật khách-quan khi áp-dụng cho loài người cần được áp-dụng thích-nghi, hợp với bản-chất người và lợi ích cho con người. Do đó ***vũ trụ và con người tuy tương-quan nhưng phải được phân-biệt để người không bị đồng-hóa với vật-chất và bị chi-phối bởi quy-luật thuần-túy vật-chất khách-quan***.

Áp-dụng tính chất khách-quan của vật-chất vào

con người tức là tiêu-hủy nhân tính và nhân phẩm, hạ giá-trị của người ngang hàng vật-chất.

Nếu “*thiên mệnh*” liên-hệ với tính người, hoặc “*thể mệnh*” liên-hệ mật-thiết với tâm linh, và “*thượng đế*” thì mờ đi vai trò nhân bản, và không thể nói:

“*Có trời mà cũng có ta...*”

hay “*Xưa nay, nhân định thắng thiên cũng nhiều.*”

(*Kiều*)

Đạo lý chữ “*nhân*” và tâm thuật người nhân tất bỏ “*lợi*” và “*mệnh*” (*vận mạng, mệnh số, hoặc sinh hoặc tử, hoặc họa hoặc phúc*) ra ngoài. Chân tình-thần của chữ “*nhân*” là một thứ vô hình, vô ảnh, vô thanh, vô xú. (Phan Bội Châu Toàn tập/ tr. 89/ tập 9)

Ngoài Mạnh Tử, còn có:

* *Tuân Tử*, người nước Triệu, họ *Tuân*, tên *Huống*, tên chữ là *Khanh*, sinh thời *Chiến Quốc*, sau *Mạnh Tử* 40 năm. Ông chủ-trương: **Tính ác** - *Thuyết Phi mệnh*.

* *Mặc Tử* là đại-biểu đấu tranh trong xã-hội giai-cấp. Sự chia rẽ của *Chiến Quốc* là do sự lũng-đoạn của thành-phần nắm đặc quyền. Giai-cấp đặc quyền phải bỏ đi những phù hoa, xa-xỉ để đem lại “*bình*” cho đời sống đại chúng. Những bất-bình của xã-hội phải bị phá tan bằng “*nhân ái*”. *Mặc Tử* đã đi bộ suốt ngày đêm, mười buổi sang Sở, mang trí-thức và học-vấn xác-thực của mình để phá tan sù-y-đồ của Sở trước, mang tinh-thần hy-sinh của chính mình ra tiêu-diệt tai-vạ của chiến tranh. Chỉ có hy-sinh và chiến-tranh để tiêu-diệt chiến-tranh. Chỉ có lý-tưởng tối cao, chân - thiện - mỹ ra phá tan được bất-bình.

Ta có thể nói *Mặc Tử* là tổng hòa những mồ-hôi róc-rách chảy vào những tấm lòng lao-động.

Người ta đã so-sánh phần dị - biệt về tư-tưởng

giữa *Mạnh Tử* với *Tuân Tử*, ngoài vấn-đề “*tính thiện*” với “*tính ác*”, còn có những điểm: *Mạnh Tử* thuộc về chủ-nghĩa “*tiên nghiệm*”, *Tuân Tử* thuộc về chủ nghĩa “*kinh-nghiệm*”.

- *Mạnh Tử* chú trọng về “*tâm tính*”, nhằm xây dựng một hệ-thống triết-lý cho Nho học; *Tuân Tử* để ý về chính-trị, xã-hội nhiều hơn.

- Trong phần tu dưỡng tâm tính, *Mạnh Tử* chủ trương “*quả dục*”, *Tuân Tử* chủ trương “*túc dục*”.

- Về phần bổng-lộc, *Mạnh Tử* giữ nguyên thể chế thế tập, *Tuân Tử* chủ-trương “*vô đức bất quý, vô năng bất quan*” (kể thiếu đức không hưởng địa-vị cao sang, người thiếu tài không nên trọng dụng). Ông muốn giải-thoát con người ra khỏi chế-độ phong kiến.

- *Mạnh Tử* cố-chấp về giá-trị lý-tưởng cao cả, *Tuân tử* thích-ứng với trào-lưu mới, luôn-luôn nhấn mạnh làm sao cho quốc gia phú cường.

Tuân Tử tuy cho tính người là ác, nhưng ông cũng nhìn nhận giữa con người và vũ-trụ có tương-quan chặt-chẽ. Vì thế, ông có nói: “*Tính giả thiên chi tự*” (khi sinh ra người ta đã sẵn cái tính tự nhiên). Tính tự nhiên ví như tờ giấy trắng, nhuộm màu gì sẽ ra màu ấy. Sở dĩ nhân tính có thể thành ra ác là bởi lòng người nảy sinh dục-vọng: “*Kim nhân chi tính, sinh nhi háo lợi yên, thuận chi, cố tranh đoạt sinh, nhi tử nhượng vong yên... Sinh nhi hữu nhĩ mục chi dục, hữu háo thanh sắc yên, thuận chi. Cố dâm loạn sinh, nhi lễ nghĩa văn lý vong yên. Nhiên tắc tùng nhân chi tính, thuận nhân chi tình, tất xuất ư tranh đoạt, thập ư phạm nhân loạn ly, nhi quy ư đạo... Dụng thử quan chi, nhiên tắc nhân chi tính ác minh dĩ...*” (*Tính người ngày nay, trời sinh có kẻ hiếu lợi, do đó mới sinh ra vấn đề tranh-đoạt mà mất đi tính khiêm-nhường...*)

như thế nào?” (p.70, Oldenberg: Buddha).”

Giai-cấp giáo-sĩ Bà La Môn cố-chấp vào dòng máu quý tộc mà độc chuyên thánh giáo Veda. Xã-hội lâm vào các chứng bệnh hiểm nghèo, chính giữa cảnh vô chính phủ trong tư-tưởng mà đức Phật ra đời, tự xưng là một thầy thuốc, tìm thuốc chữa bệnh thời-đại.

“Ở Ấn Độ thời cổ xưa cũng diễn ra như ở trong thế-giới Hy Lạp là những hệ-thống siêu-hình bao-quát và rộng-rãi hơn của Platon và Aristote đã có những suy-luận về luân-lý nhân sinh. Khi nào nền móng của triết-học trở nên lung-lay thì các tư-tưởng-gia lại chú-ý vào những nguyên-lý của hành-vi. Nếu luân lý học lại lập cước trên đám cát biến chuyển của siêu-hình hay thần-học thì nó không có một sự tôn nghiêm vững-chắc. Phật muốn xây-dựng luân lý tôn nghiêm trên tảng đá của thực-nghiệm tâm lý. Nguyên thủy Phật giáo tương-tự như chủ-nghĩa thực tiễn, cố **vận-động chuyển dịch trung tâm điểm từ sự phụng sự Thượng đế sang phụng sự người**. Đức Phật không nhiệt-thành về sự việc xây-dựng một biểu-đồ mới về vũ-trụ hơn là chú-ý vào việc giảng dạy một ý nghĩa mới về bốn phận. Chính ưu-điểm của Phật là mở đường cho **một tôn-giáo biệt-lập với tín điều và giáo-hội, nghi lễ và thánh hóa**. Phật chỉ nhấn mạnh vào sự hóa thành tâm hồn tự bên trong và vào một hệ-thống tự tu đạo. Ngài chứng minh rằng sự cứu rỗi không ở tại sự thu nhận một mở tín điều đáng nghi-ngờ hay là những việc làm đen tối để làm nguôi lòng một thượng đế biết giận dữ. Sự cứu-rỗi cốt ở sự tu sửa tính cách và sùng tín điều lành.

Theo Phật, mê muội là nguyên-nhân của đau khổ. Phủ nhận giá trị luân lý của chủ nghĩa khổ hạnh nghiêm-khắc, bác-bỏ tín ngưỡng phổ-thông, miệt-thị chủ-nghĩa nghi lễ Brahmana. Tóm lại, tạo một tông giáo bằng triết-học, đấy là một sự suy luận hết sức phiêu-lưu, một

không quen lối của mình. Ở nước Sở mặc theo lối nước Sở; Ở nước Việt mặc theo lối nước Việt, ở đất Trung Hạ mặc theo lối Trung Hạ, ấy không phải là thiên tính, nhưng là thuận theo cái tính tập mà hóa ra vậy.”

* Nhân” theo Lão Giáo:

Thân thể của Lão Tử:

Viết về thân-thể của Lão Tử, không ai là không gặp điều trở-ngại vì không một sử sách nào cho biết rõ năm sinh, năm mất và quê quán của ngài.

Dựa vào những tài liệu liên quan, như Khổng Tử đến hỏi Lão Tử về “lễ”, mà người ta dự đoán Lão Tử sinh vào khoảng thế kỷ VI - V trước Công Nguyên.

Tác-phẩm duy nhất của Lão Tử còn để lại là bộ sách “Đạo Đức Kinh”, một loại sách về “Tâm linh học”, có tính-cách tâm truyền. Trong bộ sách này, đặc-biệt chương 20, Lão Tử đã tự vẽ chân dung mình:

Lão Tử viết: “Chúng nhân hi hi, như hưởng thái lao, như xuân dăng đài. Ngã độc bạc hê kỳ vị triêu. Như anh nhi chi vị hài, luy hê, nhược vô sở quy. Chúng nhân giai hữu dư. Nhi ngã độc nhược di. Ngã ngu nhân chi tâm dã tại ? Độn độn hê. Tục nhân chiêu chiêu. Ngã độc hôn hôn. Tục nhân sát sát. Ngã độc muộn muộn. Đạm hê kỳ nhược hải, liêu hê nhược vô chỉ. Chúng nhân giai hữu dĩ, nhi ngã độc ngang tự bỉ. Ngã độc dị ư nhân. Nhi quy thực mẫu.” = Đại chúng hơn hơ như hưởng thịt tế, như ngày xuân bước lên đài. Một mình ta riêng đậu ở bến, chưa có hình tượng, như đứa hài nhi chưa cười, loanh-quanh như không biết về đâu. Đại chúng đều có thừa mà một mình ta như bỏ không ham nữa. Ta là kẻ ngu sao ? Ngu độn thấy! Đại chúng có vẻ sáng tỏ. Riêng ta như hôn mê. Đại chúng xét-nét, riêng ta tối-tăm. Phẳng lặng thay như mặt bể, phơi-phới thay như không

ngừng. Đại chúng đều có ý vào việc, riêng ta thì ương mà khinh-bỉ, riêng khác với mọi người, mà chỉ quy về sống nơi lòng mẹ.”¹

So-sánh giữa “Nước” với “Tính Người” trong “Đạo Đức Kinh”:

1- “*Thượng thiên nhược thủy, thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ đại.*” (Bậc thượng thiện giống như nước, nước khéo lợi cho muôn vật mà không tranh, ở vào chỗ mọi người ghét nên gần với đạo.)

2- *Tri kỳ hùng thủ kỳ thư, vi thiên hạ khô. Vi thiên hạ khô, thường đức bất ly, phục quy ư an nhi.*” (Chương 28) = Biết con trống, giữ con mái, làm khe nước, cho thiên hạ. Làm khe nước cho thiên hạ, thường theo đức không lìa, lại trở về trẻ thơ.

3- *Thí đạo chỉ tại thiên hạ, du xuyên cốc chỉ ư giang hải.* = Ví đạo lưu hành trong thiên hạ, như là suối hang chảy ra sông biển. (Chương 32).

4- *Ngư bất khả thoát ư uyên. Quốc chi lợi khí, bất khả dĩ thị nhân = Cá không thể thoát khỏi vực. Lợi khí của nước nhà không bảo cho người biết.* (Chương 36).

5- *Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiên hạ chi. Cố năng vi bách cốc vương.* = Sôngbiển sở dĩ có thể làm vua trăm hang. Bởi vì nó khéo ở dưới trăm hang. Cho nên có thể làm vua trăm hang. (Chương 66)

6- *Thiên mạc nhược ư thủy, nhi công kiên cường giả, mạc chi năng thắng = Thiên hạ yêu mến không gì hơn nước, mà đánh nổi cứng mạnh không gì hơn nổi nó.* (Chương 78).

1- Nguyễn Đăng Thục, “*Lịch Sử Triết Học Đông Phương*”, tập 2, tr.138, nhà xb. T/P HCM, năm 2001.

*** Tính người ” theo Phật học và Thiên Chúa Giáo:**

A/ Thời đại Bà-La-Môn - Phật học, một hệ-thống tư-tưởng không thể tách rời với hoàn-cảnh lịch-sử, điều-kiện thời-gian đã thúc-đẩy nó xuất-hiện.

Xứ Ấn Độ lúc này chưa phải là một đế-quốc rộng lớn, thống-nhất. Trong lưu-vực hai dòng sông lớn là Ấn và Hằng, dân chinh-phục Aryen đã trà-trộn với dân bản xứ Dravidien. Đời sống sơn lâm bắt đầu nhường đất cho những tiểu-bang, những nhu-cầu sinh-hoạt trong đô-thị trù phú. Tiếng nói phổ-thông tuy là tiếng Phạn (Sanskrit) nhưng cũng còn nhiều tiếng địa-phương vẫn thấy dùng. Kinh Veda được coi như thánh giáo, nhưng tục-lệ sau này kết tập thành luật Manu vẫn còn mãnh-lực hiệu nghiê¹.

Sự thật có không-khí náo-nhiệt trong giới tư-tưởng. Có tư-tưởng-gia chủ-trương tinh-thần với linh hồn là một, lại có phái phân-biệt tinh-thần với linh-hồn. Có phái chủ-trương Thượng đế là nhân-loại, có phái chủ-trương Thượng-đế ở trên tất cả, v.v...Nào duy thần, nào duy vật, nào hoài-nghi, nào nguy-biện, thậm chí ở đất tinh thần truyền-thống xưa nay như Ấn Độ mà có kẻ như Saccaka dám tuyên-bố:

“*Ta không biết thánh giáo Samana - Veda hay là chủ nghĩa Brahmana, không thầy, không sư, không tổ của một tôn phái nào hết, ta cũng không biết cả đến người tự xưng là đức Phật tối cao thần hóa, người mà nếu chúng ta tranh-biện sẽ không lung-lay, run sợ và không toát mồ-hôi. Và nếu ta đả-kích một cái cột đá vô-tri vô-giác với khoa nói của ta thì nó cũng lung-lay, run sợ và lão-đảo; thử hỏi nếu ở trường-hợp một người thì*

1- Đại Học Sư Phạm Hà Nội, “*Đạo Gia và Văn Hóa*, Nhà xb Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội 2000.

Triết Học, Tông Giáo	Chủ Trương
Nho Giáo: * Khổng Tử	- Thiên lý. - “Khắc kỷ phục lễ vì nhân” (nghiêm-trị tư dục là khắc kỷ, hồi phục được chân lý của trời là phục lễ, thế là nhân.) - “Dân chi ư nhân giả, thậm ư thủy hỏa; thủy hỏa ngộ kiến đạo nhi tử giả hỹ, vị kiến đạo nhân nhi tử giả dã.” = Nước lửa vốn quan hệ cho cuộc sống, nhưng mà sự sống quan-hệ với đức nhân càng mật thiết hơn. - “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” = Những điều mình không muốn thì chớ đem đối đãi với người. “ Nhân theo Khổng học là tâm đức; Nhân là bác thí, lòng “nhân” nơi con người được ví như “thiên lý”. - Mạnh Tử chủ trương tính thiện. Trong tính thiện có 4 mối: 1/ Lòng bất nhẫn hay trắc ẩn. 2/ Tâm tu ố: Biết cái việc đáng làm xấu thẹn chê ghét mà sinh ra lòng xấu thẹn, chê ghét, đó là lòng tu ố. 3/ Lòng từ nhượng: Đụng lầy việc, không thừa nhận, không cạnh tranh mà sinh ra lòng từ chối nhân nhượng. 4/ Lòng thị phi: Thấy được chuyện phải mà trong lòng cho là phải; thấy chuyện trái mà trong lòng cho là trái.
* Mạnh Tư	

sự liễu-lĩnh mà chúng ta không có thể thưởng-thức chính-xác được, chúng ta nhận thấy ở nguyên thủy Phật giáo ba đặc-tính này là một lòng nhiệt thành về luân lý, không có khuynh-hướng thần học, và ác cảm với suy luận siêu hình.”

(Radhakrishnan - Indian philosophy p-358).;



F/ Bảng Tóm Tắt Tính Người

Trong số Tư Tưởng - Triết Học & Tôn Giáo



Triết Học, Tôn Giáo	Chủ Trương
-Duy Tâm (Duy Thần)	Vì y-cứ vào sự sắp đặt sẵn của đấng tối cao “<i>thần</i>”, nên mọi người đều phải phục-tòng; Trung tâm luật tắc trên lịch-sử học: “<i>Lịch sử là biểu hiện của ý chí tối cao.</i>” Luận về <i>tính</i> thì cho rằng <i>tính con người vốn thiện</i>, áp-dụng sang thực-tiễn lý luận thường thiên về giáo-dục, lấy nhân nghĩa làm chủ động trong cải-cách kiến-thiết xã hội.
-Duy Sinh	Hiệu-quả của lịch-sử và văn-minh lý luận đưa đến <i>định mệnh</i> chủ-nghĩa! Sang phần diễn dịch, phái “duy sinh” mang luật tắc âm dương của vũ-trụ áp-dụng vào xã-hội để thành lập một thứ Freudisme. (Kiền giả, dương vật dã, khôn giả âm vật dã...). Còn trung tâm luật tắc là cầu sống còn. Luận về tính người cho rằng loài người là <i>tinh thần phối hợp với vật chất</i>

Triết Học, Tông Giáo	Chủ Trương
*Thiên Chúa Giáo Con người do Thượng Đế tạo dựng, tất nhiên tốt lành, nên ta có thể nói tính người là thiện (tất nhiên phải tốt lành). tuy nhiên theo tín lý Thiên Chúa Giáo: con người sinh ra đã mắc tội ‘tổ tông truyền’ thành ra không hiểu là thiện hay ác? Căn cứ vào các câu ca-dao, tục ngữ Việt, ta thấy quan niệm của người Việt: ‘- Có thực mới vực được đạo, hay Ăn để mà sống chứ không phải sống để mà ăn’ nói cách khác Nhu yếu sống còn. - Tiếp nối (duyên chủng) sự sống, ‘ Có âm dương có vợ chồng Dầu từ thiên địa cũng vòng phu thê;’ - Nương tựa nhau cùng sống ‘Thương người như thể thương thân’ - Tinh thần thăng hoa ÊThực chứng tính bốc hơi của nước. Theo Tinh-thần Việt. Triết học Lý Đông A - Vô kỷ tính.	

Triết Học, Tông Giáo	Chủ Trương
*Tuân Tử: - Chủ tính người vốn ác. “Bỏ người mà nghĩ trời thì sai mất cái tính thật của vạn vật” tỏ ra tinh thần thực tiễn, nhưng không là duy vật. Tuân Tử nói:” Mục biện bạch hắc, nhĩ biện thanh âm = mắt phân biệt trắng, đen; tai phân biệt âm thanh . Tuân Tử chú trọng vào đạo “người” hơn là đạo “Trời”. - “Đạo giả phi thiên chi đạo, phi địa chi đạo, nhân chi sở đạo dã, quân tử nhi sở đạo dã” (Nho Hiệu)“ Tuân Tử chú trọng vào sức hóa thành của con người, của nhân quần xã hội. - Chủ Phiếm Ái (Rất gần với Mặc Dịch) “Phiếm ái vạn vật, thiên địa nhất thể dã.” (Trang Tử - Thiên Hạ). *Huệ Thi: Huệ Thi chủ trương sự vật đều tương đối và biến đổi không ngừng. Do đó không có sự khác nhau tuyệt đối của sự vật trong vũ trụ. Tất cả đều biến hóa không ngừng, đều tương quan mật thiết.” Học thuật của chư Tử đời Tiên Tần từ thời đại Xuân Thu đến Chiến Quốc, nói chung đều có khuynh hướng trọng về thực nghiệm, thực dụng, coi nhẹ bản thể siêu hình. Chủ tính vô thiện, vô bất thiện., như tờ giấy trắng. “Tính do soạn thủy giả, quyết chi Đông phương tắc Đông lưu; quyết chư Tây phương tắc Tây lưu.	

<i>Triết Học, Tông Giáo</i>	<i>Chủ Trương</i>
* Mặc Tử	Chủ “kiêm ái”: Kiêm = chung. Mặc Tử nói: “<i>Nhược sử thiên hạ kiêm tương ái, nhân ái phụ huynh dũ quân nhược dĩ kỳ thân, ố thì bất hiếu...thị tử đệ dũ thân nhược kỳ thân, ố thì bất từ, cố bất hiếu bất từ vô hữu. Do hữu đạo tặc giả hồ ? Thị nhân chi thất nhược kỳ thất, thùy thiết ? Thị nhân thân nhược kỳ thân, thùy tặc ? Cố đạo tặc vô hữu...</i>” = Nếu khiến thiên hạ gồm yêu nhau, ai ai cũng yêu cha anh cùng vua như yêu thân mình, ghét làm hiếu. Coi con em và bề tôi cũng như thân mình, ghét những điều bất từ, thì điều bất hiếu bất từ sẽ không có... - “<i>Thượng thiên nhược thủy, thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ đại.</i>” (Bậc thượng thiện giống như nước, nước khéo lợi cho muôn vật mà không tranh, ở vào chỗ mọi người ghét nên gần với đạo.). - “<i>Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiên hạ chi. Cố năng vi bách cốc vương. = Sông biển sở dĩ có thể làm vua trăm hang. Bởi vì nó khéo ở dưới trăm hang. Cho nên có thể làm vua trăm hang.</i> - “<i>Thiên mạc nhược ư thủy, nhi công kiên cường giả, mạc chi năng thắng = Thiên hạ yêu mến không gì hơn</i>
* Lão Tử	

<i>Triết Học, Tông Giáo</i>	<i>Chủ Trương</i>
* Phật Học	Phật tại tâm - Tâm tức Phật. Từ bi theo Phật giáo chia làm 3 cấp: * Chúng sinh, duyên tự, khởi tâm đền ơn, mong mỗi chúng mà khởi tâm từ bi, <i>đạo đức thế gian.</i> * Pháp duyên tự: (cấp 2) duyên nơi pháp và khởi từ bi (quán thân bình đẳng), <i>bình đẳng tâm.</i> * Đồng thể đại bi: Vô duyên đại tự, <i>không phân biệt, không điều kiện.</i> Nghĩa chính của hai chữ “<i>từ bi</i>”, theo hòa thượng Thích Huệ Đăng giải thích: Từ là cho vui, bi là cứu khổ. Từ bi không lấy cái ngã làm trung tâm xuất phát mà là kiến lập trên thể tướng <i>bình đẳng</i> đối với tất cả chúng sinh đều cùng một thể không sai khác.
Thiên Chúa Giáo	Bác ái là do Thượng Đế ban cho qua chúa Thánh Thần (La Mã 5:5). - Dù Bác ái phản ứng trên bản năng cảm quan, nhưng cần có ý thức và lý trí. - Hành động của bác ái là đặc-trưng tình-cảm giữa con người với Thượng Đế (St. John 14.23; 15:14).



F/ Tóm Lược Những Nét Đặc-sắc trong Nền Triết Học Việt Nam

- Nhân-sinh-quan: Lấy con người làm gốc, không phân-biệt nam nữ.
- Xã-hội-quan: Không có sự cách-biệt, giai-tầng.
- Thế-giới-quan: Người Việt Nam không quan-tâm đến những vấn-đề vu-khoát, ở ngoài tầm tri-thức. Ta thấy, nếu thuyết siêu-hình đi vào tông giáo để trở thành giáo-điều thì tác-dụng của nó vô-cùng tai-hại.

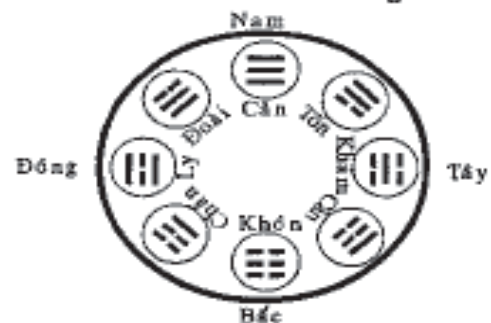
Lịch-sử tông-giáo thế-giới cho thấy sự dị-biệt trong quan-niệm về bản-chất thần-linh, sự hình-thành vũ-trụ. và nguồn-gốc con người đã là nguyên-nhân của những chiến-tranh liên-miên, làm đổ ra biển máu. Như vậy, chẳng-thà cứ để vấn-đề lơ-lửng như trong triết Việt, có lẽ là cách giải-quyết khôn-ngao nhất.

- Dân Tộc quan: Phải chăng xưa kia, nói đến Phục Hy, tức là nói đến một Tổ xa xưa của nòi Việt, hiểu theo danh lý là làm sống lại những điều hiếm-hoi (*Phục là làm sống lại và soi tỏ Hà Đồ + Lạc Thư, căn-bản của các nguồn dịch lý (Liên sơn, Quy Tàng hay Chu Dịch....?)*).

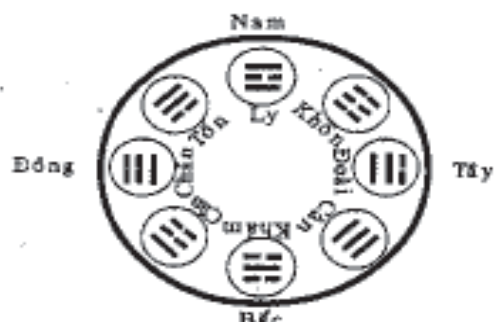
-Riêng khu-vực Văn Lang, hình-ảnh vua Lê Đại Hành, ngồi để chân không xuống nước câu cá, đã có ý tỏ ra muốn làm chủ mình để áp-đảo phương Bắc (*hành thủy*), hoặc bơi thuyền trên nước quanh núi, nói là biểu-tượng của non tiên, để ước-mong “*Thọ tử Nam sơn*”, tức người sống lâu, nhưng mà là với núi Nam bất-diệt. - Trần Hưng Đạo là Hưng cái đạo “*Nội thánh ngoại vương*.”- Quang Trung là làm sáng đức “*Trung*”. - Phan Sào Nam tôn bà Trưng làm thủy tổ dân Việt. - Lý Đông A sáng-lập ra Duy Dân, Tổng Thể Nhân Bản.

Đều là những tư-tưởng triết-học sáng chói đóng góp cho nền “*Nhân Bản - Dân Tộc khai-phóng*”.

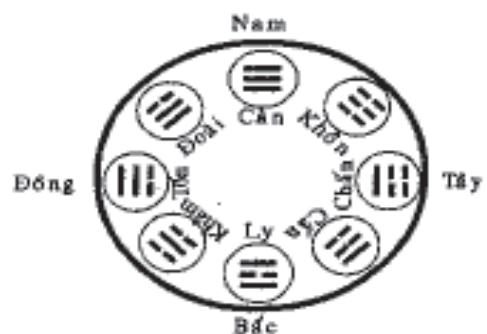
Ba Đồ Hình Chủ Chốt trong Kinh Dịch



Tiên Thiên Đồ

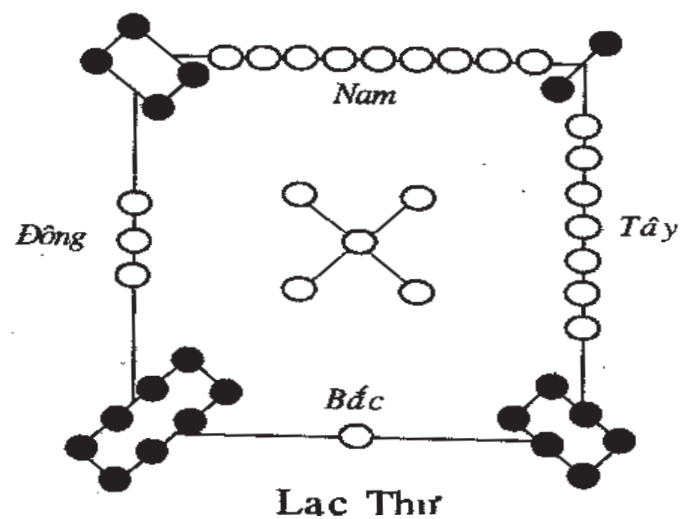
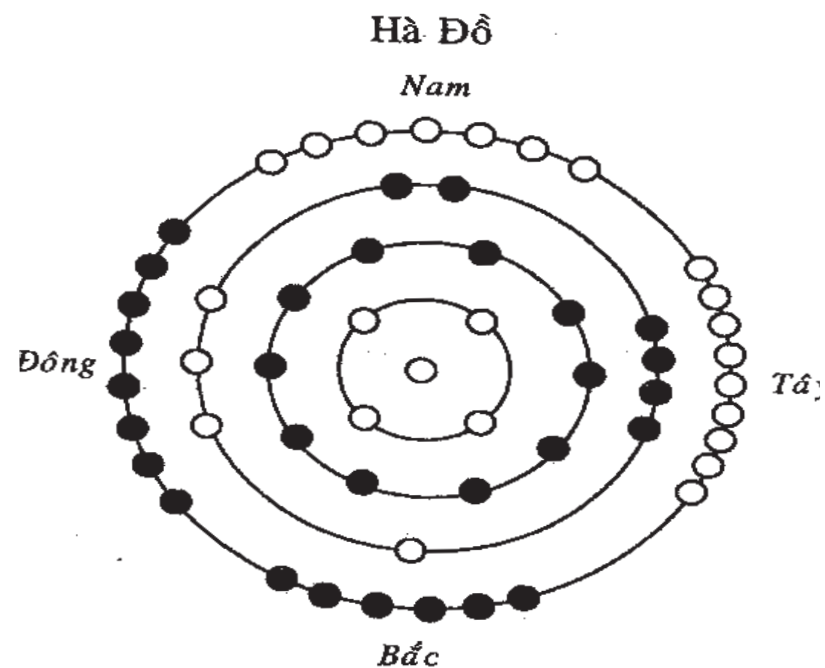


Hậu Thiên Đồ



Trung Thiên Đồ Bát Quái

(Chiếu theo bài "Kinh Dịch - Di Sản Sáng Tạo của Việt Nam của Nguyễn Thiếu Dũng)





Di tượng Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm

G/ Bảng Tổng Lược Vũ-trụ quan, Nhân sinh quan và Xã-hội quan trong Nền Triết Học Chính Thống Việt Nam.

<i>Phần</i>	<i>Dẫn Chứng</i>
<i>Vũ</i>	- Vũ-trụ vô thủy, vô chung (khôn cùng), “Sinh Sinh chi vị Dịch”, “Sức biết con người đến đâu, vũ trụ có tên đến đó.” - Trời linh-động, thay đổi khônngừng: Lấy ý từ “bất định hình” của nước: Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài. Ở hồ thì tĩnh, ở sông thì động..
<i>Trụ</i>	“Đồng đồng vãng lai”- Truyện Từ Thức lên tiên, các huyền thoại: “Đầm Dạ Trạch”, “Sơn Tinh và Thủy Tinh”, truyện Thánh Gióng”, v.v... Nhân-cách hóa thiên-nhiên - Nhân-bản hóa vũ-trụ: Ông Tơ, bà Nguyệt, Chú Cuội chị Hằng, Ông Thiên Lô, Thiên Đồng, Ngọc Nữ,...
<i>Quan</i>	. “Trông ra ngọn cỏ lá cây. Thấy hiu-hiu gió thì hay chị về...”- Truyện cổ “Con Cóc là cậu ông Trời.” Âm - dương đối-lập thống nhất. “Âm - Dương hòa, vũ trạch giáng.” “Hai đầu của kim nam châm, tuy khác nhau, nhưng cùng trên một trục”- Vũ trụ khách quan vô tình. Mưa là mưa, chứ không có chủ-đích. - Lấy người làm tối-cao căn-cứ.

Phần	Dẫn Chứng
Nhân	- Vai trò của người sánh ngang Trời Đất. “Có trời mà cũng có ta.” “Xưa nay, nhân định thắng thiên cũng nhiều.”. Thơ “Vịnh Tam Tài”, Vạn-vật đồng nhất thể. Nam - nữ bình-đẳng. Tình lý tương thông. Khôn chẳng qua lẽ, khoẻ chẳng qua lời. Tinh-thần bao-dung, dung-nạp, dung-hóa, thích-nghi. Vô-chấp (tổng-hợp “Tam Giáo: Phật
Sinh	- Khổng- Lão” thời Lý - Trần. - Tự-nhiên, vô-vi (Nước không làm vì ai, mà không có cái gì không làm). - Cầu-tiến, thăng-hoa (Nước bốc hơi). - An-nhiên tự-tại. - Con người có nhiều trách-vụ để gánh vác: bản-thân, gia-đình, quốc-gia, xã hội,...Gánh-vác được đến đâu, có giá trị lưu-truyền đến đó.
Quan	- Khắc-kỷ, hòa-nhân “Ba vương sánh với bảy tròn”. - Duy-thực. “No cơm tấm, ấm ổ rơm”, Có thực mới vực được đạo = Nhân năng hoằng đạo, Đạo bất hoằng nhân.). - Tư-duy đối-ứng (tụ điểm hóa-giải đối-lập) như nói: nước non, vui buồn, sướng khổ, thành bại, - Hòa-hài. “Hòa cả làng” Chú Đáo xóm Đình lên với tớ, Ông Từ trong xóm lại cùng ta...”

Phần	Dẫn Chứng
Xã	Nam - nữ bình-đẳng. Trai làm chi, gái làm chi, Con nào có nghĩa có nghi thì hơn.”. (Ca Dao)- Phân quyền. Phép vua thua lệ làng. - Vô kỷ, vô công, vô ngôn (truyện Thánh Gióng). - Dòng sống sử liên-tục (Sóng sau dồn sóng trước). - Thiên -nhiên - xã-hội - tư tưởng thống-nhất. - Cơ-năng và bản-vị hổ-tương nguyên-nhân.
Hội	- Phân công hợp-ly (cách sống nơi nông thôn. Mô-hình: Hạch tâm chứ không theo hình-thứ kim tự tháp, Không quá giàu, không quá nghèo. Ai cũng có tư-sản (công điền cấp cho mỗi dân đình khi trưởng-thành).
Quan	- Tinh-thần bao-dung, dung-nạp, dung-hóa, thích-nghi - Trung quân đi đôi với ái quốc. - Làm chính quyền là noi gương, phục-vụ cho dân (thời Lý,Trần...) -Truyện dưa hấu, truyện Cóc kiện trời. - Truyền hiền. -Đa bản vị. Cơ năng và bản vị hổ-tương. Dân luôn-luôn hướng về nhân để ổn định. -Chủ tư hữu hữu bảo-vệ nhân phẩm và bình đẳng.

Tinh-chỉ của chủ-nghĩa Duy Vật là cái tác dụng của sự tiến-hóa của lịch-sử, quy-định sự hữu ích trên nền-tảng và điều-kiện thời-đại thế-kỷ XIX.

Quan điểm 5: *Theo quan-điểm triết-học tổng thể Duy Nhân mới có thể triệt-đế chối-bỏ được triết-học Duy-Tâm siêu-hình, thiên-lệch và hẹp nghĩa.*

“Thần” chỉ là phản-ảnh tâm-lý quán tượng của loài người từ sau ngày xã-hội đã tương đương tiến-bộ, và dừng lại trên giai-đoạn hưởng-thụ và bảo-thủ. Gọi trận-doanh triết-học này là Duy Tâm cũng không hẳn đúng bằng gọi nó là Duy Thần.

Quy-luật trung-tâm là tinh-thần vận-động khách-quan thực-tại không lấy gì mà chứng-thực để mang phục-vụ cho loài người..

Nếu vị thần tối-cao được xem như vị đã sáng-tạo ra tất-cả và được độc-tôn là tới giai-đoạn “độc thần” như Do Thái giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo, Bái Hỏa giáo, Du Già giáo,...

Quan điểm 6: *Phê-phán về triết-học Duy Sinh:*

Cái “sinh nguyên” mà lý luận Tam Dân định đặt vào làm thủy-tổ vũ-trụ chỉ là cái tế-bào hữu-cơ sinh-vật. Thà nói thẳng rằng sinh-vật là khởi-điểm triết-học của duy sinh. Cái trung-tâm quy-luật cầu sinh mục-đích là tối-cao tiêu-điểm và vận-động của xã-hội, không có được tác-dụng quyết-định cho tiêu-chuẩn chân-lý loài người. Loài người cố-nhiên phải sinh sống, nhưng mà sinh sống phải là điều-kiện thẩm-thấu, và thông-quia một nền-tảng gì? Một điều cứu-cánh là quan-niệm siêu hình không toàn bộ? bằng một phương-thức nào? Có một chỉ-đạo gì? Cầu sinh trên thuần-túy

Chương III

Triết Học Lý Đông A

A/ **9 Quan-điểm chính-thống trong triết-học.**

Quan điểm 1: *Học hiểu là đi tìm chân-lý của sự-thực, và cũng phải thống-nhất trên lập-thể với tọa-độ 4 chiều (không gian 3 chiều + 1 chiều thời gian). Có như vậy, mới có thể tìm ra chân-lý của sự-thực, với cái nhìn toàn-diện, tiêu-chuẩn-hóa được mọi nhận-thức để ổn-định được nhân-sinh.*

Học là tìm phương-châm, phương-thức là giải-thích được sự-kiện, và nắm-giữ cùng vận-dụng được sự-thực. Hiểu là tác-dụng của học, đạt được các yêu-cầu trên.

Dạy là truyền thụ cho người về học hiểu.

Quan điểm 2: Luận về triết-học-sử cần theo cách nhìn của **triết-học tổng-thể Duy Nhân**. Triết học sử là sự nghiên-cứu các ý-thức-hệ theo dòng thời-gian dưới quan-điểm tung-hợp, thống-nhất và rộng nghĩa. Bởi triết-sử:

-Không phải là lịch-sử tranh-đấu đời-đời kiếp-kiếp của hai phái Duy Tâm và Duy Vật, cũng không phải rút-cục và sự điều-hóa của Duy Sinh (hay lưỡng nguyên).

- Không phải là phản-ảnh bình-diện và mơ hồ của mục-đích cầu sinh.

- Không phải là cái vận-hành định-mệnh và kiệt-tác của tuyệt-đối tinh-thần hay là thượng-đế tối-cao.

Quan điểm 3: Chân-lý tối hậu dùng làm cơ sở lý-luận cho nền triết-học thực-tiễn, nhân-bản, nhân-chủ, nhân-tính - 3 tầng chân-lý.

-Chân-lý thiên-nhiên là chân-lý **vô nguyên**.

-Chân-lý về con người là chân-lý **tuyệt-đối**.

-Chân-lý về xã-hội là chân-lý **tương-đối**.

Duy-Tâm, Duy-Vật và Duy-Sinh phát-sinh ở sự giác-ngộ sơ khai của loài người trên tiến-hành sinh-hoạt, nó phát-sinh ở sự tìm-tòi của loài người, một y-quy vũ-trụ của tinh-thần, trên quá-trình khám-phá và khai-quật vũ-trụ làm đề-uẩn cho sống còn. Nó phát-sinh dưới điều-kiện loài người đang vật-lộn, chưa thoát ra khỏi điều lẫn-quẩn tinh-thần về vũ-trụ-quan. Làm gì có thuần-túy duy-tâm, duy vật với duy-sinh trên toàn-bộ thế-hệ mình. Cũng chẳng phải là sự không thuần-túy ấy, nguyên-nhân ở sự hấp-thụ lẫn nhau về lý-luận trên quá-trình tranh-đấu triết-học-sử.

Cơ-sở của triết-học mà thế-giới cũ 1940 trở lại gọi là đệ nhất lưu triết-học; còn các triết-học chi-phái, chur tử thì quá tạp-nhập... Còn các triết học đệ tam lưu, lấy môn học tự thân làm đối-tượng, xuất-phát và căn-cứ như khoa-học chủ-nghĩa, nông nghiệp chủ-nghĩa,...chỉ là thủ-đoạn nghiên-cứu trong bao nhiêu thủ-đoạn.

Tất-cả những hiệu-quả học- hiểu của loài người Đông, Tây, kim, cổ một mối thống-nhất là **Triết-học Duy Nhân toàn-bộ của toàn-thể, toàn trình và toàn-diện**. Lột hết những mũ nón, lột hết những bì vỏ của các chủ-nghĩa ra, chỉ còn cái nội-dung Duy Nhân, chỉ còn **một đạo thống kim, cổ Đông, Tây một mối thống-nhất là triết-học Nhân chủ Duy Nhân**.

Quan điểm 4: Chỉ có sự học - hiểu tung-hợp, thống-nhất và rộng nghĩa của triết-học **tổng-thể Duy Nhân mới triệt-để chối-bỏ được triết-học duy-vật thiên-lệch và hẹp nghĩa**.

Cái vật-chất đem lên làm thủy-tổ của vũ-trụ chứng-thực... Cái đối-tượng tối-cao của triết-học Suy-Vật là duy-nhiên bộ-phận trên toàn biện-chứng tiêu-cực, mà cái xuất-phát tối-sơ của triết học Duy-Vật tất là loài người trong duy nhiên động vật trạng-thái, cái căn-cứ tối-định của triết-học Duy-Vật là kinh-tế tiến-hóa vận-động bắt-đầu từ phi kinh-tế. Giai-cấp đấu-tranh luận là nhập dụng của kinh-tế căn-cứ. Vô sản thống-trị luận là nhập dụng của tiêu-cực biện-chứng. Công-nghiệp thuần-túy hóa là nhập dụng của tự-nhiên kinh-tế. Từ duy nhiên duyên-trường vào duy nhân và duy dân, cái hư-vô đi-đôi với thủ-đoạn ly-luận.

cương rồi mong thực-hiện nó ra một chế-độ cho dân-tộc...

“ *Chủ-nghĩa Duy Dân lấy sức lười và nền-tảng gốc 98% quốc-dân ra làm chủ-lực của quốc-gia, nhưng không mất sát 2% quốc-dân khác. Duy Dân nguyện vì toàn dân Việt mang hết sức ra cống-hiến...*”

“*Lập trường dân-tộc chân-chính quyết không thể làm đuôi cho bất cứ một đế-quốc chủ-nghĩa nào để tưởng cầu thí-bỏ cho một hứa hẹn độc-lập hay “giả độc-lập” nào. Vì thế, “Mặt Trận Gốc” nước nòi của nhân-dân Việt phải tổ-chức nên, quyết tâm nhắm hướng SỐNG, CÒN tự mình...*”

D/ TỔNG CƯƠNG :

* Xã-hội NGƯỜI lấy con NGƯỜI làm gốc.

* Lấy TÍNH NGƯỜI y-cứ cho tổ-chức xã-hội.

* Làm cho con người tự **nắm giữ được đời sống, sinh-mệnh mình.**

* **Tổ-chức chính-trị** là phương-kế **tổ-chức nhân sinh** (sự sống cho con người).

* Lấy **kinh-tế** làm **căn-bản cho quyền lực NGƯỜI.**

* Lấy **hôn nhân duy-trì sinh tồn nòi giống**, loài người.

* Lấy **giáo-dục giác-ngộ tự chủ** con NGƯỜI.

* Giải-quyết đồng-thời **hòa hợp các phương-diện: chính-trị, kinh-tế, giáo-dục, hôn-nhân.**

* **Lập một nền dân chủ, nhân chủ**, duy-trì bằng **công dân tăng chế và cơ-năng hiến-pháp.**

Đ/ Tài Liệu để tham-khảo:

Việt Duy Dân Quốc Sách Đại Cương Thảo Án Toàn Pho :

Bộ chủ-nghĩa Duy Dân được gọi là Đại Việt Duy Dân Chủ Nghĩa Quốc Sách Đại Cương Thảo Án Toàn Pho, gồm 4 bộ chính:

cầu sinh và tuyệt-đối cầu sinh không phải là chân-thực mục-đích của loài người, chỉ là chân thực mục-đích của hạ cấp động-vật.

Quan điểm 7: Luận về triết-học tổng thể Duy Nhân.

Tất-cả những tiền đề Tâm, Vật, Sinh, Thức, v.v... ví như những ngẫu-tượng, nếu nắm được, đem lý-tắc hóa, đều chỉ là trữu-tượng!

Chỉ có sự thực “Duy Nhân” là:

-Người là tối-cao đối-tượng của loài người.

-Lấy người làm tối-sơ xuất-phát, sự tiến-hành đời sống người - Thực-tế người trên nền-tảng thành-lập xã-hội người.

-Lấy nhân đạo làm tối-định căn-cứ của loài người.

-Sự thực-hiện lịch-sử của phạm-trù người, lý tưởng người là tối thực luật-tắc của loài người.

Phạm-trù, luật-tắc, phương-pháp thuần-túy khác với các thứ biện-chứng (Duy Tâm, duy Vật, duy Sinh biện-chứng, thực-dụng lý-tắc, v.v...) bởi ở cái căn-cứ, xuất-phát và nền-tảng đệ nhất của vận-dụng quyết-định cái phương-hướng và thành-tựu của nó.

Quan điểm 8: Cấu-trúc “Vận Động” và “tiến-hóa” của Lý Đông A.

Các phạm-trù của luật-tắc và phương-pháp của biện-chứng là công-cụ và vũ-khí tinh-thần của loài người khám-phá ra để chinh-phục vũ-trụ và mở-mang nhân đạo.

Duy Dân biện-chứng đã vận-dụng nguyên-tắc toàn trình (Vận-động và kết-hợp là hổ-tương nguyên nhân), tung-hợp được cả hai công-cụ đó mà đào-luyện nên công-cụ mới.

- Vận-dụng nguyên-tắc vô nguyên, nhất nguyên và đa nguyên, tung-hợp biện-chứng, phân tích được những đặc-thù để phối-hợp thành biện-chứng tung-hợp.

- Vận-dụng nguyên-tắc duy nhiên, duy nhân, và duy dân, tùy theo lãnh-vực đặc-thù trên lãnh-vực thống-nhất.¹

Quan điểm 9: *Áp-dụng triết-học Duy Nhân vào việc kiến-thiết.*

- Nhân-loại phát-triển theo quy-luật nội tại (Đạo kỹ).

- Nhân-chủ là sự chủ-tể vũ-trụ và vận-mệnh bằng loài người.

- Sự chủ-tể chính-trị loài người bằng loài người, bằng hoạt-động công-cụ của mọi người. Nó là chân-chính dân trị.

- Sự phát-minh ra triết-học Duy Nhân là vì nhu-yếu tung-hợp thúc-bách của thời-đại:

** Đem loài người về bản-thể loài người.*

** Về chủ-đạo tự-giác và tự-chủ của loài người.*

** Đem quốc-dân về bản-thể quốc-dân.*

** Đem quốc-gia hoạt-động về tự-giác và tự-chủ của quốc-dân.*

*

1- Phạm Khắc Hàn, “Triết Lý Lý Đông A”, Nhóm Diễn Đàn Địa Lý Nhân Văn Việt Nam tại Hoa Kỳ xb.1998.

B/ BỐI CẢNH PHÁT SINH :

* Sự thất-bại ê-chề kiếp sống con người do những tư-tưởng, chủ-nghĩa thiên lệch như: Duy Tâm, Duy Vật, Duy Sinh,...

* Thảm cảnh đọa-đày của nòi giống Việt cùng các sắc dân khác và giai-tầng bị áp-bức, thúc-đẩy một phản tỉnh sâu rộng.

* Sự tàn sát nhân-loại do phát-triển tối cao độ của khoa-học đem phục-vụ cho chiến-tranh, phân chia theo tư-tưởng thiên-lệch. Do đó phát-sinh một giác-ngộ lớn lao của loài người.

C/ CHỦ TRƯỞNG :

* Đối với dân-tộc Việt, lấy “**Cứu quốc tồn chủng**” làm cốt-cán,

* Về tư-tưởng, phản-tỉnh chân ý nghĩa toàn-diện của loài người.

* Lấy kiến-thiết đời sống con người ở chính bản vị người. Vật-Tâm-Sinh thống-nhất.

“...Con đường với phương-hướng chính-trị mỗi dân tộc đều do ánh sáng tự đáy hồn lịch-sử tỏa ra chỉ nẻo, quy định hết cả vận-mệnh và xuất lộ của mọi chính-trị và cách mạng...”

“Hết thấy các chủ-nghĩa, chế-độ hay pháp-luật đều từ nơi quốc-dân mà sinh ra mới thích-hợp, mới đúng chắc và thiết-thực giải-quyết những nhu-yếu, hy-vọng và lý tưởng của quốc-dân...”

(Việt DDD Tuyên Ngôn)

“...Chủ nghĩa “Z” không vì cái xán-lạn của mỗi phương trời rót lại cho một ánh hoàng hôn; cũng không vì cái cập lợi của mỗi thế-lực thí-bỏ một thìa cháo cúng, huyền-hoặc mà cả gan bỏ cái lộ-tuyến của dân-tộc mình đem áp-dụng một chủ-nghĩa nào ra thành một chính

50,000 năm tuôn xuống, tưới đẫm vỏ trái đất. Từ đây chính là lý-do khiến bầu khí-quyển thuở ấy chỉ còn rất ít oxygen, mặc-dù sau này oxygen là chất hơi dẫn đầu nơi vỏ trái đất với 46.6% theo trọng-lượng phân-tử. Mưa lũ vừa dứt, nhìn lại vỏ trái đất chỉ thấy toàn là biển nước, ngoại-trừ một số đảo nhỏ trơ-vơ cô-lập cùng các vùng biển cạn.

“Tiếp đến thời kỳ mà giới khoa-học gọi là thời-kỳ tạo đất. Mặc-dẫu bên ngoài trái đất coi có vẻ bình-thường, nhưng bên trong vẫn còn hàng trăm ngàn trái bom khổng-lô đủ loại, lớn nhỏ đang âm-ỉ chờ giờ phát-động, để rồi tuần-tự từ thời “tiền cổ sinh” tới “cổ sinh” và “trung sinh”, các dãy núi mọc lên kèm theo các đại trường giang đua nhau xuất-hiện, khiến bộ mặt thế-giới đã phân hai: một bên là đại-dương biển cả, một bên là đại lục núi cao sông dài. Tuy-nhiên, gần nhất hai nguyên đại “tiền cổ sinh” và “cổ sinh” chịu ảnh-hưởng của thiên-nhiên, vũ-trụ, Nước biển đã nhiều lần tràn ngập mặt đất, đôi khi che lấp cả đồi cao núi thấp. Cho tới đầu thời-đại PERMIAN 280 T BP. qua hiện-tượng lập núi cũng như sự tích-lũy của các lớp trầm-tích-thạch (Geosyn Clines), kể cả sự bồi-đắp phù-sa của nước biển, mặt đất đã cao vượt mực nước biển, và nhiều đồng-lầy trở nên khô cạn.

“Tới đợt thứ nhì, có thể tạm coi như đợt cuối cho đến nay. Do lực tương-tác của vũ-trụ phối-hợp với hiện-tượng lục-địa trôi, vỏ trái đất đã tách ra nhiều mảnh, rồi di-chuyển đi các phía tạo thành “ngũ đại châu” và “ngũ đại dương” như hiện tại, và vừa khi đình bộ đã gây nên một trận đại hồng thủy vô tiền khoáng hậu, trải rộng khắp địa-cầu vào cuối thời-đại Cretaceous, 135 T - 70 T năm BP.).

“Nguyên-đại Tân Sinh bao-gồm nguyên-đại Đệ

1-**Bộ Huấn** gồm 11 “Chu Tri Lục”. Bộ này chỉ đưa ra 10 Chu Tri Lục, vì Chu Tri Lục 10 với lý do đặc-biệt chưa được đưa ra hiện nay.

2- **Bộ Nhã** gồm những bài văn xuôi dùng để hun đúc và nuôi-dưỡng tinh-thần dân-tộc. Cuốn “**Huyết Hoa**” đã gom được nhiều bài liên-quan đến bộ sách này.

3- **Bộ Thông** gồm những bài thơ soạn ra để rèn luyện ý-chí và khí-phách Duy Dân. Đa số các bài được một số cán-bộ Duy Dân đóng thành tập thơ “**Đạo Trường Ngâm**”.

4- **Bộ Mô** tức **Đại Việt Mô** viết về đấu-tranh thực tiễn và kiến-thiết cách-mạng Duy Dân. Bộ Mô bao gồm 7 tập có tên ghi sau:

*- **Mở Quyển** dùng để huấn-luyện cán-bộ Duy Dân nắm được mạch sống của dân-tộc ta từ ngàn xưa, thấy được sử hồn của dân-tộc trước khi vào con đường tranh-đấu.

*- **Tổ Đảng** đề ra những nguyên-tắc tổ chức và vận-hành cơ-cấu để tiến-hành cuộc cách mạng. Tập này gồm 12 chương:

- * Đảng Sách
- * Đảng Lược
- * Đảng Thể
- * Đảng Chế
- * Đảng Huấn
- * Đảng Hiến
- * Giáo Vận
- * Tuyên Truyền
- * Đảng Chiến
- * Quân Chính
- * Đảng Cơ
- * Đảng Công.

*- **Lập Học** đưa ra những công-cụ tinh-thần và kỹ thuật lập thành một học-thuật được phò-trợ bằng “văn ngữ học” để hoàn-thành sự sống có văn hóa.

*- **Thiết Giáo** đưa ra những phương-cách hữu hiệu để cách mạng Duy Dân, đào-tạo những con người đúng danh nghĩa “người” cho nòi giống.

*- **Kiến Quốc** đưa ra thiết-kế sinh-hoạt cho quốc-dân Việt để nòi-giống được sống còn, nối, tiến, hóa tiếp truyền dòng sống sử Việt xưa, nay và muôn đời sau.

*- **Đồng Nhân** sự cùng sống với người là nền-tảng sinh-hoạt của nhân-loại. Tập này đặt vấn đề văn minh và lập quốc, y tựa trên nền-tảng chủng-tộc, vì nòi giống là gốc của quốc-dân và quốc-dân là gốc của quốc-gia.

*- **Giới Thiệu**, tập này giúp cán bộ hiểu thêm một cách dễ-dàng về chủ-nghĩa Nhân Chủ Duy Dân, nhất là hỗ-trợ cho việc học-tập bộ Huấn.

* Ngoài bốn bộ chính trên, còn thêm hai bộ:

* - **Thái Dịch Ngoại Thư** gồm các tập viết về lịch sử Việt Nam như tập “**Duy Dân Việt Sử Thông Luận**”, các tập viết về triết-học Duy Dân như “**Nền Triết Học Chính Thống Duy Dân**”, và các **tập luận về Dịch Lý, Bình Giải Sấm Ký Dân Tộc**.

*- **Thái Dịch Bình Thư**, tập này không thấy xuất-hiện, nhưng được một số cán-bộ Duy Dân đồng thời với Thư Ký Trưởng Lý Đông A xác-nhận là có.

E/ Ứng Dụng Triết Học Lý Đông A vào Vũ Trụ Quan: :

- Giải-thoát con người khỏi lồng chụp về vũ-trụ quan - Thần quyền - Mê-tín - Thiên mệnh - Đế quyền.

- Vứt bỏ đi những ủy-mị, ảo-hóa vong thân để khôi-phục bản-vị “Người” sánh cùng Trời - Đất (Tam Tài giả).

- “**Đạo giả, phi thiên chi đạo, phi địa chi đạo - Nhân chủ sở đạo dã.**” (Tuân Tử), hoặc như Granet: “**Ni Dieu, ni loi**”.

- Lấy loài người làm gốc, lấy xã-hội người trên tự tính làm gốc thì mọi hiện-tượng sống tạo ra bởi người, vì người và cho người.

- **Luận về vũ-trụ**, theo thuyết tương-đối tổng-quát (1915), các nhà vũ-trụ-học khám-phá ra rằng cách đây khoảng 15 tỷ năm, vũ-trụ còn nhỏ hơn một hạt bụi, trong đó không có vật-chất, không có thời-gian lẫn không-gian, chỉ có năng-lượng, rồi “bùng nổ tung và trong một khoảnh-khắc ngắn vô cùng, sinh ra neutron, proton, điện-tử,... Các hạt này dần-dần tụ lại thành tinh-vân, thiên thể,...”

Song-song với khoa “Cổ Địa Lý” cũng đã tìm ra, “Khoảng 4 tỷ năm, trái đất đã thành hình, vỏ ngoài tụ thành một khối ở giữa, hai bên là vực sâu.

Vừa khi ấy, trái đất quay chậm hẳn lại, và nhiệt-độ cũng giảm từ 14,500 °F xuống 500 °F, Một số lượng vĩ-đại Oxygen đã giúp “lò cừ” (lò tạo-hóa) tức trái đất hoàn-thành công-trình này. Tiếp đó, nhiệt-độ trái đất giảm dưới mức bốc hơi, khiến hơi nước, kể cả hydrogen và oxygen từ lòng trái đất bốc ra, đã tụ thành nước, rồi mưa lũ liên-tục trong vòng

G/ **Biện-chứng Duy Nhiên** (Vũ-trụ quan) của triết-học Lý Đông A:

Đây là quy-luật vận-động và phát-triển của vũ-trụ, hay là “Cấu-thức (formule competente) năm điểm về Vũ-trụ-quan.”

Quy-Luật I: Tự Kỷ Nguyên Nhân hay là Đạo kỷ.

Ta hãy lấy một thí-dụ để hiểu rõ các từ-ngữ trong quy-luật.

Ai cũng biết trái đất quay chung-quanh mặt trời theo một quỹ-đạo nhất-định; mặt trăng quay chung-quanh trái đất theo một quỹ-đạo riêng của mặt trăng.

Ta có thể nói, bản thể của trái đất hay của mặt trăng TỰ NÓ mà tự hữu. Sự vận-động và diễn hóa của bản-thể do TỰ THÂN nó mà hình-thành. Nguyên-nhân TỰ CHÍNH NÓ nghĩa là “**tự kỷ nguyên nhân**”. Bản-thể của trái đất, sự vận-động của trái đất (quỹ đạo của trái đất) là “**đạo kỷ**”, tự nó mà có, tự thân nó mà ra, và nguyên-nhân của chính nó -

Đạo kỷ là “**tự-kỷ nguyên-nhân**” có nghĩa là sự hình-thành bản-thể một hiện-tượng, sự vận-động và phát-triển của hiện-tượng đều theo các quy-luật, các nguyên-tắc của chính nó, tự thân nó (tự kỷ), bởi nó mà có, chứ không phải do sự can-thiệp của loài người, hay của thần-linh.

Quy luật 2: “Vận-động và kết-hợp là hổ-tương nguyên-nhân:

Vận-động là nguyên-nhân của kết-hợp. Thực tại cho thấy vận-động là để hình-thành một kết-hợp. Không có kết-hợp nào lại không hàm-chứa vận-động, nên kết-hợp là nguyên-nhân của vận-động. Như vậy, vận-động và kết-hợp là hổ-tương nguyên-nhân.

Sự kết-hợp hydro và oxy thành một bản-vị mới là nước (H₂O), là kết-quả đương-nhiên của vận-

Tam và đệ tứ tầng địa-chất là thời của muôn loài động-vật, ngoài một số động-vật của các nguyên đại đã qua còn sót lại, đặc-biệt đây là thời của loài có vú với dạng lớn mà đa-số bị tiêu-diệt ngay trong nguyên đại. Còn những loài khác, nhất là ngựa, voi, lạc-đà và nhiều loài ăn thịt đạt tới mức tối-đa vào nguyên đại đệ tứ.

“Chủng-loại người cổ đại xuất-hiện vào những thời-đại cuối của nguyên đại đệ Tam (Miocene, Pliocene) đã liên-tiếp thay đổi dạng hình khác nhau, và có lẽ chủng-loại người là động-vật xuất-hiện cuối cùng, vì sau chủng-loại người không còn chủng loại động vật mới nào nữa (Không kể một vài loại côn-trùng, sâu-bọ nhỏ bé.).¹

Vậy vũ-trụ hiện-hữu trên tự mình, tức là “**tự kỷ nguyên nhân**”, và con người không biết rõ đầu, cuối của nó đến cùng cực được, đành chịu “**bất khả tri**”, hay “**vô nguyên**”.

Do đó, vũ-trụ là một thực-thể, tự nó hiện-hữu và sinh-động từ một lực ở tự thân nó. Nói cách khác mọi vật (thực-thể) đều là **tự kỷ** và **tự hữu nguyên nhân**. (Tự = cái riêng, kỷ chính mình. Tự kỷ = cái bản thể riêng, ý-niệm. So-sánh với Âu-châu, tự-kỷ có thể dịch là **Ego**.).

Giống như Phật học đã ghi lại: Đức Phật khi mới sinh đã đi 7 bước đầu tiên, đã chỉ tay và phát biểu: “*Thiên thượng địa hạ, duy “ngã” độc tôn.*” Ngã đây là “*chân ngã*” hay “*đại ngã*” tức là bản-thể vũ trụ, mà con người là “*tiểu vũ-trụ*”.

Tương-tự, Thiên Chúa giáo có nhắc lại lời Chúa: “*Ta là bản thể của mọi vật thể*” (Je suis Être

1- Nguyễn Huy Hân, “*Nguồn Gốc Loài Người*”, bản thảo, năm 2008.

des êtres” (Ta là bản-thể của mọi bản-thể).

Cả hai điều trên, cho thấy Phật giáo cũng như Thiên Chúa giáo đều nhận có “**Tư-kỷ**” trong mình và ở mọi vật-thể khác.

Nhiều tông-giáo khác đều nêu ra một vị tối thượng, coi như là bản-thể vũ-trụ, làm nguyên động-lực tạo ra các vật, các việc: **Chúa Trời** của Cơ Đốc giáo, **Thượng Đế** hay **Ngọc Hoàng** của Dân dã, **Alha** của Hồi giáo, **Đạo** của Lão Đam, Trang Chu; **Thái cực** của Nho, **Tinh thần** của Cao Đài giáo,.. . . **Độc tôn tối-cao** đó chính là một “**Tư-Kỷ**” vận-hành rất linh-động.

Vậy “**Tư-Kỷ**” là một thực-thể tự-nhiên, tự hiện hữu, bản-thân nó với đầy-đủ các điều-kiện cấu-hợp để có cái đặc-tính riêng-biệt. Nói giản-dị, “**Tư-Kỷ**” là cái riêng mình tự hiện hữu cùng Thời - Không - Lực để hoàn-thành một sự-kiện.

Một ý nghĩ, một sóng âm-thanh, một thoáng ánh-sáng, mỗi cái đã có một giá-trị nội tại của riêng nó để hoàn-tất một việc của nó, tự nó đã là một “*tư kỷ*”. Vậy, “**Tư-kỷ**” là một thực-thể tự hiện hữu với đầy-đủ cấu-trúc của nó, là đặc-tính riêng nó, để có một nguyên-lực có thể sinh-động trong thời-gian và không-gian của nó với tỷ-lệ cần-thiết.

Lực để hoàn-thành một sự-kiện.

Vậy, “**Tư-kỷ**” là một thực-thể tự hiện hữu với đầy-đủ cấu-trúc của nó,

$$\text{Bản thể vũ trụ} = \frac{\text{Tư-kỷ} \times \text{Lực}}{\text{Thời} \times \text{Không}} \quad (1)$$

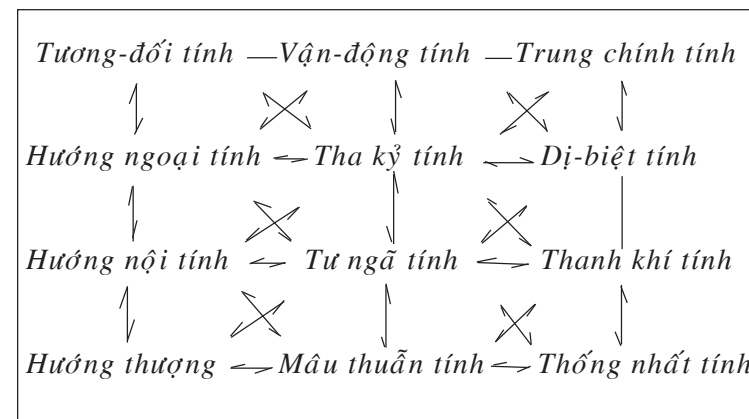
1- Mai Chi, , “*Căn Cơ*” (Tìm Một Căn Cơ Cho Việt Học). bản thảo. 1998.

Trong tính này có hàm-chứa tính kia, kể cả hàm-chứa tính mâu-thuẫn. Luật này giằng kéo với luật kia, thúc-đẩy nhau, mài giũa hay tương sinh, khắc lẫn nhau tạo nên một hoạt-động-lực vô-cùng phong-phú. Hoạt động không dứt điểm (vô-cùng duyên khởi), cũng như kinh Dịch chấm dứt bằng quẻ “*vị tế*” (chưa dứt, chưa xong), các chu-kỳ liên-tiếp nhau..

F/ GIẢN ĐỒ TÓM LƯỢC

Vũ-trụ vận-hành¹

12 Đặc-tính hay luật-tắc thiên-nhiên, vật-lý:



1- Lạc Nguyên Chương, *Căn Cơ Tư Tưởng*, bản thảo, 1980.

*(Tự kỷ là tự thân, tự ngoài vào mình (sức hút).
động tha là vận động tự mình ra ngoài (sức đẩy
ra ngoài))*

* Tự kỷ, ỷ tha và động tha hỗ-tương và kết-hợp mà sinh ra vạn vật. **Đó là nguồn-gốc của sự hình thành các bản-vị trong vũ-trụ, vạn vật và nhân-loại.**

Dưới thời “Đế chế độc quyền” của Đông Chu, Tần , Hán, Tống , Nguyên, Minh, Thanh Nho, cũng như Âu Châu đã biến quan-niệm “**Trời**” (*thiên lý đương nhiên*) thành một hình-tượng có đầy-đủ uy-quyền tuyệt-đối (Thượng Đế), để rồi coi vua thành “Thiên tử” !

Theo “Đại Tự Điển Tiếng Việt”, do nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, 1998, chữ “Trời” có nhiều nghĩa:

a/ Dùng như một danh-từ, thì “Trời” có nghĩa là một khoảng không-gian bao-phủ trên không, như:

*Kiếp sau, xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.”*

(Nguyễn Công Trứ)

b/ Dùng như tính-từ, có nghĩa là hoang-dại, một khoảng thời-gian. Như ngổng trời, cửa trời cho, mười năm trời xa cách,...

c/ Dùng như tán-thán từ. *Thí-dụ: Trời ơi, đất hỡi! Đờ trời đánh! Đội đá vá trời. trẻ tạo, thiên cơ, khuôn xanh,...*

*“Trẻ tạo-hóa đành-hanh quá ngán,
Chết đuối người trên cạn mà chơi ...”*

(Cung Oán Ngâm Khúc)

hay “Xanh kia thăm-thẳm tầng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nổi này...”

(Chinh Phụ Ngâm)

động.

Sự vận-động của nam và nữ đi đến kết-hợp một bản-vị mới là gia-đình, những bản-vị mới đó từ phát-sinh một tình-trạng đối-lập thống-nhất và quân-hành để đi đến một hướng tâm vận-động và hướng thượng vận-động, ngõ-hầu bảo-toàn bản-vị (nước, gia đình) phát-triển và viên-mãn hơn.

Kết-hợp cần phải thích tính, đắc vị, tận phần và hợp-lý. Khác với điều trên, vận-động không phải là thường thái, mà là bệnh thái. Do đó không thể đem các quy-luật về bệnh thái áp-dụng cho thường-thái. (Marx đã phạm sai-lầm rất lớn khi đem các quy-luật phủ-định hay “mâu-thuẫn” áp-dụng cho thường-thái, nên đã xa-rời thực-tại, do đó sự thất-bại là lẽ dĩ-nhiên. Các vận-động “phủ-định” toàn thể hay “mâu-thuẫn” hủy-diệt đều phải biến-đổi thành “đối-lập thống-nhất”, và kết-hợp để bản-vị không bị yếu-hèn, hoặc tan rã.

Quy-Luật 3: Tinh-thần và vật-chất là hỗ-tương nguyên-nhân.

Trong thiên-nhiên, muôn vật cũng như loài người đều do sự vận-động và kết-hợp hỗ-tương nguyên-nhân với các tác-dụng sinh, khắc, chế, hóa từ đối-lập thống-nhất và kết-hợp mà sinh sinh, hóa hóa. Thực-tại cho ta thấy rằng không thể có một đời sống thuần-túy tinh-thần, cũng như thuần-túy lượng (vật-chất). Chất và lượng thường hằng suy-động lẫn nhau, gắn-bó với nhau.

Tinh-thần và vật-chất là hỗ-tương nguyên-nhân. Tinh-thần cần đầy-đủ, và hiệu dụng - Vật-chất cần bền-chặt và linh-hoạt. Giữa tinh-thần và vật-chất, không có yếu-tố nào quan-trọng hơn yếu-tố nào [Marx đã

chọn yếu-tố vật-chất (lượng) làm tiền đề triết-học, nghĩa là chọn “lượng” (vật-chất) giữ vị-trí số 1, nên xa-rời thực-tại!]

Quy-Luật 4: Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương nguyên-nhân.

Bản-vị là một đơn-vị cơ-bản. Tự nó có thể tồn-tại và có khả-năng vận-động và kết-hợp với bản-vị khác để hình thành một bản-vị lớn hơn. Như vậy, một bản-vị có thể đóng hai vai-trò: bản vị cơ-bản và bản-vị thành phần của một bản-vị lớn hơn.

Thí dụ: Hydro, oxy là hai bản-vị cơ-bản. Vận động và kết-hợp thành nước H_2O (nước). Nam, nữ là những bản-vị cơ-bản, vận-động và kết-hợp thành gia-đình, và trở nên bản-vị thành-phần của gia-đình.

Mỗi bản-vị khi tự thành hình đã có riêng cho nó một tính đặc-biệt, và có riêng một trục lõi, một trung-tâm bản-vị (đặc-tính của hydro, oxy, của nam, nữ, trục của trái đất, mặt trăng; bản ngã của con người nam hoặc nữ).

Mỗi “bản-vị thành phần” (gọi là cơ-năng) chịu chung một hướng tâm xu-thế của bản-vị mới lớn hơn. Như vậy bản-vị là nguyên-nhân của cơ-năng và cơ-năng là nguyên-nhân của bản-vị. Nói cách khác, bản-vị và cơ-năng là hỗ-tương nguyên-nhân. Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương để tồn-tại và phát-triển. Đó là ‘**chân ý-nghĩa của sinh tồn**. Do đó, bản-vị cần phải hiệp-điệu và thống-nhất. Cơ-năng cần phải phân công và hợp-tác.

Trong thiên-nhiên, nếu có một sự mâu-thuẫn phát-sinh ra giữa bản-vị và cơ-năng do bất-cứ một lý-do nào, trạng-thái quân-bình sẽ không còn và bản-vị sẽ tan vỡ.

Trong xã-hội loài người, nếu có một sự mâu-thuẫn phát-sinh giữa bản-vị và cơ-năng, bản-vị sẽ sống trong tình-trạng bệnh thái, yếu-hèn nên khó mà

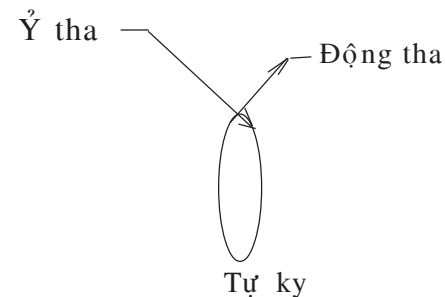
tồn tại (Đó là tội ác rất lớn của Marx đã chủ-trương sự mâu-thuẫn giữa các giai-cấp trong một quốc-gia cho nên quốc-gia ngày một suy yếu và nhân-dân sẽ lâm vào tình-cảnh đói khổ). Sự mâu-thuẫn giữa các dân-tộc (cơ-năng) trong nhân-loại (bản-vị) nếu có mâu-thuẫn sẽ gây ra chiến-tranh. Như thế trái với NHÂN ĐẠO, nghịch với xu-thế lịch-sử, nên sự thất-bại của chủ-nghĩa DUY VẬT là điều không thể tránh được.

Quy-Luật 5: Hỗ-tương nguyên-nhân là Tự kỷ nguyên nhân.

Vận-động để đi đến kết-hợp - Kết-hợp sẽ đi đến hình-thành bản-vị mới. Quy-luật “hỗ-tương nguyên-nhân” chính là nguồn-gốc của đạo kỷ (vận động của đạo hay đạo vận-động).

Mỗi bản-vị khi vận-động sẽ phát-sinh ra một sức qui tâm và một sức ly tâm để quân-hành trạng thái. Đối với trái đất, sức qui tâm là sức hút, và sức ly tâm là sức đẩy của trái đất. Ở con người, sức qui tâm là sự hướng tâm (hướng về mình), sức ly tâm là sự hướng tha. Các sức hướng tâm và hướng tha vận động phát-sinh cùng lúc để phát-triển, củng-cố và bảo-toàn bản-vị, đồng-thời tạo ra sức vươn lên (vận-động hướng thượng) của con người.

Quá trình “hỗ-tương nguyên-nhân” có thể diễn ra dưới đây:



vật.

Trời trong Nho học là **thiên lý**, không phải là một người, dù là vô hình.

Trời sinh voi, trời sinh cỏ.

Nho học khác hẳn với các tông-giáo khác. Nho học không chối bỏ cuộc sống đang có, không mơ tưởng một cuộc sống Tiên Phật, hay đời-đời bên cạnh Chúa.

Sống người cùng với trời đất là ba trụ điểm trong cuộc sống (*Thiên - Địa - Nhân, tam tài giả*). Vị thế tuy khác nhau, nhưng trọng yếu như nhau. Con người kính trời, hành sự theo ý trời (thiên lý) tức theo cái lý đương nhiên bàng-bạc trong Trời Đất. Ở sống người, nó là bản tính hướng thiện.

Chính trong nhận-thức này mà Nho học nhìn Ý Dân là ý Trời. Vì sống người cùng với Trời, Đất là 3 ngôi chính trong cuộc sống. Cho nên tuy thờ Trời, kính trời nhưng con người không tự hèn, tự hạ, xưng tụng, cầu van gì ở trời. Tư-tưởng này có hệ-luận là tinh-thần tự -trọng, hiên-ngang, bất-khuất của kẻ sĩ.

*Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả, trả vay.
Chí làm trai Nam, Bắc, Đông, Tây,
Cho phỉ sức vẫy-vùng trong bốn bể.
Nhân sinh tự cổ thùy vô tử?
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.
Đã hẳn rằng ai nhục, ai vinh,
Mấy kẻ biết anh-hùng khi vị ngộ.
Cũng có lúc mưa dầm, sóng vỗ.
Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong.
Chí những toan xẻ núi lấp sông,*

*“Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
Khuôn xanh có biết vương tròn hay không?
(Kim Vân Kiều truyện)*

Đa số chữ “Trời” trong ca-dao, tục-ngữ thường làm bối-cảnh, để tăng ý cho câu văn. Thí-dụ:

*Trời mưa cho lúa chín vàng,
Cho anh đi gặt, cho nàng đem cơm.*

hay: *Vái trời đừng gió, đừng mưa
Để trăng sáng tỏ, anh đưa em về.*

Trời đối với nông-dân chỉ là bầu thiên-nhiên khách-quan, và chỉ thời-tiết:

*Non kia ai đắp mà cao,
Sông kia ai bồi, ai đào mà sâu?*

Hay: *Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa.*

hoặc: *Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.*

hay *Cơn bên đông, vừa trông vừa chạy,
Cơn đằng Nam, vừa làm vừa chơi.*

Trời, nhiều khi được nhân-cách hóa, gần-gũi với thiên-nhiên, như:

*Bắc thang lên hỏi ông trời:
Sao không bố thí cho tôi tấm chồng?*

Trong văn-chương Việt Nam, hai chữ “Trời “ và “thiên” được dùng thay thế nhau: Cơ trời, mệnh trời, đạo trời, con tạo, trẻ tạo, thiên cơ, khuôn xanh,...

*Lạy trời mưa xuống,
Lấy nước tôi uống
Lấy ruộng tôi cày
Lấy đầy bát cơm
Lấy rơm đun bếp.*

(Ca Dao)

Hoặc để than trách:

*Trời ơi có thấu chăng trời,
Công ta vun xới cho người hái hoa!*

hay:

*Trời ơi! Trời ở chẳng cân,
Người ăn chẳng hết, người lần không ra.
Người thì mớ bầy, mớ ba,
Người thì áo rách như là áo tôi!*

Và trong những truyện cổ-tích hay thần-thoại đã nói đến, những kỳ-tích nơi con người, dựa vào thiên-nhiên khai-hóa những gì thiên nhiên đã có sẵn mà biến tạo thành những hữu dụng cho đời sống (*Tán thiên địa chi hóa dục*): ¹

*“Sông kia rầy đã nên đồng,
Nơi làm nhà cửa, nơi trồng ngô khoai.
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai,
Giọt mình còn tưởng tiếng ai gọi dò...”*
(Trần Tế Xương)

Trong nhận-thức người, vũ-trụ vật-chất là thuần-túy khách-quan, là lý tính thuần-túy. Các quy-luật khách-quan khi áp-dụng cho loài người, cần được áp-dụng thích-nghĩ, hợp với bản-chất người và lợi-ích cho con người. Do đó, vũ-trụ và con người tuy tương-quan nhưng phải được phân-biệt để người không bị đồng-hóa với vật-chất và bị chi-phối bởi quy-luật thuần-túy vật-chất khách-quan...

Áp-dụng quy luật vật-chất khách-quan hay đem tư-tưởng thiên mệnh áp-đặt vào con người, tức là tiêu-hủy nhân-tính, nhân-phẩm...

1- Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt, Hoa Kỳ “Vấn Đề Văn Học Dân Gian”, xuất bản 2011.

Trong cuốn “*Thiên Chúa Giáo và Tam Giáo*”, trang 367, tác-giả Cao Phương Kỷ đã trích-dẫn trong Nho Giáo, quyển hạ: “*Từ đời thượng cổ, người Tàu đã có tư-tưởng cho người ta sinh ra, ai cũng bẩm-thụ cái tính của Trời. Cái tính ấy tức là một phần thiên lý. Vậy trời với người quan-hệ nhau rất mật-thiết. Bởi thế, mới lấy pháp tắc tự-nhiên của trời làm mô-phạm của người và cho thiên luân là nhân luân. Thiên đạo là nhân đạo...*” Đây là một điều sai-lầm, không phân-biệt được sự khác nhau giữa vũ-trụ với con người! Đã nhập-nhằng “*thiên lý đương nhiên*” thành một hình-tượng có đầy-đủ uy-quyền tuyệt-đối!

Chính Nho khác hẳn với các tông-giáo khác. Chính Nho không chối bỏ cuộc sống đang có, không nói chuyện thiên-đường, địa-ngục. Với Chính Nho, cuộc sống đang có là rất quý, xâm-phạm nó, đốn-tỏa nó là phạm tội-ác.

Cũng trong cái nhìn đặt hẳn vào cuộc sống đang có. Chính Nho mong cuộc sống mỗi ngày một tốt đẹp hơn (*Nhật nhật tân, hựu nhật tân*). Sự đau khổ nhất của một dòng sống là bị chấm dứt, không có nối tiếp (*Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại...*). Hậu đây không phải chỉ ở dòng sinh lý, mà những nối tiếp về tư-tưởng, về nền-nếp, về sự-nghiệp và dân sinh.

Người nho sĩ chân-chính rất bình-tĩnh trước cái chết của một cơ-thể cá-nhân, nhưng luôn-luôn lo đến dòng sống ở những thế-hệ sau. Khi hỏi Khổng Tử về sự chết, Khổng Tử đã trả lời: “*Chuyện sống còn chưa biết, hỏi chi đến chuyện chết?*”

“Trời ” trong chính Nho luôn-luôn tác-động theo hướng thiện, có nghĩa là hiếu sinh (*Đức hiếu sinh của Trời Đất*) giúp cho sự sống của muôn

Theo các tài-liệu khí-hậu quốc-tế, trong vòng hơn 100 năm qua, nhiệt-độ trái đất tăng 0.40 °C . Một hậu-quả nữa của sự ô-nhiễm khí-quyển là hiện-tượng “*lỗ thủng*” tầng Ôzôn.

- Ô-nhiễm môi-trường đất: Do hậu-quả các hoạt-động của con người như các nguồn sử-dụng tài-nguyên đất vào hoạt-động sản-xuất nông-nghiệp, nhịp-độ gia-tăng và tốc-độ phát-triển công nghiệp, hoạt-động đô-thị hóa, khi đất bị nhiễm các chất hóa-học độc-hại do khai-thác khoáng-sản, sản-xuất công-nghiệp, sử-dụng phân bón hóa-học, thuốc trừ sâu quá nhiều .

Việc xả-hơi chứa bụi và các chất hóa-học, các khí độc như cacbon mônôxít, điôxít lưu-huỳnh, các chất cloro-florocacbon, và oxit-nitơ, . .

- Ô-nhiễm môi-trường nước: Do các loại chất thải và nước thải công-nghiệp được thải ra lưu-vực các con sông mà chưa được xem xét đúng mức; các loại phân bón hóa-học, thuốc trừ sâu ngấm vào nguồn nước ngầm và nước hồ ao, nước thải được thải ra từ các khu đông dân cư ở ven sông gây ô-nhiễm trầm-trọng, ảnh-hưởng đến sức khỏe con người dân trong khu-vực! ¹

* **Tránh mô-hình tổ chức “kim tự tháp”,** từ trên xuống dưới một chiều, **bất bình-đẳng.**

Như đã trình-bày ở trên, con người sống trong vũ-trụ, nên sự vận động phát-triển của “*nhân*” liên-giới với các quy luật của “*duy nhiên*”. Mọi vận-động là đi đến kết-hợp, là hỗ-tương nguyên-nhân, không có kết-hợp nào mà không do vận-động

*Làm nên đáng anh-hùng đâu đấy tổ.
Đường mây rộng thênh-thang cử bộ,
Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo,
Thảnh-thơi thơ túi, rượu bầu.*

(Chí làm trai/Nguyễn Công Trứ)

Không nói chuyện thiên-đường, địa-ngục. Với Nho học, cuộc sống đang có là rất quý, xâm-phạm nó, đốn-tỏa nó là phạm tội ác.

Khi “Trời” trong chính Nho biến thành “*thiên mệnh*” , “*Mệnh vua là mệnh trời*”. Vua phán chết là phải chết - Không chết là bất trung cũng là thời-kỳ nặn ra một *bọn bầy-tôi nô-lệ, tranh nhau xu-phụ cường quyền*, ngược lại với tinh-thần nho sỹ thời “*Phong kiến truyền hiền*” chỉ nhắm vào cái lý đương-nhiên, hay thiên-lý bằng-bạc trong trời đất.

Chân-lý về vũ-trụ là chân-lý đương-nhiên (Thí dụ: hai phân-tử Hydro hợp với một phân-tử Oxy ở nhiệt-độ bình-thường sẽ thành nước, dù thí-nghiệm ở bất-cứ nơi nào hay thời-gian nào ở địa-cầu).

Vũ-trụ tự-nhiên là vũ-trụ vật-chất hiện hữu chung-quanh con người. Bản-thể của vũ-trụ vật-chất là vô cùng nguyên-nhân, vô hạn duyên-khởi, vô cùng cứu-cánh, vô hạn lượng tính, vô hạn phương-trình. Quy-luật của vũ-trụ tự-nhiên là các quy-luật khoa-học của vật-chất, trong đó các khoa-học-gia đã khám-phá được một phần chân-lý.

Dân Việt chối bỏ quyền đặt định một chiều của hóa công là vận-dụng quy luật “**Vạn vật tương-quan và hỗ-tương ảnh-hưởng**”. Do đó, đất, nước, gió, mưa,... vô-tình diễn, nhưng qua sức cải-tạo con người, mới có cảnh:

1- Bách Khoa Toàn Thư, “*Ô Nhiễm Môi Trường*”,
<http://vi.wikipedia.org/wiki/>.

*“Cho lúa ngập vàng đồng, nong vàng kén,
Cho trắng trong, gió quạt, sáo điều vu
Cho cười vang trong mọi nẻo thôn cù...”*

(Sinh Thành)

Cái biết phân-biệt hai đầu cực-đoan - có không, tốt xấu, thiện ác, v.v... là nguyên-nhân phát-sinh các tư-tưởng “duy” (*duy tâm, duy vật, duy sinh, duy lý, duy thần,...*) đối-ngịch nhau, tranh-chấp một mất một còn, gây ra chiến-tranh triền-miên khắp nơi. Đó cũng là nguyên-nhân phát-sinh đối nghịch, hỗn-loạn, khủng-hoảng, bế-tắc trong xã-hội, làm khổ-lụy con người trong đời sống vật-chất và tinh-thần...

Bức tranh lý-tưởng của nông dân là bức tranh “thái hòa”, “an lạc”:

*Làng ta phong cảnh hữu tình
Dân cư an khúc như hình con long
Nhờ trời hạ kế sang đông
Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi
Vụ năm cho đến vụ mười
Trong làng kẻ gái, người trai đua nghề.
Trời ra gắng, trời lặn về
Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề*

truân chuyên.

*Dưới dân họ, trên quan viên,
Công bình giữ mực, cầm quyền cho hay.*

(Ca Dao)

Nền-tảng của đạo sống Việt phát-xuất từ kinh-nghiệm sống hòa-hài qua nghề trồng lúa nước, qua cái nhìn liên-tưởng và tương-dùng đối-ứng, nó hóa giải, điều-hợp các mâu-thuẫn giữa hai đầu cực-đoan của cái biết phân-biệt.

*** Để “hòa” cùng vũ-tru, để cải hóa vũ-tru và nhân sinh- Dứt bỏ quan niệm sai lầm “Đối lập**

mâu thuẫn” mà thay thế vào “Đối-lập thống-nhất.

Có những chủ-thuyết đã cho rằng “*Có đối lập tức có mâu-thuẫn - Có mâu-thuẫn tất có đấu tranh - Có đấu tranh tất đưa đến hủy diệt.*”.

Điều sai lầm này đã đùn-đẩy nhân-loại nhiều tranh-chấp khổ đau, và suy-tàn như ngày nay!

Vì quan-niệm sai lầm “*Con người đối-lập với thiên-nhiên.*” nên sinh ra ý-niệm hủy-diệt thiên-nhiên, thắng vượt thiên-nhiên, thống-trị thiên-nhiên,...

Ý tưởng ngạo-mạn này đã phát-sinh từ lâu, từ khi con người tự vỗ ngực “*tạo dựng ra vũ-trụ, ra loài người, ra vạn vật*”, nên chúng ta đã được chứng kiến những tháp chuông cao vút, và nhọn hoắt vút tận trời xanh! những mộng-ảo đem tôn-giáo thống trị toàn cầu! Đem văn-minh này tiêu-diệt văn minh khác!. Những con thoi vượt địa-cầu lên hành tinh . . . Nhưng thử hỏi những thứ đó đã đem lại một niềm hạnh-phúc nào cho con người?

Vì muốn thắng vượt thiên-nhiên, nên vấn-đề ô-nhiễm là một vấn nạn lớn ngày nay:

- Ô nhiễm môi-trường không khí, làm cho không-khí không sạch, hoặc gây ra có mùi khó chịu, giảm tầm nhìn xa do bụi. Môi-trường khí-quyển đang có nhiều biến-đổi rõ-rệt, và có ảnh-hưởng xấu đến con người cùng vạn vật. Hàng năm, con người khai-thác và sử-dụng hàng tỷ tấn than đá, dầu mỏ, khí đốt; đồng-thời cũng thải vào môi-trường một lượng lớn các chất thải.

Ô-nhiễm môi-trường khí-quyển tạo nên sự ngột-ngạt và sương mù, gây nhiều bệnh cho con người... Nó còn tạo ra các cơn mưa axít làm hủy diệt các khu rừng và o các cánh đồng.

Quan-niệm này, xưa đã được thể-hiện qua chế độ “*phép vua thua lệ làng*”, địa-phương phân quyền.

Sự phân quyền cho địa-phương không những tránh được sự công-kênh ở trung-ương mà còn là biện-pháp bảo-đảm tinh-thần dân-chủ. Chủ-trương phân quyền địa-phương đáp-ứng được nhiều mục tiêu:

. Công việc của người dân do chính người dân tự giải-quyết. **Cơ-quan công quyền chỉ giữ vai trò điều-hợp**. Như vậy, tránh khỏi vướng vào guồng máy thư lại với những thủ-tục phức-tạp. Dân chủ có tính cách trực-tiếp, và mọi giải-quyết được mau lẹ, sát với môi-trường địa-phương.

. Tránh được một hệ-thống cứng chắc, làm trì-trệ các sinh-hoạt của nhân dân, đồng-thời chuyển đạt trách-nhiệm cho nhân dân.

. Vì người dân không bị chi-phối bởi một hệ-thống quyền-lực, mà là tự tham-dự vào việc quản-trị địa-phương trong một môi-trường hòa-hài giữa “*phép vua và lệ làng*”.

. Tránh được sự phân-ly, kỳ-thị giữa nông thôn với thành-thị.

Việt Nam lâu đời đã áp-dụng thể-chế phân quyền này, đã điều-hợp được quyền lợi của địa phương với quyền lợi của trung-ương đưa đến sự ổn định chính-trị, đồng-thời đáp-ứng được khát-vọng và nhu-cầu của quần chúng địa-phương mà vẫn tôn trọng quyền lợi của tập-thể, và sự thống-nhất quốc gia. Truyền-thống này cần được phát-huy bằng cách cải-tiến chế-độ cho phù-hợp với thời-đại.

Theo “**Mở Quyền**” trong “**Việt Duy Dân Quốc**”

va không vận-động nào là không mong đi đến một kết-quả.

Mỗi cá-nhân coi như một cơ-năng, và tổ-chức là bản vị. “*Bản-vị và cơ-năng hổ-tương nguyên nhân*” và “**Vận động là đi đến kết hợp**”.

Sự vận động và kết hợp ở “người” trong tiến trình “nhân bản”, vừa có tính cách đương-nhiên, vừa vô cùng xúc-tích, toàn triệt. Sức quy tâm (*hướng tâm vận động*) ở người không có nghĩa là “vị kỷ”, vì như vậy không có chỗ cho “hướng tha”, không đạt được sự quân hành trạng thái, và không đạt được sự kết-hợp, tiến-bộ. Sự hướng tâm vận-động ở người, đúng nghĩa là sự nỗ-lực ý-chí của chính mình phối hợp với các kỹ-thuật (khoa học), tinh-thần (phương-pháp tu-dưỡng), trí-tuệ (phương-pháp suy tưởng) để phát-triển toàn bộ sinh mệnh “người”. Hướng tâm vận-động đưa mình ngày một cao đẹp hơn.

“Hướng tâm vận động” mà thành tựu thì “hướng tha vận động” sẽ phát-triển rộng lớn, kết quả phi-thường. Phong-thái, phong-cách sự sống mỗi ngày một thanh-thoát hơn - Gia-đình, dân-tộc, nhân loại sung-mãn, thịnh-vượng, hạnh-phúc, hài-hòa. “Hướng tâm vận động” sa-đọa thành vị kỷ, tất gây sung-khắc, giai-cấp chia cách, kết-quả đưa đến băng hoại cho gia-đình, xã-hội suy-thoái rồi tan-rã.

- Tiểu gia phải là cơ-bản kiến trúc của xã-hội. Gia-đình có vui hòa, thì những cơ-năng trong gia-đình (*cha mẹ, con cái*) mới phấn-chấn, hưng thịnh.

Xưa nay, các tổ-chức, đoàn-thể, từ gia-đình đến xã-hội đều theo mô hình “*kim tự tháp*”. Chính

mô-hình này mới xảy ra tình-trạng “*chồng chúa vợ tôi!*”, như đôi đũa lệch so sao cho vừa! về chính trị, “*lệnh vua bảo chết. bầy tôi phải chết, không chết là bất trung*” (*Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung!*); về công nghiệp mới nảy sinh “*giai cấp thợ thuyền hay nô lệ tranh chấp với giai cấp chủ nhân ông*”; nông nghiệp ở Tàu tạo ra “*địa chủ*”: với “*nông nô*”,...

Quan-hệ trong tổ-chức là quan-hệ giữa “*cơ năng*” với “*bản vị*”. Sự hỗ-tương càng cao thì sự đối lập thống nhất trong bản vị càng ổn cố, và sự kết-hợp càng ngày càng phát-triển.

Bản-vị và cơ-năng hiệp điếu thì có an bình, thất điếu sinh tai họa. Đối với quốc gia và quốc tế, nếu quốc gia ức-chế quốc-tế mà thành *xâm-lược*. Giai-cấp khuynh loát quốc gia mà thành “*vật trị*” - Gia tộc ức-chế quốc-gia mà thành “*quân chủ*” - đoàn thể ức chế quốc-gia mà thành “*đảng trị*”, “*độc tài*”,...

Tiểu gia-đình là tế-bào của kiến-trúc. Tiểu gia-đình là miếng đất tiên khởi, gieo hạt giống hạch-tâm-thể cho toàn bộ xã-hội. Quốc gia phải lấy tiểu gia đình làm đơn vị phân mệnh (*dân luân*), phân cộng (*phân ngạch*), và phân lợi (*bình sản*).

Vượt khỏi phạm-vi gia-đình là quốc-gia mà guồng máy quản-trị từ trước tới nay được tập-trung vào trong tay nhà nước.

Trong hầu hết mọi trường-hợp, nhà nước là một hệ-thống quyền lực, công-cụ của giai-cấp, hay của một thiểu số được ưu-dãi dùng để thống-trị và bóc-lột quảng-đại quần-chúng. Với cơ-chế nhà nước ấy, xã-hội luôn-luôn bị phân-hóa thành giai-cấp. Mối mâu-thuẫn “*thống trị*” và “*bị trị*” và sự

xung đột mãi-mãi là mối liên-hệ “*chủ*”, “*nô*”.

Với loại “*nhà nước*” này, thực sự không có vấn đề “*quản-trị*” quốc gia, mà chỉ có vấn-đề “*thống trị*”, “*áp-bức*”.

Việc quản-trị quốc gia trong chiều hướng “*nhân bản*” y-cứ trên một số điều chủ-yếu:

- **Chủ quyền quốc gia** không thể là thứ quyền lực chuyển nhượng một lần từ quần chúng sang cho lãnh đạo, mà là **một sinh-ý-lực của cộng-đồng, lúc nào cũng thuộc toàn-thể nhân-dân.**

- **Tương quan “bình đẳng”.**

Thay tương-quan chủ - tớ bằng tương-quan thân hữu, nghề-nghiệp, tương-quan giữa người với người trong quan-niệm con người là cứu-cánh.

- **Điều-hòa pháp trị và nhân trị. Pháp trị không nhân trị là cơ-cấu thống-trị. Nhân trị không pháp trị thì nền-tảng quản-trị không có những điểm tựa vững-chắc, trường-cửu.**

Trong một xã-hội như Việt Nam xưa, nhân trị không bao giờ biến mất vào pháp trị. Nhân trị vẫn ở trong nền-tảng sinh-động của cộng-đồng. Cơ-sở trên tình và cảnh, tiềm-tàng trong đối-đãi, liên-hệ giữa các cá-thể trong xã-hội. Chính cách “*nhân trị*” này tạo nên một thứ trật-tự tự-nhiên, uyển-chuyển, thư-thái, và an-hòa giữa tình và cảnh. Trong khi trật-tự-do pháp-trị tạo nên một thứ trật-tự cứng chắc, bất dịch của lý và pháp!

Sự điều-hòa tốt đẹp giữa nhân trị và pháp trị sẽ đưa việc quản trị quốc gia tiến đến độ điều hòa được cuộc sống cộng-đồng và cuộc sống cá-nhân.

Ấm-thị biểu (tiếp theo).

C	c/ Kiến thiết luận.	c/ Chú trọng giáo dục	c/ Vô sản bình đẳng (không tưởng)	c/ Quân, huấn hiến chính.	c/Bình quân, bộ mệnh, bình sản kinh tế, kiện kháng giáo pháp, sinh hoạt giáo dục
H					
H		A- LỊCH SỬ LUẬN			
I		Lịch sử là biểu hiện của ý chí tối cao qua các thời đại.	Lịch sử là sự tiến hóa cơ giới của các điều kiện vật chất qua các thời đại.	Lịch sử là sự biến hóa của bản thể chủng tộc dưới sự lãnh đạo của những người tài đức.	Lịch sử là sự khám phá ra thời cơ luận nắm giữ tính chất đương biến của lịch sử.
Ệ					
U		B- VẬN MỆNH LUẬN			
Q		Định mệnh chủ nghĩa.	Định mệnh chủ nghĩa nhưng còn chủ trương đấu tranh để tu chỉnh vận mệnh.	Định mệnh chủ nghĩa theo số học lý tắc âm dương. Sự tu tâm dưỡng tính cũng thay đổi vận mệnh.	Phải giác ngộ nắm giữ vận mệnh mình.
Ủ					
A		C- VẤN MINH LUẬN			
		Vấn minh là biểu hiện đức tính chứ không hưởng thụ lợi lộc, vật chất.	Vấn minh là lý luận chú trọng hưởng thụ.	Vấn minh là sự phát hiện tối cao sinh tồn của chủng tộc.	Vấn minh tự giác và nhân chủ.

Sách Đại Cương Thảo Án Toàn Pho”, nhà tư-tưởng Việt Lý Đông A đã viết:

“Cho đến nay, thế-giới còn điêu-linh, thống khổ, chứng-tỏ sự thất-bại của những luồng tư-tưởng trong công-cuộc kiến-thiết cho loài người. Người ta đã có lúc lầm tưởng **máy-móc là chúa tể, nhưng rồi đều vỡ mộng!**

Phục Hy xưa kia đã nói: “Cơ giới sinh cơ tâm. Ta chưa thể dạy dân máy-móc, vì trình-độ dân còn thấp kém”. Sau những cuộc chiến-tranh tàn sát, mục-kích cảnh “xương khô máu chảy”, người ta mới cảm thấy câu nói sâu xa của Phục Hy là có giá-trị.

“Hiện nay, tuy những đạo giáo có giáo-hóa dân, nhưng hoặc quá thiên về phượng-tiện, nên chỉ dạy người làm lành tránh ác, đừng mắc tội hơn là cứu vớt người, hoặc yếm-thế chỉ mê-man trong công việc hàng ngày, câu kinh, bài kệ, bùa chú,...cho nên không giác-ngộ được người đương thời.

“Hoặc giả, có một vài vị sa-môn đạt tới chỗ giác-ngộ, thì lại ẩn mình nơi non xanh nước biếc, cho nên loài người chìm đắm trong vật-chất!

“Nhiều chủ-nghĩa không kiến-thiết nổi con người, bởi vì:

“1, Mỗi chủ-nghĩa tìm một đối-tượng thiên lệch, thiếu-sót, rồi căn-cứ vào đấy mà kiến-thiết con người, thành ra không hợp với **nhân tính**.

“2. Mỗi chủ-nghĩa phát-sinh để phản-đối hoàn-cảnh đối-bại, cho nên là **một thiên-lệch này bước qua một thiên-lệch khác** quá-khích hơn.

“3. Mỗi chủ-nghĩa đã có một mục-dích, nhưng chỉ là **vá-víu không nhất-quán**, cho nên đã thất-bại.

“4. Mỗi chủ-nghĩa phát-sinh ở một thời-kỳ nên đã cống-hiến những phương-án vào từng phương-diện của con người, mà **không thể-hiện được toàn bộ, toàn trình**. Có những chủ-nghĩa áp-dụng luật-tắc ở phạm-vi này vào phạm-vi khác, mà không có tu-chỉnh khi chuyển tọa-độ!

“Cuộc chiến-tranh tới sẽ là **cuộc chiến-tranh toàn diện**, hủy-diệt mọi nền văn-minh và-váu của thế-giới một cách khốc-liệt. Cùng với những kiến-trúc do các chủ-nghĩa thiên-lệch, tất-cả sẽ cáo chung.

“Thế-giới đang đòi-hỏi những tư-tưởng mới, một phương-hướng mới, và những phương-án kiến thiết mới-mẻ hơn.



Ấm Thi Biểu

Phần	Rộng Nghĩa	Duy Tâm	Duy Vật	Duy Sinh	Z Thắng Nghĩa
Q U Y N A P	a/Tối cao căn cứ b/ Tối định tiền đề c/Tối sơ xuất phát	<u>CƠ BẢN LÝ LUẬN</u>			a/ Người b/ Nhân đạo c/Xã hội tự tính, xã hội bình sản
		a/Tâm hay thần b/Tuyệt đối tinh thần c/Phát sinh và cửu cánh vũ trụ do Thần.	a/Vật chất b/Vật chất vạn năng. c/Phát sinh và cửu cánh vũ trụ do vật chất	a/Sinh nguyên b/Sinh tồn vận động c/Phát sinh và cửu cánh vũ trụ do sinh thể.	
		<u>CÔNG CỤ LÝ LUẬN</u>			
		Tam đoạn luận Hegel biện chứng pháp.	Duy Vật biện chứng pháp	Duy Sinh biện chứng	Tập đại thành DD biện chứng thông qua 3 thành phần: Nhiên, nhân, dân.
D I Ể N D I Ể N	a/ Xã hội xuất phát. b/ Trung Tâm luật tắc. c/ Tính luận	<u>THUẦN TÚY LÝ LUẬN</u>			a/ Xã hội có sẵn là do lối tổ chức còn thiên về nhân tính mà thiếu nhân đạo nhân chủ. b/Lịch sử là cuộc vận hành của xã hội tự tính thông qua nền tảng và điều kiện đặt định thời đại và dân tộc. c/Vô kỷ tính.
		a/Xã hội sẵn có là biểu hiện lẽ phải.	a/Xã hội sẵn có là do thế lực và quyền lợi tạo nên.	a/Xã hội có sẵn là do vận động sinh tồn diễn dịch theo luật tắc âm-dương.	
		b/Lịch sử là biểu hiệu ý chí tối cao .	b/Lịch sử không ngừng giai cấp đấu tranh.	b/Lịch sử là sự cầu sống không ngừng của loài người.	
		c/Tinh thiện	c/Tinh ác	c/Tinh là do sự hợp hoá tính thần và vật chất.	
N D	a/ Chính trị luận b/ Cách mạng luận.	<u>THỰC TIỄN LÝ LUẬN</u>			a/ Chính trị là sự thiết kế và chấp hành nhân sinh... b/Cách mạng cần thiết để thăng hoa đời sống người.
		a/Duy trì nền tổ chức xã hội hiện thời. b/Cải cách cho đến sự biểu hiện của ý chí.	a/Chính trị là mặt nạ của sự bóc lột giai cấp b/Giai cấp lao động cách mạng chủ lực là vô sản	a/Chủ trương chúng tộc. b/Cách mạng là để bênh vực quyền lợi dân.	

Nói chung là Tam Tài .

Ngảnh lại : Nhìn về quá-khứ, tức là dĩ-vãng.

Trông đi : Là nhìn về tương-lai: Dĩ-vãng + tương lai = nghĩa là xưa và nay, tức là: Cổ và kim chỉ thời-gian = Định-nghĩa của chữ trụ (Vãng cổ lai kim vị chi trụ).

Chữ việt: là vượt lên, vượt ra ngoài không-gian (bốn phương) – Chữ “khơi” nghĩa là cao sâu (thượng hạ). Định-nghĩa chữ “vũ” (tứ phương thượng hạ chi vũ) theo Hoài Nam Tử. Cả câu “Ngoảnh lại trông đi mấy việt khơi” là định-nghĩa cái bản-thể của vũ-trụ = thời-gian + không-gian.

Thường vậy: thường hằng, không thay đổi, không biến-chuyển suy-suyển, v. . .

Vô danh: Không tiếng nói, không tên gọi, có nghĩa như lời Lão Tử “Đạo mà có thể nói, có thể gọi bằng tên này tên nọ thì không phải là đạo thường hằng (Đạo khả đạo phi thường đạo và danh khả danh phi thường danh).

Hữu thực: Có thực

Bồi-bồi: Dáng tốt-tươi như “lúa tốt bồi-bồi”

Nói vô danh mà còn nghe vắng-vắng, nghĩa là trong cái không có cái có, có một cách tốt-tươi là khác. Đó là định-nghĩa cái thực-chất của vũ-trụ.

Tiết: nghĩa đen là cái đốt tre, nghĩa rộng là những hiện-tượng hiển-nhiên ta có thể thấy được như (Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình). Ở trên trời gọi là tượng như mặt trời, trăng sao, v.v. . . Ở dưới đất gọi là hình như sông, núi, cỏ cây, vạn vật. Nói “Tiết gìn thiên cổ” là nói cái hình tượng trong trời đất từ muôn xưa vẫn gìn-giữ thường hằng.

Tình: Là những cái tiềm ẩn ở trong, không thể thấy, bằng con mắt thường, mà phải tìm biết bằng khối óc suy-tư của con người. Tuy nhiên, con người dù cuộc sống có hạn trong khoảng trăm năm, có thể

Bài Đọc thêm

Thơ Đạo Trường Ngâm

- 1/ Một vòng không đáy, đáy sinh người
Ngảnh lại, trông đi mấy việt khơi
Thường vậy vô danh vắng-vắng
Mà nay hữu thực bồi -bồi
Tiết gìn thiên cổ, tình khôn giải
Óc tính trăm năm, gan dễ phơi
Khép mở hồng-hoang vẫn chuyển mãi
Duy nhiên khoá động ba ngàn trời.
- 2/ Ba ngàn trời, một khoá thấy đâu
Đám bụi trần ai đã đục ngầu
Sách hóa trắng tinh không một chữ
Gậy thần đốt trúc có hai đầu.
Sông Thao nước cuốn bên bồi lở,
Núi Tản mây vẫn độ bể dâu.
Đông Tây một lẽ xuyên kim cổ,
Vũ-trụ huyền hoang mỗi Lạc Âu.
- 3/ Mỗi Lạc Âu gõ trái bao giờ
Bơm cát ngàn tre gió phát-phơ.
Trúc lựa đã dày phen trĩu loạn,
Sơn xanh còn chiếu dạ hơn thua.
Cương thường chấp nối hai kiếp lại
Văn vũ trì trệ một nguyên xưa
Hỗn độn đã dày công mang mở
Chờn mây cho mưa nắng hừng hờ.

- 5.- *Tính cổ thời ngày một đi đi
Trách ai cát cứ gọi Hoa Di
Cỏ xanh kia lấy bạo thay bạo
Gạch tía này sướng chi khổ chi.
Sự tích thời đành hươu quạ
Sinh linh thế ấy phân ly.
Xuân thu dóm hỏi bởi vì vị
Hay bởi Xuân thu bởi vì vị.*
- 6/ *Bởi chút vị vì tìm lẽ đời
Ba sinh còn hồn mộng đôi nơi
Giang sơn dựng thuở ai tát biển
Quan lữ gây nên kẻ trụ trời
Tác giả vô danh là gốc đạo
Noãn sào trăm họ, ấy giếng người
Đáy dòng nước băng-băng chảy mãi
Chớp bể mưa nguồn nào có nơi.*
- 7/ *Chớp bể mưa nguồn kéo khắp miền
Sá chi tấm gôi, sá truân chuyên
Bút nghiên đèn sách đều sai lạc
Kim cổ, Đông Tây cũng hão huyền
Vị biết lửa hương tìm chấp nối
Là hay vàng đá để trao truyền.
Văn minh nghĩ kỹ còn nhiều việc
Đem cả muôn loài lên Duy Nhiên.*

4822 T.V.

GIẢI NGHĨA NHỮNG CHỮ KHÓ:

Đạo: đường đi, lối bước. Đạo-lý là một cái lẽ nhất-định ai cũng phải noi đấy mà theo như: nhân-đạo là đạo làm người; Vương đạo là đạo-lý của bậc vương giả; Bá đạo là đạo-lý của bá giả (nhân nghĩa giả). Các nhà truyền giáo

đem cái lẽ hay trong giáo mình nói cho người biết mà gọi là truyền đạo. Đạo còn là một tên riêng để chia khu-vực trong nước. Thời nhà Đinh, nước ta chia làm 10 đạo do Lê Hoàn làm Thập Đạo Tướng Quân. Chữ Đạo ở đây có nghĩa là đạo làm người.

Đạo tràng: Nơi tu đạo, nơi làm lễ cầu cúng.

Đạo giáo: Tông-giáo thờ ông Lão Tử làm tiên-sư,

Trường Ngâm: Trường là dài; Ngâm là một thể cách trình diễn bài thơ bằng âm thanh giống như ca hát vậy. Nói chung Đạo Trường Ngâm là một khúc trường ngâm nói về đạo.

Một vòng không đáy: Là một cái vòng tròn tưởng-tượng để hình-dung ra ý-nghĩa mà giải-thích danh-từ “vũ trụ”. Vì trên bản-thể của cái vòng tròn là đường không có đầu mối. Không biết chỗ nào là nơi khởi-đầu, cũng như không có chỗ nào là chỗ tận cùng. Đúng với quan-niệm nhà Phật trong câu “Vô cùng duyên khởi” – Vô hạn cứu cánh” để nói cái đặc-tính của thời-gian + không-gian tức là vũ-trụ vậy.

Cái vòng lại không đáy: Đến bể rộng mênh-mông không bờ không bến mà còn có đáy. Ở đây cái vòng không trước không sau, lại không cả đáy nữa, thế là chẳng dính-líu, vướng-vít vào đâu cả, ấy là nói cái nghĩa của chữ “vô nguyên” tức là vũ-trụ vô nguyên.

Sao đã nói không đáy, lại nói đáy sinh người? Không mà trở nên có, đó là cái lý “chân không diệu hữu của nhà Phật”, nghĩa là từ cái vũ-trụ vô nguyên sinh ra **con người nhất nguyên**”.

Con người sống trong cộng-đồng nhân-loại là một. Song trong đại đồng có tiểu dị; Từng dân-tộc, từng địa-phương, từng nếp sống trong xã-hội phức-tạp nên loài người trở thành **xã-hội đa nguyên**.

Vô nguyên -Nhất nguyên Đa nguyên

= là những nguyên lý của:

Đạo Trời Đạo người và Đạo Đất

Noãn-bào: Bọc trứng. Từ bọc trứng bà Âu Cơ sinh ra trăm con . Trăm con trở thành trăm họ (Bách tính). Tóm lại trong ý-nghĩa “Cái vòng không đáy (vô nguyên) sinh ra con người (nhất nguyên) . Bọc trứng (nhất nguyên) sinh ra trăm con = trăm họ (đa nguyên). Đó là nguyên-lý của Đạo. “Đấy dòng nước băng-băng chảy mãi”, nay là định-lý biến dịch của vũ-trụ. Khổng Tử đứng nhìn dòng nước chảy đã than rằng: Chảy mãi như thế kia ư ? Không ngớt ngày đêm (Thệ giả như tư phù ? Bất xả trú dạ).

Chớp bể mưa nguồn: Hiện tượng của tự nhiên vận động. Chớp là ánh lửa; bể ở về phía Đông Nam. Lửa sinh ra từ phương Nam. Tượng của lửa là quả Ly thuộc dương là (Đạo Trời) hướng Nam cung Ngọ. Đối lại “mưa nguồn” : Mưa là nước, nước sinh ra từ phương Bắc, tượng của nước là quả “khảm”, thuộc “âm” (Đạo Đất) phương Bắc cung Tý. Những yếu tố trên đây là những thành-phần cốt yếu trong guồng-máy hóa (hóa cơ) của vũ-trụ, vận-động xoay vần không ngừng, “ Nam Bắc không ngừng xoay Tý – Ngọ”.

Lửa Hương: Lửa có đặc-tính : Nhiệt = nhiệt thành : phát minh, sáng tạo, bùng lên mãnh liệt. Khi loài người phát minh ra lửa là lúc loài người tự sáng tạo cho mình một nền văn minh tiên khởi, đó là nền văn minh “nhân tính” khác với “thú tính”. Để đoạn tuyệt với thú tính, trước hết là con người có vợ có chồng, tức là gia đình có tổ chức, do đó mà kinh tế, xã hội có tổ chức, đó là điểm xuất phát tối sơ của xã hội người.

Hương : “Ba sinh hương lửa” = Lửa đốt hương cháy, hiện lên hình ảnh sinh hoạt diễn tiến vòng ba kiếp của con người. Trên đầu nén hương, một phần tàn hương đã cháy gọi là phần quá khứ hay “vãng sinh”.

có bộ óc thông-minh mà tính-toán tìm ra những nguyên-lý này, những quy-luật kia. Lấy gan can-đảm khám-phá vũ-trụ, phơi-bày ra những điều bí-mật của tự-nhiên, cho nên mới nói: “Óc tính trăm năm gan dễ phơi”.

Khép : Đóng cửa, nghĩa của chữ “hạp”. Mở = mở cửa, nghĩa của chữ “tịch”. Kinh Dịch: “nhất hạp nhất tịch vị chi đạo” (một đóng một mở gọi là đạo).

Hồng-hoang: Trạng-thái hoang-vu, bao-la rộng lớn đó là thuở chưa phân âm dương, chưa gọi là trời đất.

Duy nhiên: danh-từ triết-học nói về tự-nhiên vũ trụ.

Khoáy động: Sức chuyển động tự-nhiên xoay quanh một đường xoáy quỹ-đạo như một cái khoáy mà đầu mối là duy-nhiên.

Ba ngàn trời: Theo đạo Phật thì vũ-trụ gồm có ba ngàn đại thiên thế-giới (tam thiên, đại thiên thế giới).

Trần ai: Cũng như danh-từ thế-gian, thế-giới nơi loài người ở.

Sách hóa, Gây thần: Hai thần vật của Tản Viên Sơn thánh.

Sông Thao: Lưu-vực sông Hồng Hà thuộc địa-giới phủ Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Bể dâu: Bể xanh biến làm ruộng dâu (thương hải biến vi tang điền) nói về sự đổi thay, biến-dịch.

Huyền hoàng: Trạng-thái mịt-mù mà trời đất thuở hỗn-mang.

Lạc Âu: Tên gọi của dân tộc Việt. Lạc – Việt, Âu Việt, Âu Lạc, v.v. . .

Bơn cát: Bãi cát nổi lên ngoài bể.

Trúc lưa: Hay trúc bạch = Tre và lưa khi xưa . Đoàn quân chiến-thắng ca khúc khải-hoàn, người ta ghi những chiến công lên giải lưa buộc trên cầu tre

dài để nêu cao chiến công hiển-hách. Làm vẻ-vang cuộc chiến-đấu và vinh-dự cho người lập công. Nói đã dày phen trệ loạn là nói trong quá-trình đất nước, bình-trị để yên dân và xây-dựng hòa-bình.

Son xanh: Son: một thứ đá màu đỏ mài ra mà viết chữ đỏ tươi đẹp. Nét son có giá-trị cao-quý ngang nét vàng để ghi công đầu việc tốt trong sử sách.

Xanh: tre xanh, người xưa chưa có giấy, chẻ tre làm thẻ khắc chữ trên vỏ xanh của tre để chép sử ký, người ta thường gọi là sử xanh.

Cương-thường: Cương là giềng-mối, là trật-tự xã hội. Thường: Năm đạo thường là :nhân, nghĩa, lễ, trí, tín là đạo của con người đối-đãi với nhau trong gia-đình xã-hội.

Hai kiếp: Người ở kiếp hiện tại, ngoảnh nhìn về kiếp quá-khứ. Trông về kiếp tương-lai là hai kiếp ở trước và sau của mình. Nối hai kiếp trước sau với hiện tại của mình là ba kiếp thành một vòng tiến hóa phát-triển nên lịch-sử.

Văn vũ: Văn : như phong-tục tập-quán, tư-tưởng, văn-chương, nghệ-thuật, chính-trị, kinh-tế, v.v. . .

Vũ : như quân-sự, lược-thao quốc-phòng.

Tri trưng: Gìn-giữ và phát-huy ra.

Hỗn-độn: Trạng-thái lúc chưa phân ra trời đất, âm dương.

Chỗn: Thái-độ thờ-ơ, mặc-kệ; chỗn thây ý nói chẳng ra gì.

Tạo-hóa: Như những tiếng: Hóa công, trẻ tạo, con tạo, nói về quyền-năng thượng-đế.

Lọ: Tiếng lóng, nghĩa như chữ sai, không đúng, lố bịch, gần đây như chữ què.

China: Tên khác của nước Tàu. Đồng China (Trung Hoa) : cột đồng do Mã Viện trồng ở biên-giới Hoa Việt.

Máy Pháp Lan: Máy chém của Pháp.

Nhân quyền: Quyền làm người, cuộc cách-mạng Pháp 1789 mệnh danh là cuộc cách-mạng nhân quyền.

Xanh người: Người Pháp có con mắt xanh.

Hồng Bàng: Danh hiệu đầu-tiên của dân-tộc Việt ghi trong trang đầu sử.

Hoa Di: Người Tàu cát cứ, chiếm-lĩnh phần lớn, tự nhận mình là Hoa, coi các dân nhược-tiểu là Di.

Cỏ xanh: Ví như kẻ yếu (dân nhược-tiểu).

Gạch tía: do chữ lầu son gác tía. Gạch tía tượng trưng quyền-hành vua chúa.

Tử khuyết: Cửa tía, cung vua.

Sinh linh: Nói về quần-chúng.

Xuân Thu: Tên hai mùa của một năm, một năm có 4 mùa. Theo thời-tiết trong năm thì mùa Đông ngày ngắn đêm dài, mùa Hạ ngày dài đêm ngắn, chỉ có mùa Xuân, Thu có nghĩa như hòa-bình, công-bằng. Khổng Tử làm kinh Xuân Thu lấy tư-cách công-bằng mà khen chê, phân-biệt thiện, ác của các vua chúa, bênh-vực quyền dân.

Vị vì: Chữ “Vi”, bình thanh đọc là vì, khứ thanh đọc là vị = Vị là vị tha. Vì là vì người khác mà hành-động.

Vị : Vị là ngôi, ngôi vua, địa-vị của mỗi người, cũng như cương-vị,

Tát bể: (Huyền-thoại nói về thần tát bể) Thuở chưa có trời đất thì tất-cả là một bể nước. Lúc đó có ông vô danh ra tay tát với nước biển cho trật ra những sông, những núi, đất đai, biên-cương, lãnh thổ để xây-dựng nên quốc-gia. Truyện “thần trụ trời” cũng thế. Thuở còn là một khối lớn hỗn-mang, chưa phân-biệt âm dương, trời đất, lúc đó có ông (vô danh) lấy đá làm cột chống đẩy khí dương lên cao khỏi mặt đất để cho trời mãi-mãi ở trên cao, giành khoảng giữa mà đội trời đạp đất ở đời.

Khi ta gọi một hiện-tượng là tự-nhiên, là xã hội hay tư-tưởng, là ta chỉ muốn nhấn mạnh đến tính cách trội yếu của phạm-trù đó trong hiện-tượng khí-hậu, thời-tiết, thiên tai, địa hình, v.v..., về tinh-thần, thiên-nhiên tấn-công người bằng vật tính, đánh đuổi nhân tính.

Khi tấn-công, người không thể hủy-diệt thiên nhiên, mà phải tìm cách phối-kiểm toàn bộ các quy luật của “nhân”, điều-chỉnh những quy-luật bị thực-hiện lệch-lạc, nghĩa là “người” đã chuyển sang vị-thế chủ-động đối với thiên-nhiên, muốn thiên-nhiên phải phục-vụ “người”. Nói cách khác, “người” đã chuyển thế đối-lập sang hợp-tác, nghĩa là thống-nhất thiên-nhiên với con người.

(Sự nhâm-lẫn cội gốc của Marx là đem áp-dụng thẳng tuột các quy-luật của thiên-nhiên vào loài người, mà không trông thấy sự đối-lập thống-nhất (hợp-tác) giữa loài người với thiên-nhiên.

Các quy-luật chi-phối vũ-trụ thiên-nhiên là các quy-luật vật-chất tự-nhiên. Đó là các quy-luật khoa-học của vật-chất, có tính-cách khách-quan, nghĩa là các quy-luật đó không thay đổi, dù có hay không có sự hiện-diện của con người. Khi con người khám-phá ra các quy-luật chi-phối vũ-trụ tự-nhiên thì các quy-luật đó chỉ áp-dụng cho vũ-trụ khách-quan ..

Sang đến xã-hội NGƯỜI, các quy-luật trong tự-nhiên phải biến-đổi sao cho thích-hợp với đời sống của con người. Con người khai-thác các quy-luật thiên-nhiên, biến-đổi để phục-vụ con người, tức là con người dùng tư-tưởng để làm chủ vũ-trụ vật-chất khách-quan (Tán thiên địa chi hóa dục). Điều này khác với Duy Vật chủ-nghĩa đem áp-dụng thẳng tuột các quy-luật tự nhiên vào nhân-loại !

- Chính đây cũng là điểm sai của Khổng giáo

Tiếp đến phần hiện-tại tức là “hiện sinh”. Phần này có một đốm lửa hồng đương cháy, đương nóng, đương khổi, đương thơm và đương di-chuyển xuống phần chưa cháy về phía tương-lai nên gọi là phần “lai sinh”. Đó là sự diễn-tiến 3 kiếp trên thân hình một cây (nén) hương. Tàn hương chỉ dĩ-vãng rụng xuống chân hương, đẩy phần tương-lai tiến lên thế chỗ cho phần hiện-tai để phần này trở thành “vãng sinh”. Cái vòng 3 kiếp này là một khâu trong chuỗi vòng tiến-hóa vô cùng của lịch-sử phát-triển. Phần hiện-tại đương là phần sống động, đảm-đương trách-nhiệm lịch-sử và nghĩa-vụ thời-đại.

Nội-dung khúc Trường Ngâm nói về Đạo, tức Đạo làm người ở giữa đạo Trời và đạo Đất. “Hữu thiên đạo yên, hữu nhân đạo yên, hữu địa đạo yên. Kiêm Tam Tài nhi lưỡng chi cố lục, lục gia phi tha, Tam Tài chi đạo dã” (Dịch Hệ Hạ) “Có Đạo Trời có đạo Người, có đạo Đất, gồm Tam Tài mà gấp đôi lên thành sáu (sáu gạch, quẻ kép trong Dịch lý). Sáu đó chẳng phải cái gì khác mà là Đạo Tam Tài vậy”.

“Con người phải ăn ở sao cho có trước có sau”, lời tiên nhân dạy thế. Trong nội-dung ý-nghĩa bài này cũng không ngoài lời nói vàng ngọc của người xưa. Cho nên con người trước nhất phải tìm ra cho mình một vũ-trụ quan, nghĩa là tìm ra căn để của vũ-trụ. Sau nữa phải tìm biết cái nguồn-gốc của chính mình để mà biết trách-nhiệm của mình ở đời phải nên như thế nào? Đó là đại-ý của bảy đoạn thơ trong ngâm khúc này:



H/ Ứng Dụng Triết Học Lý Đông A vào Nhân sinh Quan: :

Chủ yếu:

- Giác-ngộ triệt-để về “nhân chủ”; mọi kiến thiết cần đặt trên “nhân bản” mới có thể đem lại an bình cho nhân-loại.

- Lấy loài người làm gốc, lấy xã-hội người trên tự tính làm gốc thì **mọi hiện-tượng sống tạo ra bởi người, vì người và cho người.**

- Trở về với “Đạo Sống Việt” để phục-hồi và ứng-dụng điều **“thương người như thể thương thân”**, không giáo-diệu, không lý-thuyết suông, thì cuộc sống mới thực-sự an lành, và thực-sự thanh-bình.

Có ba (3) quy-luật chi-phối vận-động và phát-triển của “nhân”.

Quy-luật 1: Vạn Vật Tương Quan.

Con người sống trong vũ-trụ thiên-nhiên tất sự vận-động và phát-triển chịu ảnh-hưởng năm (5) quy-luật (cấu-thức 5 điểm) của vũ-trụ thiên-nhiên. Nói cách khác “Vạn Vật Tương Quan”.

Quy Luật 2: Nhân vận-động và phát-triển theo hình xoáy tròn ốc có nút tết.

Khi nói đến hình tròn ốc, ta nghĩ ngay đến một hình có một điểm xuất-phát, rồi đi vòng rộng lên cao dần (mỗi vòng ở phía trên rộng hơn vòng ở phía dưới (như hình của vỏ một con ốc, mà điểm xuất-phát là là đầu nhọn của đáy vỏ ốc). Vận-động theo hình xoáy tròn ốc là vận-động bắt-đầu từ một điểm xuất-phát, rồi phát-triển về chất cũng như về lượng, rộng dần và cao dần (vận-động hướng thượng), có tính đồng-dạng với những vận-động trước.

Nhân vận-động và phát-triển theo hình xoáy tròn ốc có nút tết (hay nút biển) do tư-tưởng con người làm biến-đổi hiện-tượng, sao cho vận-động và phát-triển có tính-cách hướng thượng (thí-dụ đời sống người đã biến-đổi cao-đẹp hơn, từ lúc ăn sống đến cách nấu chín - đó là một nút tết (nút biển) trên hình xoáy tròn ốc lớn - Từ thời-kỳ mẫu hệ sang thời-kỳ phụ hệ, đó là một nút tết (nút biển) của xã-hội loài người đối với tự-nhiên. Các biến-chuyển qua các thời-kỳ “đồ đá” sang “đồ đồng” là những “nút tết” khác.

Loài người tiến-bộ được là do có sức tu-chỉnh tự-nhiên. Chính tư-tưởng này đã làm cho nhân có khả-năng chủ-động với thiên-nhiên. Nhân không thể sống ổn-định bằng cách đồng-hóa nhân với tự-nhiên, hay hủy-diệt tự-nhiên.

Nho học nói “Tán thiên địa chi hóa dục” (Giúp trời đất trong việc biến-hóa cho cuộc sống) là ý đó).

Quy Luật 3: Trong dòng sống, nhân khám-phá ra ba tầng chân-lý:

* Chân-lý trong tự-nhiên có tính **vô nguyên**, và **tính tương-đối**.

* Chân-lý trong nhân có tính **nhất nguyên** và **tuyệt-đối**.

* Chân-lý trong dân (xã hội) có tính **đa nguyên** và **tương-đối**.

Ta cũng nên nhớ rằng: Tự-nhiên, xã-hội và tư tưởng thống-nhất trong mọi hiện-tượng sống, nên cả ba chân-lý đều có mặt đầy-đủ trong mọi hiện-tượng. Vì thế, thực-tại không có hiện-tượng nào được coi là thuần-túy tự-nhiên, hoặc thuần-túy xã-hội hay thuần-túy tư-tưởng.

lịch-sử.

Đặt con người làm chủ đạo nhân-sinh, tích cực phấn-đấu để xây-dựng tư-thế, cải-tạo hoàn-cảnh, lấy tự-chủ, con người có trách-nhiệm cho chính mình. Trong các truyện thần thoại, thì ca Việt đều đặt vị-thế con người làm chủ thể cuộc sống. Con người là gạch nối giữa Trời và Đất. Truyện ông Bàn Cổ không do thần linh, mà tự mình xuất-hiện, “*phán định âm dương*”. Ông Bàn Cổ lớn đến đâu, kích-thước vũ-trụ lớn rộng đến đó (*Sức biết con người đến đâu thì vũ-trụ có tên đến đó*).

Song-song với tinh-thần nhân bản là tinh-thần nhân chủ. Con người hơn các động vật khác do có giác-ngộ tính, sáng-tạo tính, xã-hội tính, và có lý-tưởng, có mục-đích cho cuộc sống. Cuộc sống tuy bị hoàn-cảnh chi-phối, nhưng ý-chí con người có thể xoay-chuyển được hoàn-cảnh, cho nên mới nói:

“ Có trời mà cũng có ta ”

hay “*Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.*”

(Nguyễn Du)

Duy Dân Nhân Chủ ra đời là để xây-dựng một xã-hội “*Người*” cho thật “*người*”, cho con người được thực-sự hạnh-phúc, được thực-sự giải-phóng và cuộc sống được thực-sự chủ động. Muốn được vậy,

- *Nhân Bản* phải là tối-cao căn-cứ (*chứ không phải là vật-chất hay thần-linh*).

- *Nhân chủ* phải là tối-định tiền đề.

- *Nhân tính* phải là tối-sơ xuất-phát.

Người là nguồn-gốc, đồng-thời là cứu-cánh của xã-hội. Nhân bản là lấy loài người làm gốc, lấy xã-hội loài người trên tự tính làm gốc; lấy nhân-dân

mà linh-mục *Đường Thi Trương Kỷ* đã dẫn lại để tuyên xưng! Nếu đem pháp-tắc tự-nhiên của trời (vũ trụ) áp-dụng thẳng tuột vào nhân luân, thì quả là không phân-biệt giữa tính-chất khách-quan của vũ-trụ tự-nhiên với tính-chất chủ-quan của loài người.

Những lý-thuyết năng-lực nhất nguyên, tuyệt-đối tinh-thần, tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, v.v... chỉ là kiến-thức tích-lũy của cơ-sở “*duy thần*”, tiến-hóa lên. Những lý-thuyết duy lý, thực-dụng và v.v... chỉ là thỏa-hiệp của duy tâm với duy vật, hay duy sinh ở một căn-cứ siêu-hình. Bởi vì duy tâm là tác-dụng nhân-loại tiến-bộ sau khi nhân-loại thành-lập, duy vật là thuyết siêu-hình “*hình nhi thượng*” (*bởi vật là điều-kiện của tự-nhiên vận-động*), từ duy nhiên thẩm-thấu vào duy nhân phải thiết-định rằng tự-nhiên có trước loài người. Cái quy-luật trung-tâm là tinh-thần vận-động khách-quan thực tại không thể nào lấy gì mà chứng-thực được, để mang vào phục-vụ cho loài người.

Nói đến duy tâm đúng nghĩa thì chỉ có “*thần trị*”(théocratie) sự trực-giác lãnh-đạo chính-trị (*chính-trị không thể thành được khoa-học ở lãnh vực duy tâm*), chỉ là một lập thuyết bảo-thủ của dân-chủ tư-bản (*duy vật là ý-thức của tích-cực phá-hoại, duy tâm là ý-thức của bảo-thủ tích-cực*) dùng cho tự-nhiên, sự thực trói-buộc và áp-bức loài người, không có tinh-chỉ trong vũ-tru.

Cho nên không thể có được duy-tâm (*duy thần*) cũng như nói không thể sống được bằng hương hoa tưởng-tượng của tinh-thần, không thể có được một xã-hội “*thần trị*”, không thể có được một xã hội vô vi, không thể có được một xã-hội *tự thân*,

tự sinh, tự nở, không thể có được một xã-hội bằng tâm trông, tâm nghe, tâm làm, tâm ăn, tâm đi...

Nói đến duy tâm triết-học đây là nói rộng chung cả lý-tưởng chủ-nghĩa, hình-tượng chủ-nghĩa, thượng-đế chủ-nghĩa, duy-thức, duy-cảm, duy-tính, vân vân... không tránh được điều cơ bản lý-luận duy thần.

Xưa nay, biết bao nhiêu cuộc đối-thoại của các tông-giáo, triết-học, tư-tưởng không đi đến kết-luận chung cũng vì mỗi lập-trường đứng trên một nền-tảng khác nhau! một bên, trên nền-tảng “*thần linh*”, kẻ trên nền-tảng “*vật chất*”, người trên căn-cứ *thời-diểm lịch-sử của xã-hội*, ...

Đã không cùng đứng trên một nền-tảng thì khó mà chung đi đến một kết-luận.

Thật đúng là cảnh “*Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược*” hay “*Ông nói gà, bà nói vịt*”.

Theo Dịch lý, “*trong vũ-trụ, âm dương có giao-thoa vạn vật mới thành hình. Nhờ âm dương giao-thoa mà thành bát quái.*” Nếu bát quái chỉ có 3 nét (*Quái đơn*) thì cũng chưa đủ, vì “*tam tài*” mới chỉ là “*nhất nguyên*”, nên phải thêm mỗi nét trong quái đơn (*đơn quái thành trùng quái*) mới trọn nghĩa “*âm dương chi vị Đạo*”.

Tượng truyện của quẻ “Thái” trong kinh Dịch có nói: “*Thiên địa giao thái, hậu dĩ tái thành thiên địa chi đạo, phụ tướng thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân...*” (*Công việc của trời đất tạo thiết ra, nhờ người sửa-sang lại cho hoàn-thành, vật-chất do trời đất vun trồng, nhờ người chấn-chỉnh cho thỏa đáng.*). Có như vậy vai-trò “người mới sánh cùng Trời - Đất (*Thiên - Địa - Nhân trong Tam Tài*)”.

Nhân bản: Con người do cực chất trong vũ-trụ, vận-động và kết-hợp dưới hình-thái vô-tình-diễn, vô cùng cứu cánh, vô cùng duyên-khởi theo quy-luật “*Hỗ-tương vận động và kết-hợp*” mà thành.

Con người khi hình-thành là một tổng-thể của tâm - vật - sinh. Cuộc sống của con người trở thành một bản-vị có sinh-mệnh tính, nghĩa là cuộc sống có “*hướng tâm*”, “*hướng tha*”, và “*hướng thượng*”, vận-động có tự chủ tính, tự-do tính, và có mục-đích.

Do “*hướng tâm*” vận-động, mà con người tự thương mình, và những gì liên-quan đến mình, cùng có tư hữu tính... Do “*hướng tha*” vận-động mà con người tạo-lập xã-hội, thiết-lập gia-đình, thị-tộc, bộ-lạc, dân-tộc nương theo nguyên-lý “*vận-động và kết hợp là hỗ tương nguyên-nhân*”. Do “*hướng tha*” vận-động mà loài người có nhu-cầu tập-thể, sáng-tạo ngôn-ngữ, nghệ-thuật, văn-hóa, luật-pháp, cơ-cấu, định-chế, v.v... để cùng sống với nhau.

Hướng thượng vận-động là xu-hướng đặc hữu của con người, chỉ “*người*” mới có, khiến người tiến cao mãi hơn các động-vật khác (*nhân linh ư vạn vật*).

Sự vận-động của ba xu-hướng “*hướng tâm, hướng tha và hướng thượng*” của con người trong thời-đại và các tác-động trên thiên-nhiên, trên loài người mà làm nên các lãnh-vực kinh-tế, chính-trị, văn-hóa, xã-hội,...!

Sự biến-chuyển lịch-sử của loài người chính là những biến-chuyển qua sự vận-động của ba xu-hướng hướng tâm - hướng tha và hướng thượng. Nói cách khác, chính con người làm nên

1- Nhóm Nghiên-Cứu Văn Hóa Dân-Tộc Việt, “*Huyết Hoa*”, tr. 246, ấn quán Bình Minh, 1986 tại Hoa Kỳ.

6- **Từ bi** (3 cấp: Chúng sinh, đạo đức thế-gian, bình-đẳng tâm, không điều-kiện (*Phật giáo*).

7- **Bác ái** (*Thiên Chúa giáo, đặc-trưng tình cảm giữa con người với Thượng đế*).

8- **Lấy đức tính của nước so-sánh với tính người.**

(Nuôi dưỡng muôn loài, không kể công, không hữu ý, bao dung, linh động. (*Lão Tử*).

9- **Nhân ái Việt:** Ngoài các đức tính của nước, còn có 4 đặc tính: **Nhu yếu tính, tự vệ tính, xã hội tính và sắc tính** (*Lý Đông A*).

* Nếu dựa vào thiên-nhiên mà cho rằng: “*thiên mệnh chi vị tính*”, ta thấy hai phạm-trù “*thiên-nhiên*” và “*con người*”, tuy có tương-quan mật-thiết, nhưng vẫn là hai phạm-trù độc-lập, một đằng mang tính-chất khoa-học, khách-quan - còn về con người mang tính-chất chủ-quan.

Nhân chủ chính là một tiến-trình tự tu để tự thắng, trước hết là tự thắng tất-cả các yếu hèn, đục-vong,... còn ẩn-tàng trong tâm tính, làm vẫn đục tình người. Tự thắng sau nữa là vận-động, khai-triển được hết khả-năng tốt đẹp, đem tinh-hoa làm rực-rỡ cho cuộc sống. Tinh-thần nhân chủ đã được gói-ghém trong bài ca-dao:

“*Người ta đi cấy lấy công,
Tôi đây đi cấy còn trông nhiều bề:
Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm,
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời yên, biển lặng mới an tâm lòng.*”

Từ chín cái trông dẫn tới cái “trông” thâm tóm “*trời yên biển lặng*”, một ổn-định “*thái hòa*”. Tất-cả do sự tỉnh-thức của lý-trí vươn tới một trí-thức trọn vẹn khiến con người tuy nhỏ yếu so với

làm gốc, lấy toàn thế-giới nhân-loại làm gốc của mỗi kiến-chế, kiến-trúc và kiến-thiết xã-hội. Cho nên sứ mạng của người trong xã-hội là phục-vụ người, vì người và cho người.

Nhân-chủ là lấy loài người làm chủ đạo sinh hoạt cho loài người, lấy loài người làm chủ-đạo sinh hoạt cho vũ-trụ. Người làm chủ vũ-trụ vật-chất, làm chủ các quy-luật khách-quan khoa-học vật-chất và làm chủ tâm-linh.

Người không để người bị chi-phối, lệ-thuộc bởi ngoại vật, khiến người chìm đắm trong vong thân vật-chất hoặc siêu-hình.

Để phục-vụ người cho thực có hạnh-phúc thì phải lấy nhân tính làm xuất-phát điểm và là nền-tảng cho việc thành-lập xã-hội.

Muốn xã-hội người có hạnh-phúc thì nhân tính phải là yếu-tố nền-tảng cho các kiến-thiết nhân sinh. Duyên khởi cấu-tạo xã-hội là *nhu-yếu tính, tự-vệ tính, sắc tính, và tập-đoàn tính*. Con người tự thân nhỏ yếu trước thiên-nhiên, muốn có đủ cái ăn, nơi ở, đồ mặc,... con người cần đến sự tương trợ của nhau để thỏa-mãn nhu-yếu tính... Trước đe dọa của các loài ác thú, bão lụt, sấm sét, thiên tai, động đất, con người một mình không đủ sức đối-phó, con người cần đoàn-kết với nhau để chống đỡ ngoại vật. Có đoàn-kết mới có hiệu-năng an-ninh, nhu-cầu tự-vệ tính được đáp-ứng và bảo-đảm.

Bốn nhân tính cơ-bản trên đã khiến tập-đoàn người hình-thành. Bốn nhân tính được mãn thích, khi nhu-yếu phẩm được phân chia bình-đẳng (*bình*). Vợ, chồng là của riêng nhau, không bị chung-chạ, hiếp-đáp, gia-đình, nòi giống được bảo-vệ (*trinh*), và người-người không ai bị bóc-lột, được sống với nhau

một cách yên lành (*hòa*).

Nhân tính

Bình, Trinh, Hòa là ba cứu-cánh và mục-đích của xã-hội nhân sinh. Khi bốn yếu-tố cơ-bản của nhân tính không đạt được thì xã-hội đó gọi là xã-hội **phản nhân tính**. Một xã-hội chỉ biết dùng bạo lực để cai-trị, dùng mâu-thuẫn đối-kháng, bóc-lột, đàn-áp, mạnh được yếu thua, **chính là một xã-hội còn bị bản năng sinh-vật chi-phối**.

Lịch-sử của loài người là lịch-sử của cuộc đấu-tranh không dứt để sống, còn, tiến, nổi, hóa, để hoàn-thành phạm-trù lý-tưởng “*người*”, trên tiến-trình “*nhân chủ*”.

Cho đến nay, cuộc sống của nhân-loại chưa bước sang thời-kỳ ổn-định là vì các chế-độ, cơ-chế, hiến-pháp, . . . chưa đặt-định trên nhân bản và cũng chưa thấu rõ thế nào là “nhân tính”?

Điển hình, cổ nhân Đông phương, như Cáo Tử cho rằng:

“*Tính người chẳng lành mà cũng chẳng ác. Cũng như dòng nước không phân-biệt Đông với Tây vậy.*”

Ông cho tính là do sinh-hoạt, “*Sinh chi vị tính. Thực sắc tính dã.*” = Sinh-hoạt mà sinh ra tính. Ăn uống và sắc-thái là tính. (*Cáo Tử, thượng*). Chú đến sinh-hoạt là chú-trọng đến kinh-nghiệm. Nói cách khác, đó là quan-niệm thực-nghiệm về tính, khác với chủ-trương chú-trọng vào bản-năng con người.

Mạnh Tử phản bác ý này: “*Thủy tính vô phân ư Đông Tây, vô phân ư thượng hạ hồ?*”

Tính của nước không phân Đông - Tây, nhưng há không phân cao thấp sao? Người ta có lúc bắt phải làm điều bất thiện cũng như nước, có lúc bắt buộc phải lên cao đó vậy. Cũng theo Mạnh Tử, trong tính

thiện có 4 mối:

1/ Lòng bất-nhẫn hay trác-ẩn.

2/ Tâm tu-ố: Biết cái việc đáng làm xấu thẹn chê ghét, mà sinh lòng xấu thẹn, chê ghét, đó là lòng tu ố.

3/ Lòng từ nhượng: Đụng lấy việc, không thừa nhận, không cạnh-tranh mà sinh ra lòng từ-chối nhân nhượng.

4/ Lòng thị phi: Thấy được chuyện phải mà trong lòng cho là phải; thấy chuyện trái mà trong lòng cho là trái.

Ở đây, ta thấy nếu căn-cứ vào *thiên lý* hay *thiên mệnh* (“*Thiên mệnh chi vị tính*” hay “*Nhân chi sơ tính bản thiện*”) hoặc *Mạnh Tử* đã lý luận : “*nước bao giờ cũng chảy xuống thấp*” mà cho tính người là thiện. Đó là một điều lầm lẫn, lấy điều-kiện ở vật-thể mà áp đặt vào con người!

Tính người lúc sơ sinh, chính là tính bẩm-sinh (vô kỷ tính), và nước bao-giờ cũng chảy xuống thấp là do ảnh-hưởng sức hút của trái đất, nên không thể cho tính bẩm-sinh hay nước chảy xuống thấp, mà cho tính người là “vốn thiện”!

Ta có thể tóm thành chín (9) quan-điểm:

1- Chủ trương “*tính người vốn thiện*” (*Duy Tâm, Khổng Tử, Mạnh Tử, ...*).

2- *Tính người vốn ác* (*Duy vật, pháp gia, ...*).

3- *Vừa thiện vừa ác* (*Duy Sinh*).

4- *Không thiện, không ác* giống như nước khơi sang Đông chảy sang Đông, khơi sang Tây chảy sang Tây. (*Cáo Tử*).

5- *Phiếm ái* (*Huệ Thi*), *Kiểm ái* (*Mặc Tử*).

nên một tính thứ hai, gọi là **thành-tựu tính**, hay xã-hội tính, truyền từ đời này đến đời khác và trao-truyền cho các thế-hệ kế-tiếp.

Con người không còn sống trong tĩnh thái mà chuyển sang động thái. Con người không còn thuần “**nhân**” mà thành “**dân**”. Dân sinh-hoạt để tiến tới một hình-thái xã-hội tốt đẹp. Thời-kỳ từ lúc loài người đặt ra các luật-lệ, cơ-chế để giảm thiểu sự chém giết, tàn ác giữa người với người là thời kỳ “**nhân đạo tăng-tiến**”.

Hiện nay, con người đang mất quân-bình trạng-thái giữa tâm và trí. Sự sống, còn, tiến, nổi, hóa của dân đang bị đe-dọa. Tuy-nhiên, sự hỗ-tương vận-động giữa các khuynh-hướng **hướng tâm, hướng tha và hướng thượng** của con người khiến cho nút điều-chỉnh tự động sẽ phát-sinh để đem lại trạng-thái quân-bình giữa tâm và trí. Con người sẽ giác-ngộ mà tiến tới NHÂN CHỦ

Đặt con người làm chủ-đạo nhân sinh, tích-cực phấn-đấu để xây-dựng tư-thế, cải-tạo hoàn-cảnh, lấy tự chủ, con người có trách-nhiệm cho chính mình, không vong-thân bởi những chi-phối hoàn-cảnh.

Con người hơn tất-cả các động-vật khác ở giác ngộ tính, sáng-tạo tính, xã-hội tính và có lý-tưởng, có mục-đích cho cuộc sống.

Nhân-chủ chính là một tiến-trình hành-động để tự thắng. Có tự thắng mới khả-dĩ giúp người khác tự thắng. Tự thắng trước hết là tự thắng tất-cả các yếu hèn, dục vọng,... ẩn-tàng trong tâm tính làm vẩn đục tình người trong chính mình - Tự thắng sau nữa là vận-động, khai-triển được hết khả-năng tốt đẹp, đem tinh-hoa làm rực-rỡ cho cuộc sống,

“Trông cho chân cứng đá mềm....” (Ca Dao)

môi-sinh, nhưng có thể xoay-chuyển được hoàn-cảnh giữa “đá” và “chân” (*chân mềm thành cứng, đá cứng thành mềm*).

Ngoài “**nhân bản**”, “**nhân chủ**” còn cần có “**nhân hòa**”. Nếp sống hòa-hài là nếp sống lấy tình nghĩa làm đầu. “*Coi nhau như bát nước đầy*”. Ở đâu có hài-hòa, ở đó có dị-biệt. Hài-hòa giữa “tâm” và “thân” để có sức khỏe tốt và phát-triển tâm linh một cách tự-nhiên. Hài-hòa giữa vợ với chồng để xây-dựng mái ấm gia-đình, “*thuận vợ, thuận chồng tát biển Đông cũng cạn*”, hài-hòa giữa người với người để chung sống yên vui, thanh-bình trong phát-triển.

Đỉnh cao tuyệt-đích của con người là thắng hoa như Tiên Rồng, như nước bốc hơi, thăng-hoa mãi theo chiều kích tâm linh trên nền-tảng của tình thương và trí-tuệ với định hướng con người hòa cùng vũ-trụ.

“*Hòa cả làng*” (vui-vẻ và bình-đẳng) khác với hòa theo quan-niệm của Hán Nho, giới thống trị phương Bắc (Tàu), vận-dụng “hòa” để Hán hóa. Lịch-sử đã minh-chứng điều họ đã hòa từ phía Nam sông Hoàng Hà đến Quảng Đông, Quảng Tây, hiện nay họ đang hòa ở Tây Tạng, ở biên-giới Việt Trung, . . .

Theo sử quan, y-cứ trên kinh-nghiệm tích-lũy của nhân-loại, sự khảo-sát về vũ-trụ, về loài người đã cho rằng loài người có bốn thời-kỳ: nhân đạo sơ khai, nhân đạo thành-lập, nhân đạo tăng-tiến và nhân đạo ổn-định.

Thời kỳ nhân đạo sơ khai là thời-kỳ mà con người sau một thời-gian dài sống như muông thú mới chỉ

biết kết-hợp với nhau thành đàn, còn ở trong chế-độ mẫu hệ, đầy vật tính, chưa nhận -thức được con đường sống riêng của người. Con người chưa sống thành xã-hội và chưa có xã-hội tính. Marx đã chọn tập-đoàn người này làm xã-hội cộng sản nguyên-thủy, theo kinh-tế tự nhiên nên đã sai khớp với lịch-sử khi tư-tưởng tham-dự thẳng-tuột vào đời-sống con người.

Thời kỳ nhân đạo thành-lập: Sau một thời-gian dài của thời-kỳ “*nhân đạo sơ-khai*”, loài người bắt đầu nhận ra sự khác-biệt giữa người với tự-nhiên, giữa người với thú-vật. Do sự hướng tâm và hướng tha mà con người đã biết kết-hợp với nhau thành thị-tộc, bộ lạc, dân-tộc. Con người đã sống thành xã-hội để đáp ứng “*tự-vệ tính*” và “*xã hội tính*”. Hoạt-động của con người đã vươn lên từ nhu-cầu sống còn lên nhu-cầu nối, tiến, hóa. Vận-động hướng thượng đã phát-sinh để đời sống con người mỗi ngày một đẹp hơn. Đó là thời kỳ “*nhân đạo thành-lập*”

Trước sức mạnh tấn-công của thiên-nhiên (bão tố, lụt lội, động đất, v.v...), con người thấy không đủ khả năng chống-chọi với tự nhiên, sự xuất-hiện tín-ngưỡng là dấu-hiệu đặc-biệt của thời-kỳ “*nhân đạo thành lập*”. Đó là thời kỳ “*thần tặc*”. Về sau dần-dần quan-niệm đa thần biến-đổi và đặt định duyên khởi vũ trụ trong tay một vị thần cao-cả thiêng-liêng, đó là thời kỳ “*đế tặc*”: thần Zeus của người Hy Lạp, thần Allah của người Hồi, thần Brahma của người Ấn Độ, Ngọc Hoàng thượng đế của người Trung Hoa. Các tôn-giáo thành hình dần-dần. Do Thái giáo, Bà La Môn giáo, Đạo “thờ cúng tổ tiên” của người Việt,.. Văn-học, nghệ-thuật (truyền thuyết, ca-dao, tục-ngữ, phát-triển khiến tâm linh con người mỗi ngày một cao đẹp hơn trong mối tương-quan giữa người với người.

Lý Đông A sử quan lấy căn-cứ tối cao là người trong xã-hội tự tính thuộc thời-kỳ “*nhân đạo thành lập*” làm xuất-phát điểm cho xã-hội loài người, lấy xuất-phát tối sơ là người trong xã-hội nguyên thủy, đó là tổ-chức “*teuton*” ở Đức, tổ-chức “*lạc chế*” của Việt thời Hồng Bàng, khác với tối sơ của Duy Vật phái là cộng sản nguyên thủy, và “*mẫu hệ*” thuộc thời-kỳ “*nhân đạo sơ khai*”.

Nhân đạo tăng-tiến:

Do sự hỗ-tương vận-động giữa các khuynh hướng “*hướng tâm*”, “*hướng tha*” và “*hướng thượng*” của con người, loài người mỗi ngày một tìm cách cải thiện đời sống từ vật-chất đến tinh-thần sao cho các nhu-cầu căn-bản được thỏa-mãn cao đẹp hơn, và chuyển từ “*thần tặc*” sang “*lý tặc*” để đời sống ngày càng lý-tưởng hơn.

Như đã trình-bày, ba chủ-nghĩa Duy Vật, Duy Tâm, và Duy Sinh đều là những xu-hướng thiên-lệch giải-quyết sự sống, còn, tiến, nối, hóa của loài người.

Phải đưa đến một giác-ngộ “*nhân chủ*”. Loài người là thể sống tự trị trong vũ-trụ, **cho nên những luật-tắc vũ-trụ muốn chuyển dịch sang nhân-loại đều phải tu-chỉnh lại một cách thức-giác.**

“*Nếu khởi từ thần-thoại “thiên” thì thần-thoại làm vua, làm trung-tâm điểm, con người bị đẩy ra ngoài; khởi từ địa cũng thế, con người cũng bị chà-đạp. Chỉ có khởi từ con người thì con người mới được làm trung-tâm.*”

Có một sự thực không thể chối-cãi là tự-nhiên có trước loài người. Tự-nhiên thấm-thấu vào con người, nên mới nói con người có **tính bẩm-sinh** (tức tính tự-nhiên, tính thiên phú, tính trời cho). Con người không thể sống đơn-độc; mà phải hợp lại thành đoàn-thể. Con người trưởng-thành trong xã-hội nên tạo

xung-đột là những bệnh-thái. Khoáng-trương đấu-tranh giai-cấp - Đó là tội ác của Karl Marx.

K/ Biện-chứng Duy Dân (Xã-hội quan).

Quy-Luật 1: Các quy-luật của biện-chứng trong “nhân” chi-phối mọi vận-động và phát-triển của “Dân”.

Vì “nhân” là gốc của “dân”, nên đời sống của dân ví như một con thuyền trôi-trành trên biển cả, nghiêng bên này, nghiêng bên kia trong sóng gió. Nhưng bao-giờ cũng cố-gắng tìm cách trở về với vị-trí thăng bằng. Tương-tự, “dân” sống trong động thái, lao-đao bất ổn nên luôn-luôn cố gắng tìm về “nhân”, nghĩa là tìm cách trở về với tĩnh thái, nghĩa là sống ổn-định. Nhân biết vận-dụng tư-tưởng để tổ-chức mọi hiện-tượng sống ăn khớp với “Cấu thức 5 điểm của tự-nhiên”, và điều-chỉnh sao cho đời sống của “dân” hợp với các quy-luật của biện-chứng “duy nhân”. Suy ở đó, “Dân” phải chịu sự chi-phối các quy-luật của “nhân”, và cũng phải có các quy-luật riêng của “dân” để “dân” có thể trở về tĩnh thái (sống ổn-định).

Quy Luật 2: Xã-hội duy dân đối với tự-nhiên đối-lập thống-nhất.

Từ ngàn xưa tới nay, quá-trình sống của loài người là quá-trình vừa đấu-tranh với tự-nhiên vừa tựa vào thiên-nhiên để sinh-tồn. Người luôn-luôn thiên-nhiên tấn-công về cả hai mặt thể-chất và tinh-thần. Về thể-chất, thiên-nhiên tấn-công người bằng khí-hậu, thời-tiết, thiên-tai, địa-hình..., về tinh-thần, thiên-nhiên tấn-công người bằng vật tính đánh đuổi nhân tính.

Khi bị tấn-công, người không thể hủy-diệt thiên-nhiên, mà phải tìm cách phối-kiểm toàn bộ các quy-luật của nhân, điều-chỉnh những quy-luật bị thực-

Sứ-mệnh của con người trong xã-hội là phục-vụ người, vì người, cho người chứ không vì sự, vì vật, vì thần linh.

Con người lại vượt lên trên mọi động-vật nhờ có tư-tưởng dẫn dắt để luôn-luôn có vận-động hướng thượng sao cho đời sống ngày một tươi-đẹp hơn. Ở điểm này, ta có thể nói con người có thêm một tính thứ ba, đó là **tính hướng thượng**.

NGƯỜI sống với thiên-nhiên, hòa mình trong xã-hội và nhờ có tư-tưởng dẫn-dắt, nên quy-luật đầu tiên là là **Tự-nhiên - xã-hội và tư-tưởng thống-nhất**.

Nhân Đạo ổn định:

Suốt một thời-gian dài đấu-tranh bằng lý-luận cũng như bằng bạo-lực, con người sẽ tìm ra chân-lý; hạnh-phúc của con người là ở trong “nhân đạo”. Từ đây, con người sẽ đạt tới thời-kỳ “**Nhân Đạo ổn-định**”.

Đó là thời-kỳ mà con người không còn dã-man, thú tính, không còn tranh-chấp, hận thù; mọi dân-tộc, mọi người đều sống trong hòa-hài, hạnh-phúc.

Đây là thời-kỳ mà loài người đã đứng trên nền tảng vững-chắc NHÂN CHỦ, giác-ngộ nguyên-tắc nhân bản của xã-hội trong vũ-trụ, kiến-thiết được sống còn trong thái-hòa.

*

I/ Ứng Dụng Triết Học Lý Đông A vào Xã hội quan:

Như trên đã nêu: Ba mục-tiêu **Hòa, Bình, Trinh** là **Nhân đạo của con người**.

Xã-hội tự tính đây khác với xã-hội cộng sản nguyên-thủy, vì ở thời-điểm nguyên-thủy hễ còn tranh-chấp, cướp-bóc lẫn nhau. Cái làm-lẫn chí-tử của Hugo Grotius (1583-1645), Jean Jacques

Rousseau (1772-1778) và Karl Marx là ở chỗ đó.

Tìm-hiểu ra những luật-tắc về tự-nhiên (phần hình-nhi-thượng), giải-quyết những vấn-đề ^ cứu-cánh nguyên-thủy. Sự khám-phá ra cực chất, và vô-trình-diễn chứng-minh là một bước tiến của nhân-loại. Do sự khám-phá này mà **bản-chất vũ-trụ là vô nguyên** để tư-tưởng khởi sa vào vòng **tâm, vật** hay **sinh**, cũng như tư-tưởng không còn bị tắc-ngheñ mà cho là “bất-khả tri, luận”.

Tìm được các luật-tắc trong tự-nhiên, tu-chỉnh trước khi áp-dụng vào nhân-loại theo nhân-loại tính để giúp ích cho nhân-sinh, đúng với câu “Tán thiên địa chi hóa dục” [Dựa trời đất (thiên-nhiên) để phúc lợi cho nhân-sinh].

Những luật-tắc của thiên-nhiên (vũ-trụ) áp dụng vào loài người phải thay đổi (khác với Duy Vật). Toàn thể loài người là một **đặc-thù, không phải từ “khỉ”** mà ra. Nếu từ “khỉ” mà ra, thì tại sao quá-trình tiến-hóa từ khỉ thành người lại bị gián-đoạn?

Con người dù da trắng, da vàng, da đen **đều nhất quán là người, cùng một tính, tình, chí**. Loài người xưa nay đều hướng về chân, thiện mỹ. nói cách khác là **trình, bình, hòa**. Cho nên nói “**Nhân loại là nhất nguyên**”.

Bản tính của loài người, chân-lý chỉ là một, khi phát-hiện vào mỗi dân-tộc, do hoàn-cảnh phân-bố, tập-quán phong-tục sinh ra khác-biệt. Tinh-thần mỗi dân-tộc cần được tôn-trọng để tư-tưởng và văn-hóa loài người được phong-phú nên từ nhất nguyên sang “**đa nguyên**”

Triết-lý Lý Đông A đã định được sự liên-hệ giữa thiên-nhiên và loài người, lại còn định được sự liên-hệ giữa loài người và các dân-tộc.

Duy Dân là cơ-sở phát-triển đặc-biệt của các dân-tộc. Sự phát-triển ấy phải được **tự-do, bình-đẳng** cho một chính-sách Nhân Văn Phục Hoạt, cũng như chính-sách “**Đồng Nhân**” để **bảo-đảm nhân-loại tính**, và **dân-tộc tính của toàn-thể**.

Theo Lý tiên sinh, sự liên-hệ luật-tắc thiên-nhiên (Duy nhiên) với luật-tắc con người (Duy Nhân) và luật-tắc xã-hội (Duy Dân) như sau:

Trong nhân-loại, mỗi cá-nhân là một đơn-vị cơ bản. Nam cũng như nữ là các bản-vị có thể sống độc-lập. Sự vận-động tự kỷ, ỷ tha hổ-tương và kết-hợp khiến nam và nữ trở nên vợ chồng và hình-thành một bản-vị mới là gia-đình (kể thêm con cái về sau nữa). Các gia-đình bản-vị lại tự kỷ, ỷ tha hổ-tương vận-động và kết-hợp mà thành dân-tộc. Các dân-tộc tự kỷ, ỷ tha hổ-tương vận-động và kết-hợp mà thành nhân-loại.

Hổ-tương nguyên-nhân và hổ-tương vận-động kết-hợp các dân-tộc thành bản-vị nhân-loại.

Dân-tộc là một hợp thể sinh-mệnh; dân-tộc bản-vị được hình-thành cũng do quy-luật tự kỷ, ỷ tha hổ-tương vận-động và kết-hợp của các bản-vị cá nhân có các yếu-tố đồng chất về chủng-tộc, diến-tiến lịch-sử, phong-tục tập-quán, ngôn-ngữ và hoàn-cảnh địa-lý phân-bố. Mỗi dân-tộc có một tính riêng-biệt gọi là “**dân-tộc tính**”, **sinh-hoạt theo các qui-luật riêng của dân-tộc mình**. Gia-đình, giai-tầng, đoàn-thể, chức-nghịệp là những cơ-năng trong bản-vị dân-tộc.

Muốn cho dân-tộc được điều-hòa thống-nhất, dân-tộc đó phải có sự phân công hợp-tác theo nguyên lý của kết-hợp, phải thích tính, đặc vị, tận phần và hợp lý thì sự vận-động mới có tiến-hóa. **Do đó, giai cấp**

L/ Kiến-thiết của Duy Dân

Chúng ta thấy các chủ-nghĩa trước đây cũng như hiện-đại, phần-đông chỉ có phần lý-thuyết, và những phương-án kiến-thiết hoặc thiên-lệch, hoặc vá-víu, không nhất-quán, có khi thực-hành khác hẳn với học-thuyết!

Chín chỉ nam Nhân Chủ trong **Thảo Án Toàn Pho** là những phương-sách để kiến-thiết con người.

1- Tán Dục: Chữ “Tán Dục” do “Tham Tán hóa Dục”, nghĩa là “Cùng công sinh-dưỡng của tạo hóa mà tài-bồi cho con người, như điều-hòa lại khí-hậu, Cải-tạo lại đất-đai cho bớt lam-chướng, hay ruộng gặt hai mùa có thể thành gặt 4 mùa, v.v...

2- Kiến chế: Sự phân-bố lại cư-trú cũng là phương-pháp. Từ xưa người ta đã theo duyên sơn, duyên giang, duyên hải. Ngày nay có phi-cơ, người ta lại trở lại duyên sơn. Dân-cư ở đồng-bằng cũng như dân-cư ở thành-phố. Chúng ta phải làm thế nào cho khí-hậu đâu-đâu cũng giống nhau bằng tán dục. Có như thế mới không sai khớp, mà xã-hội không chênh-lệch quá mức.

3- Cương-thường: Đây không phải là “tam cương ngũ thường” mà là mối ràng-buộc người với người.

+ Nhân-bản: Tất cả loài người đều tự do, bình-đẳng ngang nhau. Một dân-tộc tiến-bộ phải giúp-đỡ dân-tộc khác tiến cùng. Không được đàn

hiện lệch-lạc, nghĩa là người đã chuyển sang vị-thế chủ-động đối với thiên-nhiên, buộc thiên-nhiên phải phục-vụ người, nói cách khác, người đã chuyển thế đối-lập của thiên-nhiên sang thế hợp-tác, nghĩa là thống-nhất thiên-nhiên với con người.

Đó là ý nghĩa của quy-luật “**Xã-hội Duy Dân với tự-nhiên đối-lập thống-nhất**”.

Sự nhầm-lẫn của Karl Marx là đem áp-dụng thẳng tuột các quy-luật của thiên-nhiên vào loài người.

Thiên-nhiên gồm những quy luật cạnh-tranh và đào-thải. Giữa loài người và thiên-nhiên cũng phải theo các quy-luật đó. Tuy-nhiên giữa loài người một khối với thiên-nhiên còn có xung-khắc, chế-hóa tác dụng. Cho nên con người trong loài người có thể kết hợp thành một hợp-thể sinh tồn được, vì con người phải duy-trì “Trung tâm sinh mệnh” của mình cho điều hòa và hiệp tiến. Đó là chân ý nghĩa của loài người.

Quy-Luật 3: Cá-thể với tập-thể đối-lập thống-nhất.

Đời sống của “dân” trong xã-hội khó được ổn-định bởi nhiều lý-do. Một trong những lý-do gây ra sóng gió, phiền-toái trong đời sống của “dân” là tình-trạng đối-lập về “cơ-hội”, về “nghĩa-vụ” và về quyền-lợi giữa cá-thể với tập-thể. Thực-tại cho thấy kết-quả khốc-hại của tính đối-lập này.

Muốn giải-trừ tình-trạng đối-lập giữa cá-thể với tập-thể, con đường duy-nhất là chuyển hóa hiện tượng đối-lập thành hiện-tượng “**cơ-năng và bản-vị hỗ-tương nguyên-nhân**”. Cá-thể là cơ-năng, tập thể là bản-vị. Cá-thể và tập-thể hỗ-tương nguyên-nhân, là hỗ-tương đối-lập thống-nhất. Cho nên, xã hội quy-hạn cá-nhân, đồng-thời cá-nhân có thể đồng hóa tập-thể tính.

Dân-tộc bản-vị với nhân-loại bản-vị cũng tương

tự như thế. Dân-tộc là cơ-năng của bản-vị nhân-loại. Cái tính chung đó (Cá-tính, tập-thể tính đồng-hóa với nhau) bao giờ cũng còn. Đó là chân ý-nghĩa Dân Tộc.

Quy-Luật 4 :Bảo-thủ và cấp-tiến đối-lập thống nhất.

Bảo-thủ là thái-độ muốn giữ những cái cũ tuy đứng trong hiện-tại, làm ngưng-trệ sự chuyển-động của bánh xe lịch-sử. Ngược lại, cấp-tiến lại muốn cải-biến xã-hội, tăng vận-tốc của bánh xe lịch-sử để hướng nhanh về tương-lai.

Trên thời-gian vận-động, một đảng bảo-thủ, một đảng cấp-tiến, hiệu-năng của công-việc là ở chỗ nắm giữ được cái nút vận-động giữa bảo-thủ và cấp-tiến.

Mỗi thời-gian trong quá-trình vận-động phải đi đến một kết-hợp gọi là hiện-tại. Cho nên, mỗi kết-hợp đó phải do sự vận-động lịch sử đúng các chất và lượng của thời-gian trước mà có, vì vậy hiện-tại có thể có của quá-khứ và tương-lai. Quá-khứ, hiện-tại đối-lập thống nhất; hiện-tại tương-lai đối-lập thống nhất; chất và lượng hổ-tương nguyên-nhân, bảo-thủ và cấp-tiến hổ-tương nguyên-nhân, nói cách khác, “Bảo-thủ và cấp tiến đối-lập thống nhất”.

Cách-mạng y-cứ trên nguyên-tắc đó mà kiến-thiết - Đó là chân ý-nghĩa của cách-mạng.

Quy-Luật 5 :Tĩnh Động nhất quán.

Tĩnh là thường-thái, đưa dất tới sự ổn-định, động là bất-thường thái, hoặc bệnh thái đưa đến sự bất ổn-định. Bất-thường thái hay bệnh thái bao-giờ cũng tìm lại tĩnh (ổn định).

Đối-lập bao giờ cũng tìm lại thống-nhất.

Dân luôn-luôn tìm cách trở về nhân. Đó là xu-thế của lịch-sử. Dân tìm về nhân là thái-độ bám-sát thực-tại. Đó là xu-thế sống của loài người muốn sống ổn-định.

Quy-Luật 6 :Bản-vị và cơ-năng hổ-tương nguyên-nhân sản sinh ra bản-vị học-thuyết.

Muốn cho bản-vị được tồn-tại và bền-vững - Các cơ-năng tạo thành bản-vị phải vận-động kết-hợp cùng chung một hướng, gọi là “trung-tâm bản-vị”. Trung-tâm bản-vị là đời sống, vai-trò và nhu-cầu của bản-vị.

Ta cũng nên nhớ rằng: Vận-động phải chính thượng và thường hằng; kết-hợp phải thích tính, đặc vị, tận phần, hợp lý.

Trong xã-hội thực-tiến, có muôn hình vạn trạng bản-vị. Sau đây là mấy bản-vị điển-hình trong Duy Dân xã-hội thực-tiến).

a/ Bản-vị nhân-loại:

-Mỗi dân-tộc trên thế-giới là một cơ-năng. Sinh hoạt của xã-hội quốc-tế là trung-tâm bản-vị.

-Tất-cả những tổ-chức quốc-tế là những cơ-năng. Quốc-tế nhân văn là trung-tâm bản-vị.

b/ Bản-vị dân-tộc:

Gia-đình, giai-cấp, đoàn-thể chức-nghiệp là các cơ-năng. Vận-động và phát-triển của quốc-gia dân-tộc là trung-tâm bản-vị.

c/ Bản-vị gia-đình:

Cha mẹ, con cái là các cơ-năng. Cơ-hội, nghĩa vụ và quyền lợi của toàn-thể gia-đình là trung-tâm bản vị. (Gia-đình ổn-định là **gia-đình bản-vị hệ**, chứ không phải gia-đình mẫu hệ hay phụ-hệ).

Bản-vị và cơ-năng hiệp điệu, đó là an-bình, thất điệu là tai họa, chiến-tranh. Cho nên quốc-gia ức-chế quốc-tế mà thành xâm-lược; giai-cấp ức-chế quốc-gia mà thành “vật tri”; gia-tộc ức-chế quốc-gia mà thành quân chủ; đoàn-thể ức-chế quốc-gia mà thành đảng trị, độc-tài.

Vận-động và kết-hợp là hỷ-tương nguyên-nhân,
Bản-vị và cơ-năng là hỷ-tương nguyên-nhân,
Hỷ-tương nguyên-nhân là tự-kỷ nguyên-nhân;
tự kỷ, ỷ tha hỷ-tương vận-động và kết-hợp].

BIỆN CHỨNG DUY NHÂN:

- Nhân vận-động và phát-triển theo hình xoáy
trôn ốc có nút tết.

- Cấu-thức 5 điểm (biện-chứng duy
nhiên) chi-phối vận-động và phát-triển của nhân
(Vạn vật tương quan).

- Nhân khám-phá ra 3 tầng chân-lý: Vô
nguyên đương nhiên – nhất nguyên
tuyệt-đối và đa nguyên, tương-đối.

BIỆN CHỨNG DUY DÂN:

- Các quy-luật của biện-chứng duy nhân chi-
phối mọi vận-động và phát-triển của duy dân.

- Xã-hội duy dân với tự-nhiên đối-lập thống-
nhất.

- Cá-thể với tập-thể đối-lập thống-nhất. Bảo-
thủ và cấp-tiến đối-lập thống -nhất.

Động bao giờ cũng tìm về tĩnh. Dân luôn-luôn
tìm cách trở về nhân.

- Bản-vị và cơ-năng hỷ-tương nguyên-nhân.

6- Lục dân:

Dân-tộc độc-lập.

Dân-văn sáng-hóa.

Chỉnh-sức dân-trị.

Dân-vực trồn-vẹn.

Dân-đạo phát-dương.

Quảng-đại dân sinh.

áp, bóc-lột,...

+ *Nhân tính: Con người có những tính
căn-bản giống nhau: nhu-yếu tính, tự-vệ tính, sắc
tính và xã-hội tính.*

+ *Nhân chủ: Đời sống xã-hội của
người cần phải tự mình giác-ngộ lấy cái phải mà
làm, không để phải câu-thúc. Nhân-chủ là tự mình
phải điều-khiển lấy mình bằng chỉ đạo của mình.
Cónhư vậy mới xứng là tự-do, bình-đẳng, sánh ngang
vũ-trụ (Tam tài: Thiên Địa Nhân).*

4- **Bộ Mệnh hôn-nhân:** *Tiếng dân Mừng,
chỉ phóng-khoáng, trong sạch hôn-nhân.*

Nhờ Bộ Mệnh hôn-nhân, mà

.Sự giao-thiếp giữa trai gái được an lành.

.Đạo-đức được bảo-đảm.

*.Sự tự-do kết-hôn và vì tình-cảm được bảo-
vệ.*

Sự trinh, trung giữa trai gái được bền-chặt.

5- **Tiểu gia-đình:** *Tiểu gia-đình đả-phá tông
tộc chủ-nghĩa, và cá-nhân chủ-nghĩa. Tiểu gia-đình
là tề-bào của quốc-dân kiến-trúc. Quốc-gia và thế-
giới phải lấy tiểu gia-đình làm đơn-vị phân mệnh,
phân công, và phân lợi... Tiểu gia-đình là tế-bào
của quốc-dân, sinh-hoạt quốc-dân, văn-hóa nhân-
loại, vận-mệnh quốc-gia đều quan-hệ lớn ở sinh-
hoạt tiểu gia-đình.*

6- Bình-sản kinh-tế:

*Thế-giới đã kinh-nghiệm chế-độ tư bản đưa
đến tự-do cạnh-tranh. Phá bỏ tiểu tư-sản, vô-sản
hóa nhân-loại, đưa một phần nhân-loại làm tay sai
cho thiểu-số tư-bản.*

Thế-giới lại được hiểu, nếu tất-cả tư-bản

nằm trong tay một thiểu-số thì tự-do sẽ mất, mà xã-hội lại trở thành xã-hội phong-kiến theo lối mới.

Vì thế Duy Dân chủ-trương: người ta phải có tư-sản mới có tự-do, nhân-cách mới bảo-chương, nhưng tư-sản ấy không quá mức, làm cho người nọ có thể áp-chế người khác. Với Kiến-chế và Bình-sản Kinh-Tế Thủy Chuẩn Hóa đời sống của nhân-loại làm cho loài người không còn giai-cấp.

7- Kiện Khang Giáo Pháp: *Nền giáo-dục Duy Dân sẽ chú-trọng cả tinh-thần và thể-xác. Duy Dân đào-tạo những con người óc sáng, tim trong, mình nhẹ, tay mạnh, thận vững. Cho nên, người thanh-niên cả về đạo-đức, trí-thức, tài-năng, sức-lực đều phải hơn người.*

8- Sinh-hoạt Giáo Dục *(để tạo vận-hội):*

“Nhân bất học, bất tri lý - Ngọc bất trác bất thành khí.” Ở tất-cả mọi nơi, người ta đều phải học, ai cũng là thầy, ai cũng là học-trò.

Đem giáo-dục vào cuộc sống thực-tiến, tạo nên cơ-hội đồng-đều trong học-tập và làm-việc để mọi người có thể tự làm chủ lấy vận-mệnh của mình.

9-Cơ Năng Hiến Pháp:

Chính-trị thi-hành thời nay chỉ là thủ-đoạn để một nhóm người cầm quyền chà-đạp lên dân chúng. Duy Dân chủ-trương Cơ Năng để điều-hòa nhân tính. Bình-hành tổ-chức cả chính-trị, kinh-tế, văn-hóa để con người được kiến-thiết toàn diện.

Xã-hội Âu Tây đã quá lợi-dụng cơ-khí mà thành ra chính-trị vụ lợi. Chính-trị Duy Dân là phụng-sự người, kiến-thiết con người, nâng-đỡ giá-trị con người.

M/ DUY DÂN HỌC THUẬT

Nhiên - Nhân - Dân.

- 1- Con người: nhất nguyên, tuyệt-đối.
- 2- Xã hội: Đa nguyên, tương-đối.
- 3- Nhiên: Vô nguyên, đương-nhiên.

Tam Nhân:

- 1- Nhân-bản phải là tối-cao căn-cứ.
- 2- Nhân-tính phải là tối-sơ xuất-phát. (4 tính: Nhu-yếu tính, tự-vệ tính, sắc-tính và xã-hội tính.
- 3- Nhân-chủ phải là tối-định tiền-đề.

Bốn chìa khóa của Thắng Nghĩa:

Căn-bản nghĩa: Tự-nhiên -xã-hội- và tư-tưởng thống-nhất.

Căn-bản học: (Ba phạm-trù tự-nhiên -xã hội- tư tưởng thường hằng vận-động thống-nhất. Do đó khoa-học, sử-học, đạo-học phải thống-nhất.

Căn-bản luận: Bản thức luận, nhận thức luận và phương-pháp luận thống-nhất.

Căn-bản quan: Duy Tâm -Duy Vật- Duy Sinh thống-nhất.

BIỆN CHỨNG DUY NHIÊN:

Cấu-thức 5 điểm:

- * Đạo kỷ, tự kỷ nguyên-nhân
 - * Tinh-thần (chất) và vật chất (lượng) hỗ-tương nguyên-nhân.
 - * Vận-động và kết-hợp, hỗ-tương nguyên-nhân.
 - * Bản-vi và cơ-năng hỗ-tương nguyên-nhân.
 - * Hỗ-tương nguyên-nhân: Đạo kỷ.
- (Huyết Hoa: Đạo kỷ = Tự kỷ nguyên-nhân)

Quyền tư hữu và sự sử-dụng quyền tư hữu được tôn-trọng, những nguyên-tắc tư hữu phải bảo-chuống được cứu-cánh ‘bình’ trước hết là bình-đẳng về tài sản, và duy-trì được sự phát-triển của cơ-năng kinh-tế cá-nhân.

Chính-sách kinh-tế sẽ đi từ kế-hoạch kinh-tế hướng-dẫn hay chỉ đạo đến kinh-tế tập chế, tức tập-thể tự nguyện chung sức sản-xuất. Các nguyên-tắc và tự do hỗ tương phải tuyệt-đối được tôn-trọng và thực-hiện.

Quốc gia đảm-trách công-tác quốc phòng và các công-tác đại quy-mô mà tư nhân không thể đảm-trách.

Các tỉnh, huyện, xã là các đơn-vị tự trị, có tài sản riêng.

Về công nghiệp tư hữu. công nghiệp đặt trên nguyên-tắc cổ phần và hợp-tác. Việc quản-lý, ngoài tư bản, kỹ-thuật còn có quản-lý sinh-hoạt - người có tài-sản (chủ, nhà nước) và người trực-tiếp sản-xuất (thợ) đặt trên tương-quan bình-đẳng.

Về công nghiệp - tư hữu ruộng đất được thực-hiện theo chính-sách quân điền, quân thổ, lấy xã thôn làm bản vị tự trị. Việc phân điền, phân thổ lấy tiểu gia-đình làm bản-vị.

Chế-độ quân điền, quân thổ là chế-độ được áp-dụng tại Việt Nam thời cổ xưa trước và sau đời Trần - theo đó các đất ruộng công đặt dưới quyền sở hữu của nước mà mỗi đơn-vị quản-trị là làng.

Mỗi làng y cứ vào các xuất-dinh trong làng từ 18 tuổi trở lên và tình-trạng gia-đình mà chia số ruộng đều cho mỗi xuất-dinh, mỗi gia-đình hay xuất dinh được bốc thăm để nhận phần đất của mình may rủi theo tốt, xấu, xa, gần.

Khi bốc thăm được ruộng đất, các gia-đình hay xuất-dinh sẽ làm chủ miếng đất đó trong 3 hay 5 năm tùy lệ làng. Các gia-đình dựa theo kế-hoạch chung của nước mà toàn quyền trồng hoa màu theo ý muốn và hoa lợi thu được, được sử-dụng theo ý muốn.

+ CHÍNH TRỊ :

Định-nghĩa: Chính-trị là thiết-kế và chấp-hành nhân sinh, lấy giáo-dục làm khởi điểm và là chung điểm.

Chủ-trương “2 tầng 3 mặt”: Đả-phá đi đôi với xây-dựng. Triệt-đế, toàn diện, và hướng thượng.

+ Cơ Năng Hiến Pháp. (Đan quyền)

* Phân mệnh (Quốc-tế bản-vị) Tam nhân chủ-nghĩa.

* Phân công (dân-sinh bản-vị): Lục dân chính-sách.

* Phân lợi (nhân-cách bản-vị) : Toàn-dân-sinh chính-trị, toàn-dân-quân quốc dân giáo dưỡn.

+ Tổ Chức và Áp Dụng:

- Quân điền cho nông-nghiệp.
- Lương-bổng (minimum salary).
- Thuế-má.
- Quốc-doanh.
- Ngân-hàng.
- Cải-tạo thiên-nhiên.
- Phân-phối dân số.

+ Cơ Năng Tổ chức: (10)

- Chính-trị tối cao quyền-lực: Quốc dân đại-hội, đại-biểu tối-cao quyền lực: Tham chính đại-hội.
- Chính-trị quyết định: Quốc-dân khu mật viện.
- Chính-trị thiết-kế: Lập pháp viện.
- Chính-trị chấp-hành: Hành chính viện (9 bộ)
- Quốc-dân công lý: Tư pháp viện.
- Chính-trị bồi-dưỡng: Quan chính viện. (Tam phối, tứ công)

- Chính-trị tư-cách: Khảo thí viện.
- Chính-trị cương-kỷ: Giám-sát viện.
- Chính-trị khai xúc tiến: Tổng văn hóa viện
- Chính-trị khai minh: Chính-trị phê-phánviện.

+ GIÁO DƯỠNG:

Chủ-dịch: Thiện cụ cho đời sống cá-nhân và xã-hội. Khoa học , Sử-học , Đạo-học thống-nhất.

Xã-hội - vũ-trụ - tư-tưởng thống-nhất.

- * 4 **Nguyên-tắc:** Toàn-thể tính, bình-đẳng tính, trách-vụ tính và tổ-chức tính.
- * 4 **Khoa mục:** Đạo-lý, chính-trị, quân-sự, kinh-tế.
- * 5 **Ngành giáo:** Kỹ-nghệ, quản-lý - văn-xã - thể-dục - khoa-học.
- *4 **nhiệm vụ:** Bảo-tồn bản-thân, Đủ nghị-lực, phẩm-hạnh, và khả-năng.

* 6 **Sinh Hoạt Học Đường:**

- Thể-cách vững-mạnh.
- Tổ-quốc, chính-nghĩa.
- Có phong-thái.
- Chính-trị, kinh-tế.
- Y chiếu vào lý-tưởng &
- Đạt tới độc-lập, tự-do, thăng-tiến, tự-chủ. mục-đích của dân-tộc.

+ **KINH TẾ : Quốc-dân tư-bản xã-hội hóa kiến-thiết**

- * Tán Dục (Tán thiên địa chi hóa dục)
- * Kiến chế
- * Bình sản, tư hữu

* Tứ công: Công bản, công lao, công phối, công độ.

* Tam phân: Phân mệnh, phân công và phân lợi



Bình Sản Kinh Tế

“Kinh-tế tư hữu bình sản là chủ-trường then-chốt của Nhân Chủ Duy Dân, rút từ tinh-hoa truyền-thống tổ chức kinh-tế của Dân-tộc Việt qua chính sách quân điền quân thổ cổ-truyền.

Kinh-tế tư hữu bình sản là nền tảng để thiết lập nhân đạo, xây-dựng nhân sinh và thành-lập nhân cách, thực-hiện Duy Dân Nhân Chủ.

Kinh-tế tư hữu bình sản là nền kinh-tế trong đó con người có tài sản tư nguyên bằng nhau, hưởng những cấp dưỡng cơ hội như nhau và đóng góp nghĩa-vụ bình đẳng.

Thực-hiện kinh-tế tư hữu bình-sản là làm sao cho tư hữu được tôn-trọng để dân chúng tự bảo-vệ được tự do nhân phẩm của chính mình. Sao cho tư hữu không được quá độ và trở thành công cụ của người đi bóc-lột người. Tư hữu không phải là nguyên-nhân của giai cấp, của bóc lột. Tư hữu tính là một phần của nhân tính. Điều lý nhân tính bằng bình sản thì giai-cấp và bóc lột tính bị triệt tiêu, mà nhân cách được bảo-đảm.

Bốn nguyên-tắc của kinh-tế tư hữu bình sản là công bản, công lao, công phối, công độ.

a/ Công bản:

Chế độ công bản là chế-độ đặt các tài nguyên căn-bản (Resources) của quốc gia thuộc quyền chung của mọi quốc dân, không của riêng một cá-nhân hay giai-cấp.

năng vận-động và kết hợp với bản-vị khác để hình thành một bản-vị lớn hơn. Các bản-vị hydro, oxy, nam, nữ khi vận-động thì hỗ-tương suy động để kết-hợp thành bản-vị mới (nước H₂O, gia đình - trong bản vị mới này, các bản vị cơ bản trở thành cơ năng, đồng hóa mình trong bản-vị mới và coi bản-vị mới như chính mình. Mỗi vận động của cơ-năng trở thành mối tương-quan của bản-vị mới, Ngược lại, bản-vị mới khi vận động phải hỗ-trợ các cơ-năng vận động có hiệu-quả hơn và không sai khớp với bản-vị (thí dụ mỗi hành-động của vợ, chồng, con cái phải phù-hợp với hướng tâm xu thế của gia đình, nghĩa là phải đem lại hạnh phúc cho cả gia đình). **Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương để tồn tại và phát triển. Đó là chân ý nghĩa của sự hình thành và phát triển trong vũ trụ.**

*** Biện chứng:**

Biện chứng pháp là một danh từ dùng trong luận lý học Tây phương, là phương pháp biện luận có chứng minh (dialectic) .

Theo “The American Heritage Dictionary of the English Language”, New College Edition, 1980, Published by Houghton Mifflin Company, “Biện chứng pháp là một phương pháp diễn tả bằng cách cho thấy những mâu thuẫn trong một cuộc đối luận để đi đến một sự thật (Dialectic is the art of arriving at the truth by disclosing the contradictions in an opponent’s argument and overcoming them.) ”.

Theo “biện chứng pháp” thường có ba mệnh đề được đặt ra: hiện đề (thesis), phản đề (anti-thesis), và hợp đề (synthesis)

“Hiện đề là một hiện trạng của một thực tại.... Trong mỗi hiện đề đã chứa chất mầm mống mâu thuẫn, đối chọi với chính nó. Nhờ sự đối kháng này mới phát sinh tiến bộ. Sức đối kháng này được gọi là “phản

Chương trình canh-tác hoặc tự làm lấy, hoặc thuê người, hoặc tìm cách hợp-tác đối công theo tinh-thần tự nguyện.

b/ Công lao:

Công lao là sự đóng góp công sức của quốc dân. Sự đóng góp công sức của quốc dân y-cứ trên hai tiêu-chuẩn:

- Tự do về thực hiện.

- Bình đẳng về cơ hội, nghĩa vụ và quyền lợi.

Để thể-hiện hai tiêu-chuẩn trên, ba nguyên-tắc dưới đây được thực-hiện.

** Nguyên-tắc phân mệnh. Phân mệnh là quy-định phần vụ , sứ mệnh của mỗi người trong xã-hội để mọi người làm tròn bổn-phận mình. Mỗi người trong xã-hội tùy theo khả-năng nhận lãnh một nhiệm-vụ thích đáng với khả-năng mình sao cho công việc chung đạt được tối đa kết quả. Phương châm của nguyên tắc phân mệnh là ‘thích tính’, ‘đắc vị’. Thích tính là công việc nhận lãnh hay giao phó phù hợp với bản tính, sở thích của mỗi cá nhân. Đắc vị là vị trí, chỗ đứng, chức chuồng của công việc phù-hợp với tài-năng , tu-cách, hiểu biết của từng người để họ thi triển được hết ưu-điểm. đóng góp công sức theo khả-năng cho tập thể.*

Nguyên-tắc phân công: Phân công là phân-phối công-tác cho các phần-tử trong xã-hội theo nhu-cầu của tập-thể và khả năng, sở thích của mỗi phần-tử. Mỗi người tùy theo hoàn-cảnh, khả-năng cá-nhân và nhu-cầu của tập thể được giao-phó hay nhận lãnh thi-hành một số công tác, sao cho đem hết được sức mình đóng góp vào việc hoàn thành công cuộc chung đúng với thời hạn. Phương châm của nguyên-tắc phân công là ‘tận phần’. Tận phần là mỗi người đóng góp được hết sức mình, đủ phận mình, và chính phận mình.

Nguyên tắc phân lợi hay phân hưởng: Phân lợi hay phân hưởng là đem các kết-quả, lợi-lộc thu-hoạch được, hoặc lợi-lộc vật-chất, hoặc lợi-lộc tinh-thần, hoặc

các cơ-hội thăng tiến, phân-phối cho mọi người theo nguyên-tắc bình đẳng hợp với nghĩa vụ, công lao, hoàn cảnh của mọi người trong tập-thể, để mọi cá-nhân thỏa mãn được nhu-cầu căn-bản, bảo-đảm được độc lập, tự do, nhân-cách, tiến bộ và đồng thời tập thể cũng được bình hành phát-triển. Phương-châm của nguyên-tắc phân lợi là ‘hợp lý’, ‘hợp tình’. Hợp lý, hợp tình là lợi lộc không cá nhân nào không được hưởng, dù là tật nguyên. Lợi lộc không tập-trung ở thiểu số người có quyền thế. Lợi lộc cũng không thuộc về tổ-chức, nhà nước mà thực-sự thuộc quyền của quốc-dân. Phân-phối được quyết-định theo đa số. Cá-nhân và tập thể phải bình hành phát-triển.

c/ Công phối:

Công phối là chế-độ phân phối các vật phẩm cho mỗi quốc-dân, chế-độ tiếp-liệu các nhu-cầu cần dùng cho công việc tiêu-thụ và sản-xuất. Chế-độ công phối lấy tiểu gia-đình làm bản-vị và đặt trên nguyên-tắc bình đẳng về nhu-cầu. Công cuộc phân phối do quốc-gia chỉ huy và được các hợp-tác-xã địa-phương tự-trị phụ-trách.

d/ Công độ:

Công độ là các chính-sách về tài-chánh, thương mại và lương bổng.

* Chính-sách tài chánh: Tài lợi của quốc-gia đặt nặng vào khả-năng tài nguyên của công sản và vào sự kinh-doanh của quốc-gia hay các địa-phương tự trị và đặt nhẹ vào thuế khóa trên lợi tức cá-nhân. Quốc gia quản trị chính-sách tiền-tệ.

* Chính-sách thương nghiệp: Sự mậu-dịch và chuyển ngân quốc-tế do quốc-gia đứng trung-gian phụ trách và các xã-hội công-ty trực-tiếp đảm trách.

Sự mậu-dịch quốc nội đặt nguyên-tắc trực-tiếp giữa tiêu-thụ và sản-xuất để giá cả khỏi bị lũng-đoạn. Quốc gia đứng trung-gian giữa tiêu-thụ và sản-xuất, điều

chỉnh luật cung cầu. Kinh-doanh và sinh-hoạt kinh-tế tư nhân được quốc-gia bảo-đảm ở mức tối thiểu.

Tiêu-chuẩn-hóa sự sản-xuất các nhu-yếu phẩm trong phạm-vi phát-triển các tính sáng-tạo trong hệ-thống sản-xuất và tiêu-thụ.

* Chính-sách lương bổng: Thực-hiện nguyên-tắc bình đẳng giữa nhân-viên tư nghiệp cũng như công nghiệp, trong kỹ-nghệ, thương-mại cũng như nông lâm.

Lương bổng thành-phần gồm:

Lương căn-bản: Căn cứ vào quân bình điểm giá cả sinh hoạt của quốc gia và địa phương, định mức căn bản có tính-cách cưỡng-chế thi-hành.

Phụ-cấp đặt trên sự thỏa-thuận giữ chính-phủ, chủ và thợ mà mức-độ thay đổi. Phụ-cấp gồm phụ cấp chức nghiệp, phụ cấp gia đình, phụ cấp ốm đau, phụ cấp giáo dục, phụ cấp bảo hiểm sức khoẻ. " 1

Bản Vị Học Thuyết & Biện Chứng (Vận động và kết hợp)

I/ ĐỊNH NGHĨA

* **Bản Vị:** Bản có nghĩa là gốc, “vị” là ngôi (thứ vị, địa vị). “Bản vị” là một đơn vị căn bản. Bản vị học thuyết là một học thuyết giải-thích một uyên nguyên, hình-thành, kết-cấu, vận-động của các đơn vị căn-bản trong vũ-trụ. Vạn vật, nhân loại y cứ trên luật hỗ-tương của vũ-trụ và con người.

Trong chủ nghĩa Duy Dân, nói đến “bản vị” là nói đến một đơn-vị cơ-bản, tự nó tồn tại, tự nó có khả

1- Thái Dịch Lý Đông A, ‘Huyết Hoa’, Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Dân Tộc Việt, San Jose, Ca., 1986.

Sự hướng tâm vận động ở người, đúng nghĩa là sự xữ dụng nỗ lực, ý chí của chính mình phối hợp với các kỹ thuật vật chất, tinh thần (phương pháp tu dưỡng), trí thức phương pháp suy tưởng, học hỏi) để phát triển toàn bộ sinh mệnh trên cả ba mặt: thể chất - tâm hồn và trí thức.

Hướng tâm vận động mà thành tựu thì hướng tha vận động phát triển rộng lớn, kết quả phi thường, sự sống, phong cách, phong thái cách sống mỗi ngày một đầy đủ, thoải mái, tự do, đầm ấm hơn, kết quả phi thường, gia đình, dân tộc, nhân loại sung mãn, thịnh vượng, hạnh phúc, hòa hài. Ngược lại, hướng tâm vận động sa đọa thành vạ kỷ, kết quả cuộc sống sẽ suy thoái.

Vận động cần phải thường xuyên (kinh hằng) và chính đáng; kết hợp cần phải thích nghi, đặt đúng vào vị trí, phù hợp với bản năng, nếu khác với các điều kiện này thì vận động không phải là thường thái mà là bệnh thái.

Ở điểm này phù hợp với quan điểm “trùng trùng duyên khởi” của nhà Phật.

Quy luật 3: Bản vị và cơ năng hỗ tương nguyên nhân.

Bản vị là một đơn vị cơ-bản, tự nó có thể tồn tại và có khả-năng vận động và kết hợp với bản-vị khác để hình thành một bản-vị lớn hơn. Như vậy, một bản-vị có thể đóng hai vai trò: bản-vị cơ bản và bản-vị thành phần của bản vị lớn hơn. Thí dụ hydro, oxy là những bản-vị cơ bản vận động và kết hợp thành nước H_2O , hydro và oxy trở thành bản-vị thành phần (cơ năng) của bản vị nước.

Mỗi bản-vị khi tự thành hình đã có riêng cho nó một tính đặc-biệt và có riêng một trục lõi một trung tâm bản-vị. Mỗi bản-vị thành phần chịu chung một xu-thế hướng tâm, của bản-vị mới và đảm nhận một tác dụng nghĩa là thành một cơ-năng. Do đó, bản-vị là nguyên nhân của cơ-năng và cơ-năng là nguyên nhân

đề”. Có thể nói bất cứ một “hiện đề” nào, tự nó đều có thiếu sót, bất toàn. Do đó, cần có một “phản đề” để bổ túc cho nó. Chính “phản đề”, tự nó cũng không hoàn toàn đúng. Bởi vậy, cần liên kết “hiện đề và “phản đề” lại với nhau, làm thành một “hợp đề”. Hợp đề chính là kết quả của sự thanh lọc những cái dở, và chỉ giữ lại những điều đúng trong “hiện đề” và “phản đề”.

“Trong quá trình tiến triển của tư tưởng để tìm ra chân lý, trí khôn con người luôn áp-dụng phương-pháp biện-chứng. Do đó, “hợp đề” tự nó trở thành một “hiện đề” mới, rồi mâu-thuẫn với chính nó để phát hiện ra “phản đề” mới. Hai bên dung-hòa với nhau để tạo thành “hợp đề”. Cứ như thế, biện-chứng-pháp lập đi lập lại. “Áp dụng trong đời sống tinh-thần, văn-học, kinh-tế, chính-trị, biện-chứng-pháp chính là óc tiến bộ, dân chủ của Âu Mỹ, luôn cầu tiến, đổi mới, phê bình, đối lập, tranh luận, để tìm cách dung hòa các lập trường khác biệt, và tiến dần đến sự hoàn thiện, hoàn hảo.”

Theo Biện chứng của Chủ Nghĩa Duy Dân có năm (5) qui luật để diễn giải về “Bản Vị Học Thuyết”:

Quy luật 1: Đạo kỹ là tự kỹ nguyên nhân.

Đạo là cái uyên nguyên, bản thể của sự, vật và sự vận động của bản thể ấy.

Kỹ là các quy luật, giềng mối, cách thức đường lối phát triển của bản thể được phát sinh trên đường điều hòa của chính bản thân ấy.

Tự kỹ nguyên nhân là do bởi tự mình, do mình mà có. Ta hãy lấy một thí-dụ trái đất quay chung quanh mặt trời theo một quỹ đạo nhất định, mặt trăng cũng quay chung quanh trái đất theo một quỹ đạo riêng của mặt trăng. Bản thể của trái đất hay mặt trăng do đâu mà hình thành? Sự vận động và điều hòa của bản thể đó từ đâu mà ra, từ đâu mà có?

- Ta có thể nói: Bản thể của trái đất hay của mặt

trắng tự nó mà có, tự nó mà ra ; sự vận động và điều hòa của bản thể do tự thân nó mà hình thành. Nguyên nhân tự chính nó nghĩa là “tự kỷ nguyên nhân”. Bản thể của trái đất, sự vận động của trái đất (tức là đường đi của trái đất hay quỹ đạo của nó) là “đạo kỷ”, tự nó mà có, tự thân nó mà ra.

Đạo kỷ là tự kỷ nguyên nhân có nghĩa là sự hình thành bản thể một hiện tượng, sự vận động và phát triển của hiện tượng đó đều theo các qui luật, các nguyên tắc tự chính nó, tự thân nó (tự kỷ), bởi nó mà có, bởi nó mà ra chứ không phải do sự can thiệp của loài người cũng như do sự tạo dựng của thần thánh.

“Đạo kỷ” là “tự kỷ nguyên nhân” là qui luật áp dụng cho phạm trù trong vũ trụ (Tự nhiên, xã-hội và tư tưởng).

Trong vũ trụ và xã hội loài người, vì lấy người làm đối tượng nên “đạo kỷ” là sự “trông về trước, ngoái về sau”, đứng trên lập trường người mà dương đạo. Đạo của người tức là đường sống của loài người, là nhân đạo.

Muốn xây đắp nhân đạo, ta phải lấy bản chất người (nhân bản), bản tính người (nhân tính) làm y cứ mà xây dựng xã hội loài người, chứ không thể y cứ trên vật chất hay tinh thần, hoặc các phạm trù siêu hình.

Qui luật 2: Vận Động và Kết Hợp là hỗ tương nguyên nhân.

Vận động là nguyên nhân của kết hợp vì kế hoạch và mục đích của vận động là kết hợp. Thực tại cho thấy rằng vận động là để hình thành một kết hợp, không có kết hợp nào lại không hàm chứa vận động, nên kết hợp là nguyên nhân của vận động, cho nên **vận động và kết hợp là hỗ tương nguyên nhân.**

Sự vận động của các bản-vị tự nó mà có đó là “tự kỷ vận động.” (Thí dụ trái đất tự quay quanh nó, vận động của các chất hydro, oxy trong vũ trụ). Sự kết hợp hydro và oxy thành một bản vị mới là nước, là kết quả đương

nhiên của vận động.

Mỗi bản vị khi tự hình thành có riêng tự nó một tính đặc thù (Hydro, Oxy, Nam, nữ) và sẵn có riêng tự nó một trục lõi, một trung tâm bản vị (trục của trái đất, bản ngã của con người).

Quanh trục lõi, các bản vị tự phát sinh một sức quy tâm và một sức ly tâm (Ở trái đất là sức hút và sức đẩy - Ở người là sức hướng tâm, hướng tha và hướng thượng). Sức quy tâm là sức hướng tâm vận động. Sức ly tâm là sức sinh hoạt vận động hướng tha và hướng thượng. Các sức hướng tâm vận động và hướng tha vận động phát sinh cùng lúc, vừa tạo ra sự củng cố, bảo toàn, phát huy nội lực, vừa tạo ra sức vươn tới, phóng ngoại. Cả hai vừa tạo ra sự đối lập vừa tạo ra sự thống nhất trên trục lõi. Nói khác đi, sức vận động quy tâm và ly tâm của mỗi bản vị hỗ tương tác động nhau, phát sinh tình trạng **đối lập thống nhất** trong kết hợp tại mỗi bản vị.

- Để tạo nên một quân hành trạng thái ở mỗi bản vị - khiến bản vị tồn tại.

Các bản vị trong cuộc vận động sinh tồn vừa nỗ lực hướng tâm vận động để bảo toàn bản vị, vừa nỗ lực hướng tha và hướng thượng vận động để thực hiện hoạt động kết hợp hầu bản vị trở nên viên mãn, phát triển hơn. Mỗi bản vị trong các xu hướng vận động ấy gặp gỡ nhau, bổ túc cho nhau để đi đến một kết hợp mới, thành hình một bản vị mới đầy đủ, viên mãn, lớn mạnh hơn (Hydro + Oxy = nước; Nam + nữ = gia đình).

Sức quy tâm, sự hướng tâm vận động ở NGƯỜI, đúng nghĩa không phải là sự vị kỷ, chỉ biết nghĩ đến cái lợi cho mình, vì như vậy không có chỗ cho sự hướng tha. không đạt sự quân bình trạng thái và không đến được sự kết hợp tiến bộ.

Sự tranh đấu nảy mầm từ đó làm dân tộc lớn lao và sáng láng lên sau mỗi đêm đen uất-ức, mà đời sống mới cũng từ đó mà xây-dựng lên trên những nền tảng của mỗi hình thể mới

Cái bước đi bây giờ đã quyết định. Chúng ta bắt đầu làm từ “*cứu nước giữ nòi*”, trải qua một quãng đường cách mạng lẫn sáng tạo vừa suốt mặt, triệt để mà phải đưa đến hướng thượng để đạt tới sự gây trồng xây đắp toàn bộ một sinh mệnh thể hệ và toàn bộ một văn-hóa thể hệ, tom góp lại một thể cho dân-tộc.

Cho nên ngày nay cho tới ngày mai, tất cả các suy nghĩ, cảm-giác, nói-năng, việc làm hết thảy đều lấy mục-đích đó làm tối cao và thần thánh mà đi lên, hùng-tráng và bền mạnh.

Thế-kỷ mới đem đến một hình thể mới, gió Mỹ mưa Âu với buôn bán, bóc lột và chiến tranh mang liền đến cho ta một khích-thích mới.

Những tinh-thần, công cụ và vũ khí mới đưa vào tay chúng ta, một khích thích mới, chúng ta nắm lấy, tự đi đả phá, cởi bỏ và mở-mang một cõi đất mới trên ý-thức triết học tràn khắp và ăn sâu muôn thể làm bằng sự tìm lẽ thực của sự thực trên sự thực. Một lẽ sống mới với những chuyển vận mới trong xã hội và thế giới mà thức-tỉnh mọi dân-tộc.

Hãy đứng dậy bằng những công cụ và vũ khí đó tự mình quyết làm đọt sóng của tự mình.

Dưới sự kích-thích mới này, chúng ta ngoài mọi công việc lớn-lao nữa, là đi khai-thác một ý-thức mới của chúng ta trên con đường lịch-sử của dân-tộc. Chúng ta muốn kiến-thiết một nền Dân Tộc Học Thuật để cho đi đôi với cuộc Dân Tộc Cách Mạng mà mở đời sống tương-lai.

*của bản-vị. Nói cách khác “**Bản-vị và cơ-năng là hỗ tương nguyên nhân.**”*

Các cơ năng (hydro, oxy, nam, nữ) khi vận động thì hỗ tương suy động lẫn nhau để kết-hợp thành bản-vị mới (nước, gia đình), đồng hóa mình trong bản-vị mới và coi bản-vị mới như chính mình. Mỗi vận động của cơ-năng (hydro, oxy, vợ, chồng rồi thêm con cái) trở thành mỗi vận động của bản-vị mới. Ngược lại, bản-vị mới khi vận động phải hỗ-trợ cho các cơ-năng để cho cơ-năng vận động có hiệu quả hơn và không sai khớp với bản-vị (thí dụ, mỗi hành động của vợ, chồng, con cái phải phù-hợp với xu thế hướng tâm của gia đình, nghĩa là phải đem lại hạnh phúc cho cả gia đình, không làm hại đến một người nào trong gia đình.)

Bản-vị và cơ-năng hỗ tương để tồn tại và phát triển, đó là chân ý nghĩa của sinh tồn. Do đó, bản-vị cần phải hiệp điệu và thống nhất.

Trong thiên-nhiên, nếu có sự mâu thuẫn phát sinh giữa bản-vị và cơ-năng do bất cứ lý do nào, trạng-thái quân bình sẽ không còn nữa và bản-vị sẽ tan rã.

Quy luật 4: Hỗ tương nguyên nhân là tự kỷ nguyên nhân.

Quy luật hỗ tương giữa bản vị và cơ năng, giữa vận động và kết hợp là quy luật tự nhiên trong vũ trụ, vạn vật, nhờ đó mà vũ trụ vạn vật tồn tại, không tan rã.

Quy luật hỗ tương nguyên khởi ấy chính là bản chất của đạo, là “đạo kỷ”, giếng mối của “đạo” khi đạo phát tiết vận động. Quy luật hỗ tương có nguồn gốc ở tự nó, tự kỷ nguyên nhân, tự nó nó có, tự nó chứa sẵn trong mỗi bản vị, để tồn tại và phát triển, cũng chính nhờ đó mà vũ trụ, vạn vật tồn tại và phát triển.

Tại mỗi bản vị khi vận động, sức hướng tâm, sức ly tâm cũng tự vận động hỗ tương, điều hợp để đạt trạng thái quân bình trên trục lõi, để tồn tại, phát triển và để

kết hợp. Nếu mâu thuẫn phát sinh, trạng thái quân hành không đạt được thì bản vị hoặc sẽ tan rã, hoặc tồn tại trong tình trạng bệnh hoạn, èo-uột, héo mòn, trước khi tan rã.

Cho đến nay vũ trụ, vạn vật và nhân loại còn tồn tại ấy chính là nhờ quy luật hỗ tương nơi các bản vị. Hỗ tương là quy luật thường thái. Mâu thuẫn, hủy diệt chỉ là quy luật “bất thường thái” trong thiên nhiên, hoặc là trạng thái bệnh hoạn nơi con người chưa nhân chủ.

Qui luật 5: Tự kỷ, ỷ tha hỗ-tương vận động và kết hợp.

Tự kỷ, ỷ tha, động tha hỗ tương vận động và kết hợp mà thành vạn vật. Đó là chân ý nghĩa của “đạo kỷ”. Đó cũng là nguyên nguyên của sự hình thành, kết cấu, vận động của các bản vị trong vũ trụ, vạn vật và nhân loại.

Các cực chất khi vận động, gom góp các thành phần chất, lượng thành một hỗ tương có chủ thể, có tự ngã, có tự kỷ, đó là bản vị cơ bản. Các bản vị cơ bản đó lại vận động và phối hợp vận động với các bản vị khác mà hình thành vũ trụ, vạn vật, loài người.

Trình thức biện chứng tự kỷ, ỷ tha, hỗ tương vận động và kết hợp ấy cứ nối tiếp không ngừng theo mỗi cấp độ và tiến lên mãi theo các chu kỳ tiến hóa của vạn hữu. Dưới trình thức biện chứng và các quy luật trên mà các nguyên tử, phân tử, tinh cầu, thái dương hệ và vạn hữu trong đó có nhân loại được hình thành. Trong nhân loại, mỗi cá nhân là một bản vị cơ bản. Các bản vị cơ bản (nam, nữ) có thích tính tương đồng, tự kỷ - ỷ tha hỗ tương vận động và kết hợp mà thành gia đình bản vị. Các gia đình bản vị tự kỷ - ỷ tha hỗ tương vận động và kết hợp mà thành dân tộc. Các dân tộc tự kỷ - ỷ tha hỗ tương vận động và kết hợp mà thành nhân loại. Phối hợp bản vị học thuyết và ba tầng triết lý là căn bản tư tưởng thuộc vũ trụ quan nền móng của Nhân Chủ Duy Dân.

Tuyên Ngôn của Đảng Cách Mạng Đại Việt Duy Dân

TUYÊN NGÔN

Ngày Thành Lập Tổng Đảng Bộ

Chúng tôi nhận thấy rằng nước nòi Việt chúng ta suốt trên bốn ngàn năm có thừa, trải qua bao nhiêu bước đường vật lộn với bão táp bốn bề, từ lúc Văn Lang mở cõi, đầu người kể được vài muôn, tiến đến ngày nay, nhân dân năm sáu mươi triệu đời nào cũng như đời nào chật-chẽ sum vầy dang tay chống giặc, chỉ có một mục-đích trung tâm là tranh đòi lấy một sống còn độc lập. Con đường với phương hướng chính trị mỗi dân tộc đều do cái ánh sáng từ đáy hồn lịch sử tỏa ra chỉ nẻo rất thành thực và sáng suốt, đặc tính của mỗi dân tộc, đặc điểm của mỗi lịch sử phát-triển,, nền tảng của mỗi hình thể, quy định hết cả cái vận mệnh và xuất lộ của mọi chính trị và cách-mạng.

Chúng tôi lại nhận thấy rằng : Phàm người nào sống ở nơi giữa quốc dân, đau cái đau của quốc dân, vui cái vui của quốc dân, tai nghe mắt thấy cái sống dào-dạt trong đời sống quốc dân, tất cảm thấy và giác ngộ trên lý tính thực-tiễn cái ngày mai của quốc dân thế nào, Quả vậy, quốc dân không vì một chủ-nghĩa, chế-độ hay pháp-luật đó, phải mới mẻ từ cái nền tảng với những điều-kiện hiện thời mà sản sinh ra cho thời

nghĩa đúng trong xã hội phải trở lại lên trên sự tái diễn của cả cái hệ thống rộng lớn của cảm giác, suy nghĩ và nói năng. Những cao thâm khái niệm phải dưới sự nắm giữ được trật tự của lý tắc, nhân quả của lịch sử, phân bố của địa lý và đặc tính của dân tộc mới hoàn toàn sống của loài người mà quyết định những giả định của xã hội.

Phải đứng trên những tiền đề đo lường được, thấy biệt được, cảm giác được có thể sự thành lập của toàn bộ triết học và tư tưởng của xã-hội để được phù hợp với sự thực, phát triển và dự tính đúng chắc mới có thể làm lãnh đạo quyết định và thông minh cho tất cả cái tổ chức nhân sinh, mới có thể có được một xuất phát điểm cực khó khăn, một tình tự cực bách thiết và một bờ cõi cực thực tế.

Mỗi xuất phát phải đứng trên một bản vị quyết định, xong cái bản vị đó phải là cái bản vị tom góp các điều kiện sinh mệnh, toàn thể nguyên thủy, liên tục đặt vào một trình tự thật chắc chắn, linh động và biến hóa để kết luận.

Sinh mệnh là nền tảng, nguyên tố thứ nhất của lịch sử. Sinh mệnh trông lên lịch sử của xã-hội là dân sinh, cái biểu hiệu độc đặc của nó là “ngã tướng” (le moi). Nhưng mà cái cơ năng của sinh mệnh cũng như của dân sinh là thực hiện một thứ cợc liên tiếp không dứt động và hưởng thưởng của gần hết cả những xung động, động tác và hành vi để phát triển tự mình và khoáng trương tự mình ra ngoài, nó là ý thức với kinh tê động tác.

Nguyên lý của nhân sinh thực hiện sử quan đặt để trên những nhận xét đó phối hợp với cái nền tảng nguyên tố thứ nhì của lịch sử là “xã hội sử quan”. Sự

Có những căn-cứ và nền-tảng dân-tộc ở đó đề ra những dân-tộc sắc thái, dân tộc học thuật do đó mà lập nên, nó là tính đặc-thù, bằng cái tính đặc-thù kết hợp lại có xương có thịt (organiquement = hữu cơ) mà thành tính tóm quát, cái bờ cõi tinh thần giới chung của suốt loài người.

Tự-nhiên, tư-tưởng và xã-hội thống-nhất trên những định-lý nhất quán. Nhưng mà tự nhiên xã-hội và tư tưởng bao giờ cũng không dứt vận-động xoay vần tự mình và xoay-vần lẫn nhau. Ở cái biệch-chứng của những cuộc vận-động đó, nó quyết-định cái thể hể đặc-thù của xã-hội trong tự-nhiên và của tư-tưởng trong xã-hội.

Xã hội đã tu chỉnh lại những luật tắc tự nhiên sâu suốt trong tự thân nó, cũng như tư tưởng trong lãnh vực của nó đã sửa chữa những luật tắc xã hội sâu suốt trong tự thân nó. Vì thế mà khoa học của tự nhiên, khoa học của xã-hội và khoa học về bản thân của tư tưởng có những tính chất nhất quán với nhau, trong khi mỗi thứ lại có những đặc thù riêng rẽ

Chúng ta đem hết cả quy nạp lại dưới cái tiền đề của Nhân Loại học. Nguyên thủy sử và lịch sử học, lấy ba tri thức đó làm trung tâm điều khiển hết mọi tri thức, mong tìm ra cho dân tộc và loài người những chân lý thực tiễn của loài người phải dùng đến để giải quyết vấn đề loài người.

- Nhân loại sử học: Để tìm tòi nắm giữ và vận dụng những luật tắc phát sinh, vận động và diễn tiến về các mặt sinh lý, tâm lý xã hội và dân tộc sinh hoạt của loài người trên những nguyên lý và sự thực của sinh mệnh và làm lụng.

- Nguyên thủy sử cho chúng ta hiểu rõ rệt, cầm chắc chắn cái bối cảnh nguyên thủy của loài người sơ

sinh cùng tất cả những trạng thái, hành vi gì của loài người, lúc đó nhờ thế nào mà sống, còn, nối, tiến, hóa.

- Lịch sử học để biểu lộ hết các luật tắc và thực chứng của diễn tiến trên mỗi nền tảng và mỗi các điều kiện thế nào, tất cả những kinh nghiệm và bài học quý báu của đời sống có thực và đã thực diễn của loài người. Chúng tôi đã gạt bỏ hết những nghi-ngờ và tưởng tượng trên hình-nhi thượng (métaphysique), gạt bỏ hết những phiến toái lẫn những máy móc.

Loài người sống có xương có thịt và rất cơ năng ; lịch sử xiết bao linh động và hoạt bát, tuyệt không thể đem những luật tắc riêng biệt trong tự nhiên thuần túy và trong tinh thần thuần túy ra làm thẳng mực, bắt lịch sử với loài người bó theo.

Cho nên, chúng tôi đã tu chỉnh lại hết các triết học Duy Vật, Duy Tâm và Duy sinh, tất cả trên tiền đề với lý tắc của nó, chúng tôi lấy tiền đề với lý tắc của loài người, lý luận với chế độ dùng được của loài người mà suy diễn ra các triết học với tư tưởng phải chịu theo cuộc sống thực tiễn của loài người trên lịch sử và hiện thực chỉ huy.

Chỉ có thể mới tìm ra được chân lý, vì chân lý nào cũng phải chịu sản sinh ra trong xã hội sống.

Ấy thế, trên triết học Duy Dân chủ nghĩa và trên Chính trị Duy Dân chủ nghĩa, nghĩa là một chủ nghĩa của chúng tôi, căn cứ của nó đã nói rồi, nhưng nội dung và phần ứng dụng của nó là chăm đối những hiện thực của tình cảnh mà lập hiện nên.

- Những lý tắc cũ không thể ứng dụng được vẹn cả.

- Những phiến tảo gốc trệ của tự hình thức lý

tắc chỉ để đùa với danh từ mà thôi.

- Những thiển cận, hẹp hòi của thực dụng lý tắc chỉ để gây bàn tính “ông chủ”, số học lý tắc chỉ có thể để riêng rẽ cho số học, chớ mang ra xã hội.

Phật học mang biện chứng vào niết bàn.

Hégel chỉ biết biện chứng lý tắc của logique bản thân.

K. Mark quên mất loài người không phải thuốc hóa học.

Lại còn lối biện chứng không hoàn thiện của Kinh Dịch trong nhà Nho Duy Sinh, đem biện chứng quá trình vạch thành một cái phễu rút xuống hình thức lý tắc.

Tóm lại, những sai lầm của mọi lý tắc đó là ý thức với kinh tế đều do ở sự vận dụng nó không tự nhiên hay tinh thần mà thôi.

Duy Dân hay Duy Dân Chủ nghĩa đặt để ra biện chứng pháp mới của nó trên cái căn cứ và bản vị xã-hội gọi là Xã-hội biện chứng pháp. Tự nhiên, xã-hội và tư tưởng luôn luôn thống nhất trên sự vận động, nhưng sự vận động của nó không phải là hình cái phễu, cũng không phải là hình tròn ốc thẳng tuột. Sự vận động của nó hai mặt: tự thân xoay vần và xoay vần lẫn nhau. Cho nên kết quả của vận động đó là kết hợp với vận động làm nguyên nhân vận động lẫn cho nhau mà hình thành một tự nhiên, xã hội với tư tưởng vô cùng biến hóa, rất phức tạp, nhưng rất cơ năng.

Đạo học, sử học và khoa học trên tính năng của ba khoa học đó phải tóm góp mà làm những phân tích cơ bản cho mỗi hiện tượng xã hội, chỉ có sự phân tích bằng cả ba mặt tóm góp lại thế mới đúng đắn với cơ năng của loài người không sai mà suy ra những luận đoán vững vàng đối loài người.

Cho nên sự thành lập thể hệ nghĩ đúng, tin đúng,

thái sinh-hoạt và vật-chất tất phải kinh qua trên giai đoạn này phải tiến lên “*cao đẳng khoa học kinh tế*”.

Sinh-hoạt giáo-dục bằng hành động và khoái hoạt hun đúc cho con em chúng ta một thể người có *thận vững, tim trong, óc sáng, mình nhẹ, tay mạnh*.

Trung tâm tu dưỡng là sự tiềm tu của mỗi người bằng tự mình để cho phát huy được các cơ năng của sinh mệnh mình, lại còn chú trọng vào sự phát-huy được nét dân-tộc tính, dân-tộc tình và dân-tộc chí của nòi giống. Có thể mới tiến hóa nổi, mỗi người làm việc rõ-rệt vì Tổ Quốc, Chính-Nghĩa, Lý tưởng, Nhân cách và Danh dự (Phong cách). Đại Nam Tông Hóa là thể-hệ tinh-thần ra để đoàn-kết các dân-tộc nhỏ yếu trong cõi và ngoài cõi, sum-vầy lại đứng trên con đường riêng-biệt của nhỏ yếu mà đi. Có thể số phận của nhỏ yếu mới mong cứu vớt lấy tự mình bằng sức tự mình được.

Cộng sản chủ nghĩa cũng như tư bản chủ nghĩa và vô luận một hình thức của mỗi dân tộc chủ nghĩa nào cũng đều phải đặt dưới sự tu-chỉnh về lý-luận của học-thuyết và lý luận của thực-tiến. *Chúng ta có con đường của chúng ta để riêng đi, cũng như chúng ta có một nền tảng với các điều-kiện đặc-thù qui-định chúng ta. Muốn để được cứu vớt phải đi bằng quan-điểm, thái độ với việc làm riêng của chúng ta.*

Cuốn Việt Duy Dân Chủ nghĩa Quốc Sách Thảo Án Toàn Pho tuy chưa được hoàn thiện hẳn, song trong giai-đoạn hiện tại, chính là một thành tựu lớn lao của chúng tôi. Chúng tôi cho xuất bản và hiện nay kế tục cho ra cuốn đó làm chỉ nam cho bản xã trong sứ mệnh và chức việc của bản xã, phải gắng sức theo, làm trên con đường cống-hiến và phụng thờ dân-tộc. Cuốn đó gồm 7 bộ:

hợp quần phải là đầu mối của sinh hoạt tập thể và văn minh. Cho nên xã-hội sinh hoạt phải là tiền đề của tất cả trình tự của lịch sử biện chứng

Dưới cái tiền đề đó, kinh tế sinh hoạt với ý thức sinh hoạt là hai cơ cấu và quan hệ; đồng thời là hai biện chứng và biểu hiện không dứt vận động xoay chuyển nhau. Từ sự vận động của cái tuần hoàn tác dụng của hai nguyên nhân lẫn nhau đó mà xúc tiến hết thấy các cơ cấu và quan hệ.

Kinh-tế yêu-cầu một tiền đề “*việc làm của loại người nào*”. Cho nên lấy tự-nhiên kinh-tế làm tối cao thì tuyệt sai, tuyệt phi kinh-tế mà do đó người ta cũng có thể xem thấy rằng không thể có một vòng tròn ốc loe thẳng tuột lên một hình-thức của “*cao đẳng tự nhiên kinh tế*” nào hết, chỉ có thể lên đến “*khoa-học kinh-tế*” và “*cao-cấp khoa-học kinh-tế*”, nhưng mà cái phẩm từ “*khoa-học*” giả-định trước một tổ-chức đẳng phái thêm cơ-năng và phức-tạp đó.

Với hai nguyên-tố nền-tảng trên nguyên-tố dân tộc rất trọng yếu, nó là cội gốc cho sự hợp-quần đầu tiên của loài người, có một y-cứ đó mà dựng đôi lên trong khi trông suốt mạch đường tiến-hóa, sự phát triển của nó bằng “*hướng tâm vận-động*”, và sự khoáng trương của nó bằng “*hướng thượng vận-động*”.

Cho nên ngày nay, (thế kỷ XX) và ngày sau vẫn còn là một nguyên-tắc không thể bỏ được cho mỗi hình-thức quốc-gia, quốc-tế hay thế-giới nào, sản sinh ra nguyên-tắc của xã-hội sinh-hoạt thấm nhuần trong xã-hội “dân tộc” nào cái cơ-năng của kinh-tế sinh-hoạt, và ý-thức sinh-hoạt sản-sinh ra các tầng-cấp hình thái cá-nhân, gia-đình, gia-tộc, nghề-nghiep, giai-cấp, tôn-giáo, trình-độ, năng-lực, vãn-vân...

Sự vận-động của cơ-năng đó không đặt để trên biện-chứng từ chính đến phản quay về hợp (thèse, antithèse, synthèse) và mỗi lần thay đổi hẳn nội-dung của sinh-hoạt. Cho nên dân-tộc nguyên-tắc tuy là nền tảng sản-sinh ra các tầng-cấp, hình-thái, nhưng mà mỗi hình-thái trọn vẹn của dân-tộc sinh-hoạt phải hình thành trên cái cơ-cấu và quan-hệ rất hòa-hài và bình đẳng của các tầng-cấp, hơn nữa là không có tầng-cấp đối lập, chỉ còn là thuần-túy cơ-năng phân lập.

Ba nguyên-tố nền-tảng là sinh-mệnh, xã-hội và dân-tộc trên đó là khởi điểm lại còn là thăng mực của lịch-sử tiến-hóa. Sử quan của chúng tôi đặt để đến sự quy-nạp suốt lịch-sử vào ba nguyên-tố đó diễn-dịch ra bốn nguyên-tắc rộng-rãi khác nữa:

- Cái duyên cách của loài người.
- So-sánh của văn-minh.
- Phân-bố của tự-nhiên .

- và biện-chứng của xã-hội làm những công việc phân-tích của mỗi sử-ký liên-tiếp và nhất-quán với nhau trên tổ-chức cơ-năng của đời sống thành thực cũng như phải phản-ảnh ra trong sử quan.

Một hiểu biết suốt mặt góp vào những tinh thần công cụ phải thật tinh xảo và huệ lợi, đem dùng trên một thứ bậc làm việc rất hiệu lực đúng chắc, những vốn liếng học thức thực sâu sắc và đầy đủ là căn bản trong sự tìm tòi, vận dụng và nắm giữ cái lẽ sống và lẽ thực của loài người sống thực.

Kinh tế là cơ cấu, là quan hệ của xã-hội, ý thức cũng như kinh tế, hai cái đó còn là biện chứng và biểu hiện của xã-hội nữa.

Loài người bất cứ trên thời đại, xã hội và văn hóa nào, cái gắng sức góp trút vào hết sự đuổi theo

hình bóng của lý-tưởng và phạm-trù “*một con người*” đi đôi với cái gắng sức ấy, để mà thực-hiện, nó là sự gắng sức đuổi theo cái lý-tưởng phạm-trù một xã-hội nhân tính.

Xã-hội là một tổ-chức của tính người, kinh-tế là diễn trường vật và phát-đạt vật của tính người; mà chính-trị cũng như giáo-dưỡng dùng để điều độ tính người.

Cho nên, chính trị là tom góp công việc thiết kế và chấp-hành dân sinh, mà giáo-dưỡng phải là khởi điểm và chung điểm của chính-trị.

Sự thực-hiện phải diễn-dịch ra bằng tính người trên ba mặt: cá nhân, xã-hội và dân tộc cùng hòa-hài tiến-triển. Cho nên sinh-mệnh triết-học phải đi đôi với triết-học của việc làm phối-hợp lại làm chỉ nam cho thực-hiện của mỗi chính-trị đúng đắn.

Những quan-điểm chúng tôi đã sơ-lược kể qua bằng sự tung hợp tất-cả những nhận-xét đó với những nhận-xét hình thể toàn loài người với dân tộc mình ngày nay và ngày mai. Xuất-phát từ những quan-niệm trên, chủ-trương thực-tiến về cách-mạng và chính-trị trong bước này, đối dân tộc ta đã trọn vẹn hình- thành một dân sinh thực hiện triết học mong đào-tạo cho nòi nước một nhân-sinh quan bền mạnh và tiến thủ.

Thắng nghĩa chính trị trên các nguyên tắc của nó (toàn diện, tiểu gia, bình sản, nguyên tầng, công chế, kinh kỹ) phối hợp Duy Dân Dân Chủ và Cơ Năng hiến pháp ra đời, để bằng một tổ chức cội gốc của dân chúng, khít chặt với cơ cấu của quốc gia làm nên một xã hội thực dân chủ và bền mạnh.

Bình sản kinh tế với công độ chế độ mà hình

sống còn thực tiễn và cái lý tính thực tiễn của lịch sử với quốc dân làm liều thuốc vạn năng.

Để kết luận, chúng tôi chúc dân tộc ý thức và dân tộc văn minh không dứt dạt-dào một nguồn sống mạnh mẽ và sáng láng.

*Duy Dân Học Xã toàn thể, kiêm
Thư Ký Trưởng Thái Dịch,
thay mặt kính cẩn tuyên ngôn.*

*Thái Dịch Lý Đông A
tháng 2 năm 4822 tuổi Việt.*



Di ảnh nhà Cánh-mang Phan-Bội-Châu

- **Mở quyển** (để tóm tắt cái căn duyên chủ nghĩa).

- **Giới thiệu** (mang sơ lược các yếu điểm ra bằng lời văn dễ dãi, phô bày cùng mọi người).

- **Lập Học** (Bộ óc của cả học thuật đã gây dựng bộ óc mới cho mỗi người mới trong đời mới).

- **Thiết Giáo** (giáo dục, huấn luyện và tu dưỡng là công cụ tất yếu cho nước nòi và xã-hội).

- **Kiến quốc** (tất cả các chính sách và kế-hoạch xây đắp đời sống dân tộc).

- **Đồng Nhân** (một con đường cách mạng đi chung của tất cả các dân tộc nhỏ yếu trong và ngoài cõi).

- **Tổ Đảng** (Dùng một sức lối làm nguyên động lực của cách mạng và kiến quốc).

Bảy bộ đó ở trong bao gồm hết thảy các lý luận trên học thuyết cho đến lý luận của thực tiễn. Lý luận trên học thuyết hợp thành các lý luận cơ cấu của Đảng (Duy Dân chủ nghĩa), lý luận trên thực tiễn hợp thành các hành động cơ cấu (Dự kế cách mạng). Chúng tôi đã chuẩn bị trên toàn các phương châm lâu dài, các đối sách từng kỳ với dự định của kỹ thuật cần dùng mỗi bước đi của dân tộc không cần có đảng cũng như xã hội vô giai cấp.

Đảng với giai-cấp chỉ là những cơ cấu trong quá độ. Chúng tôi khát-khao bao nhiêu một dân tộc cách mạng không quá độ.

Cho nên bản xã với bản đảng sản sinh ra là mong trong kỳ quá độ đó kiến thiết cho xã hội và dân tộc một hình thái sống còn vững vàng, khỏe khoắn và bình đẳng.

Xã hội đang ở trong cái phương châm đó, tuyệt không thể không lấy toàn dân làm đối tượng và mục tiêu để tiến hành cách mạng và kiến quốc, một mặt

trận gốc nước nòi của toàn thể nhân dân trên hình thức một quốc dân vận động mà quốc dân tự động đứng dậy lấy gậy, sào, cày, cuốc, bừa, rửu ra mà giết giặc trên suốt mặt đất nước, cần phải dựng đôi lên. Chỉ có thể quốc dân mới nắm được cái chuỗi chốt của công cuộc ngày nay toàn diện, triệt để và hướng thượng.

Chúng tôi Đảng và Xã lấy Duy Dân chủ nghĩa làm Đệ Nhất Thắng Nghĩa của dân tộc, làm Căn Bản Nghĩa của đại chúng, nhưng chúng tôi tuyệt đối bài bác bất cứ một chế độ lý luận chuyên quyền nào làm nghẹt ngào tiêu diệt hết các cơ năng sáng tạo phát minh và sống tiến của dân tộc trong bước này đang cần phải có để phát huy đến dân tộc tính, dân tộc tình, dân tộc chí mà kiến lập trên tự do hoạt động và bình đẳng một dân tộc văn minh và sáng láng.

Bản Xã (Duy Dân Học Xã) vậy là dưới sứ mệnh và chức việc, một mặt nghiên cứu, và phát dương học thuật với văn hóa của dân tộc, một mặt trừ bị và thiết kế cách mạng và kiến quốc của dân tộc mà sản sinh ra giữa một thời đại gian nan, khốn đốn nhất, lại là một thời đại để xoay đổi sang sung-sướng, sáng láng nhất của dân tộc này, nó là một kỷ nguyên mới cho sử Việt.

Bản xã để thích ứng với sứ mệnh và chức việc mình tổ chức ra các ban chuyên môn: Triết học, Sử địa, Chính trị, Giáo dục, Kinh tế, Kỹ thuật và văn nghệ. Tất cả các ban ấy trên bản vị của mình và hướng tâm là làm việc hết sức, hết lòng cho công việc cứu nước giữ nòi bằng một cương lĩnh cách mạng và sáng tạo cùng đi với ba mặt toàn diện, triệt để và hướng thượng để đạt tới lý tưởng xây đắp một đời sống văn hóa toàn bộ cho dân tộc.

Cái tính chất chính trị hóa của dân tộc đó yêu

cầu một nghiên cứu với phát minh đều phải có những điều kiện chiến đấu, thành viên tiên tiến, khoa học và dân tộc. Nếu để cách mạng cho đời sống thì ý thức và học thuật cũng phải cách mạng nữa mới xong, mới có thể đi đôi với mọi mặt tranh đấu cho cứu nước, ý thức và học thuật còn là những công cụ và vũ khí cứu nước vô cùng viên mãn và hiệu lực.

Lịch sử đã từng cho ta những chứng cứ sắt đá như thế, ý thức của lịch sử trải qua mỗi kỳ phải mỗi kỳ mỗi mài gọt cho sắc nhọn hơn, sáng suốt hơn, tiến hóa hơn để thị chứng với văn minh mỗi kỳ càng ngày càng cao độ hơn, lợi hại hơn, và tiến hóa hơn.

Chúng tôi đích xác không thể thắng nhiệm được công việc nặng nề này cho suốt và chắc, cho thông minh và khách quan. Nhưng mà chúng tôi với tấm lòng thành khẩn, cúc cung tận tụy mà làm, lại còn nhờ mong hết thảy các đồng chí và nhân sĩ trong ngoài chỉ bảo, giúp đỡ và bổ sung cho thật nhiều.

Công cuộc lớn lao và thần thánh của dân tộc không phải riêng ai bảo liệu được mà cũng chẳng riêng ai bỏ chỉ được trách nhiệm lớn lao đó. Cái sống dạt-dào của đời sống lịch sử, quốc dân và thế giới yêu cầu chúng ta có một lý tính thực tiễn thật thuần túy, tinh thành và tiền tiến của lịch sử thế giới và quốc dân.

Chúng tôi trong việc làm và trên thành tựu, nhất định gặp nhiều trở ngại vì những cách ngại và ngộ hội nhất định có thể không làm vừa lòng những người thỏa hiệp với ý thức của quân giặc, cũng như “đi lằm” với ý thức lịch sử của giống nòi.

Ai mà không tự thấy chân lý của mình là đủ và đúng? Dù sao cũng là những cực đoan. Để mà dễ hiểu nhau và dễ gần nhau, chỉ có sự giác ngộ thấu triệt cái

minh hơn người, văn minh như Tiên như Rồng mà ngày nay ta không biết làm để cho đời chúng ta được sung sướng, sáng láng, để cho con cháu chúng ta sung sướng, sáng láng và để rửa nhục đền công lao cho tổ tiên chúng ta? Được như vậy, chúng ta có chết đi cũng hả dạ, mà đời đời tổ tiên chúng ta ở trên trời cao linh thiêng không sống chết mà cũng được vui vẻ làm sao.

Chúng tôi vì đã tìm ra những ý nghĩa và cách thức di huấn đó, nên thành thực đem đãi tỏ cùng hết thấy anh em trong nhà, ngõ hầu chúng ta đùm bọc lấy nhau, góp sức óc mà làm thì tất được.

Thường người các nước gọi các nước nòi chủ yếu là không văn minh. Chúng ta nhỏ yếu, còn có nghĩa là chúng ta không văn minh bằng họ. Chúng ta mà nhỏ yếu vì các cơ: chúng ta ít người, đất hẹp, hoặc lèo tèo từng bộ tộc vài ba chục nóc nhà, nhiều lắm mấy nghìn dân; hoặc chúng ta ru-rú trên rừng, xó bể, men bờ, không được chung nhau đầy đủ cõi rộng lớn mệnh mông mà tha hồ sống còn, sinh nở. Lại chúng ta tiền ít, của hiếm, không có tàu bể, tàu bay, không có súng to, gươm sắt để đi tranh đòi các nước. Chúng ta không nghĩ được cao, trông được xa, thấy được rộng, đi được nhiều, tự chế lấy thứ nọ, thứ kia mà dùng cho thật tiện, thật tốt, thật đẹp, thật giỏi, thật không khéo. Chúng ta lại chia rẽ, tản mạn, không có xum vầy, đùm bọc, máu chảy ruột mềm, để thành một nhà nước.

Phàm sức lực là ở tay người, óc người. Sự xum vầy chặt chẽ lại ở sự đem dòng giống, mỗi người có tay, có óc mà mở mang rừng bể, trồng trọt, cấy cấy lấy của, lấy cải lên làm lụng, chế tạo mà ra. Ấy thế, văn minh nghĩa là đời sống như Tiên như Rồng, mà mạnh lớn lên, văn minh là phải bằng các việc trên vừa nói tom góp lại mà nên, rồi trải qua từng đời cứ sửa đi sửa lại cho kỳ thực tốt lành hơn, khôn khéo hơn

THANH MINH

Cùng Các Anh Em

Dòng Giống Trăm Việt Trong Cõi.

Chúng tôi thường ngẫm thấy rằng: Anh em trên đồng rừng hay đồng xuôi ai cũng như ai, đều yêu thích những tranh vẽ *rồng phượng* và sung sướng chăm chú đến việc kể chuyện ông cha lại với nhau nghe. Cái đó có một ý nghĩa rất lớn lao với một đáng giá trị rất quý báu, chỉ vì nó lẫn lộn chôn vùi trong cõi đời sống hàng ngày vất vả, bộn bề của chúng ta mà quên không xem thấy. Ngày nay rất cần, chúng ta phải xem tính lại, vì chính những cái đó có quan hệ đến sự sống, còn, nổi, tiến, hóa của giống dòng chúng ta, từ ông cha của chúng ta đến chúng ta, rồi lại từ chúng ta đến con cháu chúng ta về sau nữa.

Năm nghìn năm về trước tổ tiên chúng ta là Hồng Bàng từ nước Tây Tạng cao vót mà xuống miền Nam kiếm ăn. Vua Rồng (họ nhà Rồng) lấy chúa Tiên (họ nhà Phượng) đẻ ra một bọc trăm trứng nở thành trăm giống Việt, chia 50 giống lên núi, 50 giống xuống bể. Trăm giống ấy tràn lan trên một cõi đất, núi và bể bát ngát mệnh mông, từ núi Ngũ hồ bên Tàu ngày nay, dưới đến khắp cõi bể Nam mù tấp. Trăm giống dòng ấy chia tay nhau đi ở các nơi, dời về nơi đất khác nhau, khí trời khác nhau, cảnh vật với cây cối khác nhau, nó làm cho tiếng nói hơi xa nhau đi, thói quen, tục lệ cũng hơi không giống nhau nữa.

Thế rồi trải qua bao nhiêu đời cho đến ngày nay, mỗi giống dòng ít khi đi lại với nhau nữa, không

chặt chẽ nhận họ với nhau, con con, cháu cháu cứ sinh sôi nảy nở ra, rồi cứ chia nhau đi mãi, bận rộn làm ăn, vất vả chống giặc, không lấy đâu còn xum họp với nhau mà kể lại chuyện tổ tiên. Hơn nữa, mỗi dòng giống vì trải qua mọi việc khác nhau, chịu những điều khổ nhục đè nén cũng như nhau đấy mà cũng chưa nhìn nhận được nhau, đến nỗi ngày nay, con Rồng cháu Tiên trăm giống, nghìn giống, đáng lẽ một nhà vui vẻ đông đúc, yên ấm, mà khổ kổ Bắc, người Nam trông nhau mà ngờ! Tuy rằng thế, nhưng mà máu loãng còn hơn nước lã, uống nước còn nhớ mang máng đến nguồn. Mỗi dòng giống chúng ta, từ ông cha đến chúng ta cứ di truyền lại mãi cho chúng ta cái hình ảnh con Rồng con Phượng làm hình ảnh ghi nhớ nguồn gốc lại để làm tin mà mai sau lại nhận lấy nhau, mỗi khi nào biết đến mà tìm tòi nhau nhận họ.

Nay chúng ta thử ngẫm mà xem, tổ tiên chúng ta lại là họ Rồng họ Tiên, mà lại lấy con Rồng con Phượng làm họ, làm dấu ghi tích đời đời? Thì vốn xưa, trời đất mới mở, loài người còn thô-lỗ, tổ tiên chúng ta tuy sáng láng, thần thánh, nhưng mà chưa đủ tiếng nói để tỏ lộ và ghi nhớ những nghĩ ngợi và những cảm thấy xa xôi. Lại vì đời bấy giờ chưa chế ra chữ viết như ngày nay để chép nhật và làm dấu cho ngày sau. Tất là phải lấy những con vật hay đồ dùng gì mà tổ tiên chúng ta tìm thấy trong nó có một ý nghĩa và giá trị lớn lao thích hợp với nỗi nước chúng ta để mà đặt họ làm con tin cho con cháu.

Không những riêng tổ tiên trăm Việt chúng ta thế, mà xem lịch sử cả loài người cũng phải thế, bất quá tổ tiên chúng ta có cái hơn cả loài người đời là chọn Rồng với Tiên làm vật tổ. Vì sao?

Phượng là con chim của Tiên, nó thanh cao trên vót từng mây, sống lâu muôn tuổi, to lớn nhất đời, nó

lại đẹp để muôn hồng, nghìn tía, nó lại mạnh mẽ, biến hóa khôn cùng, nó sáng suốt, trông rộng thấy xa, nó luôn luôn bay lượn sướng vui ngày tháng.

Rồng là con vật của thần, nó sức nuốt biển Đông, to trùm sông núi, nó làm mây, làm mưa, dễ biến dễ hóa, nó lặn lội trong khắp mọi loài mà hơn cả mọi loài, nó lại khôn thiêng, có oai, có đức, không gì mà chống lại nổi nó.

Tổ tiên chúng ta cao cả không ngờ, thông minh, phúc đức, tấm lòng như Tiên, sức người như Rồng, cho nên lấy họ Rồng, họ Phượng, đặt nòi giống là Hồng Bàng (cũng nghĩa là thế), lại lấy hình ảnh con Rồng, con Phượng làm ghi nhớ cho con cháu.

Một bọc trăm trứng là tỏ ý xum vầy, đùm bọc cho nhau; nó thành trăm giống là con cháu đông đủ, sung sướng. Lấy Rồng, lấy Phượng làm hình nêu để tỏ cho con cháu về sau làm sao phải sống được một đời thanh cao, nhàn nhã, sung sướng, đẹp đẽ, sáng suốt và hiểu biết. Tự do như Phượng mới sống được một đời mạnh mẽ, to lớn, biến hóa, oai đức khôn thiêng, đầy đủ lặn lội như Rồng.

Tình ý của Tổ Tiên ta như thế, muốn cho con cháu sống sung sướng, thanh cao và mạnh mẽ đời đời. Và chúng ta ngày nay thế nào, mà bây giờ sống khổ, sống thiếu, sống đau, sống nhục như ngày nay? Chúng ta thất cả 100 dòng giống Việt Tiên với Rồng bấy giờ thế giới gọi chúng ta: Việt, Miên, Lào, Kha, Tày, Nùng, Phần Shinh, Mèo, Mán, Mường, vân vân... Còn nhiều nữa, gọi chúng ta là giống nhỏ yếu. Với lại tự chúng ta tự nghĩ và tự so với người thì chúng ta cũng thấy nhỏ yếu.

Nhưng mà thế nào là nhỏ yếu và không văn minh? Mà tại sao tổ tiên chúng ta mạnh lớn và văn

xem, thực rõ là chúng ta bao đời nay đã từng gặp hai hạng người nước giặc ấy nhiều, nhưng mà cũng nhờ mỗi đời chúng ta hết sức, hết lòng đánh giết lại nó, đuổi được nó ra mà giữ gìn lấy dòng giống cho tới ngày nay sống sót.

Gần 100 năm nay, giặc Pháp mất xanh, mũi lõ đã đến xâm chiếm nước ta, giết tróc đê nén chúng ta khổ ải đến thế nào. Chúng nó hút máu, róc xương chúng ta, ăn tháo, ăn mửa cho kỳ béo tròn, béo trục, béo quá hóa nặng mình ục-à-ục-ịch để cho bên Tây giặc Đức chiếm nước, mà bên ta thì giặc Nhật kéo vào. Giặc Pháp bên ta, như chó không biết nhục, ve đuôi rước Nhật vào nhà, thờ làm cha cho nó bảo, nó sai để giết tróc đánh ta bắt phu lấy thuế, còn khổ ải hơn nữa.

Nhưng mà giặc Nhật Đông Di có thương gì giặc Pháp, thương gì ta không? Hiện giờ nó còn chân ướt chân ráo, còn đường mải cướp Đông xẻo Tây chưa có người đâu mà chia đây đóng đó cho suốt, hóa nên nó phải dùng Pháp như dùng chó giữ nhà, dùng chó săn muông rồi một ngày kia các chỗ nhưỡng đã nuốt trôi, nó sẽ trở về mà làm gỏi thằn Pháp để hưởng thặng một mình cho nó phỉ lòng tham. Sắp sửa đây, giặc Nhật sẽ giết giặc Pháp, nó lại mang một thằn vua chúa bù nhìn về đặt lên chiếc ngai vàng cũ rách ghê tởm, trông coi cái đó làm cái nêu chắc cho nòi giống, rồi sẽ phao đồn lên tin nọ tin kia, vỗ về đồng bào, đánh lừa đồng bào, để chức đưa cả đồng bào chúng ta vào hố lửa các bại trận và bể khơi; nào nó đồ ngon, đồ ngọt, lấy phu, lấy lính; nào sẽ cho đường, cho kẹo để lấy bạc lấy vàng, ngày một ngày cũng như hiện nay, đời sống chúng ta một ngày một đất đỏ, có tiền không có gạo ăn, có gạo phải đi nộp lương cho lính, có đồng vàng phải bỏ ra cho nó đúc súng, đúc đạn

mà được.

Xem như người các nước khác, sở dĩ họ mạnh lớn văn minh cũng phải làm như vậy mà nên.

Nhưng mà chúng ta thử nghĩ đến nơi đến chốn cho kỹ mà xem, chúng ta có thực nhỏ yếu hay không? Văn minh của chúng ta bằng tự chúng ta có thể làm thành được hay không? Kìa tổ tiên chúng ta sáng suốt, to tát như thế, giống nòi trăm họ chúng ta nhiều kể xiết bao, cứ tính gộp tất cả lại, hiện giờ cả cõi Việt chúng ta có cả thấy hơn 60 triệu người. Nếu 60 triệu người đó cùng nhớ lại tinh ý của tổ tiên, nhận lấy họ mà cùng xum vầy, cùng nhau đánh đuổi quân giặc, xây đắp nước nhà, sửa sang đời sống, nghĩ góp cho rộng, làm cùng cho nhanh thì chẳng mấy lúc cái ước ao Tiên Rồng của tổ tiên chúng ta sẽ thành sự thực cho chúng ta và con cháu cùng ăn cùng hưởng về lâu, về dài. Chúng ta có thể nghĩ thấy thế được đấy, mà nói đến làm chi chưa có là vì sao? Ông cha chúng ta há không nghĩ thấy thế sao? Đinh Tiên Hoàng trong Mưỡu, Nồng Trí Cao trên Tây, Lê Lợi, Quang Trung dưới xuôi và tất cả bao nhiêu anh hùng, vua tướng mỗi dòng giống chẳng đã từng làm, từng nghĩ thế sao? Vậy mà cho đến nay chưa được là vì đâu?

Nay, hai hạng người nước ngoài, từ mấy ngàn năm về trước cho đến bây giờ đang trước mắt chúng ta còn sờ sờ đấy kia, nó đến phá phách sự xum vầy của chúng ta, giết tróc, đê nén, vơ vét bóc lột hết chúng ta. nó xô đuổi chúng ta cùng tận đến bước sống không có trời, chết không có đất giờ đây.

Có một hạng người nó chuyên cậy vào giống người nó đông, nhiều, mạnh lớn, nó lại còn tưởng nó muốn cho giống người nó sung sướng hơn, an nhàn hơn, chẳng nề hà đem gươm, súng đến giết chúng ta, bắt ép chúng ta phải chịu nó. Rồi chữ nó, tiếng nó bắt

ta học, ta nói, không được học được nói tiếng ta, chữ ta; lại bắt chúng ta mặc quần áo lối nó, đi làm tôi đòi cho nó. Đàn bà con gái chúng ta, nó chiếm lấy để gian hiệp, đàn ông con trai chúng ta, nó bắt đi mò trai, lấy vàng đầu rừng cuối biển, làm lụng lấy của cải ở đất nước tổ tiên chúng ta cho nó dùng, nó ăn sung sướng., hết thấy nó mạnh tâm bắt chúng ta phải đồng hóa với nó để nó dễ sai bảo. Chúng ta mà mất giống (tuyệt chủng) thì người nó mới tràn đến ta mà ăn được, thật là muôn thảm ngàn sầu, oán đầy suốt đất, hận kia ngập trời. Chúng ta cho đến ngày nay, con cháu mà quên sao được những chuyện giặc cũ nó sang ta làm khổ thế nào.

Lại còn một hạng người nửa đời nay nó khôn ngoan hơn và mềm mỏng hơn; nó giết người không gươm và ác nghiệt hơn. Chúng nó trước hết lấy súng đến bắn cửa ải chúng ta, bắt ta mở cửa cho chúng nó vào buôn bán và cho bọn thầy tu vào quyến rũ ta theo nó, bảo cầm gươm, cầm súng nổi dậy giết lẫn nhau. Đồ hàng của nó toàn là đồ, trông thoạt thì tò-mò mà thích, rất rẻ. Chúng ta đem vàng đem bạc đem gạo thóc ra đổi lấy, chẳng bao lâu vàng, bạc thóc gạo của ta cạn. Nó lại đem thuốc phiện đến rủ chúng ta hút cho chúng ta chết say, chết mệt, nằm quay nằm quéo không có sức đâu mà chống nó nữa. Lúc bấy giờ nó mới đem binh hùng tướng mạnh súng lớn, bom nổ để giết chúng ta, bắt chúng ta chịu, chiếm nước ta, đặt quan, đặt vua ra làm bù nhìn để dễ sai dân. Nó làm đường cái để thông suốt nơi đây nơi đó, đào cửa, bắt người, lấy vật, nó làm nhà cao để ở để ăn, thôi thì nó tha hồ vợ vét sạch sanh, ăn đầy ăn múa, mà chúng ta hơn năm, sáu mươi triệu người thì bơ-vơ, bối rối, ngờ ngác, ngô nghê, chịu làm ma đói, ma gầy làm tôi đòi, đầy tớ. Nó đánh, nó chửi, nó bắt thuế bắt sai, nó không cho nghĩ đến tổ tiên chúng ta, chẳng cho học đòi khôn

khéo, ai không chịu thì tù, thì chém, ai buồn đời thì đi ẩn núi, ẩn rừng.

Nói đến cùng thì một ngày mai của hết, sức lả, máu cạn, ... thì cũng đến tuyệt nòi hết giống.

Đối phó với hai hạng trước ấy, người ấy, tổ tiên chúng ta, để bênh giữ cho chúng ta, đã từng đổ máu tan xương, nát thịt ra đánh lộn với chúng nó, chẳng qua vì lúc mình yếu, nó mạnh, mình dốt nó khôn, không làm sao được, thôi phải nín tiếng, nín hơi, tạm thời an nhàn, nhưng mà năm nào mà chẳng hội kín lập quân, năm nào mà chẳng có nổi lên mà giết nó! Xem thế đủ biết lẽ người phải sống, há chịu để nó sống mình chết? Mình không đứng lên giết nó mà đuổi nó đi, đòi nước cho mình thì bao giờ mình có ngày sống vui, sống đủ. như nếu đành phận con ong, cái kiến, cam tâm để nó đánh, nó sai, chẳng những đau nhục đến thân, mà còn sinh con đẻ cháu ra để nó cũng mang lấy đau nhục với mình, phí công tổ tiên khổ sở, thẹn thùng với cả trăm nòi giống Tiên Rồng. Những con người thế ấy *giá áo túi cơm* không biết ba câu hợp lại nên rừng, nổi đình nổi đám mà lười gươm gió bụi, xoay chuyển cả trời xanh; những con người thế ấy sá gì nòi nạng nhỉ!

Đấy hai hạng người nước ấy nó làm hại chúng ta, và nó làm cho chúng ta mất mạnh lớn mà thành nhỏ yếu, mất văn minh mà thành tối tăm. Hai hạng người nước ấy, ta gọi nó là ăn cướp, là giặc, nói cái tên cho ghê gớm, khó hiểu hơn là chủng tộc đế quốc chủ nghĩa với lại kinh tế đế quốc chủ nghĩa, nghĩa là một hạng giặc chuyên xưng hùng, xưng bá để mở rộng nòi giống cho to, hút máu cho nhiều; một hạng chuyên xưng hùng, xưng bá để làm giàu, làm có, ăn sung mặc sướng, bắt người làm tôi làm đòi. Hai hạng người ấy cùng ác như nhau, cùng sâu độc như nhau chẳng kém. Thử ôn lại chuyện cũ của tổ tiên chúng ta kể lại mà

chỉ để bênh vực cho nòi giống chỉ để kêu gọi ai nấy suốt cả các nòi nhỏ yếu trong cõi, ngoài cõi Việt, đùm bọc lại nhau cho bền bỉ, cho cứng rắn, mang hết tâm hồn, sức tay, óc nghĩ, đồ lễ ra góp trút cả vào công việc. cứu lấy nước cho độc lập, giành quyền sống còn về cho mình, tự mình làm chủ, giữ lấy nòi cho trong sạch con Rồng cháu Tiên, trăm Việt xum vầy một nhà , mỗi dòng giống đều ngang hàng, góp làm, bênh nhau *chung sống, cùng tiến* đến cõi mạnh lớn, văn minh hơn người.

Công việc cứu nước và giữ nòi phải mau làm từ ngày nay, khi đã làm xong công việc đó, lúc bấy giờ ta sẽ cùng chung xây dựng một nước nhà rất sung sướng , vui vẻ, đầy đủ để trau giồi lấy một cuộc sống, còn, nổi, tiến, hóa và một nền văn vật *nuôi, dạy, làm* của suốt nòi giống cho được mọi mặt, từ ăn đến mặc, làm ở, đi lại cho đến nơi đến chốn, cho tinh, cho khéo, cho tiện, cho tốt, cho được một ngày một tiến, một sáng, một vui , một đủ, một khôn, một hiểu hơn lên.

Cõi Việt lúc bấy giờ lập thành một nước nhà Cộng hòa (nghĩa là quyền chung ở dân chúng) , 60 triệu và sống chung cả trăm dòng giống ; người Việt một bang tự trị, người Mên một bang tự trị, người Lào một bang. Lại tất cả các dòng giống Tây, Nùng, Mèo, Mường, Yao, Lô Lô, Shinh, Phàn, Nhắng Mọi, Kha, v.v....còn nhiều nữa. Y cứ chỗ và tình hình của mỗi dòng giống mà đặt thành những khu đặc biệt tự trị. Mỗi bang và mỗi khu đều ngang hàng nhau trong nước Cộng Hòa, người và người ai nấy đều ngang hàng nhau trong suốt các nghĩa vụ, cơ hội và quyền lợi.

Nước Cộng hòa và các Bang với các Khu do tự nhân dân tự bầu cất ra các người thay mặt xứng đáng mà mình bằng lòng ra để trông coi và làm lụng hết thảy công việc của dân. Nếu trông coi và làm việc

làm vốn để đi giết người.

Chúng ta trong 100 năm nay chẳng bao giờ mắc lừa thằng Pháp, xem bao nhiêu cuộc nổi dậy của dân gian thì biết, thì đến bây giờ chúng ta cũng chẳng mắc lừa thằng Nhật nữa. Chúng ta sẽ không tin nó nói lừa nói dối. Chúng ta không những chẳng cho nó lấy của vơ vôi bôi mặt nhọ đầu, mà chúng ta còn sẽ âm ỉm nổi dậy đánh cho nó tan, giết cho nó sạch , đuổi cho nó tiệt ra khỏi cõi. Chúng ta lại về tắm ao ta, xây đắp một nước nhà cùng chung một máu mủ, dựng lên một đời sống sáng láng, đầy đủ vui vẻ. Cũng như đến ngày mai nữa, chúng ta sẽ giữ lấy nòi, lấy nước mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, mà từ tay chúng ta đã lấy về, mà con cháu chúng ta sẽ sinh sôi nẩy nở ở đó ra. Chúng ta chẳng chịu để cho một hạng ăn cướp nào đến đất chúng ta, dầy xéo lên mồ mả ông cha, phá phách cả nơi ăn chốn nằm của chúng ta. Chúng ta thề quyết *sống độc lập, còn sáng láng, nổi đông đúc, tiến đầy đủ, hóa văn minh.*

Phải chúng ta quyết đuổi giặc, nhưng mà còn nhiều kẻ khác làm biếng, chịu tội đòi nhục-nhã; sợ rằng các nước người, nhất là Nhật Bản hiện giờ nó mạnh lớn quá, nó văn minh qua, có ra mặt với chúng chỉ chết uống mà thôi, chi bằng giữ lấy tấm thân tàn, cúi đầu quỳ gối mà sống cho qua đời, thôi kệ tổ tiên chết đại, mặc xác con cháu đau sầu tối tăm. Những kẻ ngu dốt ươn hèn là một phần, ngu dốt là một phần. Thử xem chúng ta phen này đã làm thì được, được một cách có lý do.

Trước hết, chúng ta thấy rằng những người nước mạnh lớn văn minh đó, chúng nó vì lòng tham không có dấy cho nên xô nhau lại mà tranh cướp đất nước của bọn nhỏ yếu chúng ta. Chúng nó tranh nhau đón cướp, từ âm ỷ mà bùng nổ ra thành một cuộc chiến

tranh to tát khắp mặt đất, ác độc, khốc hại không có hai. Từ bao nhiêu đời nay chưa từng thấy. Chúng nó thi nhau mang từng triệu dân già trẻ, lớn bé, trai gái của chúng ta ra đi vào chỗ chết mất mạng, lại thi nhau nghĩ khôn nghĩ khéo, dốc sạch túi vàng kết bạc, súng ống, bom đạn, tàu bay tàu bể đem ra cho nổ tan thành khói. Chúng nó lại thi nhau mà phá hoại lẫn nhau, thành to, làng nhỏ, nhà cao, cửa rộng lúa má mùa màng, xưởng thợ, rừng mỏ thoi đều thành hết những bãi tha ma và đồng gạch vụn. Chúng nó kỳ này đánh nhau lớn như vậy, phao phí nhiều thế, lại hăm-hè-hậm-hực quyết toan giết nhau không còn sót lại một mống.

Ấy cho nên, tuy nửa chừng chúng nó biết là chết là ác, nhưng mà sự đã thế này thôi gì cũng chết, chi bằng mang hết nhau ra mà đánh đến canh bạc cuối cùng. Rút cục lại trận này càng kéo dài, người chết đã nhiều, người què lại lắm, người sống thì đói, người làm thì không, của cho xuống biển lên mây, văn minh cho vào ống khói. Chúng nó hãy xem, dân chúng sẽ thi nhau mà nổi loạn, thiên tai sẽ thi nhau mà lụn bại; lúc bấy giờ súng pháo là đồ bỏ đi, lính không lòng đánh, lại thêm đói kém loạn lạc.

Chúng ta suốt cả 60 triệu người, từ ngày nay trở đi, nếu đã biết đùm bọc cho chặt chẽ, sắp đặt cho chỉnh tề, mưu bàn cho tử tế, một bước ngày thắng lợi, chúng ta tiến dần. Cái cơ hội kia mà tới thì chỉ một tiếng pháo thăng thiên đốt dậy, sẽ cây cỏ làm binh, gió thổi thành quân reo, nửa đốt cũng thành súng bắn, chim trời cũng thành phi cơ, trẻ con cũng thành chiến sĩ, đàn bà cũng thành tướng quân. Chúng ta lo gì đâu? Chúng nó sẽ không còn mảnh giáp, thừng quân mà lọt về nước. Có gì lạ!

Chúng ta 60 triệu người, Pháp Nhật góp lại 10 vạn, muôn người vây một, muôn người đánh một, đánh

cả trong sân, đánh cả trong nhà, đánh cả ngoài vườn, đánh cả dưới ao, đánh suốt từ đồng rừng cho xuống đồng xuôi đánh suốt từ đỉnh núi cao cho xuống bể sâu thẳm, đánh từ thành thị cho đến thôn quê, đánh cả trong hang, trong hốc, ngoài bụi rậm, đánh cả bằng gậy, đánh cả bằng cày, bằng dao, bằng súng kíp, bằng cung tên, bằng búa bằng liềm, bằng thân cây bên đường, bằng hòn gạch cạnh ngõ, bằng tấm đá trên núi, bằng đất bùn dưới ao.

Đánh! đánh giết! đánh giết cho nó tối tăm mặt mày! Đánh giết cho chúng túi bụi mê tơi, không biết đâu là trời, không biết đâu là đất! Cứ đánh giết chúng nó. Lúc ấy, người không có chỗ chôn, cũng không có chỗ bắn, gươm không biết chỗ đâm, đạn không biết chỗ lấp, tàu bay tàu bể không có chỗ dấu giếm, máy khôn óc khéo đều bay cả ngoài hồn. Đây chúng ta mà dang tay nhau đứng lên, nhằm đúng thời cơ mà hè nhau cùng làm thì thế đấy! Chúng ta ví như mặt bể sóng cồn chúng nó như thuyền con chập-chềnh. Sóng mà muốn đánh thuyền ngụp thì khó gì. Thuyền mà muốn sóng yên có nổi không? Có nổi không?

Nhưng mà để đi đến cái ngày chúng ta trả lại thù nhà giết giặc sướng như thế, nếu chúng ta còn bắt chước những kẻ quên tổ, quên nòi, lạc dòng, lạc giống, ươn hèn ngu dốt, lười biếng cúi lồn, mà cùng im hơi lặng tiếng, bỏ mặc cho ngày trôi qua, thì chúng ta không thể nào thành công được ... Chúng ta bây giờ phải suy nghĩ, nhận xét lấy sức mình, nòi mình, đứng dậy, dang tay nhau mà sum họp lại thành *mặt trận góc gác* của nước nòi toàn thể nhân dân cõi Việt. Xum họp lại thành đảng Duy Dân.

Đảng lập ra chỉ để làm việc cho toàn thể nhân dân, đem thân, đem sức ra thể quyết làm việc. Đảng Duy Dân lập ra chỉ để làm việc cho toàn thể dân chúng

chúng ta, chúng ta cùng đứng dậy làm việc cho nhau và cùng giết giặc. Hồn của nòi giống hãy trở lại lên! Không có ai thí bỏ cho sự sống cả. Sự sống phải do sức máu của chúng ta làm nên. Không có ai thí bỏ cho ta quyền sống cả - Quyền sống phải do hai bàn tay chúng ta bèn giữ lấy. Không có ai giết giặc hộ chúng ta được cả. Chỉ tự chúng ta mới vì chúng ta thôi. Không cò ai giúp chúng ta lập được nước Cộng Hòa và bằng tự trị được cả. Chỉ tự chúng ta mới có lòng và mới có sức mà làm cho chúng ta bền mạnh và văn minh thôi.

Nòi giống Hồng Bàng, nước non gấm vóc, trải bao phen ngọc vỡ ngói tan, sẩy đàn tan ghé, nhưng mà cả cái nòi giống với cái nước non gấm vóc của chúng ta đây, đời này chỉ còn trông 10 năm trở lại, không sống mạnh thì diệt vong, mà diệt vong kỳ này thì diệt vong hẳn không còn ngoi ngóp được nữa, cũng không còn rớt sót được ai đâu! Nhưng mà nếu bằng sự gắng sức, chúng ta kỳ này, đã sống thì sống oanh liệt, sống bền mạnh, văn minh và đạo đức hơn đời. Đây trời sông máu, khắp đất tiếng kêu, rồi đây trời quang mây tạnh, Rồng Phượng tranh nhau, giết được giặc, rửa được thù rồi, ánh trời bể Nam như chói như dội, như hát, như ca, gió xuân đầm ấm, lúa hạ vàng reo, một đời sống vui sướng và đầy đủ sẽ thay cho một cuộc bể dâu thảm sầu và tăm tối.

Giờ phút này đây, chính là giờ phút nghiêm ngặt, nguy hiểm nhất, sống còn hay chết tuyệt quyết định ở giờ phút này. Ai là dòng giống Hồng Bàng, con cháu Việt, nếu không nhận xét cho tường, đứng ra tranh đấu tức là sống uổng, sống thừa, sống nhục.

Giết giặc là công việc vinh quang nhất đời của chúng ta.

Chiến tranh là nguồn sống của nòi giống chúng

không đến nơi đến chốn theo ý muốn của dân thì lại bỏ đi và bầu người khác. Nước Cộng hòa sẽ phải dạy dỗ hết mọi người dân cho giỏi, cho khôn, chăm nom xếp đặt mọi việc làm ăn cho đầy đủ mà ngang hàng với nhau không hơn, không kém, suốt trong nước trai gái, lớn bé, già trẻ đều sung sướng, tự do, đầy đủ, tinh khôn, tiền tài ruộng đất chia đều cho nhau. Người Việt Mên, Lào, Kha, Tây, Mường, Mán, Nùng, Mèo, Mọi, Chàm, Lô Lô, Yao, Nhằng, Phàn, Shình, Ngái sẽ đùm bọc nhau vui vẻ đông đúc không ai tranh ai, nhận họ xum vầy, nhớ ơn Tổ tiên xây đắp văn minh của nòi giống.

Chúng ta hẳn bây giờ chưa hiểu thế nào là tự trị? Tự trị nghĩa là mình tự coi lấy công việc mình, tự quyết lấy ý muốn mình, tự chủ lấy thân thể mình, tự làm đất đai mình, tự hưởng lấy quyền lợi mình, tự trả lấy nghĩa vụ mình không để ai đè nén mình, tra khảo mình, giết tróc mình. Nhưng mà muốn được tự trị, không phải là bo-bo ích kỷ lấy một mình, mà phải xum vầy góp sức mọi người xây đắp một nước nhà vững bền và mạnh mẽ để dẫn dắt mình. Mình vì tự mình và cả mọi người; cả mọi người lại vì mình mà cùng khó nhọc cùng sống chết, cùng nhân chủ mà nên. Nếu mọi người biết muốn để cho mình sống, mà sống vui hơn, êm ấm hơn, muốn để cho mình được hiểu biết hơn thì phải làm thế nào cho lợi cả mình và lợi cả người trong dòng giống, ấy là hiểu thế nào là Cộng hòa và Tự trị đo. Công việc nước là thế, há chịu để cho quân giặc đến tự xưng là bảo hộ cho mình để giết tróc mình, bóc lột mình và giết tróc nòi giống, bóc lột nòi giống hay sao?

Muốn xây dựng một nước nhà Cộng hòa và Bang nhà tự trị phải đuổi giết giặc, và tự cởi mở cho mình và nòi giống đã. Mà muốn thế phải vào đảng

Duy Dân vào Mat trận Gốc nước nòi Toàn thể Nhân dân Việt, mang gạo nuôi lẫn anh em, mang súng ra cùng nhau giết giặc, người khôn như người kém, kẻ mạnh bênh kẻ yếu dẫn dắt lẫn nhau cho chặt chẽ, cùng nhau đi giết giặc đòi nhà mới được. Chúng ta lập lấy đảng để mà dựng nước, lập lấy quân để mà giữ nòi. Trong bước này, Nhật, Pháp đang bối rối chia rẽ, đang lúc thế giới xô đẩy giết nhau, thực không khó gì! Thử tưởng tượng chúng nó có mặt mũi, chân tay, có lòng óc, chúng ta nào có kém gì! Hơn nữa chúng ta có 60 triệu người, từng này tấm lòng yêu thương nhau, từng này bộ óc nghĩ ngợi cho nhau, từng này tay chân bênh nhau, làm lụng cho nhau để mà giết giặc thì giặc tan, để mà dựng nước thì nước mạnh.

Mạnh lớn và văn minh ở đâu mà ra? Chúng ta có yêu cha mẹ, anh em ta không? Có khóc khi anh em ta đau hay chết không? Chúng ta có hai bàn tay hàng ngày mang ra lấy củi, cày ruộng, thổi cơm không? Chúng ta có bộ óc nghĩ lo đến đời sống chúng ta không? Có! Có! Ấy thế mà tấm lòng yêu ấy rộng ra khắp cả trăm giống Hồng Bàng, kẻ nào đánh giết một anh em ta, chúng ta cũng đau như cái đánh ta, chúng ta đứng cả dậy để bênh vực cứu người ấy mà đổ máu, đổ của của chúng ta ra, chống chọi vật lộn với quân giặc.

Chúng ta đem hai bàn tay ra, nhỏ thêm một tý mồ hôi, cả trăm nhà góp sức mà gây dựng mọi thứ cho chúng ta chung, không riêng ai. Chúng ta đem bộ óc nghĩ ngợi lo liệu đến một mình ta hay một nhà ta, lo liệu nghĩ ngợi rộng ra cho cả đời sống của 60 triệu anh em. Tất cả những thứ ấy với hồn nhớ lại tổ tiên hiểu biết ý nghĩa của Rừng Phượng, đem tự sức sẵn có ở trong mình ra làm rộng sáng những hình ảnh ý muốn của ông cha, tất cả những thứ ấy đều là vật liệu cần yếu và những cái mở đầu cho mạnh lớn và văn minh.

Bền mạnh và văn minh là ở đất đai kia mở mang ra, sức lực mình làm mạnh lên mà thành, nào nó ở đâu mà ra đâu?

Đảng Duy Dân nghĩ thế, biết thế, làm thế và gọi cả anh em cùng làm thế. Đảng là đảng của mọi đồng bào, đồng bào phải giúp đảng, vào đảng tin đảng, làm việc cho đảng, bênh vực cho đảng, sống chết với đảng, tức là đồng bào tự giúp mình, tự làm việc cho mình, tự sống chết cho mình đấy. Phản đối đảng Duy Dân chỉ có quân giặc, chỉ có những kẻ ươn hèn, lưỡi nhác, chỉ có những kẻ buôn dân bán nước, chỉ có những kẻ chó săn cho quân giặc thời làm xấu làm hại đảng, mới nói xấu, nói bĩ đảng. Chúng nó, ta đều phải gọi là Việt gian, phải đều gọi là quân giặc, phải đuổi chúng nó đi, phải giết chúng nó đi!

Đồng bào trăm dòng giống Việt! Đất nước chúng ta sẽ có thể chẳng nay thì mai, vì lòng tham các quân cướp mà còn thành bãi trận giết tróc, khủng khiếp thảm hại giữa các quân cướp đấy. Đồng bào vô tội của chúng ta sẽ cháy thành vạ lây, bị giết, bị hiếp, bị cướp, bị lột, bị đánh đập, bị sai bảo. Ôi thảm đạm quá mà thôi! Cái bát của chúng ta liệu có giữ còn mà ăn không? Cha mẹ, anh em, vợ chồng, họ hàng, bè bạn của chúng ta, liệu có bênh nhau được còn sống mà hú-hí, vui vẻ với nhau được không? Nhà của chúng ta, ruộng nương của chúng ta, nhân cách của chúng ta sẽ bị chúng nó vì lòng tham không đáy mà giết tróc, tiêu diệt cả! Thảm đạm quá mà thôi đồng bào!

Nhưng mà ai làm chúng ta nên nổi? Quân giặc cướp nước! Với lòng ươn hèn của chúng ta, vậy ai cứu vãn cho chúng ta được? Chẳng nước ngoài cứu vớt chúng đâu! Tổ Tiên không dậy lại được nữa! Trời Bụt có thấy bóng ai đâu? Chỉ có chúng ta với tự quyết chết để cầu sống. Lòng uất ức tức giận, căm hờn đến cổ

thế-hệ chúng ta. Gió ấy như một chiếc roi thép quất chúng ta đây, đau buốt tới xương tủy, thấm tận đáy hồn dân tộc và đáy lòng mọi người. Sự phục-hưng ở đó mà ra, làn gió ấy tự ở đây sử mà thổi, sẽ lòi-cuốn hết đáy tầng, đoàn-kết lại một mặt trận gốc.

Chúng ta sẽ phản tỉnh lại và tự hỏi: ‘Trải năm ngàn năm nòi giống chưa bị diệt vong, phải có một lẽ gì, và phải có việc gì để mà làm?’ Chỉ có những người ở dưới địa-ngục mới thực nghiệm thấy cái đau khổ của nòi-giống và chúng sinh, người ấy sẽ phản tỉnh mà tìm-tòi cái lẽ thực của đau khổ. Chỉ có người ấy mới thực được giác-ngộ với ánh sáng lớn lao của trí tuệ cảm-chiêu.

“Chỉ có người ấy mới thực nguyện ra cứu vớt nòi giống và chúng-sinh. Chỉ có người ấy làm được việc lớn bằng một sức sinh-mệnh lớn-lao cảm tự đáy hồn để mà hoàn-thành cái đạo lớn cho loài người. Ấy thế, lẽ sống và lẽ thật của Phục Hưng là như vậy.

“Những con người của 40 là những con người của cái thế-hệ và tầng-cấp Việt đáy tầng tự ở dưới áp-bức đen dày và nặng-nề mà lớn-lao lên, cõng mở hết xiềng-xích cho mình và phá tan hết những màn tối, quét sạch hết hôi tanh và đánh chết hết thù địch.

“Những con người ấy vì Tổ Quốc Việt. Tổ Quốc Việt là một Tổ Quốc đáng yêu, đáng kính, khi Tổ Quốc Việt chân chính biểu-hiện được lẽ sống và lẽ thật, tất cả lý-tưởng và chính-nghĩa. Những con người ấy sẽ thực-hiện tự mình, xã-hội và dân-tộc bằng tất-cả những hương hồn và chính-khí mà làn gió đáy mang đến cho tức là nhân-cách và danh-dự.

Làn Gió Đáy t h ổi . ”

X.Y. Thái Dịch Lý Đông A
4822 Tuổi Việt (1943)

ta để tranh đòi lại nguồn sống còn. Sự sống còn của chúng ta, ai ai cũng đều có bốn phận phải lăn xả vào trong vòng khói đạn ánh gươm để trả thù cho tổ tiên, buông cõng cho tự mình và gỡ mở cho con cháu khỏi sống nhục, diệt vong.

Mặt trận gốc nước nòi nhân dân Việt sẽ thành công với sự đem lại sống còn, bền mạnh văn minh và quang vinh cho nòi giống Trăm Việt.

Đứng dậy, anh em đồng bào!

Duy Dân Đảng toàn thể kính khẩn thanh minh.

Làm tại Tổng Đảng Bộ
Ngày 12 tháng 9 năm 4822 Tuổi Việt
(tức 10 tháng 10 năm 1943)

Sẽ có các bản dịch
Mên, Lào, Kha, Tây
Nùng, Mèo, Mường, Mán v.v....



GIÓ ĐÁY

“” Cùng một luật-tắc như trong sự tân trần đại tạ, các thế-hệ, các tầng-cấp dần-dà và lần-lượt hết mỗi tác dụng chỉ-dạo của mình trong đời sống quốc-dân đến nhường bước cho mỗi tầng-cấp mới. Những cuộc cách mạng dân-tộc trên sử Việt, những cuộc cách-mạng nào đã chân-chính làm đạt được nguyện-vọng của dân-chúng và làm được đúng đường đi của nòi-giống đều chỉ do bằng mỗi thế-hệ thực-tiến tiến và mỗi tầng-cấp thật đa số. Trái lại thì khác thế, bởi vì chỉ có những thế-hệ thực tiến tiến và những tầng-cấp thật đa số mới đủ sức và trí viễn kiến và dũng-cảm, đủ huyết tính ra gánh-vác công việc lớn-lao của thời-đại trao cho.

“” Chỉ có thế-hệ thực tiến tiến mới đủ đại-biểu được tương-lai .

“” Chỉ có tầng-cấp thật đa số mới đủ đại-biểu được dân-tộc.

“” Tương-lai tỏ lộ trong óc mới của thời-đại và viễn kiến. “” Dẫn tộc tỏ lộ sinh-mệnh trong thực-thể của toàn dân và chính-ngĩa của kiến-thiết. Tiến hóa là làm bằng hai nền tảng điều-kiện đó. Cách-mạng chỉ tìm được trong hai điều kiện đó một nền-tảng và đường đi lịch-sử, chính-trị đúng chắc và tất thắng.

“” Thế hệ của thanh-niên và tầng cấp 98 % của quốc-dân Việt chính là đáy tầng dân-tộc Việt. Thanh-niên bị giày xéo dưới sức nặng của các thế-hệ và quốc-dân bị lấp-lấp dưới xây đắp của các đặc quyền, chỉ có thế-hệ ấy với tầng-cấp ấy chân-chính là đáy tầng Việt, tức là sức gốc của Việt.

“” Làn gió phục-hưng dân-tộc và thời-đại không thổi trên mặt tầng, trái lại chỉ thổi dưới đáy tầng để cuốn dậy làn sóng

đáy. Những gió ấy và sóng ấy duy-nhất có lực-lượng để lật đổ hết thảy những thứ gì trên mặt.

“” Làn gió đó là làn gió Hồn và làn gió Sử.

Ở trong đáy lòng người, nó là gió lòng.

“” Sự thống-trị của dị tộc thành-lập ở sự bàn cử trên mặt tầng với sự thỏa-hiệp của đặc quyền. Mạch máu và tâm-hồn của nòi giống vì đó tránh mặt tầng và đặc quyền mà trở về đáy gốc.

“” Sự thống-trị của dị tộc thành-lập trên sự cần-cối của nòi giống. Mạch máu và tâm-hồn đó tránh hết cần-cối mà chìm xuống đáy để đâm lên những chồi mới.

“” Làn gió đáy thấm-thấu suốt đáy tầng của dân-tộc.

“” Người của 40 làm việc cho thời-đại 2000 đều đã được thấm-thía, cảm thấy một cách sâu-sắc và ghê-rợn, họ đều rung mình, và trong sức giác-ngộ lớn-lao, họ đứng dậy mạnh mẽ đến vô-dịch. Tự tay họ, họ sẽ mở rộng thời-đại và sáng rọi văn-minh. Thời-đại với văn-minh phải tìm lẽ sống với lẽ thật trong những nguyên-lý bản thân của sinh-mệnh và việc làm. Sinh-mệnh là tự thể. Thời-đại chỉ là sự kết thành của sinh mệnh. Việc làm là sự giao-hỗ phức-tạp giữa tự-thể với vu-trụ. Nếu muốn đạt tới mỗi hình-thái và phương-pháp của văn-minh nào mặc-dầu chỉ có thể tìm trong việc làm của sinh-mệnh những lẽ thắng. Việc làm là biểu-hiệu của sinh mệnh ra bằng hết cả sức lực vật-chất, kết-quả hình-thức với hiệu-dụng mỗi màu, mỗi vẻ cùng tất-cả những duyên quả chằng-chịt lại của vũ-trụ và sử. Tất cả tóm lại là thực-hiện.

“” Toàn thể chúng-sinh nương theo một lý-tưởng và mục tiêu chung để tiến tới trong đường trường của thực-hiện đó. Cạnh-tranh nhau, đái lọc nhau và tiến hóa lên. Chỉ có những nòi giống không dày công sinh-mệnh với đủ pháp, việc làm, mới chịu lùi bước, bị dè-nén và chìm vào diệt-vong. Làn gió đáy đã nổi dậy thức-tỉnh mọi người bằng những cảm-giác đó mà thôi. Những cảm-giác ấy, nói tóm lại là Thắng Nghĩa. Làn gió đáy mang lại Thắng Nghĩa.

“” Không gì thổi réo-rất, nghiêng rít bằng làn gió đáy. Nó như thổi hết thảy 5000 năm, tất cả những hơi lạnh người chết và hơi rợn linh-hồn của toàn thể thiêng-liêng chông-chất trên thứ bậc của tiến hóa, đem dòn-dập lại mà đánh úp một

Chủ-nghĩa phái Duy sinh là một chủ-nghĩa thiên lệch, thiếu-sót, vá-víu TÂM và VẬT. Chủ-trương chủng-tộc ưu việt, tiêu-diệt nòi giống yếu đuối bằng chiến-tranh, hoặc nô-lệ hóa các dân-tộc nhỏ yếu.

Thực-tại cho thấy: Mỗi phái chỉ phản-ảnh được một mặt của đời sống, chứ không bao-gồm được toàn diện đời sống con người (*Nhìn một khối hình mà chỉ nhìn một diện*). Ta thấy, không có con người, cây cối núi sông, thú vật trong thiên-nhiên - Có cũng thế, ma không có cũng thế. Hiện-tượng sống không có. Nói cách khác, có con người mới có hiện-tượng sống. Như vậy **NGƯỜI chính là nguồn-gốc của hiện-tượng sống**.

Đời sống của loài người do sự vận-động và kết-hợp của ba phạm-trù VẬT - TÂM - SINH.

Ngày nay, có nhiều triết-gia có ý-nghĩ tổng-hợp cả ba nền triết-học Duy Tâm, Duy Vật và Duy Sinh, nhưng họ chưa tìm ra được **những quy-luật căn-bản của mỗi phạm-trù**: Vũ-trụ (thiên-nhiên), Con người (tư-tưởng), và Xã-hội.

* Về phương-pháp thiết-lập, triết-học có thể chia làm hai loại: Triết-học suy luận (triết-học thuần lý hoặc diễn-dịch = speculative, rational, deductive), và triết-học quy-nạp (inductive).

- **Triết-học suy luận** ở chỗ các triết-gia đưa ra một thực-thể quan-trọng nhất, thiêng-liêng nhất (*căn-cứ tối-cao*) đầu mối của tất-cả mọi sự, rồi từ đó suy-niệm ra mọi quy-luật (xuất-phát tối-sơ).

- **Triết-học quy-nạp** là tổng-quát hóa những nguyên-lý rút ra từ các môn học chuyên-biệt.

* Việc nghiên-cứu vật-chất đi vào một giai đoạn mới, từ thập niên 20 với sự thiết-lập môn Cơ Học Nguyên Lượng (*hoặc Lượng tử - Quantum Me*

I/ Những Chủ Nghĩa Cận Đại

Nhận-xét về ba chủ-nghĩa phổ-thông cận đại:

1/ **Phái Duy Tâm**. Đúng ra nên gọi là “*Duy Thần, Duy Tâm chủ-nghĩa*”. Phái này cho rằng chỉ duy có tinh-thần (*yếu-tố vô hình*) sản-sinh ra mọi hiện-tượng sống, và xuất-phát tối sơ là sự phát-sinh và cứu-cánh của “*Thần*”.

Phương-pháp lý-luận thường dùng là “*Tam đoạn luận*”, sang đến thế-kỷ 18, Hégel tu-chỉnh lại, đặt ra “*Duy Tâm biện-chứng-pháp*”, mọi sự biến-đổi đều tùy-thuộc tinh-thần tuyệt-đối.

Thần là phạm-trù siêu-hình học, không thể lấy khoa-học mà nắm chắc được, nên Saint Thomas D’Aquin đưa một thí-dụ, “*Em bé mức nước đổ vào lỗ cát trên bãi biển để nói lên sự “bất khả tri luận”!*” Duy Tâm phái thiên về “*tĩnh*”, nên có tính-cách bảo-thủ, không bám-sát thực-tại.

Nguồn-gốc ý-thức-hệ Duy Thần: Phạm-trù “*thần*” phát-sinh trong xã-hội vào hai thời-kỳ thần tặc (*đa thần*), và đế tặc (*thượng-đế độc tôn*)

Đem phạm-trù “*thần*” ra nghiên-cứu, ta thấy hoạt-động tinh-thần chỉ được đặt ngang hàng với chủng-tộc và vật-chất, vì vốn liếng của thần cũng là do:

a/ Sự tích-lũy đời-đời của kinh-nghiệm.

b/ Hành-động.

c/ Và trí-thức của loài người.

Về hiệu-quả lịch-sử và văn-minh lý-luận đưa đến **định mệnh chủ-nghĩa**.

2/ **Phái Duy Vật. Karl Max.**

Duy Vật chủ nghĩa căn-cứ ở sự quan-hệ của

vật-chất, lấy đó làm nguyên-nhân lập nên và chi-phối sự sống của con người. Căn -cứ vào vật-chất, nên Duy Vật chủ-nghĩa chú trọng đến kinh-tế, và coi kinh-tế là nền-tảng duy nhất của sự sống con người.

Nhưng ta thấy, thế nào là vật-chất? Là nguyên tử? điện tử? Lượng tử?...là những thứ cực nhỏ? hay vũ-trụ là thứ cực lớn? Như thế, làm sao quyết-định được tính-chất tuyệt-đối của vật-chất làm căn-cứ tối cao? Hoạt-động vật-chất phải bình-quân với tinh thần. Duy Vật phái thiên về “động” mà thành-lập biện-chứng. Hủy-diệt nhân tính, coi con người như súc vật, xa-rời thực-tại nên gây ra đau khổ triền-miên cho loài người!

Ta thấy “*Nhận-thức-luận*” của Duy Vật chỉ biết có khách-quan mà không biết đến chủ-quan.

Về thuần-túy lý-luận, Duy vật phái mang tự nhiên học (science de la nature) áp-dụng một cách không tiêu-hóa vào đời sống xã-hội. Lại tin-tưởng tuyệt-đối vào vật-chất, nên chỉ đề-xướng có thế-lực và quyền lực.

Xã-hội lý-tưởng rập mẫu theo nguyên-thủy cộng sản, và theo tự-nhiên? Thực ra thời-đại nguyên-thủy cộng sản còn theo mẫu hệ, chưa có mô-hình tổ-chức xã-hội của loài người.

Bốn chữ “*tự-nhiên kinh-tế*” tự mâu-thuân chính nó, vì kinh-tế bao-giờ cũng bao-hàm một thủ-đoạn nhân vi, trái-ngược với chữ “*tự-nhiên*”.

John Spencer đã phải tuyên bố:

‘Nay đã đến lúc chúng-ta phải tự giải-phóng mình ra khỏi những xiềng-xích trói buộc và những tấm vải che mắt của ý-thức-hệ Duy Vật cổ lỗ sĩ (If’s now time to free ourselves from the shackles and blinders of the old materialist ideology.’

Và ‘*Trở-trêu thay, có một sự thật là nhiều nhà*

khoa-học đi tiên-phong trong khoa-học hiện-đại từ vào thế-kỷ trước đây cho tới những nhà sáng-lập cơ-học điện-tử như Max Plannack và Werner Heisenberg cũng đều bác-bỏ chủ nghĩa Duy Vật.

- John Spencer nêu lên 9 điểm để bác-bỏ chủ-nghĩa Duy Vật:

1-Các định-luật vật-lý làm nền-tảng của tất cả mọi khoa-học.

2- Các định-luật vật-lý là những quan-hệ toán học.

3- Các quan-hệ toán học phụ-thuộc vào các con số.

4- Mọi con số được xây-dựng từ 1 và 0 (2 là 1 + 1, và 0 là sự vắng mặt của mọi thứ)

C/ Phái Duy Sinh.

Chủ-nghĩa Duy sinh chủ-trương căn-cứ con người do ở sinh-lý phát-triển mà lập nên sinh-hoạt duy-trì bằng sinh-nguyên. (*thực ra sinh-nguyên chỉ là tế-bào của hữu-cơ sinh-vật*) phát-sinh ra vũ-trụ, xã-hội! Tiền đề tối định là SINH TỒN vận-động - xuất phát tối-sơ là sinh-thể.

Duy sinh phái là triết phái trung-dung, tìm cách dung-hòa, vá-vúu *tâm* với *vật*.

Thực ra, Duy Sinh phái chưa hẳn thành một hệ-thống, nên các lý-thuyết-gia của phái đó vẫn còn dò tìm manh-mối để bổ-túc các thiếu sót của chủ-nghĩa. ***Loài người không phải chỉ có một mục-đích cầu sinh như thú vật, mà phải sinh sống theo cách-thức loài người.***

Thế nào là “*sinh nguyên*”? - Là “*Tế bào*” ư? Như vậy đâu là nguyên-ủy sự sống? Duy Sinh phái chỉ chú-trọng đến hiện-tượng vật-chất sinh-hoạt trong vũ-trụ. Điều-kiện nhân-chủng hoạt-động trong xã-hội bị siêu-hình hóa thành ra vũ-trụ-quan!

của tư-tưởng cho xã-hội loài người!

* Duy Sinh đã dùng các định-luật của sinh-vật áp-dụng thẳng cho xã-hội người. (Người khác vật).

- Vũ-trụ đối với loài người là cực chất, vô-hạn lượng tính, vô-hạn duyên-khởi, vô-hạn phương-trình thức, vô-hạn cứu-cánh (*sức biết đến đâu, vũ trụ có tên đến đó*).

6/ Sự hình-thành và cấu-trúc của “Động lực học” Lý Đông A.

“Vận-động và kết-hợp là hồ-tương nguyên nhân”, tung hợp được cả hai công-cụ mà đào-luyện nên công-cụ mới.

Khi Hegel dùng chữ “*biện-chứng-pháp*” để chỉ quy-luật vận-động của vạn vật, vì theo quan-niệm Duy Tâm, thiên-nhiên chỉ là phản-ảnh của tuyệt-đối tinh-thần, nghĩa là trừu-tượng mới là bản thể chân-chính của cái cụ-thể. Trái lại, Duy Vật “*bản-chất của vạn vật là cụ-thể*” để chỉ động-lực học của vạn vật cụ-thể -

Tóm lại nếu chủ-nghĩa xây-đắp một nền-tảng triết-học trên quan-niệm về vũ-trụ. Như vậy, vũ-trụ-quan thường thiên về siêu-hình mà thiếu mặt khoa-học thực-tiễn, hoặc triết-học chỉ nghiên-cứu một điều-kiện hoạt-động của xã-hội, rồi đem áp-dụng mọi nơi, mọi thời - Tất-nhiên chỉ nắm giữ được một mặt, mà không tung-hợp được toàn thể... .

Cho nên, cuộc cách-mang Pháp 1789 đã chứng-tỏ một thất-bại bi-thảm? Vì nó không phải là một cuộc cách-mạng “*Nhân chủ tự-giác*”.

7/ Vấn-đề nhân-loại:.

Tiêu-chuẩn tối-cao và tối-định của chân-lý.

~chanics) và sự che-tạo các máy gia-tốc.

Hiện thời, người ta đã khám-phá các hạt hadron, trong đó có proton và neutron (tìm ra năm 1911 và 1932), được cấu-tạo bởi các vi-tử cơ-bản gọi là “quark ” (up, down, strange [1963], charmed [1974], bottom [1977], top [1984]...). Ngoài ra vật chất còn gồm hai loại hạt khác nữa: tepton, gauge particle.

Khai-triển thuyết tương-đối tổng-quát (1915), các nhà vũ-trụ-học lý-thuyết khám-phára rằng:

“ *Cách đây khoảng 15 tỷ năm, vũ-trụ còn nhỏ hơn một hạt bụi, trong đó không có vật-chất, không có thời-gian lẫn không-gian, chỉ có năng-lượng, rồi “bùng một cái, nó nổ tung và trong một khoảnh-khắc ngắn vô cùng , sinh ra neutron, proton, điện tử,... Các hạt này dần-dần tụ lại thành tinh vân, thiên thể,... Vậy trước khi vũ-trụ là “một hạt bụi” thì nó là cái gì? Các nhà khoa-học cho là lúc đó chưa có thời-gian, vậy không có vấn-đề “lúc trước” .*

Nói như vậy chỉ có nghĩa vấn-đề ấy ở ngoài tầm nhận-thức của con người.

Thuyết tương-đối đặc-biệt chứng-minh là vật chất và năng-lượng tương-đương với nhau, như vậy vật-chất không còn là một thực-thể đơn-giản như người ta tưởng vào thế-kỷ 19.

Đó là ý-nghĩa câu nói của nhà tư-tưởng Lý Đông A: “*vũ-trụ là vô nguyên* ”(vô cùng nguyên nhân).

* Thuyết tương-đối đặc-biệt hủy-bỏ tính-chất tuyệt-đối của không-gian, thời-gian, khối-lượng,... và chứng-minh sự thống-nhất giữa không-gian với thời-gian.

* Vào thế-kỷ 19, sự sùng-bái lý-tắc làm

nảy-nở chủ-nghĩa Duy Vật. Nhưng vào cuối thế kỷ 20, đưa đến một kết-quả khác, đó là sự thống-nhất hai thuyết Duy Vật và Duy Tâm.

Thực tế: -Duy vật là cách nhìn thiên-nhiên dưới dạng bản-thể vật-chất.

Duy Tâm là cách nhìn thiên-nhiên dưới dạng các quy-luật. Hai cách nhìn bổ-túc cho nhau chứ không chống-đối nhau. **Nhưng chưa nêu được bản-chất đặc-thù của phạm-trù “người”.**

Theo “*Chu Tri Lục 6*” của Lý Đông A:

*“Học hiểu phải thống-nhất trên **lập-thể không-thời gian (4 chiều)** mới có thể: tìm ra chân-lý, sự thực - tiêu-chuẩn được mọi nhận-thức - ổn-định được nhân-sinh.*

“Thành-tựu của học-thuật từ phương-châm (hướng phải đi), phương-thức (phương-án đưa ra), phương-pháp (kế-hoạch để thực-hiện) để thành-lập nhân-sinh-quan: sống thực, sống đúng (hợp với đạo lý), và sống biết (có trí-thức; biết mình sống để làm gì, như thế nào,...)

4/ Luận về triết-học-sử.

Còn gì sau cổ sử Á Đông? Một thời Xuân Thu Duy Dân; Còn gì sau cổ sử Hy Lạp? - Một thời phục-hoạt Duy Dân?

Dân ở đây có nghĩa là nhân-dân, dân-chúng, quần-chúng, không có nghĩa là dân-tộc như người ta có thể hiểu lầm và trở nên “*dân-tộc quá-khích chủ-nghĩa*”, hoặc chủng-tộc ưu việt.

Triết-học-sử không phải là sự đấu-tranh đời đời của duy tâm và duy vật, không có rút-cực sự điều-hòa của duy sinh (hay lưỡng nguyên). Nhưng thực ra lịch-sử đã mặc-nhiên giải-quyết mâu-

thuần này, bằng lý-tưởng Duy Nhân như Phan Bội Châu đã nhận-định “*Dân chẳng duy tâm, duy vật mà duy dân.*” nên Lý Đông A mới nói “*Xuân Thu Duy Dân*” và “*Phục hoạt Duy Dân*”.

Mặt khác,

* Triết-học-sử không phải là phản-ảnh bình diện (*phiến diện*) và mơ-hồ của mục-đích cầu sinh.

* Triết-học-sử không phải là cái vận-hành định-mệnh và kiệt-tác của tuyệt-đối tinh-thần hay thượng-đế tối-cao.

Tuyệt-đối tinh-thần hay Thượng-đế thuộc lãnh-vực siêu-hình, trong khi đời sống con người thuộc lãnh-vực cụ-thể. **Không thể đặt nền-tảng cái cụ-thể trên cái mơ-hồ.** Đời xưa, Nho học cũng nhận-định: “*Việc người sống còn chưa biết, nói chi đến việc quỷ thần?*”

- Sự tu-chỉnh thực-tiến của Tam Dân hoàn-toàn căn-cứ vào hình-thức lý-tắc của chủ-nghĩa thực-dụng dung tục, không phải là công-tác sáng tạo.

5/ Nói chung, các nền triết-học **Duy Tâm, Duy vật, Duy Sinh** đã vi-phạm :

- **Nguyên-lý đổi lãnh-vực:** Ở tọa-độ của mặt phẳng, ta chỉ cần 2 chiều (x, y ở mặt phẳng) nhưng ở không-gian, thì tọa độ phải có 3 chiều: x, y , và z .

Áp-dụng nguyên-lý đổi lãnh-vực khi đổi phạm-trù, ta thấy:

* Duy-vật đã áp-dụng thẳng tuột các định-luật của thiên-nhiên vật-lý vào lãnh-vực xã-hội loài người.

* Duy Tâm đã dùng trực-tiếp các định-luật

Con voi giống như cột nhà, con đũa, cái quạt hay cái chổi chỉ là do sự sờ thấy mỗi anh “xăm” mà thôi.

Như vậy ở triết-học cần phải có cái nhìn “toàn-diện” (*toàn-diện vấn-đề*).

Toàn Diện là sự kết-hợp, hòa-hài của tất-cả các bộ-phận trong một tập-thể thành một toàn bộ thống-nhất, tự đầy-đủ về các phương-diện: cấu-trúc, vận-hành và mục-tiêu.

Các thành-phần của toàn-diện:

- Tuân theo các quy-luật nội tại cá-biệt (*đạo* kỷ).

- Nương nhau hoạt-động (*ỷ* tha).

- *Kết-hợp hòa-hài.*

- Để thực-hiện mục-đích chung (hỗ-tương nguyên-nhân).

Hệ-quả của nguyên-lý tổng-thể là các đối lập lại thống-nhất với nhau trong một phạm-trù bao trùm các đối-lập. Đó là nguyên-lý “*Đối-lập thống-nhất*”

*** Xã-hội người với tự-nhiên đối-lập thống nhất.**

Quá-trình sống của loài người là quá-trình vừa đấu-tranh với thiên-nhiên, vừa nương-tựa thiên-nhiên để sinh-tồn.

Thiên-nhiên luôn tấn-công con người về khí-hậu, thời-tiết, thiên-tai, địa-hình, v.v....; Về tinh thần, tự-nhiên tấn công “người” bằng “*vật tính*”, đánh đuổi “*nhân tính*”.

Khi bị tấn-công, “người” không thể hủy-diệt thiên-nhiên (tự nhiên), mà phải tìm cách phối-kiểm toàn-bộ các quy-luật về “nhiên” và “nhân” để điều chỉnh thiên-nhiên phục-vụ cho con người. Như vậy, người đã chuyển-hóa từ thể “*đối-lập*” của tự

Tùy-theo hoàn-cảnh và sở-thích cá-nhân mà chọn một trong ba triết-học.

* Bí-quyết để thực-hiện cả ba triết-thuyết trong một lúc là phân-định được khu-vực giá-trị của mỗi triết-học. **Sự phân-định khu-vực giá-trị được gọi là sự đối tạc-độ.**

- Duy-nhiên là ngoại-tăng chân-lý, **vô nguyên** (*vô cùng nguyên-nhân*).

- Nhân-chủ duy-nhân là tuyệt-đối chân-lý. Tất-cả mọi thứ đều đổi thay, tan-rã, **nhưng chân-lý bất di, bất dịch là nhân-loại đã sống đến hôm nay và còn sống đến ngày mai.** Chân lý này là chân-lý tuyệt-đối. Tuyệt-đối ở chỗ nhân-loại còn thì chân-lý đó vĩnh-viễn không thay-đổi. Nếu vạn nhất mà loài người bị diệt-vong thì còn ai để lên tiếng tranh-luận.

* Duy dân tương-đối là ứng-dụng chân-lý. Khoa nhân-chủng-học đã chứng-minh là không có dân-tộc nào thực-sự là thuần chủng cả. **Như vậy chân-lý về dân-tộc là chân-lý tương-đối.**

8/ Tính-chất và mục-tiêu của một ý-thức-hệ lý-tưởng.

Một chủ-nghĩa xứng-đáng làm tiêu-chuẩn, phải: Giải-thoát loài người thoát khỏi cái lồng chụp siêu-hình vũ-trụ-quan.

- Chứng-tỏ **loài người là thể sống đặc-biệt.**

- Sự **quyết-định một chân-lý cần-yếu** cho loài người để đi đến sự giác-ngộ chân-thực.

- **Tập-đại-thành** tất-cả các ngành, ngọn, học hiểu từ xưa tới nay

- Mục-đích của nền triết-học mới là đưa loài người đến **giác-ngộ nhân-chủ.**

. - Trong vấn-đề nhận-thức, cần nêu rõ, phân biệt: mục-đích khách-quan và chủ-quan của muôn vật. Vũ-trụ-quan sẽ ra sao? Có thể kết-quả rất nhẹ-nhàng như với thuyết duy-tâm của Hegel. Nhưng kết-quả có thể rùng-rợn như sự việc xảy ra ở Algeria (Tại Algeria, một lãnh-tụ của một tổ-chức Hồi giáo nổi loạn chống chính-quyền đã tuyên-bố: “*Chúng tôi sẵn-sàng hy-sinh 2/3 nhân-dân để 1/3 còn lại được phép quay trở lại lối sống của Thượng-đế*”). Lãnh-tụ một tổ-chức nổi loạn khác cũng tuyên-bố “*Để làm sạch đất nước này, chúng tôi sẵn-sàng thanh-toán 2 triệu dân.*” (*Rebels’s struggle*)...” The O.C. Register, 24/10/97, News, trg. 29,33).(0, x, y, z)...

9/ Vấn-đề **chân-lý**.

-*Chân-lý về thiên-nhiên là **chân-lý vô nguyên**.*

-*Chân-lý về “con người” là **đương-nhiên tuyệt-đối**.*

- *Chân-lý về dân-tộc là **chân-lý tương-đối**.*

Tất-cả các thuyết duy-tâm, duy-vật, duy-lý, duy-sinh đều được thiết-lập cách nay cả trăm năm, nếu không muốn nói cả ngàn năm. Làm sao mà các tác-giả các thuyết ấy biết được là thời-gian và không-gian khắng-khít với nhau như bóng với hình “*một phút có thể kéo dài thiên thu*” và “*trăm dặm có thể thu lại trong gang tấc*”?, cũng như “*một bóng hồng có thể nặng như núi Thái Sơn*” ? . . .

Nhưng tác-giả các thuyết cứ tưởng mình đã nắm được chân-lý tối hậu, nên sự giác-ngộ chỉ là ấu-trĩ.

Là con người, ai cũng có lần tự hỏi: “*Ai sinh ra loài người? Ai sinh ra vũ-trụ?*” Câu hỏi này rất quan-trọng vì nếu chưa tìm ra được câu trả lời thì

sự thắc-mắc này còn tồn tại.

Câu trả-lời có thể là “*Ông Trời*”, “*Thượng Đế*”, “*Đấng sáng tạo*”, v.v... hoặc theo phái Duy Vật là “*vật chất*”.

Nếu nhân sinh, xã-hội-quan tùy-thuộc vào quan-niệm nguồn-gốc vũ-trụ, người ta đã bị trói buộc bởi vũ-trụ-quan. Nếu cho nguồn-gốc vũ-trụ là “*thượng đế*”, người ta sẽ phải tuyệt-đối phục tùng thượng-đế, đánh mất vai-trò “*người*” trong cuộc sống!

10/ Ứng-dụng của thuyết Toàn Diện:

* *Giải-quyết sự tranh-chấp ý-thức-hệ*.

Tìm kiếm chân-lý là nhu-yếu của tri-thức. Trong sinh-hoạt xã-hội người có nhiều khuynh-hướng. Chính nhờ vậy mà có tiến-bộ. Truyện “*Năm thầy bói mù sờ voi*” đã nêu ở chương I, ta thấy chỉ vì muốn cho mình là đúng, tương-tự trong lịch-sử tông-giáo thế-giới đã nổi lên những tàn hại về sự độc tôn, độc quyền tư-tưởng!

Thầy bói sờ voi, nói cách khác “*anh mù*” có mắt cũng như không. Mù thì không thể nhìn sự vật một cách toàn thể. Tiếng Việt có nhiều tiếng để chỉ rõ từng trường-hợp: Khi không hiểu rõ thì gọi là “*mù mờ*”; khi cuồng-nhiệt tin-tưởng không còn biết phải. trái thì gọi là *mù quáng*; khi không nhìn thấy gì thì gọi là *mù mịt*, khi chìm ngập trong cảnh mê loạn thì gọi là *mê tín*, . . .

Đây là cơ-sở ảnh-hưởng sự hình-thành tinh-thần tổng-hợp và dung-hóa của dân-tộc Việt trên nền-tảng của cái nhìn và là lối tư-duy đối-ứng. *Tinh-thần tổng hợp và dung-hóa*.

Voi là “*toàn diện*” của mục-đích đi coi voi.

chủ và triết-học nhân sinh.” (integration, community of mind, interpretation of democracy and philosophy of life).

Thực-tế, ta cũng thấy, trong một khối thể, nếu các thành-phần của khối thể hòa-hài về mọi phương-diện, khối thể sẽ ở trong trạng-thái ổn-định. Nếu có sự đối-ngịch về một số phương-diện, khối thể sẽ ở trong trạng-thái bất ổn. Do đó, Nếu các thành-phần hòa-hài về mọi phương diện, khối thể ở trong trạng-thái ổn-định.

-Nếu chúng đối-ngịch nhau, tiêu-diệt nhau, khối thể ở trong trạng-thái bất ổn, tan-rã!

11/ *Nguyên-lý hướng thượng.*

Chỉ có sự thực: Duy nhân là

* Tối-cao đối tượng.

* Tối-sơ xuất-phát.

* Tối-định căn-cứ.

* Tối thực luật-tắc... làm y-cứ triết-học: tung hợp - thống-nhất - và rộng nghĩa của triết-học tổng thể Duy Nhân.

Tối-cao đối-tượng của loài người là người.

Tối-sơ xuất-phát của loài người là sự tiến hành đời sống người, thực-tế người trên nền-tảng thành-lập xã-hội.

Tối định căn-cứ của loài người là Nhân đạo.

Tối thực luật-tắc của loài người là sự thực hiện lịch-sử của phạm-trù người, lý tưởng người. Quan-niệm triết-học của Heidegger: “*Con người chỉ thực-hiện toàn mãn bản-chất của mình khi nhận-thức rằng mình đã sáng-tạo ra thế-giới.*”

Xưa kia Chính Nho trong Lễ Vận có viết:

“*Nhân giả kỳ thiên địa chi đức, âm dương chi giao, quỷ thần chi hội, ngũ hành chi tú khí...*”

nhiên sang thế hợp-tác, hay nói cách khác, “thống-nhất” tự-nhiên “thiên-nhiên” với “con người” (Xã-hội).

Sự nhầm lẫn của Duy Vật Karl Marx là đem áp-dụng thẳng tuột các quy-luật của tự-nhiên vào xã-hội “người”, mà quên đi điều-kiện “cộng thông”, dựa vào thiên-nhiên để biến-cải thiên-nhiên, (*Tán thiên địa chi hóa dục*) để sinh-tồn.

Trong tự-nhiên gồm những quy-luật cạnh tranh và đào-thải. Giữa loài người và tự-nhiên cũng phải theo những quy-luật đó. Tuy nhiên, trong quá trình tiến-bộ của loài người, ta thấy biết bao công trình đã tựa vào thiên-nhiên để hữu dụng cho con người, như ngăn đập để tạo thủy-điện, tạo mưa, tạo gió để thích-dụng cho con người,...

Trong thơ, văn Việt có những câu:

“*Cho lúa ngập vàng đồng, nông vàng kén,
Cho trắng trong, gió quạt sáo điều vu,
Cho cười vang trong mọi nẻo thôn cù...*”

(*Lạc Nguyên Chương*)

đều đã nói lên sự biến-cải thiên-nhiên để phục-vụ con người, hay sự thống-nhất giữa loài người với thiên-nhiên, không phải sự mâu-thuẫn (đối lập) đi đến hủy diệt.

* *Cá-nhân với tập-thể đối-lập thống-nhất.*

Lý-do những sóng gió gây ra trong đời sống xã-hội là tình-trạng đối-lập về “cơ-hội”, về “nghĩa vụ”, và về “quyền-lợi” giữa cá-thể với tập-thể.

Sự “đối-lập” hay “mâu-thuẫn” này sinh ra chính là bởi quan-niệm sai lầm về tổ-chức. Quan niệm xưa nay là theo quan-niệm “*kim tự tháp*” gây ra giai-cấp cá-biệt, bất công về quyền-lợi, cơ-hội và nghĩa-vụ.

Cần dứt-khoát vứt bỏ quan-niệm sai lầm này mà thay thế bằng chính niệm “*Cơ-năng và bản-vị*” hay “*Cơ-năng và bản-vị hỗ-tương nguyên-nhân*”. Cá-thể là cơ-năng, tập-thể là bản-vị. *Cá-thể và tập-thể đối-lập thống-nhất*. Cho nên xã-hội quy hạn cá-nhân - ngược lại, cá-nhân có thể đồng-hóa tập-thể tính.

Vợ chồng là cơ-năng, gia-đình là bản-vị; gia-đình trở thành cơ-năng đối với dân-tộc là bản-vị, và dân-tộc trở thành cơ-năng đối với nhân-loại là bản-vị.

*** *Cơ-năng và Bản-vị hỗ-tương nguyên-nhân, hay Đối lập thống nhất*.**

Muốn cho bản-vị được tồn-tại và bền-vững các cơ-năng tạo thành bản-vị phải vận-động kết-hợp chung một hướng gọi là “*trung tâm bản vị*”, ví như vợ, chồng và con cái phải chung một hướng về bản-vị trung-tâm là gia-đình. Rộng ra, gia đình, đoàn-thể chức-nghiệp là các cơ năng. Vận-động và phát-triển của quốc-gia dân-tộc là trung-tâm bản-vị. Tương tự, mỗi dân tộc là một cơ năng - Sinh-hoạt của xã-hội quốc-tế là trung-tâm bản-vị. Tất-cả những tổ-chức quốc-tế là những cơ-năng. Quốc tế nhân-văn là trung-tâm bản-vị.

*** *Bảo-thủ và cấp-tiến đối-lập thống-nhất*.**

Bảo-thủ là thái-độ muốn giữ những cái cũ, làm trì-trệ sự chuyển-động của bánh xe lịch-sử. Ngược lại, cấp-tiến muốn cải-tiến xã-hội, tăng vận-tốc của sự chuyển dịch bánh xe lịch-sử để hướng nhanh về tương-lai.

Trên thời-gian vận-động, một đảng bảo-thủ, một đảng cấp-tiến. Cái vi-diệu của phối-hợp là làm sao nắm được cái nút vận-động giữa bảo-thủ

và cấp-tiến. Trong quá-trình vận động phải đi đến một kết-hợp. Sự kết-hợp phải do vận-động lịch sử, dùng các chất và lượng của thời-gian trước mà có. Vì vậy hiện tại có thể có của quá-khứ, và tương-lai (*Vì hiện-tại là thời-gian trước của tương lai*): Quá khứ, hiện tại đối-lập thống-nhất - hiện tại, tương-lai đối-lập thống-nhất. Chất và lượng hỗ tương nguyên-nhân, bảo-thủ và cấp-tiến hỗ-tương nguyên-nhân, nói cách khác “*Bảo-thủ và cấp-tiến đối-lập thống-nhất*”.

*** *Tĩnh - Động nhất quán*** (Đối-lập thống nhất).

Tĩnh là thường thái, đưa dất tới sự ổn-định, còn “động” là bất-thường thái, hoặc bệnh thái đưa đến sự bất ổn-định. Bất-thường thái hay bệnh thái bao-giờ cũng có khuynh-hướng tìm về thường thái (ổn-định). Động bao giờ cũng tìm lại tĩnh. Đối-lập bao-giờ cũng tìm lại thống-nhất.

Dân luôn-luôn tìm trở về “nhân”. Đó là xu-thế của lịch-sử DÂN tìm về NHÂN là thái độ bám sát thực-tại. Đó là xu-thế loài người muốn sống ổn-định. Ngoài ra,

Đạo học - khoa học - sử học thống-nhất. Điều này vào năm 1943, hội triết-học Hoa Kỳ cử ra một ủy-ban đặc-nhiệm có nhiệm-vụ nghiên-cứu chiêu-hướng phát-triển cần phải thúc-đẩy của trí thức cùng sử-mạng của triết-học. Năm 1945, ủy-ban báo-cáo kết-quả cuộc nghiên-cứu trong cuốn sách nhan đề “*Phylosophy in American Education*” do nhà xb. Harper ấn hành. Brand Blanshard, một trong 5 thành-viên của ủy-ban, ghi nhận trong báo-cáo:

Các yêu-cầu lớn về triết-học là thống-nhất trí-thức, thống-nhất tâm-thức, tái định-nghĩa dân

với 1 giải-pháp riêng, chân-lý cũng vậy. Đó là “chân-lý đa diện” của triết-học Lý Đông A.



(Người là cái đức của Trời Đất, giao-điểm của âm dương, nơi quĩ thần tụ hội, tú khí của ngũ hành...).

Đời sống nhân-loại ngày nay được coi là tiến-hóa nhờ ở các thế-hệ qua đã thực-hiện được phần nào lý-tưởng của nhân sinh. **Tiến-hóa tức thực-hiện tự mình đến thực-hiện xã-hội.** Sự tiến-hóa đó là để thể-hiện sự đồng-hóa hay “nhất như” hòa mình với vũ-trụ, cho mình với vũ-trụ khai-thông, hoàn-thành một chân ngã trang-nghiêm và cao-quý.

Con người cũng là một động-vật, nhưng duy con người mới có văn-hóa và lịch-sử, nên Nho gia mới nói: “*Nhân linh ư vạn vật*”. Con người hơn tất cả các động vật khác ở “*giác-ngộ tính*”, “*sáng-tạo tính*”, “*xã-hội tính*”, và có lý-tưởng, mục-đích cho cuộc sống. Cuộc sống tuy thường bị chi-phối phần nào bởi hoàn-cảnh, luật-tắc, nhưng ý chí con người, trái lại có thể chuyển biến được hoàn-cảnh, luật tắc,

Nên “*Có Trời, mà cũng có Ta*”,
hay “*Xưa nay, nhân định thắng thiên cũng nhiều.*”

Bước tiến-hóa của nhân-loại là một cuộc hành trình có dự-định, một dự-định hoàn-thành một mục-tiêu có ý-nghĩa, có giá-trị cho nhân sinh, và trong mỗi quá-trình đãi-lọc các tinh-hoa cùng kinh-nghiệm quý giá- Đó là theo **nguyên lý hướng thượng**, hay là chiều hướng thăng-hoa theo chu-kỳ “*vòng tròn xoay tròn ốc có nút tết.*”

Tiến-trình tiến-hóa của nhân-loại đã trải từ “*Nhân đạo sơ-khai*” tiếp đến “*Nhân đạo thành-lập*”, tiến đến “*nhân đạo tăng-tiến*” và sẽ hoàn-thành “*nhân đạo ổn-định*”.

Hiện nay, đang tiến bước trên hành-trình “*nhân đạo tăng-tiến*”, nên lịch-sử loài người đã ghi được những thành-tích đáng kể, như:

-Đạo luật bảo-đảm an sinh cho những người tàn-phế...Chẳng-hạn trẻ bị khuyết tật sẽ được hưởng trợ-cấp tàn-phế,...

-Xây-dựng con người khởi đầu bằng giáo-dục.

-Xây-dựng gia-đình khởi đầu bằng hôn-nhân.

-Xây-dựng xã-hội khởi đầu bằng thể-chế...

-Vấn-đề kỳ thị màu da đã được chấm dứt:

Năm 1804, Đan Mạch bãi bỏ việc buôn nô lệ,

1807 đến lượt Anh,

1808 Hoa Kỳ,

1810 Venezuela và Mễ Tây cơ,

1811, Chilê,

1812 Á Căn Đình,

1813 Thụy Điển,

1818 Pháp.

Những hối-hận trên tiến-trình nhân-bản, nhân-chủ và nhân tính: Văn thư ngày 14-11-1994, giáo-hoàng John Paul thừa-nhận trách-nhiệm về sự bức-hại giáo-phái Tin lành trong các tòa-án Thánh Linh và vụ tàn-sát người Do Thái bởi Đức quốc xã, cũng như ngài đã chính-thức xin lỗi dân-tộc Maya (Nam Mỹ) về vụ giáo-hội đã tàn-phá nền văn-minh của họ.

Đầu tháng 10/1997, Giáo-hội Ky Tô Pháp đã xin thương-đế và dân-tộc Do Thái tha-thứ về tội đã im hơi lặng tiếng khi chính-phủ Vichy nộp 67,000 người Do Thái cho Quốc xã Đức trong thế chiến II.

Ngày 7-10-1997, vua Harald V nước Na Uy cũng chính-thức xin lỗi dân-tộc Sami (hoặc Lapp) về việc chính-phủ Na Uy trước đây đã cưỡng-bách họ đồng-hóa với người Na Uy.

Giác-ngộ rằng nhân-chủ là nền-tảng của

dân-chủ, chính là nhân-chủ tự-giác.

Chiếu nguyên-lý hưởng thưởng, ta thấy chủ nghĩa Duy vật đem con người sánh cùng với mọi động-vật khác nên đã hạ thấp giá-trị con người, **mất đi tính hưởng thưởng**, một đặc-tính của loài người. Cũng như Duy Thần và Duy Sinh, một đảng lỏng con người vào “vũ-trụ quan” siêu-hình không thể kiểm-chứng bằng khoa-học, một đảng chủ “cầu sinh” không những thiếu viển kiến, đánh mất tính “sáng tạo” và hưởng thưởng của con người, nên không thể giải-tỏa.

12/ Nguyên-lý căn-bản về các trục tọa-độ.

Sự tranh cãi không đi đến một hợp-đề là vì các sự tranh cãi, mỗi phái đứng trên một lập-trường (*nền-tảng: vũ-trụ - con người, hay lịch-sử xã-hội*).

- Theo lý-tắc, đứng trên lập-trường (*nền tảng, tọa-độ*) nào thì giải-quyết vấn-đề đó mới hợp lý, giống như toán học, điểm A trên mặt phẳng thì có hoành-độ “x”, và tung-độ “y”, nhưng khi ở không gian thì có 3 chiều x, y, và z.

Hiện-tượng tranh-cãi và chống-đối nhau mà không giải-quyết được vấn-đề vì các hệ-phái tư tưởng Duy Vật, Duy Tâm, Duy Sinh, Duy Lý, Duy...đã không đặt ra quy-tắc để tranh luận!

-Nếu các thành-phần hòa-hài về mọi phương diện, tổng-thể ở trong trạng-thái ổn-định.

Đặc-biệt theo Lý Đông A, triết không những giải-quyết vấn-đề căn-bản mà còn là dụng-cụ sắc bén để nghiên-cứu, phân-tách, khám-phá trong tất-cả mọi lãnh-vực của tri-thức.

Đời người vốn nhiều mặt, với mỗi mặt ứng

cắt tóc, để răng trắng, mặc áo khách, bắt các nhân tài Việt (như Lê-Tắc làm quyền An-Nam Chí Lược, Nguyễn Văn-An xây thành Bắc Kinh), giả vờ dụ các nhân-tài ra rồi giết đi, hiếp tróc đàn bà con gái, di dân tù tội sang tranh cướp, đoạt-chiếm tài-sản người Việt,... diệt chủng người Việt bằng cách lao-động, đầy ải cho kiệt sức (mò trai đáy bể, kéo gỗ trên rừng, săn tê-giác trên núi...), hạn-chế kinh-tế, năng-lực và văn-hóa thủy-chuẩn của người Việt.

Trong tình-huống ngặt-nghèo như vậy, Bình-Định vương Lê-Lợi làm thế nào để vận-động được quần chúng ?

- Dùng sấm truyền gây dư-luận qua khẩu vận (*bằng miệng dân loan-truyền*). Hiệu-năng không những để các anh-hùng thảo-dã biết đến con người lãnh-tụ của mình mà còn gây được lòng tin mãnh-liệt nơi dân-chúng.

- Về quân-sự, “*chiến-lược địa-lý đã vạch ra theo thế tam-giác: Lục-Hoa, Hòa-Bình và Tản-Viên sơn. Ở đây, nguyên-tắc hành binh, “tàng ư cửu địa chi hạ, động ư cửu thiên chi thượng” (lúc cần để dưỡng quân thì thật kín-đáo an-toàn, khi tham trận thì vũ lộng chín tầng trời). Sự lấy thời-gian đối lấy không-gian là chiến-lược chính của hoàn-cảnh ấy*”.

- Về ngoại-giao, một mặt ly-gián Chàm với Tàu, một mặt mua chuộc sự trung-lập của họ và vạch rõ cho họ biết cái lợi hại sự trung-lập cho tương-lai của họ. Các bộ-lạc thiểu số cũng được vận-động vì mệnh-vận chung của giải đất mà hỗ-trợ tích-cực tinh-thần cùng vật-chất.

- Về cách-mạng, người lãnh-đạo có một tinh-thần “tự thắng”. Mạnh-Tử xưa có nói: “*Trời sắp giáng đại mệnh cho ai tất bắt người đó óc mồi, gân nhừ, tim héo, phổi mòn, đủ chiều khốn-khổ, bách chiết thiên ma, làm cho người đó động lòng đứng dậy mà lớn lao lên*”.

O/ Nh»ng Đế Chế Cực Quyền Xâm Lược:

1- Truyền Kiếp Xâm Lăng & Hán Hóa.

Ngay từ khởi lập quốc, thời Hoàng Đế (thủy tổ của Trung Hoa) “*Chiến Suy Vưu, bình Miêu tộc...*” tạo nên thời “*Phong kiến truyền hiền*”. đã nói lên tính xâm lăng của Trung Hoa.

-Tiếp nhà Hạ truyền đến Kiệt vì quá tàn bạo bị diệt.

- Tiếp thời Ân (Thương) truyền đến Trụ vương (truyện Phù Đổng Thiên vương diệt giặc Ân).

- Nhà Chu (Gồm Tây Chu & Đông Chu) và chuyển từ “*Phong Kiến Truyền hiền*” sang “*Đế chế, cha truyền con nối*”. Nhà Chu truyền được 37 đời vua, cộng 866 năm (1122-256 tr. T.L.). Suốt thời Xuân Thu Chiến Quốc, thiên hạ đại loạn trên 500 năm.

* NHÀ TẦN (221-206 tr. C.N.).

Theo dòng lịch sử bành trướng về phương Nam kể từ đời Tần. Sau khi Tần Thủy Hoàng diệt Đông Chu đã thôn tính các chư hầu, thống nhất Trung Quốc. Nhà Tần phát khởi từ miền biên tải viễn Tây Trung quốc lúc bấy giờ. Trong thời gian ngắn-ngủi 15 năm mà nhà Tần đã bành trướng lãnh thổ từ Nam Mông Cổ xuống đến tận Lương Quảng.

Năm 214 tr. C.N. Tần Thủy Hoàng sai Đồ Thư đem quân xâm chiếm Bách Việt. Trong cuộc giao tranh, dân Bách Việt đã giết được tướng Đồ Thư và tiêu hao quân Tần.

Tiếp là nhà Hán, một triều đại “*vo tròn bóp méo*” mọi mặt. (Dân Hán, Hán tự, Hán văn, v.v...)

Trong gần bốn thế kỷ, nhà Hán đã làm cho đế quốc Trung Hoa rộng lớn, phía bắc tới Mãn Châu, Triều Tiên; phía nam tới Đông Dương, bắc Miến Điện, phía tây tới Tây Tạng, phía tây bắc tới Trung A.,

* Đời nhà Tống. Vương An Thạch lại có ý dòm ngó phương Nam. Bấy giờ có quan tri châu ở Ung Châu biết ý của Vương An Thạch nên dâng sớ mà tâu rằng: “*Nếu không lấy đất Giao Châu thì về sau thành mối lo cho Trung Hoa.*” Vua nhà Tống nghe lời tâu, sai Lưu Di thu xếp mọi việc theo ý Vương An Thạch.

Bên Lý triều Việt Nam thấy tình sự như vậy, viết thư sang hỏi Tống triều, Lưu Di lại không chuyển thư về kinh. Lý triều bèn sai Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đem 10 vạn quân chia làm hai đạo thủy bộ cùng tiến đánh hai châu Liêm (1076), Ung, lấy công làm thủ. (Đời nhà Lý, Lý Thường Kiệt (năm 1075) đã đem quân phạt Tống.)

Đến cuối thế kỷ XII Tống - Kim đều suy, nhóm Mông Cổ (Thát Đát) thịnh lên rất mau, mới đầu diệt Kim, sau diệt Tống.

Đời Thiết Mộc Chân, thái tổ nhà Nguyên (Mông Cổ) càng mạnh, diệt được nhiều bộ lạc ở Tây vực, năm 1206 lên ngôi Đại Hãn (hoàng đế), hiệu là Thành Cát Tư hãn (Genghis Khan).

Năm 1210, Thành Cát Tư Hãn diệt Kim, thẳng tiến tới bờ phía bắc Hắc hải, chiếm hết các nước lớn nhỏ trên đường tiến quân, sau cùng là Kiev của Nga. Tới Nga rồi, Thành Cát Tư Hãn trở về Trung Hoa, đánh Tây hạ. Tây Hạ hàng (1227), Thành Cát Tư Hãn chia những đất đã chiếm cho 4 con, lập thành 4 Hãn quốc.

NHÀ MINH (1368-1644)

Đời Minh thành Tổ cũng muốn mở mang bờ cõi.

Nhân dịp Hồ Quý Ly chiếm ngôi nhà Trần, Thành Tổ sai Trương Phụ xâm chiếm Việt Nam, đặt “*bố chính ti*” để cai trị, nước Chiêm Thành cũng phụ thuộc ti này.

Trước khi đoàn viễn-chinh lên đường, Thành Tổ đã chỉ-thị cho tướng Chu Năng như sau: “*Một khi binh lính vào nước Nam, trừ các sách vở và bản in của đạo Phật và đạo Lão, còn thì mọi sách vở, văn tự, cả những dân ca, sách dạy trẻ đều phải đốt hết. Những bia nào của Trung quốc xây dựng từ trước thì đều giữ-gìn cẩn thận, còn các bia do An Nam dựng thì phá-hủy cho hết...*”

Sử Luận:

Sau khi đánh bại nhà Hồ (Hồ-Quý-Ly), quân nhà Minh thi-hành một chính-sách thống-trị rất sâu độc. rất phong-kiến, rất thực-dân, không còn lời nào tả xiết! Mục-đích thâm độc của nhà Minh là bắt người Việt đồng-hóa với người Tàu. Từ ăn mặc, cúng tế, học-hành,... việc gì cũng bắt theo như người Tàu. Những di-tích, đền-đài của người Việt thì chúng phá-hủy, sách vở, châu báu cùng đàn bà con gái bị bắt đem về Tàu rất nhiều!

Chính-quyền trung-ương được tổ-chức bằng ba đầu cai-quản (triumvirat): Đô-chỉ-huy-sứ (cầm đầu quân-sự), án-sát-sứ và bố-chính-sứ (chỉ-huy quyền tư-pháp và dân-sự). Chế-độ quân-sự tập quyền này trói tất cả nhân lực, vật lực, tài lực Việt vào một thể-chế cực-kỳ nghiêm-mật. Công-nhân bị khống chế dưới “*hương lăm*” (nơi thu hết thóc gạo Việt), nhà buôn bị khống chế bởi thương-vụ cục (nơi thu thuế má và chiếm hết các lời lãi), thầy tu bị khống-chế dưới tăng-khu, tăng-kỷ và tăng-cương, thầy bói cũng bị cai-quản bởi một ty cục sở tại, muối bị khống-chế dưới “*diêm-thuế cục*”. Ngoài các quân khu, tư-pháp khu, còn các hành-chánh khu, tất cả những cơ-cấu ấy khép lại thành những gọng kìm xiết chặt người Việt. Chúng đã dùng lưới lê bắt ép người Việt mặc áo Tàu, nói tiếng Tàu,

phải chạy qua Ấn Độ.

Trung Cộng đã tranh chấp, gây hấn với Liên Xô, với Ấn Độ về đất đai, lấn đất Mông Cổ, ngang-nhiên chiếm Tây Tạng, đe-dọa đảo Đài Loan, tranh-chấp chủ quyền đảo Điều Ngự Đài với Nhật Bản, đoạt Hoàng Sa và Trường Sa, dời ai Nam Quan vào sâu đất Việt...

Đúng là mộng “*Tứ Hải Triều Nguyên*” (Bốn biển châu Trung Nguyên) nên Trì Đạo Điền, cựu bộ-trưởng quốc-phòng và cũng là phó chủ-tịch đảng cộng sản Tàu đã dám tự nhận “*Châu Mỹ là do tổ tiên Tàu?!*”

** Huênh-hoang về sự phát-triển kinh-tế để tạo sự ủng hộ của dân Tàu, và tin-tưởng vào sự lãnh-đạo của đảng cùng sẵn-sàng đối đầu với Hoa Kỳ để nâng cao địa-vị Trung Hoa trên chính trường quốc-tế.*

** Làm suy yếu cao-trào tự-do dân-chủ trên thế-giới do Hoa Kỳ và Tây Phương phát-động.*

** Dùng một số nước cận kề Hoa Kỳ làm căn cứ gián điệp, tình báo, kể cả khủng bố khi cần thiết để đe dọa an ninh Hoa Kỳ.*

** Yểm-trợ tận tình các nước như Syria, Iran, nhóm Hamas để gây sự sa lầy của Hoa Kỳ, khiến Hoa Kỳ không dễ-dàng ngăn chặn đà bành-trướng của Trung Cộng tại vùng Châu Á, Thái Bình Dương.*

** Cô lập và gây trở-ngại cho Đài Loan khó trở thành một quốc gia độc-lập để tách rời Trung quốc.*

Tại vùng Đông Nam Á nơi có dân số đông, tài nguyên nhiều, Trung cộng có sẵn đạo quân thứ 5 là những Hoa Kiều nắm quyền kiểm soát kinh tế nên Trung cộng mặc-nhiên coi vùng này là sân nhà của Trung Cộng. Các toà đại-sứ Trung cộng trực-tiếp chỉ-đạo công khai hay ngầm-ngầm các sinh-hoạt cộng đồng người Hoa tùy theo giai-đoạn và nhu-cầu từng nơi. Lấy thí dụ tiêu

Người nào muốn đi tìm lẽ sống cho dân-tộc đều phải nan hành khổ hạnh, người đó phải là **thắng nhân**, phải **tự thắng** tất-cả những yếu hèn, dục vọng dốt-nát, chia-rẽ,...làm vẩn đục tình người. Thắng nhân là cuộc đấu-tranh tự thắng trên thể-xác, tri-thức; tự thắng trên thể sống chính mình và với người.

Bình-Định Vương Lê-Lợi đã từng-trải biết bao gian-nan, đã sống thực-tiễn trong đời sống của quốc-dân với dân-tộc để quyết tâm vạch ra con đường chính-xác sống còn của dân-tộc; đã nắm vững lấy cương-vị chủ-đạo của mình mà gánh-vác lấy sứ-mệnh cứu dân cứu nước.

Dấn thân con đường cách-mạng có khắc-chế mình có thắng chính mình mới giúp người để thắng. Có làm chủ chính mình thì mới giúp người làm chủ, giúp toàn dân làm chủ đất nước. Cách-mạng xã-hội chỉ có thể thực-hiện được khi song hành với cách-mạng bản thân.

Cứu lấy nước nhà nghĩa là tranh-đấu lại chủ-quyền về mình, chủ quyền đó phải là căn-bản và chân-chính ở mình, tự quyết, tự trị, tự lập, không thể dùng hình-thức giả-tạo hay vay mượn.

Con đường và phương-hướng chính-trị của dân-tộc phải do ánh-sáng tự đáy hồn lịch-sử tỏa ra chỉ đường, làm nền-tảng của mọi chính-trị và cách-mạng.

Đem đại-nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cho cuồng bạo.

Sau khi chiến thắng lại vẫn sẵn-sàng đem báu vật triều-cống, Bình-Định vương Lê-Lợi tiếp-nối tinh-thần trách-nhiệm của người lãnh-đạo đối với toàn dân. Không vì những cao-ngạo, tự-ái nhất thời mà quên quyền-lợi lâu dài của dân-tộc.

Tóm lại, cuộc cách-mạng phát động bởi Bình-

1- Lý Đông A,, Chu Tri Lục IV, Sóng ĐY XB; 1963, sAIGON;

Định Vương Lê-Lợi là một khuôn-khổ trọn vẹn trên mọi mặt và mọi nguyên-tắc của dân-tộc cách-mạng;

* **NHÀ THANH** (1644 - 1911)

Trong đường hướng mở rộng biên-cương, Mãn Thanh đụng-độ với Nga muốn tìm đường qua phương Đông để thông ra biển. Năm 1650, Nga đã tiến tới Hắc Long giang, Nga phải thương-thuyết. Năm 1669 hiệp ước Hi Bố Sở (Nertohinsk) được ký-kết giữa Nga và Mãn Thanh.

Tiếp Khang Hi là Thanh Thế Tôn (Ung Chính 1723-1735) cầm quyền, áp dụng “pháp gia”. Ung Chính cầm quyền được 12 năm, tiếp đến Càn Long tức Thanh Cao Tôn (1736-1795).

Thời nhà Thanh đã sai Tôn Sĩ Nghị đem quân xâm chiếm Việt Nam nhưng bị người anh hùng đột xuất là Quang Trung đã đánh tan quân xâm-lược.

Nếu đối-chiếu lịch-sử Trung Quốc với lịch-sử Việt Nam, ta thấy:

Trung Quốc đã bị các bộ tộc Tiên Ti, Sa Bà, Kim, Liêu, Mông Cổ, Mãn Thanh xâm-chiếm và cai trị, ngược lại Việt Nam:

- Thời Ngô Quyền (939-965) đã diệt quân Nam Hán gây nền tự chủ. Đời nhà Trần (1225-1400) đã ba lần đại thắng quân Mông Cổ (nhà Nguyên).

- Thời hậu Lê (1428-1527), Lê Lợi đã đánh đuổi quân Minh.

- Đại đế Quang Trung năm 1789 đã dẹp 10 vạn quân Thanh, đến nỗi Tôn Sĩ Nghị bỏ cả ấn kiếm chạy về Tàu.

Tiếp truyền “*hội chứng Đại Hán*”, các nhà lãnh đạo Trung Hoa dù ở dưới chính-thể nào cũng không bao-giờ chấp nhận vai trò thứ yếu của Trung quốc trong vùng Á châu, và cũng không bao-giờ thỏa-

mãn với đất đai rộng lớn hiện có của mình.

“Thời Trung Hoa Dân Quốc của Tưởng Giới-Thạch, năm 1940 đã quy-định tám con đường phát-triển của nòi Hoa trong bộ “*Đông Á Địa Lý* “:

- 1 - *Tây Bá Lợi Á,*
- 2- *Tây Tạng Ba Tư,*
- 3- *Tân Cương,*
- 4- *Ấn Độ,*
- 5- *Việt, Thái, Miến, Tân Gia Ba,*
- 6- *Nam Dương liệt đảo,*
- 7- *Úc châu,*
- 8- *Thái Bình Dương đông liệt đảo, Hàn.”*

Chế-độ Cộng Hòa Xã Hội từ 1911 đến hiện nay

Tuy Trung Hoa ngày nay chia làm hai chính thể, nhưng về đối ngoại, cả hai chính thể đều cùng một chủ-trương “*Vì Trung Hoa, cho Hán dân và bênh-vực Hoa kiều ở hải ngoại.*”

Vụ tàn sát nhân dân Y-Khắc Chiếu năm 1943, cuộc trấn-áp bằng vũ trang ở Tân Cương năm 1944, vụ tàn sát tập thể trên 5 ngàn người dân Đài Loan đòi độc lập 1947...

.Sau chiến tranh Triều Tiên (1953), lực quân đã được tổ-chức lại, có khoảng 2 triệu rưỡi quân-nhân và các ngành hải không cũng được tân hóa. Tuy nhiên, để tinh-thần chiến-đấu trong quân đội được nuôi dưỡng, chính phủ Cộng sản Trung Hoa lúc nào cũng gây trong dân chúng sống trong tình-hình thế-giới bất ổn.

Tháng 5/1951 Trung Hoa xua quân chiếm Tây Tạng.

Năm 1959, dân Tây Tạng nổi lên ở Lhasa, Mao đưa quân đàn-áp dữ dội, đức Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng

- Khu Cao Bằng bị mất khu vực núi Phía Un có mỏ mangan. Tổng diện tích là 2.2 cây số vuông.

- Khu vực Kim Mu, Kim Ngân, Mãn Sơn bị lấn sâu vào Việt Nam 2.5 cây số. Tổng diện tích là 22.5 cây số vuông.

Khu vực Nà-Pàn, Léo Trình (cột mốc 29, 30, 31) ở Cao Bằng bị lấn sâu vào Việt Nam 1.3 cây số, tổng diện tích là 8.45 cây số vuông. - Khu vực cột mốc 63-65 (Trà Lĩnh, Cao Bằng) dài 8 cây số, bị lấn sâu vào Việt Nam, tổng diện tích 16 cây số vuông.

- Khu Cao Pa Mờ (cột mốc 1 và 2) tỉnh Hà Tuyên dài 4 cây số, lấn sâu vào Việt Nam 2 cây số, tổng diện tích là 8 cây số vuông.

- Khu vực Trà Mần, Suối Lũng (cột mốc 136, 137) huyện Bảo Lạc, Cao Bằng có diện tích là 3.2 cây số vuông. Vùng này có mỏ than chì.

- Khu vực xã Nậm Chảy (cột mốc 2,3).

* Về hải phận, những quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Trung Hoa gọi là Tây Sa và Nam Sa - Theo chứng tích lịch sử hiện còn tàng trữ tại các văn khố Việt Nam cũng như quốc tế là một phần lãnh thổ của đất nước Việt Nam.¹

***Xâm Lãng Qua Hình Thức Xâm Nhập Thị Trường Lậu Thuế, Nhãn Hiệu Giả Mạo.** (Vật phẩm do Trung Cộng chế tạo, nhưng lại dán nhãn hiệu như Made in VietNam, Made in Thailand, Made in Laos, v.v...) ¹

- Tình trạng buôn lậu trầm-trọng ở biên giới Việt-Trung gây nguy-cơ cho nền kinh tế VN bị phá sản. Hiện nay có thể nói hàng hóa Trung quốc chế tạo từ xe đạp, bình thủy, bàn ủi, kim may, v.v.... đến vật dụng nhà bếp cũng tràn ngập từ thành thị đến thôn quê. Tình trạng này dẫn đến sự bóp nghẹt các ngành.

1- Đồng tác giả: Lê Đình Châu, Cao Hoài Đức, Thường Nhượng Thủy, Vĩnh Như, "Cuộc Xâm Lãng Không Tiếng Súng", Tủ Sách Việt Thường, 2005., trang 109.

biểu tại Campuchia, một nước nhỏ, năm 1996 mới có 13 trường dạy tiếng Tàu, đến tháng 6 năm 1999 có 60 trường và đến tháng 12, 1999 thành 70 trường, và tới năm 2006 tăng gấp nhiều lần, đến độ 1 trường tiểu học tại thủ đô Nam Vang có hơn 10,000 học sinh học tiếng Tàu, được xếp là trường dạy tiếng Tàu lớn nhất tại nước ngoài.... Các trường dạy tiếng Tàu này được Trung Cộng tài-trợ, hiệu trưởng và hơn nửa thầy cô là từ Trung Cộng sang. Học sinh được dạy Hán tộc là giống dân thông-minh nhất, văn-hóa Tàu cao đẹp nhất. Học sinh được tuyên-truyền để thù ghét Hoa Kỳ và Tây Phương.

Riêng đối với Việt Nam:

*** Xâm lăng lãnh Thổ Qua Những Hiệp Định Thân Hữu.**

1- Sự phát-triển kinh-tế đi đôi với quân-sự đã làm cho Trung Quốc càng bày tỏ tham-vọng trở nên một siêu cường bá-chủ thế-giới.

Tư lệnh hải quân Trung Quốc đã từng công khai tuyên bố: "Vì sinh tồn, Trung Quốc cần dầu khí và ngư nghiệp ở Nam Hải. Cá sẽ là nguồn protein cho hơn tỷ dân Trung Hoa."

Mao Trạch Đông khi mới chiếm trọn lục địa Trung Quốc, trong một bài nói về biên-cương cũ của Trung Quốc, Mao đã đề-cập tới một số chư hầu trước của Trung Quốc bị các đế quốc phương Tây chiếm đoạt như Nhật chiếm Cao Ly (Đại Hàn), Đài Loan, Lưu Cầu, Bành Hồ; Anh chiếm Miến Điện, Buthan, Népal và Hồng Kông; Pháp chiếm An Nam; Bồ chiếm Macao,... Trung Cộng sau đó còn đe-dọa sự ổn định của Đông Nam Á bằng cách dùng các mẫu hạm điều oai tại các hải phận Việt Nam, Phi Luật Tân, Đài Loan, Nhật Bản,...

Gần đây, Trung Quốc tuyên-bố thẳng thừng cho thế giới thấy "Mục đích của Bắc Kinh tại vùng biển Đông là tái lập với bất cứ giá nào sự nguyên-vẹn lãnh

thổ của đế quyền Trung Hoa”.

Nguyên vẹn lãnh thổ của đế quyền Trung Hoa là bao gồm những chư-hầu mà xưa kia phải triều cống để tránh binh đao cho xứ sở mình, mà các sử gia khi đọc danh từ “**triều cống**” đều hiểu lầm là thuộc lãnh thổ của Trung Hoa, như các xứ Tây Tạng, Tây Bá Lợi A, Tân Cương, Việt, Thái lan, Miến Điện,...

Trong cuốn “*Tân Trung Quốc Sử Lược*” ấn hành năm 1952, Trung Cộng đã ghi lãnh thổ Trung Quốc bao gồm: Miến Điện, Thái Lan, Việt Nam, Kampuchia, Lào, Mã Lai, Singapore, Phi Luật Tân.

Những bằng-cớ nêu trên đã nêu rõ “*truyền thống thiên triều chủ nghĩa*” từ thủy tổ Hoàng đế đến nay, đời đời kế tiếp. Trong sử sách trung Hoa nếu có những câu mỹ-miêu như “*Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ*” thì phải hiểu ngay (*Dưới gầm trời, không chỗ nào không là đất của nhà vua Tàu*) chỉ rõ chính sách “*bá chiếm*”; Hay “*Tam niên dưỡng chi, giáo chi tất giai ngô dân*” (*Ba năm nuôi dạy tất thành dân Hoa*) đó là chính sách đồng hóa các sắc dân khác.

Riêng đối với Việt Nam, chính sách “*bình thiên hạ*” đã được thi hành truyền tiếp qua các triều đại:

- Nhà Tần xâm lăng Âu Lạc, nhưng không thành công.

- Nhà Triệu chiếm Âu Lạc (năm 179 tr. T.L.) lập ra Nam Việt.

- Nhà Hán, Tùy, Đường cai-trị Việt Nam trên 1000 năm (11 tr. T.L. đến 938 sau T.L.)

- Nhà Tống xua quân đánh Việt Nam hai lần nhưng đều thất bại, ngược lại bị Việt Nam đem quân phá Tống (Lý Thường Kiệt đột phá châu Ung và châu Liêm - Lấy công làm thủ).

- Nhà Nguyên đánh Việt Nam 3 lần đều thất bại

(1258 - 1284 và 1285).

- Nhà Minh đánh chiếm Việt Nam trong 20 năm, sau cùng thất bại.

- Nhà Thanh đánh Việt Nam nhưng anh hùng Nguyễn Huệ đã đánh bại quân Thanh...

- Trung Quốc có trăm phương ngàn kế, với sách lược vô cùng thâm độc để xâm lăng Việt Nam. Cuối thế kỷ 20, sau khi thất bại dạy cho Việt Nam một bài học hồi đầu năm 1979, Trung quốc chuyển sang thủ đoạn “*tầm ăn dâu*”, lấn chiếm đất và biển qua những hiệp ước bất bình đẳng:

- Hiệp ước nhượng đất ngày 30 tháng 12 năm 1999: Để thực thi hiệp ước trên đất liền, vào 27 tháng 12 năm 2001, hai bên đã làm lễ cắm mốc để thiết lập đường ranh giới mới.

Qua hiệp ước biên giới, Trung Cộng đã lấn chiếm đất của Việt Nam ở biên giới như sau:

- Khu vực Nam Quan khoảng 0.62 km².
- Khu Bàn Dốc (cột mốc 53) bị mất 0.8km².
- Khu huyện Cao Lộc (cột mốc 25,26, 27) ở Lạng Sơn.

- Khu vực Khảm Khâu (cột mốc 17,19) ở Cao Bằng.

- Khu Minh Tân (cột mốc 14) ở Hà Tuyên. Chiều sâu lấn vô hơn 1 cây số, và chiều dài hơn 4 cây số!

- Khu vực cầu ngầm Hoàng Mô tỉnh Quảng Ninh bị mất khoảng cây số vuông.

- Các thị trấn Ái Điểm (cột mốc 43) thị trấn Bình Mãng bị chiếm mỗi nơi khoảng 0.5 cây số vuông.

- Khu vực Phía Un (cột mốc 94, 95) huyện Trà Lĩnh, Cao Bằng bị mất khu vực núi Phía Un có mỏ măng-gan. Tổng diện tích là 2.2 cây số vuông.

- Khu vực Kim Mu, Kim Ngân, Mãn Sơn bị lấn sâu vào Việt Nam 2.5 cây số. Tổng diện tích là 22.5 cây số vuông.

của sự vật, thấy lãnh-thổ dưới quyền có giới-hạn, lại thấy cái thế có thể dùng võ lực để mở rộng lãnh-thổ thì tham vọng hoang tính, muốn trùm bá khắp nơi là điều không tránh được, nên đã *trở thành truyền-thống xâm lăng của Trung Quốc*.

Vai trò “*thiên tử*” trong Nho học và trong thời “*Phong Kiến truyền Hiền*” chỉ là một người, trước đại hội chư hầu, tuyên thệ lãnh nhiệm vụ chấp hành “*thiên lý*”, lấy đức hiếu sinh của Trời Đất, cho nên gọi là “*thiên tử*”. “*Thiên đạo mẫn thụ*”, ở người, đức này gọi là “*lòng nhân*”. Chấp hành lòng nhân vào việc quản lý xã-hội là làm chính-trị, cho nên nói “*Nhân đạo mẫn chính*”. Cũng trong các đại hội, các thủ-lãnh chư hầu phải tuyên thệ vâng theo thiên tử và giúp thiên-tử thực-hiện sứ-mệnh ấy. Như vậy gọi là “*trung thành*” (*trung nghĩa và thành tín*). Họ trung thành với thiên-tử cũng là trung thành với thiên mệnh mà thiên-tử đã nhận lãnh.

Thiên-tử với mệnh Trời sang thời Đế chế cực quyền thành một nhân-vật huyền bí, sinh ra đã có “*chân mạng đế vương*”, chẳng những ai ai cũng phải thần phục, mà cả đến thần thánh cũng ở dưới quyền. Thiên-tử thành một nhân-vật tuyệt-đối, ra đời ngay khi mới thành thai trong bụng mẹ! không còn là một chức-vụ nhận lãnh trước một đại-hội chư-hầu!

Chữ “*trung*” trong Nho học, nội-dung là trung nghĩa tức là một lòng giữ chắc những điều đã giao ước. Cả thiên tử và các thủ-lãnh chư-hầu phải giữ lòng trung tín. Cho nên vua phải ra vua. bầy tôi ra bầy tôi, có nghĩa là ở chức-vụ nào phải hành xử theo đúng những đòi-hỏi của chức-vụ ấy. Chính ở điểm này, Mạnh Tử mới nói: “*Ta chưa từng nghe nói vua Trụ, mà chỉ nghe nói tên thất phu Trụ...*” (*Ông không nhận Trụ vương ở địa-vị trên ngai vàng, mà nhìn ở*

P/ Những Mạo Hóa & Xuyên Tạc:

*** Hán Nho Xuyên tạc Chính Nho:**

- Xuyên tạc “Trời “:

Ý “Trời” trong Nho giáo luôn-luôn tác-động theo hướng thiện, có nghĩa là hiếu sinh (*Đức hiếu sinh của Trời Đất*) giúp cho sự sống của muôn vật. Trời trong Nho học là thiên lý, không phải là một người dù là vô hình.

“*Chính Nho khác hẳn với các tông giáo khác. Chính Nho không chối bỏ cuộc sống đang có, không mơ tưởng một cuộc sống Tiên Phật, hay đời đời bên cạnh Chúa,... Không nói chuyện thiên-đường, địa-ngục. Với Chính Nho, cuộc sống đang có là rất quý, xâm phạm nó, đốn tảo nó là phạm tội ác.*”

“*Cũng trong cái nhìn đặt hẳn vào cuộc sống đang có. Chính Nho mong cuộc sống mỗi ngày một tốt đẹp hơn (Nhật nhật tân, hựu nhật tân.). Sự đau khổ nhất của một dòng sống là bị chấm dứt, không có nối tiếp (Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại...) Hậu đây không phải chỉ ở dòng sinh lý, mà những nối tiếp về tư-tưởng, về nền-nếp, về sự-nghiệp và dân sinh.*”

“*Người nho sĩ chân chính rất bình-tĩnh trước cái chết của một cơ thể cá nhân, nhưng luôn-luôn lo đến dòng sống ở những thế hệ sau. Khi hỏi Khổng Tử về sự chết, Khổng Tử đã trả lời: “Chuyện sống còn chưa biết, hỏi chi đến chuyện chết?*”

“*Sống người cùng với trời đất là ba trụ điểm trong cuộc sống (Thiên - Địa - Nhân, tam tài giả). Vị thế tuy khác nhau, nhưng trọng yếu như nhau. Con người kính trời, hành xử theo ý trời (thiên lý) tức theo cái lý đương nhiên bàng-bạc trong Trời Đất. Ở sống người, nó là bản tính hướng thiện. Chính trong nhận thức*

*này mà Nho học nhìn Ý Dân là ý Trời. Vì sống người cùng với Trời, Đất là 3 ngôi chính trong cuộc sống. Cho nên tuy thờ Trời, kính trời nhưng con người không tự hèn, tự hạ, xưng tụng, cầu van gì ở trời. Tư tưởng này có hệ-luận là tinh thần **tự trọng, hiên ngang, bất khuất của kẻ sĩ**.*

*** Mượn danh “Phong Kiến Truyền Hiền “ che đậy “Đế Chế Cực Quyền.”**

Nho học là một công-trình xây-dựng trong thực hành, song-song với văn-minh nông nghiệp. Chính Nho là một chế-độ và học-thuyết lấy trật-tự xã-hội trong an hòa làm chủ-đích như xã-hội Nghiêu, Thuấn, sinh-hoạt chính-trị thời phong kiến truyền hiền đã làm một cuộc cách-mạng hiền lành, ảnh-hưởng sâu rộng, nên mới có sử kiện, xứ Việt Thường cống Bạch Trĩ và Rùa thần, sau chế làm quy lịch.

Giữa chính-trị “*phong kiến truyền hiền*” và Nho học có liên-hệ hỗ-tương, qua-quả lại-lại khác nào như xe chạy cung-cấp cho đèn pha, và đèn pha soi đường cho xe chạy.

Nhưng chua-chát đã diễn ra, khi Khổng Tử “*tổ thuật*” xong Nho học thì cũng là lúc chế-độ “*phong kiến truyền hiền*” cáo chung! Sau đó Nho học bị chuyển hóa để biện-minh cho một chế-độ mao hóa, trên danh hiệu thì giống nhau, nhưng thực chất khác hẳn! Đó là chế-độ “*Phong kiến truyền hiền*” với “*đế chế tập quyền và chuyên chế*”.

*** Mao hóa “Trung Tín “:**

Trung Tín trong chính Nho là trung nghĩa và thành tín. Từ thời Tần về sau, “trung tín” trở thành “*Tuyệt đối thờ vua*” (*Trung thần bất sự nhị quân*” hay “*Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung*”).

Sang thời “Đế chế cực quyền”, cả một nền văn

học Hán và Tống Nho đã đúc nặn ra một bọn bày tôi nô-lệ, tranh nhau xu phụ cường quyền, ngược lại với tinh-thần nho sỹ thời “Phong kiến truyền hiền” chỉ nhắm vào cái lý đương-nhiên, hay thiên lý bằng-bạc trong trời đất.

Tinh-thần xu-phụ cường quyền này ảnh hưởng sang Việt Nam, mà nhà Nho Cao Bá Quát đã diễn tả:

“Ngán nhẽ kẻ tham bề khoa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực cửa hầu môn.

Quần bao kẻ mang cái dầm danh, áo giới lân trùm dưới cơ phu, mỗi gối quỳ mòn sân tướng phủ...”

hay “*Cánh bướm bề hoạn mệnh mang*

Cái phong ba khéo cợt phùng lợi danh...”

Chính thái-độ xu-phụ này đã sản sinh ra các từ ngữ Hán dân, Hán tộc, Hán học, Hán tự, Hán văn,...không có trong thời phong kiến!

Như chúng ta đã biết thời nhà Tần, Nho học và Nho sỹ bị diệt. Nho sỹ trải một thời thật khốn khổ, không có chỗ dung thân. Thế rồi, Hạng Vũ và Lưu Bang tranh thiên hạ của nhà Tần. Lưu Bang trọng dụng nho sỹ, Lưu Bang làm vua đất Hán Trung, nên gọi là Hán vương. Nho sỹ phò Hán vương, bày mưu thiết kế, phô-trương ân đức của Hán vương. Sau khi thắng được Hạng Vũ, muốn trấn áp lòng người, và hưởng tất cả vào quyền lực nhất thống của Hán triều, người ta tuyên-truyền dựng lên những ý-niệm mới bằng những từ-ngữ: *Hán dân, Hán tộc, Thiên tử thụ mệnh ư thiên*,...Tới hiện-đại, trong các cuộc vận-động cách mạng khôi-phục danh phẩm của tập-thể nhân văn Hoa Lục, ý-niệm Hán tộc lại càng được khôi-phục một cách hồ-hởi!

Khi tư-tưởng đã bị ngưng đọng ở mặt cụ-thể

quyền thành một nhân-vật huyền-bí, sinh ra đã có “chân mạng đế vương”, chẳng những ai-ai cũng phải thần phục, mà cả đến thần thánh cũng ở dưới quyền. Thiên tử thành một nhân-vật tuyệt-đối, ra đời ngay khi mới thành thai trong bụng mẹ! không còn là một chức-vụ nhận-lãnh trước một đại-hội chư-hầu! ¹

Ngoài ra, ảnh-hưởng của chế-độ phụ hệ đã làm vua chúa, quân thần và các hàng khoa-bảng bán học không những tích-cực ủng-hộ mà còn tôn thờ bết mình, vì nam giới được thay thế nữ giới nắm quyền bính từ gia-đình cho đến triều-đình.

- Sử kiện nêu trên phải chăng là những lý do khốc-bại cho nước Việt.

- Chế ngự tinh-thần quật khởi chống đánh quân Tàu (tự nhận là thiên triều).

- Mất 6 trong 9 quận, chỉ còn lại 3 quận (Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam).

- Hơn 1000 năm bị lệ thuộc nước Tàu.

- Ngang nhiên chiếm ngôi vị quốc đạo từ thời Bắc thuộc cho đến thời Pháp thuộc.

*** Phật Giáo:**

Tiếng mõ đều-đều tạo âm thanh trầm buồn, dễ ru ngủ, khiến một số lớn không những mất tinh-thần quật-khởi chống xâm-lãng, và mất luôn tinh-thần Việt (*Vượt lên, vươn lên*).

- Hình thức cạo đầu đi tu là thể-hiện hành-động dứt bỏ cuộc sống trần-tục, quên bổn-phận con dân đối với quê-hương xứ-sở. Tục-ngữ xưa có câu “trốn việc quan đi ở chùa” là thế.

Xâm-nhập và phát-triển qua cách-thức thờ Phật chung trong các đền đài; Sau đó các đền thờ biến thành

hành vi thấy không phải là hành-vi của một ông vua).

Với Hán, Tống, Minh và Thanh Nho,... sự tùng phục của bầy-tôi đối với vua là tuyệt-đối. Vua là chủ nhân tuyệt-đối không những của lãnh-thổ dưới quyền, mà tất-cả dân cư trên lãnh-thổ ấy đều thuộc quyền vua. Chử trung bây giờ thành nghĩa *trung quân*, đem cả sinh mệnh mà thờ vua. Vua xét bầy tôi phải chết, bầy tôi không chết là bầy tôi bất trung. Vua thường thị uy bằng chém giết và tàn-nhẫn đến giết cả tộc thuộc, gia nhân và tới luôn quê hương làng-mạc. *Trung quân trở thành cái đạo mù-quáng*, gây nên một áp-lực khủng-khiếp vào tâm khảm con người. Thậm chí, cũng cái đạo thờ vua này chi-phối đến cả cuộc đời đàn-bà, con gái. Người con gái giữ mình không phải để giữ gìn sức khoẻ cơ-thể và tinh-thần, mà vì mình chỉ là một món hàng giữa chợ, nếu đã “cũ” thì hết giá-trị. Đã lấy chồng là thuộc về một ông chủ (*chồng chúa vợ tôi*), dầu đó là một ông chủ ngu hèn, hay chết yếu thì cũng là xong một cuộc đời. Cái đạo thờ chồng là chính chuyên, cũng như cái đạo thờ vua là trung liệt, trung thần không thờ hai vua (*hai hoàng tộc*), gái chính chuyên không lấy hai chồng. . .

*** Mạo hóa lý tưởng “Bốn Bể Một Nhà”:**

Lý tưởng “*Bốn Bể Một Nhà*” (*Tứ hải giai huynh đệ*) thực-sự chỉ là cái bình-phong che đậy ý-đồ xâm lăng và Hán hóa. Dân Hán xưa nay, vốn tự tôn tự đại, coi các sắc-dân chung-quanh là “*Tứ Di*” (*Đông Di, Tây Nhung, Bắc Địch và Nam Man*). Góc bên trái lá cờ Trung Cộng có 4 ngôi sao nhỏ chầu một ngôi sao lớn, tiếp tục truyền thống tự tôn và xâm lăng của Trung Quốc! Bốn ngôi sao nhỏ không những nhắc lại quan niệm “tứ di”, và cũng nói lên ý nghĩ ngạo-mạn “Trung Quốc là trung tâm điểm văn-minh của thế-giới, bốn biển chầu về Trung Quốc! Điểm qua lịch-sử Trung

1- John B. Nooss, “*Man's Religious*”, p-457.

Quốc, ta thấy:

- Nhà Tần xâm-lăng Âu Lạc nhưng không thành công.

- Nhà Triệu chiếm Âu lạc (năm 179 tr. T.L.) lập ra Nam Việt.

- Các nhà Hán, Tùy, Đường cai-trị Việt Nam gần 1000 năm (11 tr. T.L. đến 938 sau T.L.).

- Nhà Tống xua quân đánh Việt Nam hai lần nhưng đều thất-bại, ngược lại bị Việt Nam đem quân phá Tống (Lý Thường Kiệt đột phá châu Ung và châu Liêm, lấy công làm thủ).

- Nhà Nguyên đánh Việt Nam 3 lần đều thất-bại (1258, 1284, và 1285). -

- Nhà Minh đánh chiếm Việt Nam trong 20 năm, sau cùng thất-bại.

- Nhà Thanh đem 10 vạn quân Thanh xâm-lăng Việt Nam, nhưng bị người anh-hùng Nguyễn Huệ đánh cho thảm bại...

Gần đây, Trung Cộng đã cưỡng chiếm Hoàng Sa và Trường Sa. Qua những hiệp-ước biên-giới, Trung Cộng cũng đã lấn chiếm nhiều phần đất của Việt Nam. (xin coi “*Hiểm Họa Xâm Lăng & Đồng Hóa của Trung Quốc*” của cùng tác giả, xb. năm 2008).

* **Lấy Đức trị dân ?** (Giai-cấp, bóc-lột, thống trị,...)

Sau khi diệt Đông Chu, thôn tính các nước chư hầu, nhà Tần gốc du-mục, áp-dụng đường lối pháp gia rất tàn bạo, coi mạng dân như cỏ rác!

Yu Chumbe, một hoạn quan đời hoàng đế Giang Xu đã mô-tả cảnh sống của dân Trung Hoa ở vùng Dong Ping: “*Tất cả đều thuộc về lãnh chúa. Nhà cửa, thú vật và cả con người bị mất hết mọi quyền, kể cả quyền được sống. Mãi-mãi đến cùng cực là người dân*

hoàn-toàn trần-trụi không còn lấy một sợi dây để tự treo cổ mình.”

Châu Quế, một sử gia Trung Hoa đã viết: “*Bất cứ thời đại nào, hễ làm người Trung Quốc mãi-mãi là một tai họa. Từ 5000 năm nay người Trung Quốc luôn luôn đầy đoạ trong đói khát, luôn-luôn vật-vờ trước cửa địa-ngục, dở sống dở chết. Chính vì điều thực-tế này, không một người Trung Quốc nào lại không ước mơ được rời khỏi Trung Quốc sang các nước khác sinh sống.*”

Căn cứ vào Lễ ký, thời Chu (1121-256 tr. CN) xã-hội Trung Hoa phân chia giai-cấp rõ-rệt: đại phu và dân thường (*thượng lưu với bình dân*) rất khác-biệt. Câu “*Hình bất thương đại phu, lễ bất há thứ dân*” (hình phạt không áp-dụng cho giới đại phu - lễ không dùng xuống thứ dân) nêu rõ tính-cách khác-biệt giữa giai cấp thượng-lưu với bình-dân. Điều này khác với văn minh nông-nghiệp:

IV/ **Lớp sơn của các tông-giáo ngoại nhập:**

Vai trò “*thiên tử*” trong Nho học và trong thời “*Phong Kiến truyền Hiền*” chỉ là một người, trước đại hội chư-hầu, tuyên thệ lãnh nhiệm-vụ chấp hành “*thiên lý*”, lấy đức hiếu sinh của Trời Đất, cho nên gọi là “*thiên tử*”. “*Thiên đạo mẫn thụ*”, ở người đức này gọi là “*lòng nhân*”. Chấp hành lòng nhân vào việc quản lý xã-hội là làm chính-trị, cho nên nói “*Nhân đạo mẫn chính*”. Cũng trong các đại-hội, các thủ-lãnh chư-hầu phải tuyên thệ vâng theo thiên-tử và giúp thiên-tử thực hiện sứ-mệnh ấy. Như vậy gọi là “*trung thành*” (*trung nghĩa và thành tín*). Họ trung thành với thiên-tử cũng là trung thành với thiên mệnh mà thiên-tử đã nhận lãnh.

Thiên-tử với mệnh Trời sang thời Đế chế cực



các chùa thờ Phật. (Chính sách “*biến khách thành chủ*”!). Nhiều danh lam thắng cảnh, tử như Hương Sơn nơi Tiên ngự, nay đã biến thành Chùa Hương, . . .!

- Một số tăng ni đã ngụy tạo các sáng-tác hay tạo dựng những sách vở, viết lên những truyện hoang đường, như đến Ngọc Hoàng Thượng Đế còn phải quy Phật, “*Tứ Phương lai cúng Phật*”. Tài-ba như Tôn Ngộ Không cũng bị Đường Tăng chi-phối!

- Theo Phật học là để bớt lòng tham, dục,... Thế mà phần đông Phật tử đi chùa là để cầu tài, cầu lộc, cầu danh, cầu tự,...

Các ngôi chùa lớn tiếm xưng là “quốc tự”, “Tổ Đình”, v.v...

Thật là khéo-léo và êm-dềm qua những sách vở, viết lên những chuyện hoang đường như Đức Vân Hương Thánh Mẫu giáng trần quía ác độc, giết hại dân lành nên bị các tăng sĩ Phật giáo đánh bại, tha tội chết nhưng bắt buộc phải đi tu để học chữ “từ bi” của đạo Phật!!!; Cả đến Ngọc Hoàng Thượng Đế (Ông Trời) có đức biếu sinh mà cũng đã thắm nhuần triết Phật, nên mới phê chuẩn: “*Tứ phương lai cúng Phật*” để trích giáng đệ nhị Tiên chúa xuống trần (40 năm) về tội khi dâng rượu vô ý sẩy tay làm rơi chén ngọc bể vỡ. Lời phê trên có nghĩa nơi chú thích: “*4 phương trời, 10 phương Phật là 40 năm*”. Hơn nữa từ kinh kệ, số sách cho đến cung cách lễ bái của đạo Mẫu nhất loạt đều rập đúng khuôn mẫu của đạo Phật!

*** Lão Giáo:**

Đề cao và cổ-động triết-lý: cá-nhân chủ-nghĩa quên mọi người, dù ruột thịt hay đồng-bào, chỉ biết sống cho chính bản thân mình, bằng những hình thức: Tu luyện trường sinh bất tử, nghiên-cứu, bàn

luận về số kiếp, bói toán và khai-sinh ra đám phù thủy, gieo-rắc bao điều nhảm-nhí, đầy mê tín dị đoan trong quần-chúng Việt! Rất may đạo này không ảnh-hưởng tác-bại như Khổng, Phật.

* Thiên Chúa giáo:

Nhìn hình ảnh Chúa bị đóng đinh trên cây “thập tự”, hình ảnh này nói lên một tinh-thần “bình dị, khiêm cung” (không quyền quý, xa hoa), “thương khó”, “hy sinh và “cứu chuộc” của Chúa.

Tiếc thay, trên thực-tế, -giáo-hội này đã tạo dựng nên một *hội-thánh nguy-nga tráng-lệ, một giáo-hội với quyền uy tột bậc!* Có lịch sử đã gây ra nhiều cuộc thánh chiến!

Trải gần 2000 năm lịch-sử của đạo Kitô, biết bao triệu người Do Thái đã chết thảm chỉ vì cái tội chối bỏ Jêsus là Thiên Chúa Kitô!

“Đối với Tin Lành thì đã có chiến-tranh thực-sự giữa hai phe. Chiến-tranh bùng nổ tại Pháp vào năm 1562 và kéo dài đến 1594; 30 năm tại Đức (Saxony, Moravia)..,

-Cuối thế-kỷ thứ XVIII, giáo-hội Thiên Chúa giáo xử-dụng tân học lấn-át và đánh bại cựu học của Khổng giáo. Khi chiến-thắng đã ngang-nhiên dùng danh xưng **công giáo**” (tông-giáo chung mọi người.).

-Khổng-giáo bị mất dần ảnh-hưởng, vì quá lỗi thời không theo kịp đà văn-minh thế-giới. Đó là cơ-hội cực tốt giúp cho Phật giáo vươn lên. Tuy vậy phải đợi đến thời-gian trước và sau khi nền đệ I Cộng Hòa bị sụp đổ. Phật giáo dám cả gan xây dựng và thiết-lập nơi thờ Phật tại Sài Gòn, thủ-đô của miền Nam, trưng bằng-hiệu **“Việt Nam Quốc Tự”** nhằm mục-đích: dần mất Thiên Chúa giáo và biểu-lộ dã tâm mong muốn Phật-giáo là quốc giáo của nước Việt Nam. Đồng thời cũng thay đổi cách xưng hô từ: chú tiểu, sư cô, sư bác, sư bà, sư ông,

sư cụ thành: đại đức (đức đâu mà đại), thượng tọa (ngồi trên đầu ai?), hòa thượng, hòa thượng thượng thủ. v.v...¹.

Một nhận-định chính-xác khác:

-Chính trị chi-phối tôn-giáo thì tôn-giáo sẽ không trường-tồn.

-Tôn-giáo thâm-nhập chính-quyền thì chính quyền sinh thiên-vị, và thiếu hòa ái thực sự.

-Tôn-giáo chi-phối vào vào học đường thì giáo dục sẽ kém tự-chủ và thiếu khai-phóng . . .



1- Quân Đức Me, ‘Đạo Mẫu’, nhà xuất bản Minh Đức, San jose, 2000.

Phục-hưng dân-tộc trước hết phải phục-hưng cá-nhân. Dân-tộc có độc-lập được hay không là nhờ ở năng-lực của thanh-niên.

Vai trò của tuổi trẻ là vai-trò chủ-động phục-hưng và kiến-thiết cho đất nước. Thế-hệ trẻ cần sống có chủ-đích. Bởi chủ-đích chính là hướng đi hay là lý-tưởng của cuộc đời. Sống là để tiến-hóa và tiến hóa là sự vui của sống còn. Sống mà không chủ-đích, sống vất-vưởng cho qua ngày, không những là gánh nặng cho gia-đình, mà còn là một tai họa cho xã-hội.

Sống có nghĩa là tranh-đấu. Có tranh-đấu mới có tiến-bộ. Nhưng tranh-đấu phải nằm trong mục-đích tiến-hóa chung của tập-thể.

Ở sống người cũng như ở muôn loài, sống là sống trong một dòng sống nối tiếp. Vật hay người không một cá thể nào tự sinh, mà phải nảy sinh từ một dòng sống. Tất cả những cái “ta” mà ta có đều là thụ-đắc trên đường sinh-hoạt với xã-hội. Cái ta trí-thức chính là do sự thụ-đắc nơi học-đường, sách vở; cái ta chủ-nhân là do thụ-đắc trong những sinh-hoạt kinh-tế... Nói chung danh phận một người đều do nó xây-dựng trong khuôn-khổ một xã-hội. Khuôn-khổ này sinh-động và luôn-luôn là những hệ-số hoặc thuận hoặc nghịch cho công việc và kết quả của những xây-dựng ấy.

“Sinh thế dị, trưởng thế nan” (Sinh ra ở đời là chuyện thường, nhưng làm nên cuộc đời có công-nghiệp mới là khó). Làm người, ai cũng phải chết, nhưng chết có nhiều cách. Có cái chết nhẹ-nhàng như “chiếc lá bay lượn với làn gió thoảng như thầm bảo sự đẹp của vạn-vật chỉ ở hiện-tại, cả thời-gian bám trên cành cây không giá-trị bằng vài phút bay lượn nên thơ.

Chương IV

- 1/ Xuất-lộ cho Đại Việt.
- 2/ Sự khác-biệt giữa hai nền văn-hóa Việt - Hoa.
- 3/ Tại sao phải Dứt Tàu?
- 4/ Làm Thế Nào để Dứt Tàu?
- 5/Giải-thích các từ-ngữ dùng trong sách.

1/ Xuất lộ cho Đại Việt.

Người ta đã ca-ngợi không hết lời về sự độc-lập của Hoa Kỳ, và Ba-Lan. Nhưng xét cho kỹ, nội chất độc-lập của Hoa Kỳ chỉ là mặt trái sự chia-rẽ của nòi giống Anglo-Saxon; Tính-chất độc-lập của Ba-Lan chẳng phải do sức nội tại, mà là do sự xoay-vần của thời-cuộc quốc-tế...

Không gì thuần-túy bằng tinh-thần độc-lập của nòi giống Việt, trải từ khi còn là một tốp người, tiến lên thành một dân-tộc, hai ba triệu rồi bốn - năm - bảy triệu, cho đến nay gần 80 triệu, từng thắng lợi mọi chia-rẽ nội-bộ để thống-nhất quốc-gia dưới thời Đinh; từng đánh bại mãnh lực xâm-lược vào thời Trần; và đã hùng-hồn tự-lực giành độc-lập dưới ngọn cờ cách-mạng dân-tộc của Lê-Thái Tổ,...

Thừa-hưởng tinh-thần cao đẹp, tượng-trưng qua lý-tắc Tiên + Rồng (Âm Dương hổ-tương - Đối nghịch tương sinh) khi hưng khi vong, khi ẩn-phục, khi triển-khai. Căn-cứ vào lý-tắc ấy, ta đoán định thời-đại trước mắt ta, chính là buổi rạng đông của văn-minh cao-khiết mới, một sứ-mệnh vĩ-đại mới, và một sự-nghiệp hùng-tráng khai quang của dân-tộc Việt.

Hơn thế-kỷ lâm-lý khổ-ải đã thấm-thấu vào lòng mọi người Việt. Cho nên tiến-trình phục-hưng của nòi giống ta có thể diễn-tả qua các giai-đoạn đại bi, đại giác, đại nguyện, đại hành, đại hùng, đại thế... Tự cảm-giác thấy cái đau khổ lớn-lao mà thức-tỉnh một cuộc cách-mạng rộng lớn...¹

¹- Lý-Đông-A, "Tâm-Lý Thần Linh Học", trong Huyết-Hoa, Nhóm Nghiên-Cứu Văn-Hóa Việt xuất bản 1986 tại Hoa-Kỳ.

a. Viêm Đế.

b. Hải Đại vì ở tỉnh Hải Đại (Sơn Đông)

c. Miêu: Thời kỳ đấu-tranh với dân Hán.

d. Thái: Lấy gốc ở sự chiếm lĩnh Thái Sơn lúc đầu. Cho nên ca-dao Việt có câu:

“ Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.” (Ca Dao)

* Quốc Hiệu :

1- **Xích Quỷ** : Thời Kinh Dương Vương, (thời kỳ huyền sử)

2- **Văn Lang** (Làng văn hiến, 18 Thời Hùng ¹ 2879-258 TCN).

3- **Âu Lạc**, tồn tại 50 năm (257 TCN). Thời An Dương Vương (257-207TCN) .

4- Thời kỳ bị Tàu đô-hộ (207 TCN-968) do Tàu đặt là **Nam Việt, Giao Chỉ , Lĩnh Nam, Giao Châu, An Nam.**

5- **Đại Cồ Việt**, từ Thời nhà Đinh đến hết thời Lý (968-1054).

6- **Đại Việt**, Thời Lý - đầu Nguyễn (1054-1804).

7- **Đại Ngu** (Nghieu), thời Hồ Quý Ly, (1400-1407).

8- **Nam Việt**, Thời Hậu Lê (1428-1804).

9- **Việt Nam** từ 1804-1839. Thời Nguyễn Gia Long.

10- **Đại Nam** (1839-1887),

11- **Đông Dương** (1887-1941, Thời Pháp thuộc))

12- **Việt Nam** (1945-...).

1- Văn Lang : Cái làng văn hiến.

2- Xích Quỷ: Theo truyền-thuyết, quốc hiệu của nước Việt Nam xưa, khởi lập từ 2879 BC. bởi vua Kinh Dương.,. Bắc giáp Đông Đình Hồ (Hồ Nam), Nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), tây giáp Ba Thục, đông giáp Nam Hải. Xích Quỷ là nước nằm ở vùng nhiệt đới (gần Xích đạo).

Có chiếc lá như sợ-hãi, ngần-ngại, rụt-rè, rồi khi gần tới mặt đất còn cố cất mình muốn bay trở lên cành cây.

Có chiếc lá như con chim bị lão-đảo mấy vòng trên không, rồi cố gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng-bằng cho chậm tới giây phút nằm phơi trên mặt đất...”¹

Do đó, thanh-niên thời-đại phải biết kiến lập một sinh-mệnh độc-lập và vượt thắng cho chính mình. Đời sống của con người vốn là một cuộc hành-trình có dự định, có kế-hoạch, để đạt tới một hoàn-thành có ý-nghĩa và giá-trị cho nhân sinh.

Thế-hệ trẻ Việt bầy mạnh-dạn đưa vai vác trái địa-cầu như Atlas

“Sinh vi nam tử yếu hy kỳ

Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di...”

(Phan Bội-Châu)

Thế-hệ trẻ cần hiểu rõ cách-mạng, chính-trị và kiến-thiết phải hợp nhất vào một tinh-thần và luật-tắc chỉ-huy nó, vận-dụng nó, nắm giữ nó và hiểu=biết nó.

Lý-luận và thực-tiễn phải thống-nhất trên một lý-tắc trọn vẹn, không phụ-họa và gia-giảm.

Thắng-lợi phải nắm giữ được thực-thể trước khi ra trận.

Nhiều cuộc thắng-lợi trên chiến-tranh nhưng rồi thất-bại trên hòa-bình. Nếu dân-tộc ta không có nhân quang sáng-suốt thì hoặc cũng được thành-công trên cách-mạng, nhưng tất sẽ thất-bại trên kiến-thiết, hoặc sẽ được thắng-lợi trên kiến-thiết mà thất-bại trên chính-trị.

Cách-mạng, kiến-thiết và chính-trị cần phải có hướng thượng, cần hơn cả sự thành-công chớp qua.

Chúng ta còn phải lấy con mắt công, con mắt thời-đại, nhân-loại và lịch-sử , con mắt của

1- Khái-Hưng, báo “Phong-Hóa” số 171.

khoa-học khách-quan mà phán=đoán, đừng để bị che-lấp bởi một thể-chế xã-hội và văn-hóa nào mà bỏ mất lập-trường siêu-nhiên và thiên-liêng.

Chỉ có khi nào ta tự làm chủ, đừng để tụt xuống làm tôi-dòi trước các ý-thức và văn-hóa, chúng ta mới thực biết làm chủ của vũ-trụ, văn-hóa, xã-hội, văn minh và thời-đại. Chúng ta đừng vì đi học Anh, Nga, Mỹ, Đức, Ý, Nhật, Pháp, Tàu mà vội-vàng đứng vào lập-trường của họ. vội buông lời phán-đoán hay vội vàng đứng sang chủ-trương mình. . . .

Cho nên, để mà phục-hưng, phục-hoạt, chúng ta phải lấy con mắt nghiêm-ngặt Việt, đứng siêu-nhiên trên lập-trường Việt, nghiêm-ngặt siêu-nhiên trên lịch sử Việt. Như thế thì: Khoa học phục-hưng chúng ta, triết-học, thuật-học và lịch-sử phục-hưng đặt trên nền tảng NGƯỜI (cause humaine).

Duy Dân chủ-nghĩa, nghiêm-ngặt trong ý nghĩa Việt trên cách-mạng, chính-trị và kiến-thiết của Tiểu Việt và Đại Việt.

*Duy Dân chủ-nghĩa là sự phục-hưng và phục hoạt tất-nhiên và tiên tri, cho nên gọi nó là **Thắng Nghĩa**, nghĩa là thắng hết các chủ-nghĩa, vạn thắng cả trên vật-chất lẫn tinh-thần.*



2- Sự Khác biệt giữa hai nền Văn-hóa Việt với Hoa.

A- Danh-xưng Việt và Tàu: :

* Tàu:

- Tàu, Chiệc, Hán, Đường (*Thòong nhần*), Ngô, Khách, v.v...?

Xưa kia, người Tàu thường tới Việt Nam bằng thuyền, hay tàu nên người Việt gọi họ là người Tàu.

Chiệc: nghĩa là *chú* (*tiếng Thiều Châu*).

Hán : Người Tàu tự hào về nhà Hán hay một triều đại huy-hoàng nào, nên nhận mình là người Hán (*Hán nhần*) hay Đường nhần (*Thòong nhần*).

Sau thời Xuân Thu, nước Việt lệ thuộc Đông Ngô nên gọi họ là thằng “Ngô”, như:

Tham giàu, em lấy phải thằng Ngô.

Đêm nằm như thể cành khô chọc vào!

(Ca dao)

Hoặc:

Ba mươi tết, tết lại ba mươi,

*Vợ thằng Ngô đốt vàng cho chú **khách**.*

Một tay cô cầm cái dù rách,

Một tay cô xách cái chần bông;

Cô đứng ra bờ sông, cô trông sang nước người

*Ơi chú **Chiệc** ôi là chú **Chiệc** ời!*

(Ca Dao)

* Việt ?

Thế nào là Việt?

Theo nhà tư-tưởng Lý Đông A, trong “*Việt Sử Thông Luận*” : Việt không phải là tên chúng ta đặt ra sau này, lúc trước Việt còn gọi là Viêm.

đồ khắc-nghiệt, nhưng phải chế hóa thiên-nhiên nhiều hơn là dân-cư vùng cao-nguyên hoang thổ.

Chẳng-hạn việc xây cất nhà cửa, không những phải xử-dụng tre gỗ một cách kỹ-thuật, mà còn phải nung gạch đá để bảo-vệ nơi ăn chỗ ở, chống mưa, chống lụt khác với việc dựng lều, khoét hang - Quàn áo cũng vậy, Hoa Bắc dùng da, lông, len, kỹ-thuật chế-tạo không mấy khó-khăn. Hoa Nam phải nuôi tằm, trồng bông để chế thành sợi, phải phát-minh cách dệt, cách may cắt, không kể những thêu-thùa, hoa mỹ. Đến cả việc săn bắn, Hoa Bắc dùng cung tên và đuổi thú trên lưng ngựa. Người Hoa Nam dùng nỏ và bẫy (*phải rình-rập và chờ thú tới mà hạ tại chỗ. Do đó chế nỏ và bẫy đòi-hỏi nhiều kỹ-thuật hơn chế cung*). Đến việc di chuyển, vận-tải cũng khác nhau, thuần-thực ngựa rừng, Sở-trường về vận-động tốc chiến, tốc quyết.

* Người dân vùng Nam Dương Tử, về vóc dáng dù ngày nay các dòng đã pha trộn vào nhau, nhưng đại thể **để phân-biệt với người Hoa Bắc hơn là với người toàn vùng Đông Nam Á**, nhất là với người Việt, Thái, Miên. Dân cư trong vùng Trường Giang, và Hoa Nam, kể cả thung-lũng sông Hồng, sử-quan Trung Hoa trước gọi chung những cư dân vùng này bằng danh-tù **Bách Việt**.

Theo học giả Harold Weins đã viết trong tác phẩm “*Han Chinese Expansion in South China*”:

“Giống Việt đã vào Trung quốc, **vùng Dương Tử giang**, được gọi là văn minh Viêm Việt thuộc văn-minh Thục Sơn. Nghiên-cứu trong số 300 chủng-tộc, có hai chủng-tộc ưu-việt là Thái và Việt. Thái ưu-việt về chính-trị, và Việt ưu-việt về văn-hóa.” (*The Viêm Việt had entered into China by the Yangtze river. They called the Viem Viet civilization as Thuc Son's civilization. Among 300 races that were studied, the most*

B/ Hai ThựcThể Việt - Tàu Tại Trung Nguyên.

Theo địa-ly Trung quốc, phần đất giữa trung lưu hai sông Hoàng Hà và Dương Tử là phần lõi trong sứ mệnh của thiên-tử thời phong-kiến, và cũng là **phần đất màu-mỡ** nên được gọi là “**Trung Nguyên**”.

Sau thời đế-chế cực quyền, sử quan Tàu gọi gồm chung bốn phía quanh Trung Hoa là “*Tứ Di*” (*Bắc Dịch, Nam Man, Tây Nhung, và Đông Di.*)

Ta cần lùi thời-gian vào khoảng vài ngàn năm, giữa cuối tiền-sử và đầu thượng-cổ để xem con người tại Hoa Lục đã sinh-hoạt như thế nào, trong khi đời sống còn dựa vào săn bắn, ngư-chài, du-mục và canh-tác.

Bấy giờ, dân cư Hoa Lục đại-thể sống trên trung lưu hai triền sông Hoàng Hà ở phía Bắc, và Dương Tử ở phía Nam sinh-hoạt rất khác-nhau.

Thượng và trung lưu triền Hoàng Hà là một cao nguyên hoang thổ, không do triền này tạo nên, mà do gió mùa Tây Bắc **thổi cát từ Hãn Hải tới** lấp các thung-

Chú thích (tiếp theo):

Có lẽ nước Xích Quỷ chưa hề hiện hữu trong thực-tế? Rất có thể, vua Thần Nông và họ Hồng Bàng Kinh Dương vương chỉ là biểu-tượng phổ-quát. Câu chuyện nguồn gốc uyên-nguyên mờ-mịt ấy lại thêm quốc hiệu Xích Quỷ, chắc hẳn được dựng lên bởi lớp người Việt cổ trong dân-gian sẵn chút căn-bản văn hóa, sớm lắm cũng vào thời mà văn minh Hoa Bắc đã lộ dạng (Hạ - Thương - Chu) hoặc có thể còn muộn màng hơn nữa về sau này thời Xuân Thu, Chiến Quốc, Tần, Hán để tạo cái tư-thể phân lập Bắc - Nam, ngang-ngửa riêng một góc trời Đại Việt của khối dân Lạc Việt dưới quốc hiệu hoa mỹ, duyên-dáng Văn Lang với nền văn hóa thuần nông chuyên trồng lúa nước trải đã chục ngàn năm qua.

3- Âu Lạc: chỉ sự kết hợp hai bộ tộc Âu Việt và Lạc Việt.

4- Giao Chỉ: Đất phen dậu - Đất giáp ranh giới với nước khác.

5- Đại Ngụ: Chỉ tốt đẹp như thời Nghiêu Thuấn.

lũng giữa những đồi núi mà thành. Trừ vài khu rừng núi phía Tây Bắc, mùa hè hay có mưa lớn, còn khí-hậu cao-nguyên theo ven phía Nam mà đi về hướng Đông ra biển. Càng lên phía Tây Bắc, bờ các sông trong triền càng cao. Nhiều nơi dòng chảy ở dưới sâu, cách đồng điền ở trên hàng trăm mét. Cao nguyên này, chất đất rất tốt cho **đồng cỏ** và những ngũ cốc cần rất ít nước như **lúa mì, lúa mạch**.

Dân cư ở vùng này thuộc nòi Mông Cổ, lực-luồng và thô-phác. Thành phần phía Bắc và Tây Bắc sống bằng du-mục và săn bắn. Nhà cửa, quần áo hầu hết bằng da, len và da lông. Thành phần phía Nam và Đông Nam định cư trồng lúa mì, lúa mạch; nguồn lợi kinh-tế là săn bắn, chăn nuôi tại chỗ. Nhà cửa ở đây nhiều nơi là những hang khoét sâu vào hai bên bờ sông, ở nơi đủ cao để không bị ngập nước về mùa mưa và tuyết tan, nhưng cũng đủ thấp để tiện việc lấy nước về mùa khô. Những hang này, có hang dành cho người, có hang dành cho gia-súc. Ưu-điểm các hang này là mát về mùa hè, và ấm về mùa đông. Ngựa và gia-súc đặc-lực trong việc canh-tác, chuyên-chở và di-chuyển.

Người phương Bắc này đã sáng- tạo ra bánh xe để chế xe ngựa dùng vào việc chuyên-chở và chiến-tranh. Họ cũng biết quan-sát tinh tú để định phương hướng di-chuyển trên những đồng cỏ mênh-mông.

* Triền sông Dương Tử bồi lấp nên những thung-lũng và những đồng-bằng vùng Hoa Trung và Hoa Nam bằng **phù-sa** bào mòn từ những sườn đồi núi Tây Tạng, Tú Xuyên và Hoa Nam. Cả vùng này khí hậu ẩm-ướt, nhiều hồ đầm, rừng-rú, nhất là tre nứa, mùa hè nhiều mưa lũ, mùa Đông mưa tuyết. Hoa Trung khí hậu ôn-hòa, ấm về mùa Đông, mát về mùa hè. Hoa Nam khí-hậu nhiệt-đới, mùa hè nóng, mùa đông lạnh, nhưng không quá khác như ở vùng Cao-nguyên hoàng thổ. Thủy sản, và lâm sản cũng như

thảo mộc và muông-thú thật phong-phú.

Dân cư ở đây có **nguồn gốc Nam Á**. Họ sống rải-rác thành những tập-thể lớn, nhỏ trên các sườn đồi núi, ven những hồ đầm, và trên những đồi đất cao ngày bồi thêm rộng để sau thành những đồng-bằng lớn nhỏ vùng Hoa Trung và Hoa Nam. Nhà cửa thường là những khóm nhà sàn, cất trên các hàng cọc cao. Nếu những nhà cửa trên mặt đất, vật-liệu có thể là tre, gỗ, gạch, đá và lá gồi.

Người dân vùng này **cấy lúa trên những ruộng nước**. gieo lúa rẫy và trồng rau dưới các thung-lũng hay trên sườn đồi núi. Nguồn chất đạm và chất vô chính là do các sinh-vật thủy-sân tôm cua, trai sò và nhất là cá. Họ trồng bông và nuôi tằm để kéo sợi. Chẳng những biết dệt vải, lụa mà còn biết nung sành, gạch (mỹ nghệ đồ sứ). Biết xây cất nhà cửa, và chế xe ngựa ít công-phu và kỹ-thuật hơn là chế-tạo thuyền bè. Tục ngữ Trung Hoa có câu: “**Bắc cỡi ngựa, Nam chèo thuyền**” đã chỉ rõ sở-trường của mỗi miền.

Đức tính ở người Hoa Bắc là “**gồng mình**” để thích-ứng với môi sinh. Sống theo thiên-nhiên nên thô-phác, sơ-lậu. Cũng vì rèn mình sinh-hoạt trực-tiếp với hoàn-cảnh khắc-nghịch nên con người Hoa Bắc lực-luồng và dũng-mạnh hơn người miền Nam.

Trong sinh-hoạt phát-triển, thành-phần du-mục có những ưu-điểm:

- Khỏe sức và to lớn hơn.
- Sinh-hoạt giản-dị hơn.
- Trang bị nhẹ-nhàng hơn.
- Động viên, kết tập dễ, mau.
- Tiến, lui nhanh-nhẹn nhờ sử-dụng ngựa và các chiến xa do ngựa kéo thành-thục hơn.

Dân cư vùng sông Dương Tử và Hoa Nam tuy được hoàn-cảnh thiên-nhiên phong-phù, và thời-tiết

Việt lại giỏi hơn.

Cuộc chiến đầu-tiên được nhắc tới trong lịch-sử Trung Nguyên là trận “*Hoàng Đế chiến Suy Vưu, bình Miêu Tộc*” (*Lãnh tụ liên quân Mông Cổ thắng Suy Vưu và dẹp yên Miêu tộc*). Sau trận này, ở Trung Nguyên ra đời một cộng đồng ổn-định **trong trật-tự phong-kiến** của một quyền-lực chúa-tể với những quyền lực địa-phương (*Thiên tử lãnh-đạo thiên-hạ và các vua chư-hầu là danh hiệu những thủ-lãnh địa-phương*).

Thoáng nhìn giai-đoạn giao-thoa này, nhiều người đã ngộ nhận “**Văn-hóa Việt là bản sao của văn hóa Trung Hoa**”, chẳng khác nào khi **cầm một giải lụa thêu đem lật ngược mặt trái cho là mặt phải!**

*



== Lãnh-thổ Trung-Quốc thời Hiến-Viên Hoàng-Đế

eminent races were Thai and Viet. The Thai excelled in politics while the Viet excelled in culture.)

Cuộc hội-thảo ở Berkeley vào năm 1978 đã đưa đến kết-quả việc ấn-hành cuốn “*The Origins of Chinese Civilization*”, nội-dung đã làm sáng-tỏ những vấn-đề về cổ sử Trung Hoa, cổ sử Việt Nam và Đông Nam Á:

- Trong nội địa Trung Hoa, **văn hóa miền Nam có trước văn hóa miền Bắc Trung Hoa**.

- Văn hóa miền Nam Trung Hoa có nhiều nét giống văn hóa Hòa Bình, và có sau văn-hóa Hòa Bình.

Trên khía-cạnh văn-hóa, vào năm 1953, hai nhà khoa-học Pháp A. Leroi-Gourhan và R. Poirier đã nhấn mạnh rằng: “*Vùng Đông Dương nằm trong khu-vực xuất-hiện con người từ rất sớm.*”

Tương tự, theo tiến sĩ Wilhelm G. Solheim II, giáo-sư nhân-chủng-học tại Đại-học đường Hawaii, trong bài “*Ánh Sáng Mới Dọi vào Một Quá Khứ Bị Quên Lãng*” đăng trên tập-san National Geographic tháng 3 năm 1971: “...

Quan-niệm cổ-diễn về thời tiền-sử vùng Đông Nam Á là sự di dân từ miền Bắc mang theo các kỹ-thuật quan-trọng xuống vùng Đông Nam Á. Tôi đề-nghị ngược lại là vào thời-đại Tân Thạch Khí, nền văn-hóa Bắc Trung Hoa phát-triển từ nền văn-hóa chi-nhánh của văn-hóa Hòa Bình, vào khoảng năm 6000 hay 7000 TTL,...”(The traditional reconstruction of Southeast Asian prehistory has had migrations from the north bringing important developments in technology to Southeast Asia. I suggest instead that the first neolithic (that is, late Stone Age) culture of North China, known as the Yangshao, developed out of a Hoabinhian subculture that moved north from northern Southeast Asia about the sixth or seventh millennium B.C....”

Qua những điều nêu trên, **địa-bàn của văn-hóa Việt khởi nguồn từ nền văn-hóa Hòa Bình, nền văn-hóa bản địa**, tỏa rộng trong vùng Đông Nam Á. **Chủ nhân (chủ thể) của nền văn-hóa ấy chính là dân Việt.**

Song-song với nền Văn-hóa Việt là nền văn-hóa **Hoa Hạ** (Tàu). Xét về văn-hóa Hoa Hạ đầu-tiên xuất-hiện, thì vùng đất miền Nam đã có những sắc dân-cư ngụ tại đó và họ đã có một nền văn-hóa cao. Như vậy **cuộc bành-trướng về phương Nam của người Tàu đã làm phong-phú cuộc sống cho họ.**

Giáo sư Wolfram Eberhard: “Ý kiến cho rằng tộc Hán (Hoa) đã sản-sinh ra nền văn minh cao độ hoàn-toàn do tự lực, do những tài năng đặc-biệt của họ, thì nay đã không thể đứng vững. Chúng ta thấy rằng không hề có một nước Trung Quốc văn minh với chung quanh toàn là những dân tộc man rợ; mà chỉ có một nước Trung quốc với các nước chung quanh cũng văn minh như họ, tuy theo một đường lối khác” (*No longer see Chinese as a great civilizatiuon surrounded by barbarians, but we study the Chinese coming to terms with their neighbors, who had civilizations of quite different types...*)

(*A History of China*”, University of California Press, Berkely and Los Angeles , 1071.)

Harold J. Wiens, “*Han Chinese Expansion on South China*”, The Shoe String Press Inc., 1967.

Whether the historical data are reliable and further, whether the descriptions are sufficiently informative for classification purposes? Most researchers of Chinese history concede the astonishing degree of reliability of Chinese historical facts. Where fault is found with Chinese history, it is with the distortion resulting from omission of

facts, particularly in the accounts dealing with the so-called “barbariana” or non-Han Chinese tribes people.

Ngay đến phương-diện học thuật, Tây hay Đông, ai cũng nghĩ Nho Học là của Tàu, đại diện Nho học là Khổng Tử, Khổng Tử, được tôn là “*Vạn thế sư biểu*” nhưng chính trong sách Luận Ngữ, mục “*Thuật nhi*” , Khổng Tử viết: “***Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*** = thuật lại mà không sáng-tác, tin và yêu cổ xưa.” Điều này chứng-tỏ những điều Khổng Tử nói hay viết lại, không hoàn-toàn do Khổng Tử sáng-tác, mà ***chỉ thuật lại từ một nền văn-hóa nào khác.***

Cũng trong sách **Trung Dung** - bài 10, Tử Lộ vấn cường. - Tử viết: “*Nam phương chi cường dư? Bắc phương chi cường dư? Ưc nhi cường dư? Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo – Nam phương chi cường dã. Quân tử cư chi.*

Nhằm kim cách , Tử nhi bất yểm. Bắc phương chi cường dã, nhi cường gia cư chi. (Ông Tử Lộ hỏi về sức mạnh. Khổng Tử đáp: “*Đem lòng rộng-rãi, hiền hòa dạy người, dẫu kẻ vô đạo cũng không báo thù, đó là sức mạnh của người phương Nam. Người quân tử cư xử như vậy. Xông pha gươm giáo, ôm yên mặc giáp, đến chết không chán, đó là sức mạnh của người phương Bắc. Kẻ cường bạo cư xử như vậy.*)

Các điều nêu trên cho ta thấy hai dòng sông Mông Cổ ở Hoa Bắc, Hoa Trung và dòng Bách Việt ở Hoa Nam có những giao-thoa kể cả những trao đổi hàng-hóa, kỹ-thuật, đến tư-tưởng, tín-nguồn và dòng máu. Có những trao đổi tự nhiên, hiền-hòa, lại có những trao-đổi cưỡng-bách bằng những hành-động bạo-tàn như cướp bóc, hãm hiếp tạo ra hận thù.

Trong khi-thế phát-triển và tranh-đua vũ lực, thế mạnh về dòng Mông Cổ, vì họ sở-trường hơn về vũ lực, nhưng sinh-hoạt kinh-tế và văn-hóa thì người Bách

tộc đã nhanh-chóng chi-tiết-hóa, hệ-thống-hóa và phong phú hóa tinh-hoa của văn-hóa nông nghiệp trồng lúa nước, phát-triển thành nền văn-hóa tổng-hợp du-mục + nông nghiệp với một lâu-đài trí-thức đồ-sộ, rồi đến lượt Hoa tộc phát-huy ảnh-hưởng trở lại các dân tộc phương Nam!

*** Dân Tộc Nạn:**

Dân-tộc Việt đang trên bờ vực thẳm qua hai mặt “quốc gia nạn” và “dân tộc nạn” do bọn cầm quyền Cộng Sản Việt, tay sai của Cộng Sản Trung Hoa.

Tinh-thần tập-thể sinh tồn tức là lòng yêu nước và tình-tự dân-tộc đã kiệt quệ! Kiệt quệ vì một mặt nhân dân thấy mình bị lường-gạt một cách quá sức tưởng-tượng, một mặt chính những tình-cảm ấy tuy không chính-thức bị cấm-đoán nhưng lại bị hướng đi một cách đến thành vô nghĩa với những dẫn giải “*yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa*”!

Lòng nghĩa khí đã chết hẳn, và chỉ còn lợi danh, ê-dề-tiền, giáo-quyết. Càng trẻ càng điêu-ngoa, trắng tráo. Tập-đoàn cộng-sản đã đào-tạo cho lớp trẻ thay vì nuôi dưỡng “*nghĩa-khí, hào-hiệp*” thì lý-tưởng khao-khát của thanh-niên thời-đại là làm sao được tuyển vào hàng-ngũ tổ-chức gọi bằng danh-từ “*đảng*”, và khi được tuyển vào đảng chỉ biết bảo-vệ quyền-lợi đảng trên hết dù đi ngược lại quyền-lợi dân-tộc và đất nước! Tinh-thần dân-tộc đã hoàn-toàn bị phá-hoại.

Tất-cả những nét văn-hóa truyền lại từ ngàn xưa tại nông-thôn như tổ-chức thôn ấp, đình miếu, tộc đường,... thậm-chí đến cả gò đồng, cây đa, con ngòi cùng với danh-hiệu, tất-cả đều đã bị triệt phá, thay hình đổi dạng, khiến một người đi xa lâu ngày trở về không khác nào đến xứ lạ, và tất-nhiên những thế-hệ trẻ lớn lên là lớn lên trong một khung-cảnh hoàn-toàn không còn liên-quan đến quá-khứ!

3- Tại Sao Phải *Dứt* Tàu ?

*N*gay từ xa xưa, ông cha ta đã có câu:

*Cây có gốc mới xanh cành tươi ngọn,
Nước có nguồn mới biển cả sông sâu.”*

(Ca dao)

Nhìn một dòng sông (gia tộc hay dân tộc).như một cây có nhiều cành, nhiều lá,....

Nhìn cả nhân loại là sự tập-hợp của nhiều dân tộc như nhiều dòng sông chảy ra biển cả.

Có nhiều người cho rằng Dân Tộc chỉ là một danh-từ trống rỗng, hạn-hẹp! Nhưng thật ra, Dân Tộc là một thực-thể, nó gắn liền với nếp sống sinh-hoạt của quốc dân, với vận-mệnh của quốc dân. Dân Tộc Việt là cả suốt dòng lịch-sử Việt, hàm-chứa ngay trong những hình ảnh:

*‘Mẹ Việt Nam không son, không phấn,
Mẹ Việt Nam chân lấm, tay bùn..’*

Ở Dân-tộc là những gì gọi là ‘Quốc Hồn’, ‘Quốc Tủy’, là tinh-thần, là văn-hóa dân-tộc, là hình-ảnh những ngày cuối năm âm lịch, trên khắp nẻo đường đất nước, dân Việt lũ-lượt về quê ăn tết. Dân-tộc ví như biển cả im lặng, con dân chỉ là những đợt sóng nối-tiếp nhau, rì-rào trong khoảnh-khắc để rơi vào yên lặng. Nhưng đó không phải là im lặng của sự chết, mà chính là sự sống đang lặng-lẽ vươn lên xuyên qua lòng vũ-tru,... Họ biết rằng quá-khứ không phải là hư-vô, mà sẽ được giữ lại trong cái thực tại siêu-việt của dân-tộc cho đến tận cùng lịch sử...’¹

1- Lý Chánh Trung, “*Tìm về Dân Tộc*”, tr. 61, Lửa Thiêng, 1972.

Dân-tộc phải được quan-niệm là một bản thể sống còn trên chính-trị quốc-tế, tập-đoàn nhân-loại, nơi gặp nhau theo tự-nhiên phân-bố và tích-lũy mà thành một văn-hóa đặc-thù. Đối với quốc-tế, quốc-gia dân-tộc chỉ là một cơ-năng có hết các cơ-hội, nghĩa vụ và quyền-lợi đối với tác-dụng và mục-đích của loài người. Quyền-lợi đương-nhiên của dân-tộc ở ngay trên bản thể sinh-mệnh của nòi-giống. Tư-cách lịch-sử của mỗi dân-tộc quyết-định sự hoạt-động bình-đẳng trên quốc-tế.

Ca-dao Việt đã khẳng định:

*“Cây có gốc mới xanh cành, tươi ngọn,
Nước có nguồn mới biển cả, sông sâu.”*

* Việt Nam hiện-tại.

Tìm về lịch sử nhân-loại và dân-tộc, có dân-tộc nào chịu-đựng những tội ác của loài người nhiều hơn và lâu dài hơn là dân-tộc Việt? Có người Việt nào không cảm thấy trong lòng những đau-thương và tủi-nhục của chính mình và đồng loại?

Chúng ta cần phản-tĩnh và tự hỏi: “*Trải 5000 năm nòi-giống chửa bị diệt vong tất phải có một lẽ gì? và phải có việc gì để làm?*”

Trong phạm-vi dân-tộc Việt, chúng ta hãy tiếp hợp truyền-thống 5000 năm của dân-tộc, truyền-thống đấu-tranh bằng *dân-tộc cách mạng* với tinh-thần hiện-đại, hoàn thành một cách-mạng cho dân-tộc trên con đường đi lịch sử và thăng tiến. Kinh-nghiệm cho thấy, trên phương-diện chính-trị, đi mượn các tư-tưởng ngoại lai nếu không phù-hợp với sinh-mệnh dân-tộc như các tư-tưởng Tống Nho, Thanh Nho, Mác Lê, v.v.... đều di hại cho đất nước.

Dân-tộc ta đã từng lịch-lãm:

* Hơn 1000 năm Bắc thuộc, các thứ-sử và thái thú thời Tây Hán đến Minh triều,... Dù mềm-đẻo hay tàn-bạo đều thực-thi chính-sách **tiêu diệt và đồng hóa dân Việt**. Các thái thú nham-hiểm như Nhâm Diên, Tích Quang và Sĩ Nhiếp, họ khôn-ngoaan dùng thủ-đoạn vỗ-về dân -chúng hầu dễ-dàng làm thay đổi phong-tục, tập-quán mà họ tự nhận là khai hóa cho dân Việt! Chính-sách đồng-hóa từ Hoàng Đế kế truyền đời này tiếp đời khác, thực-hiện song-song qua hai hình-thức:

- Tiêu diệt dân bản xứ bằng phương-pháp thống trị rất hà-khắc.

- Di dân chiếm đất.

“*Trung tâm quy-luật của lịch-sử Tàu là “Hữu đức giả hữu thổ” (có đức tất có đất đai), hữu đức ở đây phải hiểu theo kinh sử Tàu là “lấy tài hóa thu nhân tâm chứ không phải đạo đức”.* Cái quy-luật này phối-hợp với ý chí dân Hán là “**Hưng Hoa, diệt Di**” để hình-thành một lịch-sử xâm-lược... Chúng-tộc được suy-diễn theo lối “**Tam niên dưỡng chi, giáo chi tất giai ngô dân**” (ba năm giáo dưỡng, tất sẽ thành dân Tàu), văn-hóa được suy tiến sau chúng-tộc, tiếp là kinh-tế (**hữu đức giả hữu thổ**), và sau cùng là chính-trị chiếm lĩnh “**Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ**” (Trong thiên hạ, không chỗ nào là không thuộc đất của vua Tàu), tất cả đều phục tùng dưới lưỡi lê “**Nhường Di dịch, phạt Man Khương**”!

Chỉ cần thể-nghiệm cái sâu hận đời Tống và triều đại Minh đủ để biết cái dã tâm của Tàu.

Will và Ariel Durant đã viết trong cuốn “*Lịch Sử Trung Quốc*” cho rằng sự phát-triển của lịch sử Trung Quốc trải qua hai giai-đoạn hướng tiến của Hoa tộc thời thượng cổ là từ Tây sang Đông, còn từ nhà Hạ trở về sau là từ Bắc xuống Nam của đế quốc Trung Hoa...

Với lối tư-duy phân-tích của văn-hóa du-mục, Hoa

hàng năm triều-cống không khuyết, nhưng chưa tỏ hết lòng thành. Việc mang quân đi hỏi tội là lý đúng của đại quốc.

Đối-chiếu sử Việt: Thoát Hoan sang đánh Việt Nam lần 1 (1283). (trận Vạn Kiếp, Thoát Hoan trốn về Tàu, (1285).

Năm 1287, Thoát Hoan sang đánh lần thứ 2. Bạch Đằng giang anh-hung.

- Nhà **Minh** (1368 - 1644 T.L.)

Đối chiếu sử Việt: Sau khi đánh bại nhà Hồ (Hồ Quý Ly), nhà Minh lật -ngheo cai-trị dân Việt. Lê Lợi đã gian-khổ trong 10 năm (1418-1428) thắng quân Minh.

- Nhà **Thanh** (1644-1912 T.L.)

Năm 1788, vua Càn-Long sai Tôn-Sĩ-Nghị khởi quân bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu, Vân Nam sang đánh nước Việt. Sự-nghiệp của vua Quang-Trung tuy ngắn-ngủi, nhưng rất sáng chói. Sự-nghiệp của ngài là cả một khoa-học kiêm nghệ-thuật về quân-sự của thời-đại XX, hợp với chiến-lược toàn-diện chiến của chiến-tranh chớp-nhoáng, cũng như về chính-trị phải nói rằng: Vua Quang-Trung là người của thời-đại XX trên kế-hoạch xã-hội và chính-trị.

- Năm 1926 Trung Hoa được thống nhất, Tưởng Giới Thạch được đề-cử làm tổng-thống. Chế độ Cộng Hòa (1912-1925 T.L.)

Năm 1931, tập-hợp các lực-lượng ở các tỉnh Đông và Nam Trung hoa, thành-lập Cộng Hòa Xô Viết Trung Hoa, Mao Trạch Đông làm chủ-tịch.

Năm 1936, Quốc và Cộng đã cùng nhau chống Nhật. Ngày 1-10-1949, Mao tuyên-bố thành-lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa.

* Thời Trung Hoa Dân Quốc của Tưởng Giới

Những cứ điểm văn-hóa dân-tộc đã đương đầu với ngàn năm đồng-hóa thời Bắc thuộc, hóa giải cả 8, 9 trăm năm cái học-thuật mị ngoại của thời vua chúa và cũng đã chối bỏ được văn-hóa lai-căng, bồi-bấp thời Pháp thuộc - *Những cứ điểm làng mạc quê mùa ấy đã bị tập-đoàn cộng-sản triệt hạ! Trọng tội này, tập-đoàn cộng-sản Hồ Chí Minh phải chịu hình phạt nào cho đúng tội đồ của chúng đối với lịch-sử dân-tộc Việt?*

-Truyền-thống xâm-lăng và Hán hóa của Tàu.

Lịch-sử Trung Hoa có thể nói là một lịch-sử của truyền tiếp xâm-lăng. Đời-đời kế-tiếp, thời nào cũng thế, dù Tàu quốc-gia hay Tàu Cộng, Tàu Bắc-Kinh hay Tàu Đài-Loan,..từ Hiên-Viên thị cho đến Tưởng Giới Thạch, tiếp Mao-Trạch-Đông và đến ngày nay cũng chỉ là tiếp nối một truyền-thống xâm lăng và Hán hóa. Điều này đã ghi rõ trong lịch-sử Tàu:

Thủy tổ Trung Hoa, “Hoàng đế chiến Suy Vưu, bình Miêu tộc...” .

* Tiếp nhà **Chu** (1121-256 tr. C.N.)

Các sử gia Trung Hoa chia thời Chu làm hai:

- Thời **Tây Chu** từ 1121 - 770 tr. C.N. Thời kỳ này nhà Chu đóng đô ở đất Phong (thuộc Thiểm Tây ngày nay) .

- Thời **Đông Chu** từ 770 - 256 tr. C.N.

Đời Chu Bình Vương, nhà Chu thường bị các dân Hiểm Doãn và Khuyển Nhung ở phía Tây uy-hiếp, nên dời đô về Lạc Dương ở phía Đông (Hà Nam ngày nay), nên gọi là Đông Chu.

- Nhà **Tần** (221-206 tr. T.L.) Năm 221 tr. C.N., Tần thôn-tính tất-cả chư-hầu, xưng Hoàng đế, đế-chế cực-quyền khởi từ đây. Nhà Tần phát-khởi từ miền biên-tải viễn Tây Trung quốc lúc bấy giờ. Trong thời

gian ngắn-ngủi 15 năm mà nhà Tần đã bành-trướng lãnh-thổ từ Nam Mông Cổ xuống đến Lưỡng Quảng.

Năm 214 trc. C.N. Tần Thủy Hoàng sai Đồ Thư đem quân xâm chiếm Bách Việt. Trong cuộc giao tranh dân **Bách Việt đã giết được Đồ Thư và tiêu hao quân Tần.**

Đây chính là thời-gian các bộ-tộc Bách Việt tại Trung Nguyên hoặc phân-tán, linh-lạc, hoặc ở lại để bị đồng-hóa. Đối chiếu với lịch sử Việt là vào thời An Dương vương xây Loa thành.

- **Tiền Hán** (206 TTL -3 TL). Khởi dựng nhà Hán là Lưu Bang (Cao Tổ), người làng Trọng Dương, quận Bái, cha là Thái Công. Khi lớn lên được làm đình trưởng ở sông Từ. Đối chiếu sử Việt, Bắc thuộc lần I, hai bà Trưng khởi nghĩa. (40-43).

- **Đông Hán** (21-220 TL.) Đời nhà Hán chủ trương không bán sắt cho NamViệt, dân Nam Việt không đúc được khí giới và nông cụ nổi lên phản kháng. Người cầm đầu là thừa tướng Lữ Gia, giết những người thân Hán như Cù Thị thái hậu.

Võ đế sai Lộ Bác Đức, Dương Bộc đem quân bình định Nam Việt, thu vào bản đồ Trung quốc, đặt làm chín quận, chiếm luôn đất Hải Nam.

Đối chiếu sử Việt: Bắc thuộc lần 2, Mã Viện, Bà Triệu chống Ngô. Lý Bôn lập ra nhà tiền Lý.

Trong gần bốn thế kỷ, nhà Hán đã làm cho đế quốc Trung Hoa rộng lớn, phía bắc tới Mãn Châu, Triều Tiên; phía nam tới Đông Dương, bắc Miến Điện, phía tây tới Tây Tạng, phía tây bắc tới Trung Á.

- **Nhà Đường** (618 - 907 T.L.)

Hai năm 620-621, Lý Thế Dân, chỉ qua một trận thắng được hai nước Trịnh và Hạ, làm chủ trọn Hoa Bắc. Đến năm 625 bình trị luôn Hoa Nam.

Đối chiếu: Bắc thuộc lần 3 (603-939), Mai Hắc đế,

tiếp Phùng Hưng (Bố Cái đại vương).

- Tiếp thời **Ngũ Quí** (Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu). Bên ta có h05 Khúc, Dương Diên Nghệ, Kiều Công Tiễn, Ngô Quyền nổi lên đánh đuổi quân đô hộ.

- **Nhà Tống** (960 - 1278 T.L.)

Đối chiếu sử Việt: - Lê Đại Hành (tiền Lê (980-1009) phá quân nhà Tống.

Vương An Thạch lại có ý dòm-ngó phương Nam. Bấy giờ có quan tri-châu ở Ung Châu biết ý của Vương An Thạch nên dâng sớ mà tâu rằng: “*Nếu không lấy đất Giao Châu thì về sau thành mối lo cho Trung Hoa.*” Vua nhà Tống nghe lời tâu, sai Lưu Di thu-xếp mọi việc theo ý Vương An Thạch.

Bên Lý triều Việt Nam thấy tình sự như vậy, viết thư sang hỏi Tống triều, Lưu Di lại không chuyển thư về kinh. Lý triều bèn sai Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đem 10 vạn quân chia làm hai đạo thủy bộ cùng tiến đánh hai châu Liêm, Ung, theo chiến lược lấy công làm thủ.

- **Nhà Nguyên** (1279 - 1308 T.L.)

Từ đời Tam đại đến nay, chưa lúc nào thịnh trị như vậy. Phía bắc vượt Âm Sơn, đó là nơi thánh triều gây-dựng cơ-nghiệp, phía nam qua vùng biển viêm nhiệt, những quốc gia xứ đó đều xưng thần. Các tù-trưởng Hồi Hột (chủng tộc thuộc dòng dõi Hung Nô ở vùng Tân Cương). Tây Vực lặn-lội qua sa-mạc đến triều-cống. Quốc chúa Di địch phương đông là Cao Ly (Triều Tiên), băng qua biển tới cung đình. Vua Khiết Đan Nữ Chân, Tây Hạ vì chống lại nên đều bị tiêu-diệt. Các quốc-trưởng Bạch Thát, Uy Ngô, Thổ Phồn (Tây Tạng) tuân lệnh đưa con đến kết nghĩa hôn-nhân. Quốc vương Vân Nam, Kim Xỉ, Bồ Cam gửi con trai tới làm con tin. Nước Đại Hạ ở Trung Nguyên và nhà Tống mới mất, thì người-người trong lãnh-thổ đều biến thành con dân.

Chỉ có An Nam là nước nhỏ bé, miệng thì nói phục-tùng nhưng tâm thì chưa phục. Tuy được cai trị một phương,

8- Herold J. Weins, 'Han Chinese Expansion South China' The Shoe Spring Press inc., 1967.

“Cuộc Nam chinh của người Hoa không phải tiến vào vùng hoang-dã không có dân cư mà cũng không phải cuộc bành trướng kiểu Hoa Kỳ đoạt đất-dai của đám dân mọi-rợ. Khi nền văn-minh Trung Quốc có bản-sắc rõ-rệt của Trung Quốc lần đầu-tiên xuất-hiện tại bình-nguyên Trung Quốc thì vùng đất miền Nam đã có những sắc-dân cư-ngụ tại đó và họ đã có một trình-độ phát-triển văn-hóa không kém người Hoa. Như vậy cuộc bành-trướng về phương Nam của người Trung Hoa đã làm phong-phú cuộc sống cho người Hoa nguyên-thủy và văn hóa của họ.”

9- Theo Edward H. Schafer: *“Chẳng còn nghi-ngờ gì nữa, nghệ-thuật trồng lúa nước và thuần-hóa súc-vật đã được người Tàu thâm-hóa từ những chủng-tộc mà họ khinh-bĩ tại phương Nam xa-xôi.”*

10- Theo Wolfram Eberhard, “A History of China”, University of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1971. đã từng giảng-dạy tại đại-học Bắc Kinh đã để ra nhiều năm nghiên-cứu về phong-tục, tín-ngưỡng của các sắc dân tại Nam Trung Quốc đã nhận-xét như sau:

“Ý-kiến cho rằng chủng-tộc Hán đã sản sinh ra nền văn-minh cao-đại hoàn-toàn tự lực do chính những tài-năng đặc-biệt của họ thì nay đã không thể đứng vững. Hiện nay người ta đã hiểu rằng xưa kia không có một chủng-tộc Hán và ngay cả người Hán cũng không có nữa. Vì thế chúng ta thấy rằng không hề có một nước Trung Quốc văn-minh với chung-quanh toàn là những dân tộc man-ri mọi-rợ, mà chỉ có một nước Trung quốc và các quốc-gia chung quanh cũng văn-minh như họ tuy theo một đường-lối khác.”

*

Thạch, năm 1940 đã quy-định tám con đường phát triển của nòi Hoa trong bộ “ Đông Á Địa Lý “:

- 1- Tây Bá Lợi Á,
- 2- Tây Tạng Ba Tư,
- 3- Tân Cương,
- 4- Ấn Độ,
- 5- Việt, Thái, Miến, Tân Gia Ba,
- 6- Nam Dương liệt đảo,
- 7- Úc châu,
- 8- Thái Bình Dương đông liệt đảo, Hàn.”

5- Truyền-thống chống xâm-lăng, ‘Cứu Quốc Tồn Chủng’ của Việt Nam.

Nếu đối-chiếu lịch sử Trung Quốc với lịch-sử Việt

- Vào thời Nam - Bắc triều (221-589 sau T.L.), khi dân Tàu 20 triệu đã bị **bộ tộc Tiên Ti**, dân số chỉ 400 ngàn người chiếm nửa nước Tàu (vùng đất Hoa Hạ) trong gần 2 thế-kỷ.

- Giai-đoạn “Ngũ Đại Thập Quốc” (906-960) **bộ tộc Sa Đà** với dân số 100 ngàn người đã chiếm miền Bắc Trung Hoa trên nửa thế-kỷ.

- Triều Tống (960-1279) với dân số 120 triệu đã phải triều cống các bộ-tộc Liêu chỉ có 4 triệu dân, và **bộ tộc Kim** (2 triệu dân).

- **Mông Cổ** với 2 triệu dân đã chiếm trọn lãnh-thổ Trung Hoa trong vòng 90 năm và đặt ra nhà Nguyên (1280-1367).

- **Dân Mãn** chỉ có 1 triệu dân đã diệt nhà Minh, đô hộ Trung Hoa gần 3 thế-kỷ (từ 1644-1911) và lập ra nhà Thanh. **Triều Mãn Thanh** đã bắt 150 triệu chú “con Trời” (Tàu) phải ngoan-ngoãn gióc tóc, thắt bím, mặc y-phục Mãn...

Ngược lại Việt Nam:

- Thời **Ngô Quyền** (939-965) đã diệt quân **Nam Hán** gây nền tự chủ.

- Thời **Bà Trưng** (40-43) chỉ trong thời-gian ngắn đã dẹp 65 thành trì trong vùng Lĩnh Nam dựng nền độc-lập cho nước nhà.

- Đời nhà Lý, **Lý Thường Kiệt** (năm 1075) đã đem quân phạt Tống.

- **Đời nhà Trần** (1225-1400) đã ba lần đại thắng quân Mông Cổ (nhà Nguyên).

-Thời hậu Lê (1428-1527), **Lê Lợi** đã đánh đuổi quân Minh.

- Đại đế **Quang Trung** năm 1789 đã dẹp 10 vạn quân Thanh, đến nỗi Tôn Sĩ Nghị bỏ cả ấn kiếm chạy về Tàu....

Ngày nay, thật là một tủ-nhục, có nhiều nhà khoa bảng Việt đã thành-lập những nhóm gọi là “*ngiên-cứu*”, nhằm tôn vinh “*Thiên Triều Chủ Nghĩa*” hay *tán-tụng, ngâm-ngã thơ Đường, Hán* mà coi nhẹ văn-hóa “*Tứ Di*”!

Họ đã bị cấy vào trong đầu những hình-ảnh một anh Tàu, như một *Khổng Minh*, một *Tào Tháo*, một *Lưu Bị*, một *Quan Công*, một *Hán Cao Tổ*, một *Hàn Tín*, một *Lý Bạch*, một *Đào Tiềm*, ... Khi bị cấy như thế tức là họ đã nhận lãnh cái “*sinh tử phù*” vào trong đầu óc!

Đã từ lâu trên đường công danh khác nhau trong mọi thời thống-trị, những thế-hệ học hành thường bị đầu độc bởi chính-sách văn-hóa, chế-độ tuyển lựa, lâu riết in vào trí não những thành-kiến “**vong bản**”, coi những học-thuật ngoại nhập là quốc học, là tinh-hoa của dân tộc, là đường sáng và đường sống duy nhất! ***Tệ hại hơn nữa là coi xã hội Việt như một mảnh đất hoang trống, tự nó chưa có một trồng tử nào!***

Các câu ngạn ngữ của tiền nhân đã cảnh-giác điều vọng ngoại: “*chiên chiên nuôi tu hú* “ hay “*mẹ gà con vịt* ” hoặc

“*Mồ cha không khóc, khóc mã mối,
Mã mẹ không khóc, khóc bối bông-bong*”.

Tiếc hận thay, biết bao nhiêu người bên-ba, lao-khổ, hy-sinh tính mạng để lo giải-cứu đất nước vì không vững tinh-thần dân-tộc nên đã “*hợp*” phải những tư-tưởng ngoại-lai, “*phi dân-tộc*”,

Dân Việt chúng ta từ ngàn xưa đến mãi-mãi về sau luôn-luôn khảng quyết:

*Nam Quốc sơn hà nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.”*

(*Lý Thường Kiệt*)

(*Núi sông nước Nam vua Nam ở. Sổ trời đã rõ-ràng phân định. Có sao lũ giặc lại xâm lấn? Tất giặc sẽ thảm bại.*)

Quyết vì ‘Sống Còn’ của Dân Tộc, vì tương-lai sáng-sủa của toàn dân, và tin-tưởng vào truyền-thống của đất nước là lẽ **Tất Thắng**. Chúng ta, toàn dân Việt quyết thoát Tàu để xứng-đáng là **CON RỒNG CHÁU TIỀN**.

Đình Khang Hoạt

NGUỒN THAM KHẢO:

1- Nguyễn Đăng Thục, ‘Lịch Sử Triết Học Đông Phương’, Tập 2, Nhà xuất-bản T/P HCM in lần 3, 1999.

2- Lý Đông A, ‘Huýết Hoa’, nhà xuất-bản Gió Đáy, Chợlớn năm 1967.

3- Phạm Việt Châu, ‘Trăm Việt Trong Vùng Định Mệnh’ xuất bản tại Hoa Kỳ, năm 1997.

4- Trần Trọng Kim, “*Việt-Nam Sử Lược*”, *Quyển 1, trang 212, 213, Sống Mới xuất bản 1978.*

5-Lê Đình Thông, “*Mười năm Quan Hệ Việt Trung, Tham Luận hội thảo chính trị tại Washington DC ngày 23, 24/4/ 1996.*

6- Hoàng văn Chí, “*Từ Thực Dân đến Cộng Sản*”.

7- Charles O Hucker, ‘*China ‘s Imperial Past*’, Stanford University Press, Stanhford, CA 1975’.

sức mạnh của người phương Nam.

Chúng ta cũng mạnh-dạn chỉ vào mặt chúng (Tàu Chệt) mà nói:

“Cuộc Nam chinh của người Hoa không phải tiến vào vùng hoang-dã không có dân-cư mà cũng không phải cuộc bành-trướng kiểu Hoa Kỳ đoạt đất đai của đám dân mọi-rợ. Khi nền văn-minh Trung Quốc có bản sắc rõ-rệt của Trung Quốc lần đầu-tiên xuất-hiện tại bình-nguyên Trung Quốc thì vùng đất miền Nam đã có những sắc dân-cư-ngụ tại đó và họ đã có một trình-độ phát-triển văn-hóa không kém người Hoa. Như vậy cuộc bành trướng về phương Nam của người Trung Hoa đã làm phong-phú cuộc sống cho người Hoa nguyên-thủy và văn-hóa của họ.”

(Herold J. Weins, ‘Han Chinese Expansion South China’ The Shoe Spring Press inc., 1967.)

- Các nhà bác-học người Nga đã khai-thác được kết-quả trong các cuộc khai-quật những di-chỉ khảo-cổ của Việt Nam từ thập niên 60 đã chứng-minh nguồn-gốc văn-hóa Trung Hoa cần phải được tìm kiếm từ văn-hóa Hòa Bình.

- Tương-tự, Charles O. Hucker: *“Cuộc Nam chinh của người Hoa không phải tiến vào vùng hoang-dã không có dân-cư mà cũng không phải cuộc bành-trướng kiểu Hoa Kỳ đoạt đất-dai của đám dân mọi-rợ. Khi nền văn minh Trung Quốc có bản-sắc rõ-rệt của Trung Quốc lần đầu-tiên xuất-hiện tại bình-nguyên Trung Quốc thì vùng đất miền Nam đã có những sắc dân cư-ngụ tại đó và họ đã có một trình-độ phát-triển văn-hóa không kém người Hoa. Như vậy cuộc bành-trướng về phương Nam của người Trung Hoa đã làm phong-phú cuộc sống cho người Hoa nguyên-thủy và văn-hóa của họ.”*

4- Làm Thế Nào để **Dứt** Tàu ?

Ngày nay, người Việt chúng ta có thể chỉ thẳng vào mặt bọn đầu não cầm-quyền Bắc Kinh, bọn hậu-duệ của “*Thiên Triều chủ-nghĩa*”, dự-kế thống-trị toàn cõi Đông Nam Á của chúng không còn giấu-giếm được nữa ***khi những lãnh-thổ như Miến Điện, Thái Lan, Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào, Mã Lai, Singapore, Phi-Luật-Tân được vẽ vào một bản đồ và coi là lãnh-thổ của Trung Quốc từ năm 1840 đính kèm trong cuốn “Tân Trung Quốc Sử Lược”, ấn-hành vào năm 1952.***

Đây là cuộc chiến “**Toàn diện - Quyết liệt - và triệt để.**” Chúng ta phải mau chóng cùng nhau đứng dậy, đáp tiếng gọi Non Sông.

Về Tư Tưởng:

* Kiên-định về Chủng-tộc: **Việt là Việt, Việt khác Tàu.**

Theo thời-gian, ta có:

- Người thái cổ (Arche - Anthropus, Java-man, Hoabinh-man (tương-ứng với Java-man) có vào khoảng 100,000 - 240,000 năm về trước).

- Người thượng-cổ (Paleo-Anthropus, Homo Erectus, có vào khoảng 40,000 - 100,000 năm về trước).

- Người linh-nhân (Neo-Anthropus, Homo-Sapiens - Sapiens có vào khoảng 40,000 năm về trước, cuối thời đồ đá cũ chuyển sang đồ đá mới).

- Tiếp-theo thời-kỳ “*linh nhân*” (Homo-Sapiens-Sapiens loài người chia làm 3 nhánh chính:

* Đại chủng Á (Mongoloid) [*không có nghĩa là giống Mông Cổ (Mongol)*] , chia làm hai nhánh: Bắc Mongoloid ở vùng Siberi, Bắc Á và Trung Á. Nam Mongoloid từ Trung

Á đến Nam Á đến Indonesia.

* *Đại chủng Europoid* (Đại chủng Âu) ở vùng lục-địa Âu châu.

* *Đại chủng Australoid-Negroid* (đại chủng Úc-Phi), từ Phi Châu đến hải đảo Thái Bình Dương.

Về chủng-tộc, (qua tất-cả những công-trình khảo-cổ, nhân-chủng, ngôn-ngữ, địa-chất, di truyền DNA, cổ sử...) xác-quyết chủng-tộc Việt không phải gốc từ Trung Hoa, mà do người bản địa (HoaBinhman) sau pha-trộn với các chủng: Cổ Mã-Lai (Mélánésien), Nam Mongoloid, Nam Đảo (Indonésien). Tiếp sau, phân thành hai nhóm: *Chàm* và *Nam*

Riêng nhóm Nam Á phân thành các ngành: ***Khmer, Việt Mường, Tày Thái, Mèo Dao.***

Cũng may, nhờ sự tiến-bộ của các ngành như Chủng tộc học, Địa-chất-học, Sử-học, Khảo-cổ-học, Di-truyền học, v.v... mà ngày nay, chúng-ta không còn nghi-ngờ gì nữa về chủng-tộc của mình, và những nét văn-hóa đặc-thù của Việt Nam.

Riêng về Văn Hóa, nếu ai còn nghi-ngờ “Văn-hóa Việt chỉ là bản sao nền văn-hóa Trung Hoa thì xin đọc bài “*New Light On A Forgotten Past*” của tiến-sĩ Wilhelm G. Solheim trong tập-san National Geographic, tháng 3 năm 1971, hay tác-phẩm “*Han Chinese Expansion in South China*” của Harold Weins, giáo-sư Đại-học Yale, Hoa Kỳ, hoặc của Wolfram Eberhard, giáo-sư đại-học California trong cuốn “*A History of China*”.

Về Văn Hóa

- Chúng ta có thể chỉ mặt bọn Tàu mà nói: Các chú là dân xảo-trá, cướp đất, cướp dân, nhận vợ văn-hóa của người làm của mình!!!

* Theo Will Durant, dân Trung Hoa kết-hợp với các dân-tộc bị trị mà tạo nền văn-minh đầu-tiên cổ sử Đông Á.

* Lương Khải Siêu (1873-1929) là một trong số học-

giả hiếm-hoi của Trung Hoa đã thừa-nhận rằng Trung Hoa có nguồn-gốc du-mục khởi lên từ miền Tây Bắc rồi tràn xuống xâm-chiếm các bộ-tộc ở lưu-vực Hoàng Hà, tiến về phương Nam, vượt Dương Tử, bành-trướng lãnh-thổ từ Nam Mông Cổ đến tận Quảng Đông,

* Theo Edward H. Schafer: “*Chẳng còn nghi-ngờ gì nữa, nghệ-thuật trồng lúa nước và thuần-hóa súc-vật đã được người Tàu thâm-hóa từ những chủng-tộc mà họ khinh-bỉ tại phương Nam xa-xôi.*”

* Theo Wolfram Eberhard, giáo-sư đại-học ở California từng giảng-day tại đại-học Bắc Kinh đã đề ra nhiều năm nghiên-cứu về phong-tục, tín-ngưỡng của các sắc dân tại Nam Trung Quốc cổ nhận xét như sau: “*Ý kiến cho rằng chủng-tộc Hán đã sản-sinh ra nền văn-minh cổ đại hoàn-toàn tự lực do chính những tài-năng đặc-biệt của họ thì nay không còn đứng vững.*”

Và nhất là ngày nay, mấy chú tự hào là đã thành lập được vài trăm **viện khảo cứu Khổng học** ở nhiều nơi. Mục đích để đề cao văn hóa Trung Quốc song-song với phát-triển kinh-tế cho xứng với ngôi-vị siêu-cường?

Sự thực vai-trò của Khổng Tử của mấy chú chẳng có gì để xứng với hồn danh “**Vạn Thế Sư Biểu**” như các chú đã tuyên-xung. Ta chỉ cần dẫn lại chính lời của Khổng Tử:

- Trong sách Luận Ngữ, mục “*Thuật nhi*”, Khổng Tử viết: “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*” = thuật lại mà không sáng-tác, tin và yêu cổ xưa. Điều này chứng-tỏ những điều Khổng Tử nói hay viết lại, không hoàn-toàn do Khổng Tử sáng-tác, mà chỉ thuật lại của một nền văn hóa nào khác (Bách Việt ?)

- Tử Lộ vấn cường. Tử viết: “*Nam phương chi cường dư? Bắc phương chi cường dư? Ưc nhi cường dư? Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo – Nam phương chi cường dã. Quân tử cư chi. Nhẫm kim cách, Tử nhi bất yểm – Bắc phương chi cường dã, nhi cường giả cư chi.*” [Ông Tử Lộ hỏi về sức mạnh. Khổng Tử đáp: “*Đem lòng rộng-rãi, hiền hòa dạy người, dấu kẻ vô đạo cũng không báo thù, đó là*

tác xã” bỏ tư hữu nên nhiều ruộng Việt đành bỏ hoang!

. Những năm đầu 1975, 76, 77 đồng tiền Việt Nam còn giá trị, sau đó liên-tiếp bị Trung Cộng in ra bạc giả Việt Nam. Có lẽ để tránh nguy-cơ phá sản, bên Việt Nam bèn phá giá một đô-la ăn bằng nghìn mốt, ngàn hai, ngàn rưỡi tiền Việt!

. Tung tin “thịt mèo ngon và rất bổ”, mua mèo với giá cao, nên dân Việt bèn bán mèo sang Trung Quốc gây nạn chuột đồng phá hại mùa màng!

. Trung Quốc còn áp dụng nhiều biện-pháp bổ sung như chính sách xuất khẩu bán phá giá, còn gọi là đầu mại (dumping), giá mặt hàng Trung Quốc bán ở vùng biên rẻ hơn nội địa Trung Quốc. Đó là mặt trái của quan-hệ Việt - Trung mà mục-tiêu lâu dài là biến kinh-tế Việt Nam thành nền *kinh-tế ngoại biên (économicpériphérique)* theo định nghĩa của Raoul Prebisch, tương-ứng với quan-điểm “*Tứ Di*” của Trung Quốc.

Người Việt dù bất-cứ ở đâu cần phổ-biến rộng-rãi:

. Những món hàng giả-mạo của Trung quốc;

. Những món hàng chứa chất độc có thể gây tử vong cho người dùng.

. Những trung-gian tiếp tay nhập hàng Trung quốc một cách lậu thuế.

. Những mảnh khoé viện trợ, đầu-tư công-nghiệp không kiếm lời, để chúng dễ-dàng di dân và khai-thác tài nguyên.

. Những cấp-trợ tài-khoản cho chính quyền hay trường-học để mở những cơ-quan văn-hóa (như Viện nghiên-cứu Khổng Học) mong che-lấp những công-tác tin-tức, gián-điệp, kiểm-soát hoa-kiều, du học-sinh của chúng....

- Tích-cực tiêu dùng hàng nội hóa. Có như vậy mới mong phát-triển công-nghiệp nước mình, tránh bớt

(*History and Culture*”, The MacMillan Co. N.Y. 1964).

- Theo học-giả Andreas Lommel trong tác-phẩm “*Prehistoric*” đã nêu lên tám nền văn-hóa căn-bản tạo-dựng ra nền văn-hóa Trung Hoa:

a/-Nền văn-hóa thứ nhất từ Đông Bắc đến tập trung tại Hà Bắc (Hopei), Sơn Đông (Shangtung). Tổ tiên của họ là người Tung Xích, chuyên về săn bắn, sau chuyển sang chăn nuôi mà căn-bản là nuôi heo.

b/-Nền văn-hóa thứ nhì từ phía chính Bắc tới, mà trung-tâm là tỉnh Sơn Tây và Nội Mông, Tổ tiên của họ là người Mông Cổ, nghề-nghiệp chính là săn bắn.

c/-Nền văn hóa thứ ba từ Tây Bắc tiến lại, tập trung tại các tỉnh Cam Túc, Thiểm Tây. Tổ tiên họ là người Thổ (Turkish). Họ cũng chuyên về nghề săn bắn, trồng lúa tẻ (millet) và biết thuần-hóa ngựa.

d/-Nền văn-hóa thứ tư từ miền Tây lại, tập-trung ở các tỉnh Tứ Xuyên và miền núi của các tỉnh Cam Túc và Thiểm Tây. Tổ tiên của họ là người Tây Tạng (Tibetan). Họ là dân-tộc chuyên về nghề chăn nuôi dê cừu.

d/ Các nền văn-hóa thứ năm, sáu, bảy và tám từ phương Nam đưa lên, chuyên về canh-nông. . . .

Về Mặt Trận Chính Trị & Xã Hội.

- Tiếc thay: theo kinh sách của Nho giáo đề cao vai-trò “người” như “*nhân giả kỳ thiên địa chi đức*” (người là cái đức của trời đất) nhưng thực-tế, theo tiến-sĩ Trần văn Đoàn, giáo-sư thính giảng tại nhiều đại-học Âu Châu và Á Châu: *Tuy Nho giáo chấp-nhận con người làm chủ, vai “người” như là một nền đạo đức. Song tiếc thay xã-hội do Hán Nho thống-trị lại đề cao ngôi “vua, chúa”, và coi người dân như cỏ rác, công cụ. Trong lịch-sử Hán Nho chưa bao-giờ ghi lại sự-kien người dân làm chủ. Sự thần thánh hóa vua chúa chứng-minh một cách chua-chát cho quan-niệm “dân vì quý”. Những câu này chỉ xuất-hiện trong đầu óc một số triết-gia, hay trên miệng lưỡi của các nhà nho mà thôi.*”

- Tục lệ chôn người sống.

Qua các cuộc khai-quật ở An Dương từ năm 1950, người ta tìm thấy ở những ngôi mộ của thiên-tử và chư-hầu, người tuần tǎng (tự chết theo) nhiều-ít tùy theo ngôi-vị thiên tử hay vương-hầu. Điều đó chứng-tỏ số người bị hy-sinh rất lớn, nhất là khi chôn cất nhà vua. Có một ngôi mộ, người ta khai-quật trên 300 bộ xương người. Những bộ xương đó có thể là của hoàng-hậu, cung phi, các kẻ hầu cận vua, vệ binh, đánh xe, một số quan tướng nữa. Tục-lệ này duy-trì rất lâu, mãi đến thiên niên kỷ thứ nhất mới được lần-lần thay thế bằng những hình nộm đan bằng tre, hay những tượng lớn như người thật bằng đá, gỗ hay đất nung...

- Xã-hội : Phân chia **nhiều giai-cấp**:

Theo lịch-sử Trung Quốc, nhà Chu khai-sáng là *thời-kỳ giai-cấp quý-tộc thống-trị*, trong đó mỗi một nước là một chư-hầu, quy-tụ trung-ương là nhà Chu.

Sách Tả Truyện có ghi vào 535 trc. C.N.:

- *Vua trung-ương có thần-tử là vua chư-hầu. Chư-hầu có thần tử là công khanh. Công khanh có thần tử là là quan chức của mình. Quan chức có thần tử là ty chức. Ty chức có thần tử là vô số các quan lại nhỏ. Quan lại nhỏ có thần tử là phò tá. Phò tá có thần tử là nhân viên của mình. Nhân viên có thần tử là bộc-lệ, bộc-lệ hay nô-bộc có kẻ phụ dịch, ngựa có kẻ chǎn ngựa, trâu bò có kẻ chǎn dắt. Và như thế mọi vật đều có dự-định cả.!*

- Dưới thời Thế Tổ tách Trung Hoa làm hai chế độ: Phần phía Bắc Vạn Lý Trường Thành theo chế-độ của Mông Cổ, phong-tục tập-quán Mông Cổ; Phần phía Nam Trường Thành theo chế-độ cũ Trung Hoa.

Trong xã-hội chia làm 10 giai-cấp:

1- Quan lớn trong triều đình (đều là người Mông Cổ).

2- Quan nhỏ ở địa-phương.

3- Lạt Ma (thầy tu).

4- Đạo sĩ.

5- Y sĩ.

6- Thợ và người làm tiểu công-nghệ.

7- Thợ săn.

8- Con hát và những nghề đáng khinh.

9- Nhà nho.

10- Thành phần ăn mày.

*** Đời sống lâm than:**

Tiếp-theo Tần, những “*nhãn-hiệu*” được đề ra cũng chỉ là một thứ *mạo-hóa*. Những mạo-hóa qua Hán Nho, rồi Tống Nho, và nhiều Nho khác nữa, tùy triều-đại, những Nho này vừa là những phân-hóa của chính Nho, vừa là những xuyên-tạc, mạo-hóa để biện-minh cho “*đế-chế cực quyền*” hay “*thiên triều chủ nghĩa*”.

Khi “*đế chế cực quyền*” ở Trung Hoa ảnh-hưởng sang Việt Nam, tất-nhiên đời sống dân-chúng lâm vào cảnh lâm-than, cơ-cực.

Về Mặt Kinh Tế:

- Lật tẩy chúng:

. *Vật phẩm do Trung Cộng chế tạo, nhưng lại dán nhãn hiệu như Made in VietNam, Made in Thailand, Made in Laos, v.v...*

. Tình trạng buôn lậu trầm-trọng ở biên giới Việt-Trung gây nguy-cơ cho nền kinh tế VN bị phá sản.

. Hàng hóa Trung quốc tràn ngập qua các ngã biên giới một cách dễ dàng, giá rẻ hơn hàng nội địa từ 40 đến 50%.

Sau 1975 Trung Cộng đã tung ra nhiều đòn:

. Mua móng chân trâu với giá cao làm nông dân ham tiền đã giết trâu, bò phần bán thịt, phần bán móng chân trâu bò với giá cao. Trong khi máy cày còn khan hiếm, thợ máy chuyên môn chưa sẵn sàng, cộng chính sách “*hợp*

cường lực bên ngoài.

Ý-thức Maphilindo đã và đang làm bó đuốc lý tưởng soi đường cho nỗ-lực kết-hợp của hậu-duệ Bách Việt - Hiệp Hội các quốc-gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập qua tuyên-ngôn Bangkok năm 1967 gồm 5 nước: Indonesia, Phillipines, Mã Lai, Thái và Singapore... .

*** Thế Liên Hoàn Bách Việt cần sớm thành hình:**

- Dùng khảo-cổ-học, chủng-tộc-học, di-truyền-học và lịch-sử di dân để chứng-minh cùng chung chủng-tộc Bách Việt của các nước trong vùng.

- Qua các chứng-tích “Khảo-cổ-học” để dứt-khoát về văn-hóa Bách Việt có trước văn-minh Hoa và Ấn, như: Tiến-sĩ Wilhem G. Solheim II đã đưa ra nhiều giả-thuyết mới:

+ Văn-minh Yangshao (Ngưỡng Thiều) thuộc thời kỳ đồ đá mới là do nhánh văn-hóa Hòa Bình truyền lên vào khoảng 8, 7 ngàn năm trước C.N.

+ Cả hai nền văn-hóa Lungshan (Long Sơn) và Yangshao (Ngưỡng Thiều) phát-xuất từ nền văn-hóa Hòa Bình.

+ Vào thời-kỳ 3000 năm trước C.N. đã có một số thuyền của người Đông Nam Á cập vào Nam Dương, và Phi Luật Tân. Các thuyền này đã chở theo nghệ-thuật làm đồ gốm, khắc gỗ, vẽ mình và nhuộm áo...

Con cạp Trung Quốc qua hơn thế kỷ ngủ quên, nay chợt tỉnh giấc và đang cố vươn lên mọi mặt, nhất là về kinh tế, chính trị và quân sự.

Để hợp-tác hay đối-phó hữu hiệu với Trung quốc, các quốc-gia thành-viên khối ASEAN phải thật sự đoàn kết nội-bộ dựa vào những nét chung về chủng-tộc, về lịch sử đã cùng mối đau thương bị linh-lạc do dã tâm Thiên triều chủ nghĩa (Trung Hoa), về tương-lai cho sự sống, còn, tiến, nổi hóa.

*** Nguyên tắc vận động:**

- Dẫn chứng lịch sử mỗi quốc gia trong khối bách

tiêu dùng ngoại-tệ để nhập-cảng hàng-hóa nước ngoài (nhất là Tàu).

- Khi nhận ra nhãn hiệu giả-mạo của Trung Cộng, hay hàng-hóa Tàu có chất độc, ta phải phổ-biến sâu rộng để nhiều người biết. Có như vậy mới làm suy-yếu sự xuất cảng của chúng.

- Phổ-biến rộng-rãi, giá-trị quốc-tế của đồng “*Nhân Dân Tệ*” còn yếu kém, không bảo-đảm về giá-trị quốc-tế lâu dài.

- Tổ-chức nhiều nhóm, nhiều đoàn (*Thanh-niên thiện chí, sinh-viên, học-sinh, Hướng đạo, .*) vào những ngày cuối tuần đi thị-sát và phổ-biến những nhãn-hiệu giả-mạo và có chất độc trên những hàng-hóa Trung Cộng,...

Có triệt-hạ được khả-năng thương-mại của Trung Cộng, mới ngăn chặn được những mưu-mô xâm-lãng, mua-chuộc tình-cảm các cơ-quan chính-quyền các nước tiểu nhược.

Về Mặt Trận Quân Sự

- Trong đường-hướng mở rộng biên-cương, Mãn Thanh đụng-độ với Nga muốn tìm đường qua phương Đông để thông ra biển. Năm 1650, Nga đã tiến tới Hắc Long giang, Nga phải thương-thuyết. Năm 1669 hiệp-ước Hi Bố Sở (Nertohinsk) được ký-kết giữa Nga và Mãn Thanh.

Thời nhà Thanh đã sai Tôn Sĩ Nghị đem quân xâm-chiếm Việt Nam nhưng bị người anh-hùng đột xuất là Quang Trung đã đánh tan 20 vạn quân xâm lược..

Xét cho cùng:

- Với khả-năng về khoa-học hiện-đại, chúng cũng chưa hơn Tây Phương và Hoa Kỳ.

- Với tình-trạng xã-hội của chúng cũng chưa được thống-nhất. Sự hình-thành quốc-gia của chúng chỉ là sự cưỡng-bức sát nhập, chia-rẽ chủng-tộc. Ngay trên lá cờ của Trung Cộng có bốn ngôi sao nhỏ (Mông, Mãn, Hồi, Tạng) châu quanh ngôi sao lớn (Hán tộc) thì không thể nào quân-đội nhân -dân của chúng hết lòng vì Bắc Kinh?

- Trình-độ hay mức sống của dân Tàu cũng còn đứng vào hạng thấp trong thế-giới.

Những điều này, đủ để các láng-giềng Trung Quốc tin vào sức chiến-đấu của mình.

Về Mặt Ngoại Vẹn

Vụ tàn-sát nhân dân Y Khắc Chiếu năm 1943, cuộc trấn-áp bằng vũ trang ở Tân Cương năm 1944, vụ tàn-sát tập thể trên 5 ngàn người dân Đài Loan đòi độc lập 1947... lấn đất Mông Cổ, ngang-nhiên chiếm Tây Tạng, đoạt Hoàng Sa và Trường Sa, dời ả Nam Quan vào sâu đất Việt,... Tất cả đều là thừa-kế chính-sách đồng-hóa và diệt chủng các tộc khác của nòi Hoa.

Cho tới nay, dù ở chế-độ nào, mối liên-hệ giữa Trung-quốc với các nước lân-bang, chính quyền Trung-quốc vẫn coi là mối liên-hệ giữa thiên triều với thuộc quốc ! Ngay danh-từ “Trung-Hoa” đã mặc-nhiên bao-hàm ý-nghĩa “*một trung-tâm văn-minh của thế-giới*” (*Trung = giữa, Hoa = văn-minh, đẹp tốt*).

Những nét “*Đại đồng*” ghi trong Lễ Ký, hay được hô-hào bởi các lãnh-tụ Trung-quốc, nếu hiểu theo một cách đích-thực: *thiên-hạ đại đồng trong sự “coi sóc” của nòi Hoa*, và được biểu-hiện qua chủ-nghĩa chủng-tộc đế quốc, mệnh-danh là “*thiên- hạ chủ-nghĩa*”. Chỉ nhìn lá cờ Trung Cộng hiện nay “*Bốn ngôi sao nhỏ châu một ngôi sao lớn*” là đủ hiểu. Đời-đời, chính-quyền Tàu tiếp nối chính-sách “*Xâm-lãng và đồng-hóa*”.

Tháng 5/1951 Trung Hoa xua quân chiếm Tây Tạng.

Năm 1959, dân Tây Tạng nổi lên ở Lhasa, Mao đưa quân đàn-áp dữ-dội, đức Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng phải chạy qua Ấn Độ.

Tiếp truyền “*hội chứng Đại Hán*”, các nhà lãnh đạo Trung Hoa dù ở dưới chính-thể nào cũng không bao giờ chấp-nhận vai-trò thứ yếu của Trung quốc trong vùng Á châu, và cũng không bao-giờ thỏa-mãn với đất đai rộng lớn hiện có của mình

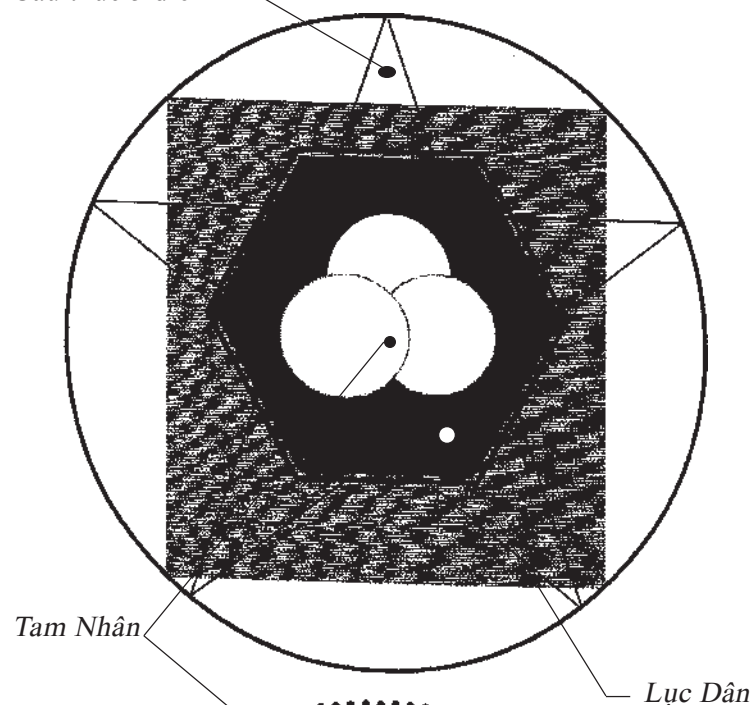
Tất cả các nước láng giềng của Trung quốc, các quốc-gia trong vùng Đông Nam Á Châu cần tỉnh-thức để nhận ra đều là anh, em trong khối Bách Việt xưa, cùng tương kính nhau, tránh mọi ngộ-nhận, hiểu lầm nếu có để chung-lung đối đầu với kẻ thù chung nguy-hiểm - Đó là Tàu:

* Tia Sáng Hình Thành Thế Liên Hợp:

Tiếng gọi liên-kết các nước tiểu-nhược trong khu-vực Đông Nam Á đã được cất lên, trước hết tại Thái Lan năm 1939, và sau đó tại Việt Nam vào năm 1943.

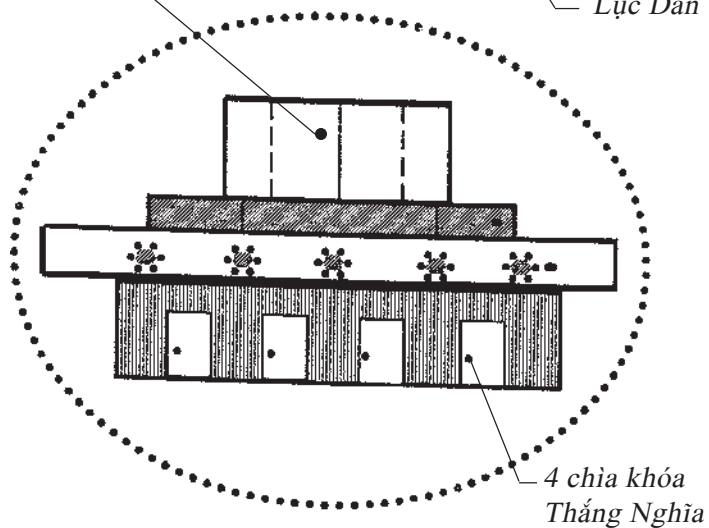
Đầu tháng 8/1963, ba nhà lãnh-đạo Nam Dương, Phi Luật Tân và Mã Lai (Tổng-thống Sukarno, Tổng Thống Phi Luật Tân Macapagal và thủ-tướng Liên Bang Mã Lai Rahman) đã đưa ra hai văn-kiện: Bản Tuyên Cáo Manila và Thông Cáo Chung khẳng-định ba nước Malay đều sát cánh trong công-cuộc “*chiến đấu chống lại chủ-nghĩa thực-dân và đế-quốc*”. Điều quan-trọng hơn hết, tuyên-cáo nhấn mạnh hội-nghị cấp cao ba nước là những bước đầu tiến tới thành-lập Liên Bang Maphilindo. Tuy hình-thức liên-kết **Maphilindo** đã không thành, một phần lớn vì ảnh-hưởng của các

Cấu trúc 5 điểm



Tam Nhân

Lục Dân



Ngôi Nhà Biện Chứng Duy Dân

Việt đã ê-chề bị ngoại nhân thống-trị hay tước-đoạt quyền lợi.

- Đối với Việt - Miên - Lào cần giải-tỏa sự sai-lầm về mối thù truyền-kiếp cận đại.

- Việt bị Hán và Pháp cai trị.

- Lào và Miên thời Pháp thuộc.

- Phi, Nam Dương bị Đức xâm chiếm.

- Mã Lai Á bị di dân Tàu ngụ-cư chiếm đất thành một nước Tàu nhỏ Singapore.

- Miến Điện luôn luôn bị Trung quốc đe dọa.

- ...

* Khẩu-hiệu vận-động:

- Tương kính - Tương lợi - Thủy chung.

- Huy-hoàng Bách Việt cho ngày mai.

* Chủ-điểm vận-động:

- Liên-minh kinh-tế thị-trường chung Bách Việt.

- Liên-minh quân-sự (bảo-toàn lãnh-thổ mọi quốc-gia trong liên-minh).

- Liên-minh chính-trị (Lập thế quân-bình trong vùng và thế mạnh trên chính-trường quốc-tế). Khối Bách Việt cần khéo-léo dùng các thế-lực của Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga và Ấn Độ tiếp tay ngăn chặn sự bành-trướng của Trung quốc.

- Liên-minh văn-hóa: Phục-hoạt văn-minh Bách Việt, văn-minh Hòa Bình.

- Tin tưởng vào truyền thống anh dũng chống ngoại xâm của Tiền nhân,

- Tin-tưởng vào tinh-thần "Dân Chủ", "Nhân Bản Hòa hài" và "Dân Bản" đã có tự ngàn xưa của Dân Tộc.

- Tinh-thần bất diệt "Thời Đinh" lấy "Lau Tre"

mà dẹp tan tình-trạng ‘phân-hóa’(Thập Nhị Sứ Quân)
lấy ‘Toàn Dân Đoàn Kết’ mà chống được quân
Nguyên, lấy kiên-trì mà đuổi được quân Minh, nên ta
có thể cùng ca lên:

Kể từ đây

Đã sáu mươi ngàn lần

Mặt trời mọc ở phương Đông, ngùn-ngụt lửa

Mặt trời lặn ở phương Đoài, máu chứa-chan.

Kể từ đây, cũng đã sáu mươi ngàn lần

Trăng tỏ bóng nơi rừng thiêng đất Bắc

Trăng mờ gương nơi đồng lúa miền Nam

Ruộng dâu kia bao độ sóng dâng tràn

Hãy dừng lại! thời gian, trả lời ta có phải

Dưới vầng nguyệt lạnh-lùng quan ải

Dưới vừng dương thiêu đốt quan san

Sóng hưng phế xô nghiêng từng triều-đại

Mà chí lớn dọc ngang

Mà mộng lớn huy-hoàng

Vẫn nghìn thu còn mãi

*Vẫn ngàn thu **người áo vải đất Quy Nhơn***

*Ôi người xưa, **Bắc Bình vương!***

Đống Đa một trận trăm đường giáp công

Đạn vèo năm cửa Thăng Long

Trắng gò xương chất, đỏ sông máu mòng.

Giờ đây lại đã xuân sang

Giữa cố quận, một mùa xuân nghịch lũ

Ài kia lòng có chợt mang-mang

Đây vơi sầu xứ!

Hãy cùng ta, ngẩng đầu lên, hướng về đây tâm sự

Nghe từng trang lịch sử, thét từng trang.

Một phút oai thần dậy sóng

Tan vía cường bang

Cho bóng kẻ ngồi trên lưng bạch tượng

Cao chót-vót mây năm mầu chiêm-ngưỡng

Dài mệnh-mông một giải tới Nam Quan

Bóng ấy đã in sâu vào tâm tưởng

Khắc sâu vào trí nhớ của dân gian

Một bành voi che lấp mấy ngai vàng

Ôi Nguyễn Huệ, người anh hùng áo vải

Muôn chiến công, một chiến công dồn lại

Một tấm lòng, muôn vạn tấm lòng mang

Ngọn kiếm trở, bao cánh tay hăng-hái

Ngọn cờ rung, bao tính mệnh sẵn-sàng.

Người cất bước, cả non sông một giải

Vươn mình theo dãy Hoành Sơn mê-mải

Chạy dọc lên thông cảm ý ngang-tàng

Cũng chồm dậy đáp lời hô vĩ đại

Chín con rồng bơi ngược Cửu Long giang

Người ra Bắc, oai thanh mờ nhạt nguyệt

Khí thế kia làm rung động càn khôn.

Hịch ban xuống lời lời tâm huyết

Lệnh truyền quân, ai dám bước chân chôn

Gươm thiêng cửa võ

Giặc không mở chôn

Nát lũ tan đồn

Ôi một khúc hoàn ca hê gào mây thét gió

Mà ý tưởng, lòng quân hê bền sắt tươi son.

Để một mai bông thắm cỏ xanh rờn

Ca trống trận thối lay bóng nguyệt

Mừng đất trời gió bụi tan cơn

Chúng ta sẽ không hổ với người xưa

Một trận Đống Đa, ngàn thu oanh liệt.

Vì ta sau, trước lòng kiên quyết

Vàng chẳng hề phai, đá chẳng sờn.

Vũ Hoàng Chương.

Bài Ca Bình Bắc.

Bộ Mệnh :*Tiếng Muờng, chỉ việc hôn-nhân tự-do mà trong sạch.*

C

Cái thế: *Hơn đời.*

Cán huấn = *Cán bộ được huấn-luyện.*

Căn-bản quan = *Quan-niệm căn-bản.*

Căn-cơ: *Căn : rễ; cơ : nền. Chỉ bền-vững.*

Cấu-thức :*Cấu : đúc-kết; thức: công-thức, phép tắc. Cấu thức (formule competente): những quy-luật đúc kết để giảng giải.*

Cấu-trúc: *Gom lại tạo thành.*

Chân-lý: *Sự thật. Chân-lý tuyệt-đối về thực-thể: Sự hiểu biết tận cùng, hoàn hảo vĩnh-viễn và bất di bất dịch về thực-thể đó.*

Chân như:*Chỉ cái tâm bản-thể của vũ-trụ. (Chân = chân thực, không hư vọng; như = không biến đổi, không sinh diệt).*

Chân tính:*Tính bản nguyên chân thật mà mọi chúng sinh đều có.*

Chấp hành = *Cầm giữ và thi-hành quyền chính.*

Chỉnh-lý cơ = *Cơ-quan phụ-tá Quốc trưởng về mặt quốc-phòng trọng đại.*

Chủ kế = *Chủ về*

Chuẩn-đích = *Đúng mực thước.*

Chu tri lục: *Chu = tròn, tri = hiểu-biết, lục = ghi chép. Đánh giá lại toàn bộ sự hiểu-biết của nhân loại bằng bút pháp chính-xác, cô-động, tròn đầy.*

5- *Giải-thích các từ-ngữ đã dùng trong sách.*

Giải-thích các từ-ngữ đã dùng trong sách:

A

Ác hóa : *Trở thành xấu.*

An nhiên tự tại: *An vui như lúc nào cũng có mình ở đó.*

B

Bá đạo = *Cách làm không theo phép chính.*

Bách chân : *Thật là đúng.*

Bả ác : *Nắm chặt trong tay, nắm giữ chặt-chẽ.*

Bản thể = *Hình trạng gốc.*

Bản thể học: (Ontology) *Cái học về thực-thể gốc.*

Bản vị: *Bản là gốc - Vị = ngôi thứ. Một đơn-vị, thực-thể tự sinh, tự cường.*

Bảo-chương (Security) = *An-toàn, bảo-đảm.*

Bất khả tri luận: *Không thể luận bàn.*

Bế môn tỏa cảng: *Đóng cửa ải, phong hải cảng không cho người ngoài ra vào.*

Biện-chứng pháp = *Phương-pháp biện-luận có chứng minh.*

Bình quân = *Chia đều trên căn-bản.*

Bình-sản kinh-tế: *về nông nghiệp – quân điền; về công nghiệp thì quốc-gia hóa, trên nhân bản, sản nghiệp: quốc gia, địa phương, xã-hội hợp-tác, tư hữu (tiểu gia-đình).*

nguyên luận). Trái lại ở Lạc Thư, hai khí âm dương tách phân. Hà Đồ có 55 chấm đen và trắng, Lạc Thư có 45 chấm đen và trắng. Tổng cộng 100, tương-trưng cho vạn hữu.

H

Hài-hòa: Cùng thỏa, vui-vẻ cùng nhau.

Hệ-thống hóa: Các chùm, các mối thành một gốc.

Hiến-pháp = Hiến-pháp là pháp độ, điển chương, là cương-thường (mối liên-hệ giữa người với người), không phải là giao-kèo giữa nhân dân với chính quyền.

Hiền sĩ = Chỉ người tài đức.

Hiệu suất: Hiệu quả của sức sản-xuất.

Hoa : Núi Hoa Sơn (VSTL)

Hoa Di: Người Tàu phần lớn tự nhận mình là Hoa, coi các dân tiểu nhược là Di.

Hóa cơ: Trong tự-nhiên vận-động.

Học phương : Phương-thức học-tập.

Hoài điệu: Viếng nhớ.

Hoạt lực = Sức linh-động, sống động.

Hỗ biến = Thay đổi lẫn nhau.

Hỗ tương = Cái nọ đối với cái kia.

Hỗn độn: Trạng-thái lẫn-lộn.

Hỗn mang: Mờ-mịt chưa khai-thông.

Huyền học: Cái học hình-nhi-thượng về lý-thuyết huyền-vi.

Huyền thoại: Câu chuyện mầu-nhiệm xa xưa.

Chung điểm = Điểm chót (sau cùng)

Cơ học nguyên lượng: (Quantum mechanics)

Cơ-năng: Chức năng độc-lập có thể hợp với chất khác tạo thành chất mới (thí dụ Hydro hợp với oxy thành nước).

Cơ-năng hiến-pháp: Kết-cấu chính-phủ và hành-chính toàn quốc, ví như thần-kinh-hệ của đời sống quốc dân. Hiến-pháp phải sản sinh ra được các cơ-cấu thích-hợp cho sự hoạt-động.

Cơ-cấu = Cơ là nền. cấu : dựng lên -Dựng lên nền tảng.

Cơ-năng [mechanical energy (power)] = Cơ là máy, nói chung cái gì có giềng-mối; năng là tài giỏi, như tài-năng, năng-khiếu, khả-năng. Cơ-năng nói chung là bộ-phận có thể kiến-tạo năng-lượng, để hoàn-thành chức-nang của bộ-phận.

Cơ-Năng Hiến-Pháp là một pháp độ điển chương để an-thích đời sống người dân, xứng với danh nghĩa “người”. Dùng chữ cơ-năng để chỉ tính cách linh-động, thống-nhất hòa-hài như hệ-thống thần-kinh-hệ nơi con người.

Cổ lệ = Cổ võ và khích lệ.

Công bản = Tài-nguyên căn-bản thuộc quốc dân.

Cộng kỹ = Gom chung mọi đơn-vị.

Công năng = Công việc chung.

Cố hương: Làng cũ, tức là nơi sinh quán, nhiều chỗ đồng nghĩa với cố quốc. Cuồng lan : Làn sóng loạn, ý nói thế biến loạn.

Cương-kỷ: Giềng mối trật-tự quốc-gia.

Cương-lĩnh: Dây to ở quanh lưới là cương; cổ áo là lĩnh. Muốn tung lưới phải cầm cương, muốn mặc áo phải cầm cổ áo. Cương lĩnh là chỉ những cốt yếu.

Cửu cánh: Cùng-cực, mục-tiêu sau cùng. thức là công-thức, phép-tắc.

Cương-thường: Ở đây không chỉ “tam cương, ngũ thường”. Mối quan-hệ giữa người với người.

Cửu-cánh: Cùng-cực, mục-tiêu tối hậu.

D

Diệu dụng = Cách dùng rất hay, rất mầu-nhiệm.

Doanh trường : Doanh là Doanh châu, trường là mở rộng. Ý nói xây-dựng một cõi mở-mang.

Dòng Xuân thu : Dòng lịch-sử.

Dung hóa = Biến đổi lẫn nhau

Duy dân: Chữ Duy Dân và ý nghĩa của nó không phải chỉ bắt đầu từ khi cụ Phan Bội Châu lên tiếng: “Dân chẳng duy tâm, dân chẳng duy vật, dân chỉ duy dân.” Nó cũng không phải chỉ bắt đầu khi cụ Lý Đông A viết bộ “Chủ Nghĩa Nhân Chủ Duy Dân” mà thực-sự “duy dân” đã có từ ngàn xưa và nếp sống Duy Dân đã thành-hình khi loài người sống tụ thành dân-tộc. Duy dân là dân-tộc, là dòng sinh-mệnh của một dân-tộc với tất cả nếp sống đặc-thù của nó. Duy Dân chính là dân-tộc tính, dân-tộc tình, dân-tộc chí của một dân-tộc.

Duy nhiên: Nói về tự-nhiên vũ-trụ.

Duy thực: Chủ thực-tế.

Duyên trường : Kéo dài ra.

Đ

Đại vận = Thái huyền. Thái thượng = Đại thuận

Đan quyền : Để được vững-chắc, và cũng không lấy cộng kỷ (hợp kỷ) tiêu-hủy tư kỷ, hay ngược lại không chủ tư-kỷ (cá nhân) mà quên đi cộng kỷ.

Nói đến “đan quyền” (giăng-néo nhau để tồn tại, hòa-hài và thống-nhất), ta cần nhắc lại những ý nghĩa trong Kinh Dịch. Ngày xưa, người ta đem “Lạc Thư” ứng-dụng cho nhân-sự; về chính-trị có “cửu-trù”, địa-lý chia “cửu châu”; canh-nông có “tĩnh điền”(chia ruộng công thành 9 ô.)

Đạo kỷ: Nguyên-lý vận-động nội tại của một thực thể. Định-luật nội tại.

Đào-thải = Gạn lọc.

Đạo thống = Tóm lại một nối đạo lý.

Đan quyền = Linh-động như hệ-thống thần-kinh của con người, đối-lập thống-nhất để không mất tính-chất hổ-tương, hài-hòa, giăng-néo nhau,

Đặc-trưng = Phô-bày riêng.

Đắc vị: Được đặt đúng vào vị-trí phù-hợp.

Đầu tư (invest) = Góp vốn liếng, tài-sản để kiếm lời.

Đề-uẩn = Đem ra, nêu lên những vấn-đề sâu rộng.

Điều-linh = Héo rụng, tàn-tạ.

Đồ thư = Tranh và sách - Ở đây có nghĩa là “Hà Đồ và Lạc Thư”. Hà-đồ chỉ sự hợp nhất 2 khí âm dương, thuộc về tiên thiên (nhất

người với người trong xã-hội loài người cho thật là người.

- Nhân gạch là sự phân công sinh-hoạt trong xã hội để nhân-sinh được bảo-vệ, xã-hội được tiến bộ.

- Nhân cách: Muốn có nhân cách phải có nhân quyền. Muốn có nhân quyền, nhân tính phải được chú trọng và hiểu rõ thế nào là nhân tính.

Nhất quán = Nhìn một mối.

Nhiều nhũ tương : Thời loạn.

P

Phạm-trù = Các vật thể cùng chung một tính-chất , xếp chung một loại (Categorie)

Phản quang = Chiếu dọi trở lại.

Phẫn hừng tâm. Phẫn-uất lòng anh-hùng.

Phù bật = Giúp-đỡ.

Phủ định = Nhất định không.

Phương án = Hướng lệ phải theo.

Phương châm = Đường lối phải theo.

Phương-pháp = Kế-hoạch để thực-hiện.

Q

Quán Thông : Thông-suốt. Nghĩa rộng, Lấy điểm thiết yếu ở nội-dung của một bộ sách hội họp lại mà tìm một sợi dây nhất quán, mạch-lạc, điều lý để diễn ra thành đầu mối cho một học-thuyết.

Quán tưởng: (Contemplation): Suy-tưởng, trầm-tư - quán thông và suy-tưởng.

Hư ảo = Không thật, mập-mờ.

Hư vô = Không gì.

Hướng tâm vận-động: Sự phản-tĩnh của nhân-loại quay về hình thức dân-tộc vận-động.

Hưng diệt kế tuyệt = Dựng lại cái đã bị diệt, nối lại cái đã bị mất.

Hữu thần : Théisme (Tin có thần linh, thượng đế).

K

Kê sát viện = Cơ quan thẩm định kế hoạch h, vạch lối các viên chức và giám sát.

Kế vãng khai lai = Nối về trước, mở ra tương lai.

Kẻ xã chính-sách (Urbanisme) = Nguyên tắc hóa đô-thị với nông-thôn, sự sai khớp giữa thành thị với nông-thôn không còn nữa.

Khải mộng = Mở mang tối-tâm, ngu-dốt.

Khai tịch = Nói về lúc mới có trời đất.

Khắc kỷ hòa nhân: : Nghiêm-ngặt đối chính mình, hòa vui với người.

Khí quyển : (Atmosphere), khí trời.

Khống chế = Làm mất hết tự chủ.

Kim cương : Ý nói, xây đắp một quốc-gia bền-vững và văn-minh.

Kiến chế = Kiến thiết và chế tạo. Phân phối lại tình-trạng cư-ngụ và sản xuất của dân chúng để phù

hợp với nền kinh-tế mới.

Kiến khang = *Khỏe mạnh.*

Kiệt tác = *Bài văn xuất-sắc.*

Kim dong tư bản: *Kim dong: sự lưu-hành tiền-tệ. Trong chế-độ tư-bản, ngân-hàng phối-hợp với tư bản công nghệ bằng cách tín-dụng và đầu-tư tạo thành thế độc chiếm bá quyền kinh-tế.*

Kim tư tháp = *Chỉ tính cách 1 chiều, từ trên xuống.*

Kinh bang tế thế = *Sửa nước giúp đời.*

Kinh doanh = *Xếp-đặt, gây-dụng.*

Kinh hằng = *Luôn-luôn có, không thay-đổi.*

Kỷ cương : *Giềng-mối, trật-tự.*

L

Lịch độ = *Hạn, cỡ phải trải qua.*

Linh-lạc = *Linh : cây cỏ khô heo - Lạc: cây khô lá rụng. Chỉ sự suy bại.*

Luân khoách = *Giới-hạn lãnh-vực.*

Luật tắc = *Khuôn-phép.*

Lược thao: *Phương-pháp dụng binh. Nói rộng, chỉ người mưu trí tài-giỏi.*

Lý tắc: *Lý : lẽ phải, tắc : phép. Nguyên-tắc đúng.*

Lý tính : *Khả-năng phân-biệt phải trái, khả-năng nhận thức tiên thiên (raison)*

M

Mãn thích = *Tràn đầy và thích-ứng.*

Mặc khải: *Khai mở tâm trí một cách mặc nhiên.*

Mê cung (labyrinthe): *Vòng mê-hoặc.*

Mi-hệ : *Mi là trôi-buộc, hệ là mắc vướng, trôi buộc.*

Mi-phộc : *Cùng nghĩa như mi-hệ (phộc : lấy giây mà buộc).*

Môi-trường (Environment) = *Cảnh-trạng chung quanh.*

N

Ngãu-tưởng = *Tình-cờ tưởng-tượng*

Ngụ ngôn: *Lời nói gửi một ý khác.*

Nguyên-cơ = *Cái có lúc đầu.*

Nguyên thủy: *Nguyên = gốc; thủy = bắt đầu. Gốc bắt đầu.*

Nguyên-tắc : *Phép gốc để làm lệ chung. Hồ tương: Cái nọ đối với cái kia.*

Nguyên-tắc công-chế' = *Nguyên-tắc căn-cứ trên cương-thường và chủ đạo nhân loại.*

Nhân sinh: *Sinh hoạt của con người sao cho cứu cánh TRINH - BÌNH - HÒA được thể-hiện, dân-chúng được ấm no, xã -hội được tiến-bộ và nhân-chủ được thành-tựu thì ba hệ thống Phân mệnh - phân công - phân hưởng cần giao-hỗ với nhau.*

- *Mỗi cá nhân có được những cơ-hội, nghĩa-vụ, và quyền-lợi bình-dẳng. Có nhân-cách khi sinh-mệnh cá-thể có đủ điều-kiện sống sinh-lý, sống tâm-lý và sống xã-hội.*

- *Nhân đức là cái đức thuần nhân tính của con người sau khi tu-dưỡng tự thắng. loại trừ chế ngự được vật tính.*

- *Nhân luân là mối tương-quan đối-đãi giữa*

phải gánh-vác.

Tổng cơ = *Sở chính có nhiều cơ-sở.*

Tổng nghiệp (công nghiệp) = *ngành chung của xã-hội người (Văn-hóa là tổng-nghiệp của loài người trong dòng sống.)*

Trắc ẩn = *Thương-xót trong lòng.*

Trăm triệu = *Điềm lành, triệu-chứng tốt.*

Trận doanh = *Lãnh-vực đối tác.*

Trình tự = *Các đoạn đường lần-lượt phải đi qua.*

Truất trắc = *Thăng giáng.*

Trung tâm hội-nghị = *Quốc-hội ngày nay.*

Truy hạch = *Truy-xét và vạch lỗi.*

Trầm tưởng = *Suy-tưởng trầm lặng.*

Tung hợp = *Như chữ tổng-hợp thường dùng.*

Tu chỉnh = *Sửa lại cho ngay-ngắn.*

Tu-ố = *Thấy điều xấu mà biết ghét.*

Tự hào = *Tự cho mình có đủ tài-năng, đức-độ đáng mặt anh hào.*

Tự kỷ = *Chỉ tự chính nó.*

Tự kỷ nguyên nhân (La cause en soi) = *Nguyên nhân chính nơi nó.. Đến khoa-học huấn hồ của nhà Thanh, sở dĩ vượt cao hơn các đời trước chính vì Đái Chấn chú-thích cổ thư đều có phương pháp mực-thước, đều dùng bằng-chứng khách quan. Ba trăm năm nay, sách cổ đời Chu, Tần và Lương Hán, sở-dĩ có thể đọc được không chỉ nhờ có sự hiệu-khám tinh-tế, mà còn nhờ sự huấn-hồ nghiêm-chỉnh.*

Từ nhượng = *Hiền-lành và nhường-nhịn, khiêm-tốn.*

Quốc-tế biên-tế phát-triển: *Phát-triển bờ-cõi quốc tế (?)*

Quy củ: *(Khuôn tròn thước vuông) ý chỉ mẫu-mực.*

Quy hoạch = *Trù-tính mưu kế.*

Qui học = *Ca li học tượng-trưng kiến-trúc của “rùa” bền-vững lâu-dài.*

Năm Hồ: *Một thuyết cho ngũ hồ là Thái Hồ với hồ phụ cận: Tư Hồ, Thao Hồ, Lãi Hồ, Hách Hồ. Thuyết khác cho Ngũ Hồ là Cống Hồ, Tư Hồ, Du Hồ, Lương Hồ và Kim Đỉnh Hồ.*

Quy luật = *Khuôn-phép dạy bảo.*

Quy phạm hành-động: *Phép-tắc trong việc làm.*

Quảng phiếm = *Rộng rãi mà không rõ-rệt.*

S

Sa môn = *Tiếng dịch âm chữ Phạn, nghĩa là người xuất-gia tu đạo Phật.*

Siêu đẳng = *Hướng lên cao, hướng thượng.*

Siêu hình học (Métaphysics) : *Môn học không dựa vào thực-thể.*

Siêu nhiên = *Không lệ thuộc vào tư-tưởng siêu-hình.*

Sinh mệnh = *Dòng sống.*

Sinh mệnh thực-thể : *Dòng sống hiện-thực.*

Sinh Sinh chi vị Dịch : *Dịch là tiếp truyền không ngừng.*

Súc-tích: *Chứa dành được nhiều.*

Sung thực = *Đur vào đầy đủ.*

Suy độn = *Sút kém.*

Sử mệnh = *Dòng sống sử.*

T

Tam phân, tứ công = *Phân mệnh, phân lợi, phân công và tứ công là công bản, công lao, công phối, công độ.*

Tâm đan: *Lòng son.*

Tán thiên địa chi hóa dục = *Dựa vào thiên nhiên mà gây phúc lợi cho nhân sinh.*

Tập đại thành = *Góp lại mà thành.*

Thác loạn = *Loạn trí, cuồng điên.*

Thác thực quốc sách = *Chính sách của quốc gia nhằm mở đất mới cho quốc dân.*

Thánh: Theo Từ Nguyên: “*Không việc gì không thông suốt. Tu dưỡng nhân cách đến chỗ chí cực gọi là thánh.*”

Thánh vương: *Thánh là bậc có đầy đủ các đức tính tốt, vương là bậc tài giỏi thực-hành cái đạo đức của thánh mà phục-vụ nhân dân.*

Thắng nghĩa: *Chính nghĩa tất thắng.*

Thẩm kê = *Xét kỹ mưu chước.*

Thị phi = *Phải, trái.*

Thích tính = *Thích-hợp bản tính, sở-thích của mỗi người.*

Thiết giáo: *Sự đào-tạo chính của quốc gia đối với nhân dân bằng giáo dục.*

Thiết kế = *Đặt kế bày mưu.*

Thiên mệnh = *Mệnh trời.*

Thôi tróc = *(somnambulism) Trạng-thái mộng du.*

Thông chứng = *Chứng-cớ thường thấy được mọi người chấp nhận.*

Thông luận : *Bàn-bạc thông-suốt.*

Thủ đoạn = *Cơ-mưu, tài-lược*

Thủ uyển = *Thủ-đoạn làm việc của con người.*

Thúc phọc = *Buộc lại thành bó.*

Thuế biến : *Biến-đổi theo lối lột xác (như sâu trở thành bướm).*

Thủy tạo = *Những đức-tính ban đầu.*

Thực tại = *Hiện có thật, trái với không tưởng.*

Thực tiễn = *Đứng trên cái thực mà làm.*

Thường hằng = *Thường-xuyên, luôn-luôn.*

Tiềm di mặc-hóa: Dần-dà vì ảnh-hưởng chung quanh.

Tiềm cơ = *Cơ-hội chưa lộ diện.*

Tiềm di mặc hóa = *Dần-dà ảnh-hưởng chung quanh*

Tiềm tại = *Âm-thầm, kín-đáo.*

Tiên kiến = *Thấy xa, hiểu trước.*

Tiêu chuẩn = *Nêu và đích. Cầm cái tiêu để nêu lên làm đích. Cơ-sở để định giá-trị.*

Tiêu tức = *Trái với tích-cực - Nói về sự không có*

Tinh chỉ = *Chỉ-tiêu sáng-suốt.*

Tinh chỉ chế độ = *Chế-độ có chỉ-tiêu sáng-suốt*

Tịnh hóa (purification) = *Làm cho trong sạch (thánh tẩy).*

Tinh thể (l'essence) = *Nguyên-thể, bản-chất.*

Tọa độ = *Tọa : ngôi; độ : cũ. Chỉ vị-trí ở trên mặt phẳng hay không-gian 3 chiều.*

Tổng thể = *Gồm mọi mặt.*

Trách vụ = *Trách : bổn-phận, vụ : việc. Công việc*

- 5- Phạm Việt Châu, “*Trăm Việt Trên Vùng Định Mệnh*”, xb. tại Hos Kỳ năm 1997.
- 6- Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt, “*Vấn Đề Văn Học Dân Gian*”, xuất bản 2011.
- 7- Nguyễn Huy Hân, “*Nguồn Gốc Loài Người*” Bản thảo năm 2008.
- 8- Trần Thái Đạo, “*Mô Hình Kinh Tế Bình Sản*”, tiểu luận.
- 9- Phong Trào Quốc Dân Việt Nam Hành Động, “*Nhân Chủ Học Thuyết*”, Việt Long xuất bản 2000.
- 10- Nguyễn Đăng Thục, “*Lịch Sử Triết Học Đông Phương*”, nhà xb. TPHCM 2001.
- 11- Mai Chi, “*Vẽ Phác Một Hệ Tư Tưởng*”, bản thảo 1994.
- 12- Trần Ngọc Thêm, “*Tìm về Bản Sắc Văn Hóa Việt*”, nhà xb. TPHCM, 2001



Trí thánh hành chữ vương = *Thánh là hiện-thể trên bình diện loài người, nhưng có đầy-đủ mọi đức tính tốt. Vương là bậc tài-giỏi có đức-độ thực hành cái đạo-đức của thánh mà nuôi-nấng nhân dân. Trong toàn thể xã-hội của mình. Vương đạo tức là đường-lối của các bậc thánh vương lấy đức trị dân, khác với đường lối bá đạo, lấy pháp thuật uy-quyền để khống-chế dân.*

Tuyệt cắng : *Trải dài suốt từ đầu này tới đầu kia.*

Tư-duy đối-ứng: *Suy nghĩ về đối nhau, như suy nghĩ về lý âm - dương.*

Ư

Ước pháp = *Luật-pháp để ước-thức nhân-dân.*

V

Vạn vật đồng nhất thể = *Muôn vật đều cùng một thể.*

Văn hóa hiệu suất = *Nói về thành quả:*

- hạnh phúc vật chất.
- khoái lạc tinh thần.
- ổn định lý trí.
- kiện khang sinh lý.
- sáng suốt trí tuệ.

Vi nhi vô vi: *Làm mà không có ý để làm.*

Viêm Hồng: *Danh-hiệu dân-tộc Bách Việt, lấy từ chữ “viêm”, Nam Phương như Viêm bang, Viêm Đế. Hồng = Hồng Bàng, Hồng Lạc.*

Viêm phượng: *Viêm = nóng. Chỉ nước Nam ở phía Nam Trung Hoa.*

Viễn độ giáo trình: *Chương-trình giáo-dục sắp đặt theo một trình tự dài hạn.*

. Vô kỹ, vô công, vô ngôn: *Không vì mình, không ý công lao, không lưu lại ngôn từ, Tỷ như truyện Phù Đổng Thiên vương đẹp giấc xong, cưỡi ngựa bay lên trời, không cần đến công danh, lợi lộc và cũng không để lại ngôn từ.*

Vô nguyên: *Không có nguyên-nhân.*

Vô chấp: *Không cầm giữ, để ý đến.*

Vu khoát :: *Viễn-vông.*

Vương : *Có tài đức làm việc ngay thẳng. Theo triết tự chữ vương nối liền ba kiếp bằng một đường thẳng đứng, hay thống nhất Tam Tài (Trời -m Đất - Người).*

Vương đạo = *Cách làm theo cách chính.*

X

Xã-hội tư lương = *Nói chung chỉ kinh tế xã hội.*

Xuân Thu - Chiến Quốc = *Xuân Thu (770-475 trc. CN) - Chiến Quốc (475 - 221 trc. CN). Thời-kỳ chuyển tiếp từ chế-độ chiếm hữu nô-lệ sang phong-kiến đế-chế ở Trung Hoa.*

Xuất lộ = *Con đường tương lai hiện ra.*



Sách Trích Dẫn & Tham Khảo

- 1- Phan Bội Châu, “*Việt Nam Vong Quốc Sử*”, nhà xuất bản Văn Sử Địa, 1957.
- 2- X. Y. Thái Dịch Lý Đông A:
 - “*Đạo Trường Ngâm*” Duy Dân Học Xã in xong 1967.
 - “*Huyết Hoa*” Nhà xuất bản Gió Đáy, xb. 1967 tại Sài Gòn.
 - “*Huyết Hoa*” Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Dân Tộc Việt, xb. 1986 tại Hoa Kỳ.
 - “*Việt Duy Dân Đảng Tuyên Ngôn Ngày Thành lập Tổng Đảng Bộ*”.
 - “*Chu Tri Lục*”, Nhà Xuất Bản Gió Đáy”, 1967 tại Sài Gòn.
 - “*Duy Nhân Cương Thường*”, Nhà xuất bản Gió Đáy, 1969 tại Sài Gòn
 - “*Nền Triết Học Chính Thống*”, tài liệu chụp lại từ bản đánh máy..
- 3- Thái Phương, “*Tìm Hiểu Chủ Nghĩa Duy Dân*” Bản thảo năm 1990.
- 4- Vô Ngã Phạm Khắc Hàm, “*Triết Lý Lý Đông A*”, Bản thảo, 1998.

Tham Khảo Sách Ngoại Quốc:

- 1-Arthur Cotterell and David Margan, “*China’s Civilization*”, Praeger Publishers, New York, 1975.
- 2-Wolfram Eberhard, “*A History of China*”, University of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1971.
- 3-Herold J. Wiens, “*Han Chinese Expansion on South China*”, The Shoe String Press Inc. 1967.
- 4-Henneth Scott Latourette, “*The Chinese Their History and Culture*”, New York, The Macmillan Co.. 1954.

*Thư-từ và ngân phiếu
xin gửi về:*

Ô. Đình Khang Hoạt
900 S. Pueblo St.
Gilbert, AZ. 85233

Email: hoatkdingh@gmail.com

*Copyright ©2017 by Duy Khang
All rights reserved*